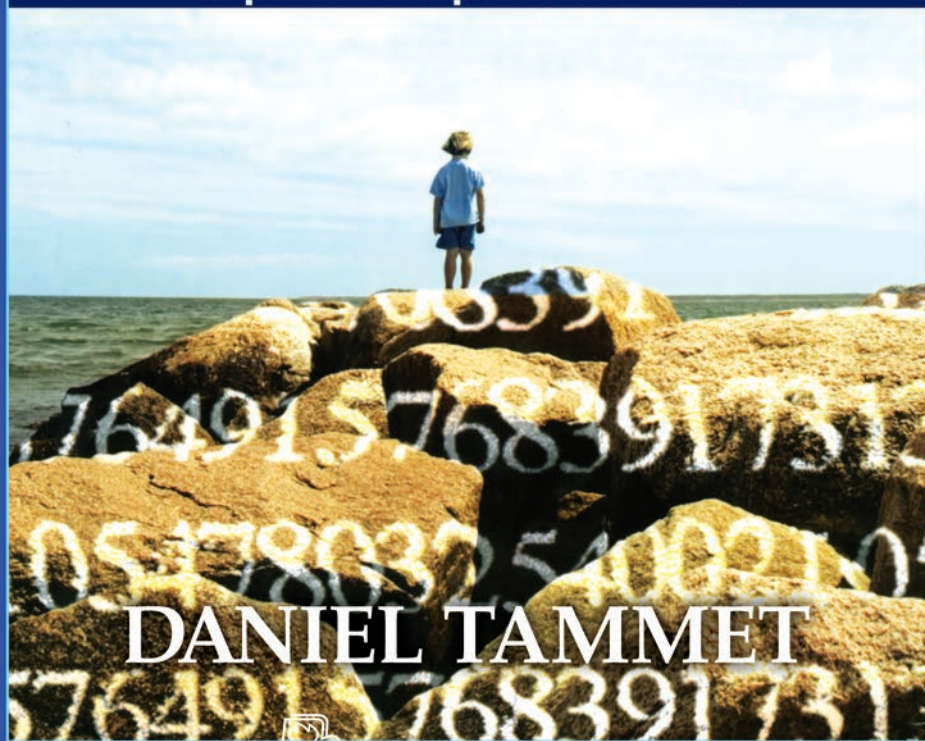


KHOA HỌC KHÁM PHÁ

SINH VÀO NGÀY XANH

BORN ON A BLUE DAY

TỰ TRUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI TỰ KỶ
MỘT TRÍ TUỆ PHI THƯỜNG



DANIEL TAMMET



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

SINH VÀO NGÀY XANH

BORN ON A BLUE DAY. Copyright © 2006 by Daniel Tammet.
Copyright arranged with: Daniel Tammet, c/o Andrew Lownie Literary Agency Ltd,
36 Great Smith St, London, SW1P 3BU through Tuttle-Mori Agency Co., Ltd.
Bản tiếng Việt © Nhà xuất bản Trẻ, 2010

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Tammet, Daniel, 1979-

Sinh vào ngày xanh / Daniel Tammet ; ng.d. : Phạm Ngọc Diệp, Nguyễn Dung. - T.P.
Hồ Chí Minh : Trẻ, 2010.

222tr. ; 20,5cm. - (Khoa học và khám phá).

Nguyên bản : Born a blue day.

1. Tammet, Daniel, 1979- — Sức khỏe tâm thần. 2. Tự kỷ — Bệnh nhân — Anh — Tiểu
sử. 3. Nhà bác học (Hội chứng bác học) — Anh — Tiểu sử. I. Phạm Ngọc Diệp d. II. Nguyễn
Dung d. III. Ts: Born on a blue day.

362.196858820092 — dc 22
T158

SINH VÀO NGÀY XANH

TỰ TRUYỆN CỦA MỘT NGƯỜI TỰ KỶ
MỘT TRÍ TUỆ PHI THƯỜNG



DANIEL TAMMET

Chủ biên: Nguyễn Văn Liễn - Phạm Văn Thiều - Vũ Công Lập
Phạm Ngọc Diệp và Nguyễn Dung dịch

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

*Kính tặng cha mẹ tôi
những người giúp tôi được như ngày hôm nay
Thân tặng Neil vì luôn ở bên tôi*



Những con số chín màu xanh và những từ màu đỏ

TÔI SINH VÀO NGÀY 31 THÁNG GIÊNG NĂM 1979 – THỨ TƯ. Tôi biết đó là thứ Tư vì trong tâm trí tôi, thứ Tư luôn xanh giống như số chín hay những tiếng ồn ào lớn của các cuộc cãi vã. Tôi thích ngày sinh của mình vì tôi thấy đó là các con số có hình dạng nhẵn nhụi, tròn trịa như những hòn sỏi trên bãi biển. Và bởi vì các số này là các số nguyên tố (số chỉ chia hết cho 1 và chính nó): 31, 19, 197, 79 và 1979. Tôi có thể nhận ra tất cả các số nguyên tố từ 1 đến 9973 qua đặc tính “hòn sỏi” của chúng. Đó đơn giản là cách mà não tôi hoạt động.

Tôi mắc phải một hội chứng hiếm gặp gọi là hội chứng bác học. Hội chứng này ít được biết đến cho đến khi bộ phim đoạt giải Oscar năm 1988 *Người đàn ông trong mưa* (Rain Man) được trình chiếu, trong đó nhân vật chính, Raymond Babbitt, do diễn viên Dustin Hoffman đóng, cũng mắc phải hội chứng này. Giống như vai diễn của Hoffman, tôi bị ám ảnh về thứ tự và thói quen, điều này ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống của tôi. Ví dụ, mỗi sáng tôi chỉ ăn đúng 45 gam cháo; tôi cân bát cháo bằng cân điện tử để đảm bảo độ chính xác. Sau đó

tôi đếm quần áo sẽ mặc trước khi rời khỏi nhà. Tôi cảm thấy day dứt nếu không uống được tách trà vào cùng một thời điểm trong ngày. Mỗi khi quá căng thẳng tôi cảm thấy ngộp thở, khi đó tôi nhắm mắt lại và đếm. Suy nghĩ về các con số giúp tôi bình tĩnh trở lại.

Những con số là bạn của tôi, chúng luôn ở bên tôi. Đối với tôi, mỗi một số là duy nhất, có “nhân cách” của nó. Số mười một thì thân thiện, số năm thì âm ỉ, trong khi đó số bốn thì nhút nhát và trầm lặng – số yêu thích của tôi, có lẽ bởi nó thể hiện tính cách của tôi. Có những số thì to lớn – 23, 667, 1179 – trong khi các số khác lại nhỏ bé như: 6, 13, 581. Có số thì đẹp, như 333, có số lại xấu xí, như 289. Đối với tôi, mọi số đều đặc biệt.

Bất kể khi đi đâu hay làm gì các con số luôn thường trực trong suy nghĩ của tôi. Trong một cuộc phỏng vấn với David Letterman ở New York, tôi đã nói với David là anh ấy giống như số 117 – gầy và cao lêu nghêu. Một lần tại quảng trường Times, tôi ngược nhìn lên một tòa nhà chọc trời và cảm thấy bị bao vây bởi những con số chín – con số tôi liên tưởng tới mỗi khi nghĩ tới những vật to lớn.

Các nhà khoa học gọi khả năng nhìn các con số có hình, có cảm xúc là đồng giác (một dạng trộn lẫn các giác quan thần kinh), hội chứng này thường tạo ra khả năng nhìn các chữ cái và/hoặc các số dưới dạng màu sắc. Trường hợp của tôi hiếm gặp và phức tạp hơn, tôi nhìn thấy các con số dưới dạng các hình, có màu sắc, có cấu trúc và có chuyển động. Ví dụ, số một thì lấp lánh và sáng trắng giống như có ai đó chiếu ánh sáng ngọn đuốc vào mắt tôi. Số năm như tiếng rền vang của sấm hoặc tiếng sóng biển vỗ vào bờ đá. Số ba mươi bảy thì lổn nhổn như cháo, trong khi số tám mươi chín thì gọi cho tôi về hình ảnh những bông tuyết rơi.



37



89

Có lẽ trường hợp nổi tiếng nhất mắc hội chứng đồng giác là nhà báo Shereshevsky, một người có trí nhớ phi thường. Nhà tâm lý học người Nga A.R.Luria đã theo dõi trường hợp này trên ba mươi năm từ những năm 1920. “S”, như Luria gọi trong ghi chép của ông cho cuốn sách *Trí tuệ của người có trí nhớ phi thường*, có trí nhớ hình ảnh tuyệt vời, cho phép anh “nhìn” thấy các từ và các số dưới dạng các hình và màu sắc khác nhau. “S” có thể nhớ một ma trận 50 phần tử ngay lập tức và nhiều năm sau đó sau khi xem xét nó trong vòng ba phút. Luria cho rằng đồng giác là cơ sở cho trí nhớ tức thời và dài hạn đặc biệt của Shereshevsky.

Nhờ những trải nghiệm kết hợp các giác quan, từ khi còn là một cậu bé giống như nhân vật Raymond Babbitt tôi đã có khả năng xử lý và tính toán các con số lớn trong đầu một cách dễ dàng. Thực tế nhiều người khác cũng có khả năng như thế (đôi khi họ được gọi là các “máy tính siêu tốc”). Tiến sĩ Darold Treffert, một nhà vật lý trị liệu bang Wisconsin, Hoa Kỳ, một chuyên gia hàng đầu về nghiên cứu hội chứng bác học, đưa ra một ví dụ, về một người đàn ông mù với “khả năng tính toán phi thường” trong cuốn sách *Người phi thường*:

Khi được hỏi có bao nhiêu hạt ngô trong 64 hộp, trong đó có 1 hạt trong hộp thứ nhất, 2 hạt trong hộp thứ hai, 4 hạt trong hộp thứ ba, 8 hạt trong hộp thứ tư và cứ tiếp tục với quy luật như thế, ông đã ngay lập tức đưa ra đáp án cho hộp thứ mười bốn (8.192), cho hộp thứ mười tám (131.072) và cho hộp thứ hai mươi tư (8.388.608) và cho

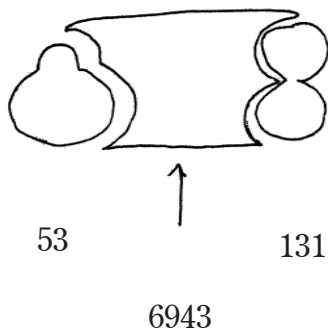
hộp thứ năm mươi tám (140.737.488.355.328) trong 6 giây. Ông cũng đưa ra tổng số hạt trong tất cả 64 hộp (18.446.744.073.709.551.616) một cách chính xác trong sáu mươi lăm giây.

Phép tính yêu thích của tôi là lũy thừa. Đó là phép nhân một số với chính nó sau một số lần xác định. Nhân một số với chính nó được gọi là bình phương; ví dụ bình phương của 72 là $72 \times 72 = 5.184$. Trong đầu tôi, bình phương luôn là hình đối xứng do đó chúng đặc biệt đẹp đối với tôi. Nhân một số với chính nó ba lần được gọi là lập phương hoặc gọi là tam thừa. Lập phương hoặc tam thừa của 51 tương đương với $51 \times 51 \times 51 = 132.651$. Tôi nhìn thấy mỗi kết quả của một phép lũy thừa là một hình riêng biệt trong đầu. Khi các phép toán và kết quả lớn lên, các hình và màu tôi cảm nhận được cũng trở nên phức tạp hơn. Tôi nhìn thấy số ba mươi bảy lũy thừa năm – $37 \times 37 \times 37 \times 37 \times 37 = 69.343.957$ – là một hình tròn lớn tạo bởi các hình tròn nhỏ chạy theo chiều kim đồng hồ.

Khi chia một số cho một số khác, trong đầu tôi nhìn thấy một hình xoắn ốc chạy xuống theo các đường vòng ngày càng rộng hơn, hình xoắn ốc dường như bị cong và oằn đi trong phép chia. Những phép chia khác nhau tạo nên những hình xoắn ốc với kích cỡ và những đường cong khác nhau. Trong tưởng tượng, tôi có thể tính một phép chia như $13 \div 97$ (0,1340206...) đến một trăm số sau dấu phẩy.

Tôi không bao giờ sử dụng giấy bút khi tính toán vì tôi có thể tính nhẩm và nhìn thấy kết quả nhờ hình ảnh đồng giác. Với tôi, điều đó dễ dàng hơn so với việc sử dụng các phương pháp tính toán thông thường được dạy trong các sách giáo khoa ở trường. Khi làm phép tính nhân, tôi nhìn thấy số nhân và số bị nhân dưới dạng các hình phân biệt. Các hình thay đổi hợp lại thành hình thứ ba – tạo nên kết quả

đúng. Quá trình tính diễn ra trong giây lát và xảy ra đồng thời. Giống như làm toán mà không cần phải nghĩ.



Theo minh họa trên, số 53 được nhân với 131. Tôi nhìn thấy số nhân và số bị nhân có hình dạng riêng biệt nằm đối diện nhau. Khoảng không giữa hai hình tạo ra hình thứ ba mà tôi thấy là một số mới: 6.943, là kết quả của phép nhân.

Với mỗi phép nhân khác nhau, tôi nhìn thấy các hình khác nhau và có cảm giác hoặc tình cảm khác nhau với mỗi số. Khi tôi nhân một số với số mười một, tôi luôn có cảm giác các con số nhảy xuống đầu mình. Tôi thấy khó nhớ nhất trong các số là số sáu vì tôi thấy nó là những chấm đen nhỏ, không có hình dạng riêng biệt và không có cấu trúc. Tôi thấy nó giống như những kẻ hở hoặc lỗ nhỏ. Tôi có cái nhìn và đôi khi có tình cảm đối với mọi số cho đến 10.000, chúng giống những từ vựng số của riêng tôi. Và giống như các nhà thơ khi lựa chọn từ, tôi thấy sự kết hợp một số số này đẹp hơn sự kết hợp của một số số khác: số một kết hợp tốt với các số tối hơn như số tám và chín, nhưng không tốt lắm với số sáu. Với tôi, một số điện thoại chứa dãy số 189 đẹp hơn nhiều so với số chứa dãy số 116.

Cảm giác đồng giác của tôi cũng bị ảnh hưởng. Nếu nhìn thấy một số mà tôi cảm thấy đặc biệt đẹp ở một cửa hàng hoặc trên một biển

số xe, tôi cảm thấy rất hào hứng và thoải mái. Ngược lại, nếu các số trông không giống cách tôi nhìn thấy chúng, ví dụ khi nhìn thấy một bảng giá ghi “99£” màu đỏ hoặc xanh lá cây (thay vì màu xanh da trời) tôi cảm thấy không thoải mái và bức bối.

Người ta không biết có bao nhiêu người mắc hội chứng đồng giác để có thể giúp họ phát triển lĩnh vực mà họ nổi trội. Một trong những lý do là nhiều người trong số họ, giống như Raymond Babbitt, bị tổn thương nặng nề về trí tuệ và/hoặc thể chất, làm cho họ không thể giải thích được cho người khác làm sao họ có thể làm được điều khác thường như vậy. Tôi may mắn không bị tổn thương nghiêm trọng thường có ở những người có khả năng như mình.

Giống như những người mắc phải hội chứng bác học khác, tôi cũng bị tự kỷ. Tôi bị hội chứng Asperger, một dạng tự kỷ nhẹ, cứ 300 người Anh thì có 1 người mắc hội chứng này. Theo một nghiên cứu năm 2001 do Hiệp hội Tự kỷ Anh thực hiện, gần như một nửa người trưởng thành mắc hội chứng Asperger không được phát hiện cho đến mười sáu tuổi. Cuối cùng, sau các bài kiểm tra và phỏng vấn tại Trung tâm Nghiên cứu Tự kỷ Cambridge, tôi được phát hiện mắc hội chứng này ở tuổi hai mươi lăm.

Tự kỷ, trong đó có hội chứng Asperger, được xác định bởi những thiếu hụt ảnh hưởng đến tương tác xã hội, liên lạc và trí tưởng tượng (ví dụ, có vấn đề với sự vật trừu tượng, linh động trong suy nghĩ và sự thông cảm). Chẩn đoán tự kỷ không dễ. Không thể phát hiện chứng tự kỷ bằng cách thử máu hoặc chụp não; các bác sĩ phải quan sát hành động và nghiên cứu quá trình phát triển của bệnh nhân từ khi còn nhỏ.

Một người mắc chứng Asperger thường có khả năng ngôn ngữ tốt và có khả năng sống tương đối bình thường. Nhiều người thậm chí có chỉ số IQ cao hơn mức trung bình và xuất sắc trong một vài lĩnh vực liên quan đến

lôgic hoặc tư duy bằng hình ảnh. Cũng giống như các dạng tự kỷ khác, Asperger là một bệnh tác động đến nam nhiều hơn nữ (khoảng 80% người mắc chứng tự kỷ và 90% người bị chứng Asperger là đàn ông). Khả năng tập trung cao độ của người tự kỷ giúp họ có thể phân tích chi tiết, xác định được các quy luật và mẫu trong các hệ thống. Những người tự kỷ thường có khả năng đặc biệt liên quan đến trí nhớ, con số và toán học. Người ta không biết chắc chắn nguyên nhân nào gây ra tự kỷ, dù biết đó là căn bệnh bẩm sinh.

Từ khi có thể nhớ được, tôi thấy các con số dưới dạng hình ảnh. Chúng là ngôn ngữ đầu tiên của tôi. Thứ ngôn ngữ mà tôi thường nghĩ đến. Tôi không hiểu lắm thế nào là cảm xúc và phải phản ứng với nó làm sao. Do đó, tôi thường sử dụng các con số để giúp mình. Nếu một người bạn than rằng anh ấy cảm thấy buồn chán, tôi hình dung mình đang ngồi trong một khoảng tối của số sáu. Cách tư duy như vậy giúp tôi hiểu và trải nghiệm được những loại cảm xúc như thế. Nếu đọc một bài báo về một người cảm thấy bức bối một điều gì đó, tôi tưởng tượng mình đứng cạnh số chín. Khi ai đó nói rằng họ đến thăm một nơi tươi đẹp, tôi tưởng tượng về những cảnh đẹp tạo nên bởi những con số và hồi tưởng về cảm giác hạnh phúc khi thấy cảnh đó. Bằng cách đó, thực tế các con số đã giúp tôi tiến gần hơn đến việc hiểu người khác.

Đôi khi, lần đầu tiên gặp một ai đó, ngay lập tức họ gọi cho tôi nghĩ đến một số xác định. Điều đó giúp tôi cảm thấy thoải mái khi bên họ. Người đó có thể rất cao làm tôi nhớ đến số chín hoặc béo làm tôi liên tưởng đến số ba. Tôi sẽ đếm nhẩm nếu cảm thấy không vui, lo âu hoặc đối mặt với trường hợp mà tôi chưa từng trải qua (khi cảm thấy căng thẳng và không thoải mái). Khi đếm, các số trong tâm trí tôi hình thành nên các hình ảnh và hoa văn một cách hài hòa tạo nên

cảm giác an toàn. Do đó, tôi có thể thư giãn và phản ứng lại với bất kỳ tình huống nào gặp phải.

Nghĩ về lịch luôn làm cho tôi cảm thấy thoải mái vì ở đó ta có thể tìm thấy cả các con số và hoa văn cùng một chỗ. Mỗi ngày trong tuần gọi cho tôi về một màu và tình cảm khác nhau: thứ Ba có màu ấm, trong khi thứ Năm lại mờ nhạt. Tính toán lịch – khả năng chỉ ra ngày nào đó đã hoặc sẽ rơi vào thứ mấy trong tuần – là khả năng có ở rất nhiều người mắc hội chứng bác học. Tôi nghĩ điều này có thể do thực tế là ngày tháng tuân theo quy luật có thể dự đoán được và chúng tạo nên các họa tiết khác nhau. Ví dụ, ngày thứ mười ba trong tháng luôn luôn rơi vào ngày trước ngày đầu tháng hai ngày bất kể nó rơi vào thứ nào, hơn nữa nhiều tháng có đặc điểm giống nhau như tháng Giêng và tháng Mười, tháng Chín và tháng Mười hai và tháng Hai và tháng Ba (ngày đầu tiên của tháng Giêng trùng với ngày đầu tiên của tháng Mười). Do đó, nếu ngày đầu tiên của tháng Giêng trong một năm nào đó rơi vào thứ Năm có cấu trúc mờ nhạt trong đầu tôi thì ngày mười ba tháng Mười sẽ rơi vào thứ Ba và là một ngày có màu ấm áp.

Trong cuốn sách *Người đàn ông nhảm vợ mình với một cái mũ*, nhà văn, nhà thần kinh học Oliver Sacks lấy ví dụ về những người mắc hội chứng bác học có khả năng tính lịch, ông đã đề cập đến một trường hợp hai anh em sinh đôi bị tự kỷ nặng là John và Michael. Mặc dù không thể chăm sóc được chính bản thân họ (họ đã được đưa đến nhiều viện nghiên cứu từ khi lên bảy) nhưng cặp song sinh này có thể chỉ ra thứ trong tuần cho bất kỳ ngày nào trong giới hạn 40.000 năm.

Sacks mô tả, John và Michael có thể thích thú với trò chơi mỗi người lần lượt nói ra một số nguyên tố trong hàng giờ liền. Cũng giống như cặp song sinh này, tôi luôn bị lôi cuốn bởi các số nguyên tố. Tôi thấy mỗi số nguyên tố là một hình nhấn nhụ và có cấu trúc, khác với các hợp số (không phải là số nguyên tố) thường gai góc và khó phân biệt.

Mỗi khi xác định một số là số nguyên tố, một cảm giác khác lạ dâng trào trong đầu tôi (ở phần trung tâm phía trước) khó diễn tả thành lời. Đó là một cảm giác đặc biệt, giống như khi bị chích bởi một cái kim hay đinh.

Thỉnh thoảng, tôi nhắm mắt lại và tưởng tượng về tập hợp ba mươi, năm mươi hay một trăm số đầu tiên như tôi thấy chúng trong không gian một cách đồng giác. Sau đó, tôi thấy các số nguyên tố nổi lên, đẹp và đặc biệt nhờ vào hình dạng khác biệt của chúng so với các số khác. Vì lý do này mà tôi luôn ngắm nhìn, ngắm nhìn và lại ngắm nhìn chúng; giữa số nguyên tố cũng có sự khác biệt rõ rệt. Sự khác biệt của các số nguyên tố so với các số khác làm tôi có thể phân biệt chúng một cách dễ dàng và chúng trở nên rất thú vị với tôi.

Có những khoảnh khắc, khi chìm vào giấc ngủ, tâm trí tôi đột nhiên bị choán đầy bởi ánh sáng và thứ duy nhất tôi có thể nhìn thấy được là các con số – có hàng trăm, hàng nghìn số – trôi nhanh qua mắt tôi. Điều đó thật đẹp và ấn tượng. Nhiều đêm khó ngủ, tôi tưởng tượng mình đang đi bộ trước một quang cảnh được tạo nên từ các con số. Bằng cách đó tôi cảm thấy an toàn và vui vẻ. Tôi không bao giờ cảm thấy bị lạc trong các cảnh tượng đó vì có các số nguyên tố ở đó giống như những cột mốc.

Các nhà toán học cũng vậy, họ dành rất nhiều thời gian nghiên cứu về các số nguyên tố, một phần vì không có phương pháp nào nhanh hoặc đơn giản để có thể kiểm tra một số xem có phải là số nguyên tố hay không. Phương pháp hiệu quả nhất gọi là *Cái sàng của Eratosthenes* đặt theo tên một học giả người Hy Lạp, Eratosthenes – công dân của thành phố Cyrene. Phương pháp sàng được thực hiện như sau: viết những số bạn muốn thử, ví dụ từ 1 đến 100. Bắt đầu với số 2 (vì 1 không phải là số nguyên tố cũng không phải hợp số), gạch hết các số chia hết cho 2 như: 4, 6, 8... cho đến 100. Sau đó chuyển

sang số 3, gạch các số chia hết cho 3 như: 6, 9, 12... sau đó chuyển đến số 5, gạch hết các số chia hết cho 5 như: 10, 15, 20... và cứ như thế cho đến khi chỉ còn lại một vài số không bao giờ bị gạch: 2, 3, 5, 7, 11, 13, 17, 19, 23, 29, 31... Các số này là các số nguyên tố; thành phần xây dựng nên thế giới số của tôi.

X	2	3	X	5	X	7	X	X	X
11	X	13	X	X	X	17	X	19	X
X	X	23	X	X	X	X	X	29	X
31	X	X	X	X	X	37	X	X	X
41	X	43	X	X	X	47	X	X	X
X	X	53	X	X	X	X	X	59	X
61	X	X	X	X	X	67	X	X	X
71	X	73	X	X	X	X	X	79	X
X	X	83	X	X	X	X	X	89	X
X	X	X	X	X	X	97	X	X	100

Đồng giác cũng ảnh hưởng đến việc lĩnh hội từ và ngôn ngữ của tôi. Ví dụ, từ “cái thang” có đặc tính xanh và tỏa sáng, còn “cái vòng” lại mềm và trắng. Điều đó cũng xảy ra khi tôi đọc các từ trong ngôn ngữ khác như: *jardin*, từ tiếng Pháp có nghĩa là vườn, có màu vàng nhạt trong khi từ *hnugginn* – tiếng Iceland có nghĩa là “buồn” – thì trắng và có nhiều đốm nhỏ xanh. Các nhà nghiên cứu đồng giác cho rằng màu của từ có xu hướng lấy màu của chữ cái đầu tạo nên từ đó. Nhìn chung, điều này đúng đối với tôi: *sữa chua* (yoghurt) là một từ màu vàng (yellow), *video* màu tím (có lẽ liên hệ với từ màu tím trong tiếng Anh là *violet*) và *gate* (cổng) màu xanh lá cây (green). Tôi có thể biến đổi màu sắc của từ bằng cách thêm vào trước từ đó một chữ cái khác để có một từ mới: *at* (tại đâu đó) là một từ màu đỏ, nhưng thêm chữ *h* thành chữ *hat* (cái mũ) sẽ trở thành một từ màu trắng. Nếu sau đó thêm chữ *t* thành từ *that* (đại từ chỉ định: kia), màu của từ này lại là màu da cam. Không phải tất cả các từ bắt đầu bởi cùng một chữ cái đều có màu giống nhau, ví dụ như mọi chữ bắt đầu bằng chữ *a*

không phải luôn luôn là màu đỏ, hay mọi chữ bắt đầu bằng *w* đều là màu xanh đậm.

Một số từ phù hợp hoàn toàn với những thứ chúng mô tả. Ví dụ, *quả mâm xôi* (raspberry) là một từ màu đỏ (red) và đỏ cũng là một loại hoa quả màu đỏ, *cỏ* (grass) và *kính* (glass) là các từ màu xanh mô tả những thứ màu xanh. Từ bắt đầu bằng chữ *t* thì luôn là màu da cam giống như hoa tulip hoặc *con hổ* (tiger) hoặc *cây* (tree) vào mùa thu, khi lá chuyển sang màu vàng.

Ngược lại, có nhiều từ không phù hợp với những thứ mà chúng mô tả: *con ngỗng trắng* (geese) là từ màu xanh, nhưng ngỗng lại có màu trắng (đối với tôi có lẽ thay từ này bằng từ *heese* sẽ phù hợp hơn), từ *white* (trắng) lại có màu xanh, trong khi *orange* (màu cam) lại trong và sáng như pha lê. *Four* (số bốn) là một từ màu xanh nhưng đối với tôi nó lại là một số được cấu tạo bởi các điểm. Màu rượu vang (một từ màu xanh) được mô tả tốt hơn trong tiếng Pháp *vin*, có màu tím.

Nhìn các từ với màu sắc và cấu trúc khác nhau giúp tôi nhớ tốt hơn về các tên và sự kiện. Ví dụ, tôi nhớ tay đua chiến thắng mỗi chặng trong giải Tour de France thì đoạt áo vàng (yellow jersey) chứ không phải xanh lá cây, đỏ hay xanh da trời, vì từ *jersey* (áo) với tôi có màu vàng tối. Cũng giống như vậy, tôi có thể nhớ cờ của Phần Lan (Finland) có chữ thập xanh (trên nền trắng) vì từ *Finland* có màu xanh (giống như tất cả các từ bắt đầu bằng chữ *f*). Khi lần đầu tiên gặp ai đó, tôi thường nhớ tên họ nhờ màu sắc tên của họ: Richards màu đỏ, Johns màu vàng và Henrys màu trắng.

Đồng giác cũng giúp tôi học ngoại ngữ một cách nhanh chóng và dễ dàng. Hiện tại tôi biết mười ngoại ngữ: tiếng Anh (tiếng mẹ đẻ), Phần Lan, Pháp, Đức, Lithuan, Quốc tế ngữ (Esperanto), Tây Ban Nha, Rumani, Iceland và xứ Wales. Liên hệ màu sắc và cảm xúc khác nhau của mỗi từ với ý nghĩa của nó giúp tôi có thể sử dụng chúng tốt hơn. Ví dụ, một từ trong

tiếng Phần Lan *tuli* có màu đỏ tối và nó có nghĩa là *lửa*. Khi đọc hoặc nghĩ về từ này tôi nhìn thấy màu đỏ trong đầu và do đó ngay lập tức gọi ra nghĩa của từ. Một ví dụ khác là từ *gweilgi* trong tiếng của xứ Wales có màu xanh lá cây và xanh đậm và có nghĩa là *biển*. Tôi nghĩ đây là một từ rất hợp để mô tả màu nước biển. Tiếp nữa, một từ trong tiếng Iceland *rókkur* có nghĩa là *lấp lánh* hoặc *mờ mờ*. Đó là một từ đỏ thẫm và khi nhìn từ này tôi nghĩ về một buổi hoàng hôn đỏ.

Tôi nhớ, khi còn là một đứa trẻ, một lần đến thư viện, tôi đã dành hàng tiếng đồng hồ xem hết cuốn sách này đến cuốn sách khác, cố gắng một cách vô vọng để tìm ra cuốn nào đó có tên mình. Vì có quá nhiều sách trong thư viện, với rất nhiều tên khác nhau, cuối cùng, tôi tự cho là một trong các cuốn sách – có thể ở đâu đó – có tên tôi. Hồi đó, tôi không biết rằng tên một người xuất hiện trên một cuốn sách vì họ đã viết ra nó. Bây giờ, khi hai mươi sáu tuổi tôi đã hiểu rõ hơn việc này. Nếu muốn tìm cuốn sách của mình thì mình phải viết ra nó trước đã.

Viết về cuộc đời của mình là cơ hội nhìn lại quãng đời tôi đã đi qua, và lần lại những ngã rẽ cuộc đời đến nay của mình. Nếu mười năm trước, ai đó nói với cha mẹ tôi rằng: tôi có thể sống hoàn toàn độc lập, có tình yêu và sự nghiệp, tôi nghĩ cha mẹ sẽ không tin điều đó và ngay chính bản thân mình tôi cũng không tin. Cuốn sách này kể cho bạn biết, tôi đã đạt được những thứ đó như thế nào.

Steven, em trai tôi, gần đây cũng được chẩn đoán bị tự kỷ dạng hoạt động cao như tôi. Ở tuổi mười chín, nó đang phải trải qua rất nhiều thử thách mà tôi đã từng trải qua, từ những nỗi hoang mang, cảm giác cô đơn và sự lo lắng bất định. Khi tôi còn là một đứa trẻ, các bác sĩ chưa biết về hội chứng Asperger cho đến tận năm 1994, do đó trong nhiều năm tôi lớn lên mà không hiểu tại sao mình lại khác biệt

so với bạn bè cùng trang lứa và thế giới quanh mình. Viết về những trải nghiệm của mình là một người tự kỷ, tôi hy vọng có thể giúp các bạn trẻ khác bị tự kỷ dạng hoạt động cao, giống như Steven, cảm thấy đỡ bị cô lập hơn và tự tin vào những kiến thức, cuối cùng có thể giúp họ có được một cuộc sống hạnh phúc và hiệu quả. Tôi sống để khẳng định điều đó.



Thời thơ ấu

ĐÓ LÀ MỘT BUỔI SÁNG THÁNG GIÊNG, rét cắt da cắt thịt tại phía Đông London. Mẹ tôi, Jennifer đang mang bầu tôi nặng nề, ngồi yên lặng nhìn ra ngoài khung cửa sổ lớn duy nhất trong căn phòng, dưới kia, con đường phủ đầy tuyết, trắng trời. Cha tôi, một người luôn dậy sớm, bước vào nhà với một tờ nhật báo mới mua ngoài sạp, rất ngạc nhiên khi thấy mẹ tôi đã thức dậy. Lo lắng có chuyện gì đó xảy ra, cha lặng lẽ lại gần nắm tay mẹ. Mẹ dường như vẫn mệt mỏi, giống vài tuần qua, lặng lẽ với cái nhìn thờ ơ. Từ từ mẹ quay về phía cha, khuôn mặt đầy xúc động trong khi tay vẫn ôm nhẹ quanh bụng, mẹ nói: “Cho dù có điều gì xảy ra đi nữa, chúng ta sẽ vẫn yêu nó, chỉ yêu nó thôi anh nhé”. Mẹ bắt đầu khóc, cha siết chặt tay mẹ, gật nhẹ.

Khi còn là một đứa trẻ, mẹ đã luôn coi mình là một người ngoài gia đình; mẹ vẫn nhớ hồi còn nhỏ, các anh trai của mẹ đã quá lớn nên không thể cùng chơi với mẹ (họ đã rời nhà từ khi mẹ vẫn còn đang bé xíu) còn cha mẹ thì nghiêm khắc và không gần gũi. Không nghi ngờ gì, mọi người yêu mẹ nhưng mẹ không cảm nhận được điều đó. Những hồi ức tuổi thơ đầy cảm xúc lẫn lộn vẫn còn ám ảnh thường trực sau ba mươi năm.

Ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên, cha đã dành hết tình cảm cho mẹ, đầu tiên là quen nhau qua những người bạn chung sau đó là những buổi hẹn hò lãng mạn, cuối cùng họ quyết định sống chung với nhau. Cha không có nhiều thứ dành cho mẹ, ngoài sự tận tâm, ông nghĩ thế.

Khi còn trẻ, cha đã một mình nuôi dạy các em khôn lớn, bà nội đã ly dị ông nội và luôn làm việc xa nhà dài hạn. Mười tuổi, cha phải đảm nhiệm việc chăm sóc các em khi cả gia đình phải chuyển đến khu nhà dành cho người vô gia cư. Cha không có nhiều thời gian cho việc học hành ở trường lớp cũng như những mong muốn, ước mơ tuổi thơ. Sau này nhớ lại, những ngày gặp mẹ tôi là những ngày hạnh phúc nhất cuộc đời ông. Mặc dù ở những hoàn cảnh rất khác nhau nhưng cha mẹ đã dành cho nhau tình cảm đặc biệt nhất và vượt lên mọi khó khăn, cha mẹ không mong gì hơn dành những điều tốt đẹp nhất cho tôi.

Một vài ngày sau cuộc nói chuyện đầy xúc động, mẹ tôi lại tiếp tục đi làm. Tối hôm đó khi cha trở về nhà, cha thấy mẹ đang vật lộn với cơn đau. Mẹ đã đợi cha, sợ hãi khi nghĩ phải đến bệnh viện một mình mà không có cha bên cạnh. Cha gọi xe cấp cứu, quần áo vẫn nồng mùi dầu mỡ từ xưởng thép, nơi cha làm việc, ông đến bệnh viện cùng mẹ. Ca để diễn ra nhanh chóng và tôi chào đời với cân nặng dưới 2,7 kg.

Người ta nói rằng sự ra đời của một đứa trẻ làm thay đổi mọi thứ, và chắc chắn sự ra đời của tôi đã làm thay đổi cuộc đời cha mẹ tôi mãi mãi. Tôi là đứa con đầu lòng, vì thế, một cách tự nhiên cha mẹ hy vọng rất nhiều vào tương lai của tôi, thậm chí trước khi sinh tôi. Mẹ đã dành cả tháng say sưa chuẩn bị cho ngày sinh nhật đầu tiên của tôi, số tạp chí về chăm sóc trẻ mà bà tìm hiểu đã chồng lên thành hàng đống và cha mẹ đã dành dụm tiền để mua cho tôi một cái nôi.

Tuy thế những ngày đầu cùng với tôi ở bệnh viện không giống như trong tưởng tượng của mẹ. Tôi đã khóc liên tục hàng giờ liền. Dù mẹ

có làm gì đi nữa như ôm tôi vào lòng vỗ về, vuốt ve tôi nhẹ nhàng; tôi vẫn khóc, khóc và khóc.

Nhà tôi chật hẹp vì thế tôi được đặt ngủ trong một cái nôi ở góc phòng ngủ đơn sơ, giản dị. Sau khi trở về từ bệnh viện cha mẹ mới ngỡ ra, không thể để tôi trong phòng ngủ được; tôi không ngủ và khóc không ngừng. Tôi bú mẹ cho đến mười tám tháng; không thể ít hơn vì đó là một trong rất ít cách có thể làm tôi im lặng.

Bú mẹ được biết từ lâu là tốt cho trẻ nhỏ, giúp tăng cường phát triển nhận thức, các khả năng cảm nhận cũng như hệ miễn dịch của trẻ. Cho trẻ bú có lợi cho sự phát triển cảm xúc của trẻ mắc bệnh tự kỷ, đặc biệt tạo nên cơ hội tiếp xúc về thể chất và tình cảm giữa người mẹ và đứa trẻ. Các nghiên cứu chỉ ra rằng trẻ tự kỷ được bú mẹ có phản ứng, thích nghi xã hội tốt hơn và dễ gần hơn trẻ không được bú mẹ.

Một phương pháp khác cha mẹ nghĩ ra để dỗ tôi nín là đem lại cho tôi cảm giác chuyển động. Cha thường xuyên dùng đưa tôi trong tay, có lúc kéo dài hàng tiếng đồng hồ. Cha thường ăn bằng một tay, tay kia ôm tôi và lắc nhẹ. Sau khi nghỉ làm cha thường cho tôi vào một cái xe đẩy và đẩy tôi trên một quãng đường dài, thường vào buổi sáng. Cứ mỗi khi xe đẩy dừng lại là tôi lại bắt đầu kêu gào.

Nhanh chóng sau đó, bất kể ngày hay đêm cha mẹ đã có thể giải quyết các trận khóc của tôi. Chắc tôi đã làm họ điên đầu. Trong tuyệt vọng cha mẹ thường đặt tôi vào một cái chăn, cha nắm một đầu, mẹ nắm đầu còn lại, dùng đưa qua lại làm tôi yên lặng.

Mùa hè đó, cha mẹ làm lễ rửa tội cho tôi. Mặc dù cha mẹ không phải người theo đạo, tôi là con đầu và vì thế cha mẹ làm lễ. Tất cả họ hàng, bạn bè và hàng xóm đều đến dự. Ngày hôm đó thời tiết ấm áp, bầu trời trong xanh. Nhưng khi buổi lễ bắt đầu tôi đã khóc và khóc, làm hồng cả buổi lễ. Hôm đó cha mẹ tôi cảm thấy thực sự khó xử.

Ông bà ngoại đến thăm chúng tôi và họ rất băn khoăn tại sao tôi

lại có thể là một đứa bé khó tính đến thế. Ông bà khuyên không nên bế tôi lên khi bắt đầu khóc. Họ nói: “Nó sẽ nhanh chóng nín thôi”. Nhưng khi mẹ làm theo lời khuyên của ông bà thì tôi lại khóc ngày càng to hơn.

Cha mẹ phải gọi bác sĩ nhiều lần, nhưng lần nào ông ấy cũng nói tôi bị đau bụng và tôi sẽ đỡ hơn sớm thôi. Đau bụng thường được gán cho các triệu chứng “khóc không rõ nguyên nhân” khi trẻ khóc dài hơn và to hơn so với mức bình thường và khó dỗ nín. Cứ năm đứa trẻ thì có một rơi vào tình trạng như vậy. Các bác sĩ và các nhà khoa học đã cố gắng nhiều thập kỷ tìm nguyên nhân gây ra hiện tượng khóc liên tục của trẻ. Quan điểm gần đây cho rằng hầu hết các dạng đau bụng liên quan đến sự trưởng thành và thần kinh, sinh ra từ não, hơn là – như nhiều bậc cha mẹ vẫn tưởng – do hệ tiêu hóa. Ví dụ, những trẻ bị chứng đau bụng có xu hướng nhạy cảm một cách bất thường với những kích thích bên ngoài và dường như dễ bị tổn thương hơn với những tác động mạnh vào các giác quan.

Khoảng thời gian khóc liên tục của tôi – kéo dài trong vòng một năm – là bất thường, thậm chí so với những đứa trẻ mắc chứng đau bụng không rõ nguyên nhân. Gần đây, các nhà nghiên cứu sự phát triển của trẻ với tiền sử khóc kéo dài ở thời thơ ấu cho rằng đó là tín hiệu về những vấn đề hành xử trong tương lai. So sánh những đứa trẻ khóc bình thường, ở tuổi thứ năm, với những đứa trẻ khóc liên tục có sự phối hợp tay và mắt kém hơn và thường có thiên hướng hiếu động thái quá hoặc ngỗ nghịch.

Thật may mắn, sự phát triển của tôi bình thường ở các khía cạnh khác: tôi bắt đầu đi và nói không lâu sau sinh nhật thứ nhất. Một trong những tiêu chuẩn để chẩn đoán Asperger là chậm phát triển ngôn ngữ (những dạng tự kỷ nặng hơn, ngôn ngữ có thể chậm phát triển một cách đáng kể thậm chí không tồn tại).

Sau đó tôi bị viêm tai và phải tiêm kháng sinh. Sự khó chịu do viêm tai kéo dài khiến tôi vẫn là một đứa bé cáu kỉnh, ốm yếu và hay khóc cho đến hai tuổi. Suốt khoảng thời gian đó mặc dù thường xuyên kiệt sức nhưng hàng ngày cha mẹ vẫn tiếp tục đựng đưa tôi trong chăn hoặc lắc lư tôi trong vòng tay.

Và tiếp nữa, cùng với bệnh tật và những trận khóc lóc liên tục của tôi, mẹ phát hiện có bầu đứa em thứ hai. Cha mẹ xin chính quyền địa phương chuyển đến một căn hộ rộng hơn và sau đó chúng tôi chuyển đến một căn hộ ngay gần đó. Em trai tôi tên Lee, sinh vào ngày Chủ nhật, tháng Năm và em hoàn toàn đối lập với tôi: vui vẻ, điềm tĩnh và không ồn ào. Sự ra đời của em chắc hẳn là một sự khuây khỏa lớn đối với cha mẹ tôi.

Tuy nhiên, lối hành xử của tôi vẫn không cải thiện. Đến hai tuổi, tôi thường đập đầu vào một vị trí nhất định trên tường trong phòng khách. Tôi cúi đầu về trước và đập trán vào tường liên tục nhịp nhàng, đều đều. Thỉnh thoảng đập mạnh quá đến mức đầu bầm tím. Cha thường xuyên kéo tôi ra khỏi tường mỗi lần ông nghe thấy tiếng đập quen thuộc, nhưng sau đó tôi lại chạy trở lại và đập tiếp. Một lần khác, trong một cơn giận dữ tôi lấy tay đập vào đầu liên tục và gào thét lên hết sức có thể.

Cha mẹ mời bác sĩ đến khám cho tôi. Bà ấy đảm bảo với cha mẹ rằng đập đầu là cách mà trẻ làm dịu đau đớn. Bà cho rằng tôi đang nản lòng và bị khuấy động, bà cũng hứa sẽ giúp gia đình tìm một suất cho tôi vào nhà trẻ của khu. Lúc đó tôi hai tuổi rưỡi. Sau vài tuần, cha mẹ rất vui khi nhận một cuộc điện thoại thông báo đã nhận tôi vào nhà trẻ.

Với đứa con thứ hai, cha mẹ phải điều chỉnh công việc hàng ngày mà họ đã làm cùng nhau hơn hai năm qua. Nhà trẻ trở thành một phần quan trọng của sự thay đổi đó. Bây giờ cha mẹ không phải cả

ngày quanh quẩn bên tôi. Tôi luôn ngủ chập chờn, thức dậy vài lần trong đêm và luôn luôn thức dậy rất sớm vào buổi sáng. Bữa sáng, cha cho tôi ăn, giặt giũ rồi thay quần áo cho tôi, trong khi mẹ lo cho Lee. Đường đến nhà trẻ dài khoảng một dặm và khá quanh co, đi qua nghĩa trang Quaker, nơi an nghỉ của nhà cải cách, tù nhân thế kỷ mười chín Elizabeth Fry, qua những dãy nhà to, rộng, rồi đến một cái cổng tò vò dẫn đến con đường nhỏ và nhiều góc phố.

Nhà trẻ là trải nghiệm đầu tiên về thế giới bên ngoài của tôi. Hồi ức về thời gian đó rất ít nhưng mạnh mẽ như các mảnh vỡ sắc nhọn của ánh sáng đâm xuyên màn sương thời gian. Trong nhà trẻ có một bãi cát cho chúng tôi chơi, tôi thường nghịch cát ở đó rất lâu, những hạt cát lấp lánh hấp dẫn tôi. Sau đó là nổi ám ảnh về đồng hồ cát (nhà trẻ có một vài cái với kích cỡ khác nhau), tôi nhớ đã nhìn dòng cát chảy lấp đi lấp lại mà quên đi sự có mặt của những đứa trẻ khác chạy nhảy xung quanh mình.

Cha mẹ nói tôi là người cô đơn, không hòa nhập với những đứa trẻ khác và các cô bảo mẫu nói tôi bị cuốn vào thế giới riêng của mình. Sự khác biệt của tôi giữa những năm đầu tiên và thời gian này khá sâu sắc, thay đổi từ một đứa trẻ hay la hét, khóc lóc, đập đầu vào tường thành một đứa trẻ yên lặng, mải mê với những suy tư của riêng mình, tách biệt với mọi người xung quanh. Sau này cha mẹ mới nhận ra, sự thay đổi đó không thực sự là tín hiệu của sự tiến bộ. Tôi trở nên quá tốt – quá yên lặng và dễ thỏa mãn.

Tự kỷ, một sự rối loạn phát triển phức tạp, ít được biết đến trong xã hội tại thời điểm đó và cách hành xử của tôi không phải hành xử tiêu biểu của một đứa trẻ tự kỷ – tôi không lách người liên tục, tôi có thể nói và chỉ ra ít nhất một vài khả năng tương tác với môi trường xung quanh. Phải một thập kỷ sau đó giới y học và dần dần công chúng mới biết về tự kỷ hoạt động cao, bao gồm Asperger.

Còn một điều nữa, cha mẹ không muốn nhìn thẳng vào sự thật về tôi để luôn đem lại cảm giác cố gắng kéo tôi trở về với cuộc sống bình thường bằng mọi giá. Hơn tất cả mọi thứ trên đời, cha mẹ luôn mong tôi được hạnh phúc, mạnh khỏe và có thể sống một cuộc sống “bình thường”. Khi những người bạn, họ hàng và hàng xóm hỏi về tôi, cha mẹ chỉ nói rằng tôi rất “nhút nhát” và “nhạy cảm”. Nhưng tôi nghĩ, cha mẹ cũng lo sợ hành xử của tôi có thể là biểu hiện không bình thường của sự phát triển.

Một ký ức khác về những tháng đầu tiên đi nhà trẻ đó là các họa tiết khác nhau trên sàn nhà trẻ – một số trên chiếu, còn lại trên thảm. Tôi nhớ mình bước đi chậm rãi, đầu cúi gằm, mắt nhìn xuống chân khi bước đi quanh các khu khác nhau của sàn, lắng nghe những cảm xúc trong tâm hồn. Đầu luôn cúi khi bước, thỉnh thoảng húc vào những đứa trẻ khác hoặc các cô bảo mẫu, nhưng vì tôi di chuyển rất chậm nên va chạm xảy ra nhẹ, tôi tránh ra một chút rồi tiếp tục bước đi mà không chú ý đến điều gì vừa diễn ra.

Khi thời tiết ẩm và khô, các cô bảo mẫu cho chúng tôi chơi ở một sân nhỏ bên cạnh nhà trẻ. Ở đó có một cầu trượt, một vài cái đu quay và lác đác một số đồ chơi trên cỏ: những quả bóng màu sặc sỡ và một số đồ chơi khi gõ phát ra tiếng kêu. Bao giờ cũng thế, luôn có những tấm nệm đặt dưới cầu trượt và đu quay để phòng trường hợp trẻ bị ngã. Tôi thích thú đi chân đất trên những tấm nệm này. Những ngày trời nóng chân tôi ướt mồ hôi và bị dính vào nệm, tôi cứ nâng chân lên rồi đặt chân xuống để có cảm giác dính ở lòng bàn chân.

Những đứa trẻ khác không để lại ấn tượng gì trong tôi. Tôi không nhớ một tí gì về chúng. Đối với tôi, chúng chỉ là nền cho những trải nghiệm hình ảnh và cảm giác của mình. Tôi không có một chút cảm giác nào về những hoạt động vui chơi hồi đó. Hình như những nhân viên của nhà trẻ đã không cố gắng cải thiện hành xử bất thường của

tôi, bởi vì họ không bao giờ thử ép tôi chơi với những đứa trẻ khác. Có lẽ họ hy vọng rằng tôi sẽ có thể tự thích nghi với những đứa trẻ xung quanh và chơi với chúng, nhưng tôi không bao giờ thực hiện điều đó.

Cha luôn đưa tôi đến nhà trẻ và thỉnh thoảng đón về. Từ nhà máy đến nhà trẻ, cha thường vẫn mặc quần áo làm việc. Cha không hề ngại ngừng vì điều đó. Cha hẳn phải là một người đàn ông có nhiều tài. Sau khi trở về nhà, cha thay quần áo và bắt tay vào việc nấu ăn. Việc nấu nướng trong nhà chủ yếu là do cha làm; tôi nghĩ điều đó giúp cha thư giãn. Tôi là một người rất kén ăn, hầu như tôi chỉ ăn ngũ cốc, bánh mì và sữa. Cha mẹ tôi rất vất vả để bắt tôi ăn phần rau của mình.

Giờ đi ngủ cũng luôn là một cuộc chiến – tôi thường chạy quanh hoặc nhảy lên nhảy xuống và phải mất rất nhiều thời gian tôi mới yên lặng và ngủ. Tôi chỉ kháng kháng đòi một loại đồ chơi – một con thỏ đồ nhỏ – ngủ cùng trên giường. Thỉnh thoảng tôi không ngủ một tí nào và khóc cho đến khi cha mẹ mệt lòng và để cho tôi ngủ cùng với họ. Khi ngủ tôi thường gặp ác mộng. Một ví dụ cho đến bây giờ tôi vẫn gặp phải. Tôi thức dậy sau khi mơ thấy một con rồng khổng lồ đứng cạnh mình. Tôi nhỏ bé so với nó. Giấc mơ đó xảy ra đêm này qua đêm khác. Tôi sợ hãi việc ngủ và sợ bị rồng ăn thịt. Nhưng rồi những giấc mơ đó cũng biến mất đột ngột như khi nó đến. Mặc dù sau đó tôi vẫn gặp những con ác mộng nhưng ít hơn và đỡ hãi hùng hơn. Ở một mức độ nào đó, tôi đã chiến thắng rồng.

Một buổi sáng trên đường hàng ngày đến nhà trẻ, cha tôi quyết định đi đường khác. Ông rất ngạc nhiên khi tôi bắt đầu gào lên trong xe đẩy. Lúc đó tôi chưa đầy ba tuổi nhưng tôi đã nhớ hết mọi chi tiết của con đường từ nhà đến nhà trẻ. Một phụ nữ đứng tuổi đi qua, dừng lại nhìn vào tôi và nhận xét: “Đứa bé này chắc chắn có cặp phổi rất tốt.” Khó xử, cha tôi quay lại và đi con đường vẫn thường đi. Ngay lập tức tôi nín khóc.

Trong thời gian đi nhà trẻ tôi cũng nhớ rất rõ khi quan sát cô bảo mẫu thổi bóng bay. Những đứa trẻ khác dang tay bắt bóng khi bóng bay qua đầu, còn tôi không đưa tay ra để chạm vào chúng mà lại rất ngạc nhiên về hình dạng, chuyển động và ánh sáng phản xạ trên bề mặt ướt và bóng của chúng. Tôi đặc biệt thích thú khi bóng được thổi mạnh tạo nên các quả bóng nhỏ, quả này nối tiếp quả khác thành một chuỗi liên tục một cách nhanh chóng.

Ở nhà trẻ và ở nhà, tôi không chơi với nhiều loại đồ chơi khác nhau. Khi cầm đồ chơi, như con thỏ chẳng hạn, tôi thường nắm chặt vào cạnh của chúng và di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác. Tôi không ôm ấp, vuốt ve hay chơi trò thả nhảy múa. Tôi yêu thích trò lấy đồng xu, quay trên sàn và nhìn ngắm nó quay vòng vòng. Tôi chơi đi chơi lại trò này mà không biết chán.

Cha mẹ vẫn nhớ tôi ném đi ném lại giày của mẹ xuống sàn vì tôi thích nghe tiếng động do chúng tạo ra. Thậm chí tôi đi giày vào chân và rón rén bước đi quanh phòng để tạo ra âm thanh. Cha mẹ gọi chúng một cách trìu mến đôi giày “lộc cộc” của tôi.

Một lần ngồi xe đẩy đi dạo phố với cha, tôi kêu to khi hai cha con đi qua cửa sổ một cửa hàng. Bình thường khi đưa tôi ra ngoài cha mẹ không bao giờ cho tôi vào trong một cửa hàng nào vì trước đây sau một vài lần làm thế tôi đã bật khóc và giận dỗi. Mỗi lần như vậy cha mẹ phải xin lỗi và giải thích với mọi người rằng “nó rất nhạy cảm,” sau đó nhanh chóng rời khỏi cửa hàng. Lần này tiếng khóc của tôi dường như rất khác và kiên quyết. Cha tôi đẩy xe vào trong cửa hàng, cha có thể nhận ra sự nổi bật của bộ sách *Mr. Men*, màu vàng sặc sỡ của cuốn *Mr. Happy* và hình tam giác màu tím của cuốn *Mr. Rush*. Cha lấy một cuốn đưa cho tôi. Tôi không chịu đi vì thế cha mua cuốn sách cho tôi. Ngày hôm sau khi chúng tôi đi qua cửa hàng ấy tôi lại kêu lên. Cha đi vào và mua một cuốn sách khác trong bộ *Mr. Men*.

Điều này nhanh chóng trở thành một thói quen cho đến khi cha tôi mua cho tôi trọn bộ sách đó.

Tôi nhanh chóng trở nên không thể tách rời với bộ sách *Mr. Men*. Mỗi lần đi đâu, tôi nhất định không rời khỏi nhà nếu không được mang theo một trong số chúng. Buổi tối, tôi dành hàng tiếng đồng hồ nằm trên sàn với các cuốn sách trong tay, nhìn các hình vẽ và màu sắc trên các hình minh họa. Cha mẹ vui vẻ để tôi một mình với niềm đam mê các nhân vật của *Mr. Men*. Đường như đó là lần đầu tiên tôi vui vẻ và yên ắng. Lợi dụng đam mê đó cha mẹ khuyến khích tôi hành xử tốt hơn. Nếu cả ngày tôi không giận dỗi cha mẹ sẽ hứa mua cho tôi một cuốn *Mr. Men* mới.

Cả gia đình chuyển đến ngôi nhà riêng đầu tiên khi tôi bốn tuổi. Căn nhà có hình dáng lạ ở cuối phố Blithbury. Nhà có cầu thang chỉ có thể đi lên được qua một hành lang hẹp kề bên phòng khách. Phòng tắm ở tầng dưới, cách cửa vào một đoạn ngắn. Đôi khi có khách hoặc người nhà của gia đình đến chơi, họ rất ngạc nhiên thấy hơi nóng thoát ra từ phòng tắm vào nhà.

Những kỷ ức của cha mẹ về đường Blithbury không được tích cực lắm. Bếp luôn ẩm ướt và nhà rất lạnh vào mùa đông. Mặc dù điều kiện nhà ở tệ như thế, nhưng chúng tôi lại có những hàng xóm rất tốt bụng, trong đó có một cặp vợ chồng già rất thích Lee và tôi. Họ thường cho chúng tôi kẹo và nước chanh khi chúng tôi chơi trong vườn.

Trước nhà có một mảnh vườn. Mỗi cuối tuần cha đều bận rộn với việc chăm sóc nó, không lâu sau khi chuyển đến mảnh vườn đã được phủ đầy khoai tây, cà rốt, đậu, hành, su hào, cà chua, dâu và đại hoàng. Vào các buổi chiều Chủ nhật chúng tôi luôn ăn tráng miệng bằng đại hoàng với sữa trứng.

Tôi ở cùng phòng với em trai. Đó là một căn phòng nhỏ vì thế để tiết kiệm không gian chúng tôi ngủ giường tầng. Mặc dù Lee nhỏ hơn

tôi hai tuổi nhưng nó lại được bố trí ngủ ở giường trên. Cha mẹ lo tôi có thể thức giấc về đêm và rơi khỏi giường.

Tôi không có ấn tượng mạnh về em trai mình và chúng tôi sống mà không ảnh hưởng đến nhau. Lee thường chơi ngoài vườn trong khi tôi chơi trong phòng, chúng tôi rất ít chơi với nhau. Đôi lúc chơi cùng nhau thì cũng không thật sự là chơi – Tôi không bao giờ cảm thấy muốn chia sẻ đồ chơi hay kinh nghiệm với nó. Nghĩ lại, những cảm giác đó giờ đây phần nào đã xa lạ với tôi. Bây giờ tôi đã hiểu thế nào là đồng cảm và chia sẻ. Mặc dù thỉnh thoảng tôi vẫn cảm thấy khó mở lòng và thể hiện bản thân nhưng chắc rằng những cảm xúc đó tồn tại trong tôi. Có lẽ chúng đã luôn ở đó nhưng tôi cần thời gian để có thể tìm thấy và hiểu chúng.

Tôi ngày càng trở thành một đứa trẻ trầm lặng, dành hầu hết thời gian ở trong phòng, ngồi một mình trên sàn nhà tại một vị trí xác định, chìm đắm trong yên lặng. Thỉnh thoảng, tôi nhấn ngón tay vào tai để gần hơn với sự tĩnh lặng mà tôi không bao giờ có được trong đầu. Tôi luôn cảm giác có cái gì đó mềm mại chuyển động quanh đầu giống như bị ngưng tụ lại.

Khi nhắm mắt lại, tôi hình dung thấy nó mềm và óng ánh như dát bạc. Tôi không phải suy nghĩ để nó hiện lên mà nó xuất hiện một cách tự nhiên. Nếu bất thành linh có tiếng động, như tiếng gõ cửa chẳng hạn, sẽ làm tôi rất khó chịu như bị gây rối.

Phòng khách ở tầng dưới luôn có nhiều sách. Cha mẹ đều rất mê đọc sách và tôi vẫn nhớ hình ảnh ngồi nhìn họ với những cuốn sách, báo hoặc tạp chí trong tay. Thỉnh thoảng, khi ngoan, tôi được phép ngồi vào lòng cha mẹ khi đọc. Tôi thích tiếng sột soạt phát ra khi họ gỡ sách. Sách trở nên rất đặc biệt đối với tôi vì khi cha mẹ đọc sách, căn phòng trở nên yên tĩnh. Điều đó làm cho tôi cảm thấy thanh thản và thoải mái.

Tôi bắt đầu tích trữ sách của cha mẹ. Tôi bê từng quyển một trong tay lên phòng mình. Hồi đó lên cầu thang vẫn còn khá khó đối với tôi do đó tôi phải lê từng bậc một. Phải mất vài phút tôi mới có thể trèo lên được vài bậc cầu thang nếu cuốn sách khá nặng hoặc quá lớn. Một vài trong những cuốn sách đó khá cũ và có mùi nước nho ép trước khi lên men.

Trong phòng mình, tôi sắp xếp sách thành từng chồng trên sàn cho đến khi chúng bao quanh tôi từ mọi phía. Cha mẹ rất hạn chế vào phòng vì sợ có thể làm đổ sách đổ lên tôi. Nếu họ lấy đi bất kỳ cuốn sách nào ngay lập tức tôi bật khóc và giận dỗi. Trên những trang giấy trong những cuốn sách đều có các con số và tôi cảm thấy vui sướng khoanh tròn các số này, như thể mình được bao quanh bởi một cái “chăn số” thoải mái. Tôi có thể đếm rất lâu trước khi có thể đọc. Khi đếm, các con số xuất hiện như những chuyển động hoặc các hình màu trong trí óc của tôi.

Một lần đi lên cầu thang hai tay ôm một cuốn sách nặng tôi trượt chân và ngã. Chuyển động ngã dường như lấp đầy trí óc tôi với những chớp sáng đầy màu sắc, giống như tán sắc ánh sáng. Tôi chỉ biết ngồi dưới chân cầu thang, đau và hoa mắt. Tôi không nghĩ đến việc gọi sự giúp đỡ, chỉ ngồi đợi cha chạy lại xem cái gì đã gây ra tiếng động. Tôi rất ít khi nói trù khi được hỏi. Sau lần đó, cha mẹ bắt đầu giấu những cuốn sách to và nặng, họ sợ tôi có thể ngã và bị thương.

Có một công viên ở gần nhà, nên cuối tuần nào chúng tôi cũng đi bộ đến đó. Cha mẹ xé bánh mì để tôi ném cho những con vịt trong công viên. Cha mẹ thường đưa tôi đến công viên vào buổi sáng sớm khi có ít người. Họ biết rằng tôi sợ sự có mặt của nhiều người. Trong khi em trai tôi chạy quanh còn tôi ngồi một mình nhỏ những cọng cỏ và bứt những cánh hoa cúc.

Tôi thích thú ngồi đánh đu trong công viên. Cha bế, đặt tôi lên đu và đẩy nhẹ. Khi ông mệt và dừng đẩy tôi liền hò “nữa... nữa” cho đến khi ông tiếp tục đẩy lại. Ở công viên cũng có một cái vòng ngựa gỗ, tôi ngồi ở giữa, cha mẹ mỗi người ngồi một bên và nó từ từ chuyển động tròn. Khi vòng ngựa quay tôi nhắm mắt và cười. Nó làm cho tôi cảm thấy thoải mái.

Con đường từ công viên trở về nhà thỉnh thoảng rất ồn ào. Nếu có ô tô chạy qua gây ra tiếng động lớn và bất ngờ – như tiếng còi chẳng hạn – tôi liền dừng lại giơ tay và ấn mạnh vào tai. Thường thì tiếng động ảnh hưởng đến tôi vì sự bất ngờ của nó hơn là độ lớn mà nó gây ra. Nó dường như ảnh hưởng đến tôi khá mạnh. Vì điều đó nên tôi rất ghét bóng bay và có thể co rúm lại nếu nhìn thấy ai đó ôm bóng. Tôi sợ rằng nó có thể nổ và tạo ra tiếng động lớn và mãnh liệt.

Sau khi chuyển đến đường Blithbury, cho đến tận năm tuổi tôi vẫn tiếp tục học ở nhà trẻ của khu vực có tên là Dorothy Barley, được đặt theo tên của một bà trưởng tu viện thế kỷ mười sáu, người đã sống ở khu vực này dưới triều vua Henry VIII. Các cô bảo mẫu thường cung cấp giấy, chì màu và khuyến khích chúng tôi vẽ và tô màu. Tôi rất thích hoạt động này, mặc dù tôi cảm thấy khó có thể giữ bút giữa những ngón tay do đó nhiều khi tôi giữ bút bằng cả bàn tay. Tôi thích vẽ hình tròn với các kích cỡ khác nhau. Hình tròn là hình yêu thích của tôi, tôi vẽ đi vẽ lại mà không biết chán.

Nhà trẻ có một cái hộp ở góc nhà chứa đầy đồ chơi. Tôi yêu thích những hạt màu tìm thấy; tôi giữ chúng trong lòng bàn tay và lắc để xem chúng chuyển động. Nếu được đưa các cuộn bìa cứng để chơi (ví dụ để làm ống nhòm hay kính viễn vọng) tôi liền thả những hạt màu chạy qua các cuộn bìa, tôi bị lôi cuốn bởi chuyển động của các hạt chạy từ đầu này sang đầu kia các cuộn bìa. Nếu có một cái chậu hoặc bình, tôi sẽ cho các hạt màu vào trong, đổ ra và làm đi làm lại nhiều lần.

Trên một bức tường của nhà trẻ có một giá sách. Tôi rất thích cuốn *Chú sâu bướm đôi*. Tôi thích những lỗ trên các trang sách và những hình minh họa sáng, tròn trĩnh trong đó. Có một góc đọc gần giá sách ở đó, bọn trẻ chúng tôi ngồi quanh lắng nghe cô bảo mẫu đọc. Trong một lần như vậy, tôi ngồi nghe ở phía sau hai chân bắt chéo, đầu cúi xuống chìm đắm vào thế giới của mình. Tôi không nghe một từ nào cô đọc. Thay vào đó tôi bắt đầu ậm ừ mà không nhận ra mình đang làm thế. Khi ngẩng lên đã thấy cô dừng đọc từ khi nào và hết thấy mọi người đều nhìn chăm chú vào tôi. Tôi dừng ậm ừ, cúi đầu trở lại và buổi đọc được tiếp tục.

Tôi không nhớ có cảm giác cô đơn ở nhà trẻ, có lẽ vì tôi chìm đắm vào sách, các hạt màu và các hình tròn. Dần dần, cảm giác khác biệt so với những đứa trẻ khác cũng đến với tôi, nhưng vì một lý do nào đó tôi không thấy buồn vì điều đó. Tôi không cảm thấy cần có bạn bè; tôi vui vẻ khi chơi một mình.

Khi phải chơi các trò chơi mang tính xã hội như làm nhạc trưởng, tôi từ chối tham gia bất kể sự thuyết phục thế nào đi nữa của các cô bảo mẫu. Tôi sợ những đứa trẻ khác sẽ chạm vào mình khi xô đẩy nhau tranh chỗ ngồi. Thay vào đó, tôi được phép đứng bên một bức tường và quan sát mọi người chơi. Tôi hài lòng miễn là được ở một mình.

Mỗi khi trở về từ nhà trẻ, tôi luôn đi ngay lên phòng mình. Khi cảm thấy mệt mỏi hoặc buồn chán tôi chui vào bóng tối gầm giường và nằm đó. Mỗi khi vào phòng xem tôi thế nào cha mẹ gõ cửa nhẹ nhàng. Mẹ luôn gọi cho tôi nói về ngày đi học của mình ở nhà trẻ. Bà muốn khuyến khích tôi nói vì tôi thường rất trầm lặng.

Phòng tôi cũng chính là nơi trú ẩn của mình, một không gian riêng nơi mà tôi cảm thấy thoải mái và hạnh phúc nhất. Tôi dành phần lớn thời gian trong ngày trong phòng đến nỗi cha mẹ phải lên ngồi để

dành thời gian cho tôi. Họ không bao giờ cảm thấy mất kiên nhẫn với tôi.

Bây giờ khi ngồi đây viết về những năm tháng tuổi thơ, tôi ngạc nhiên khi nghĩ cha mẹ đã làm cho tôi không biết bao nhiêu mà kể, thậm chí tại thời điểm đó kết quả nhận được rất ít. Nghe kể về những hồi ức tuổi thơ của mình từ cha mẹ quả thật là những kỷ niệm tuyệt vời; đây cũng là cơ hội để bản thân tôi nhận thức được vai trò của cha mẹ trong việc tạo nên tôi được như ngày hôm nay. Vượt qua tất cả các vấn đề của tôi, tất cả nước mắt, giận dữ và các khó khăn khác, họ yêu tôi không điều kiện và dành mọi thứ để giúp tôi – từng ít một, ngày này qua ngày khác. Họ là những anh hùng của tôi.



Những cơn động kinh

CON ĐỘNG KINH ĐẦU TIÊN xảy ra khi tôi đang ngồi trên sàn nhà trong phòng khách cùng em trai Lee, còn cha đang nấu bữa tối trong bếp. Lúc đó, tôi mới bốn tuổi. Ở tuổi đó, với tôi cảm giác mất liên lạc hoàn toàn với thế giới xung quanh không có gì là lạ. Nhiều khi tôi hoàn toàn chìm đắm trong thế giới của mình – xem xét cận kề, tỉ mỉ các đường chỉ tay hoặc quan sát sự dịch chuyển bóng của mình khi nghiêng người qua lại, chậm rãi theo nhịp. Nhưng chuyện xảy ra lần này lại hoàn toàn khác, một trải nghiệm không giống với bất kỳ trải nghiệm nào tôi từng có trước đây. Nó diễn ra như thể căn phòng nơi tôi ngồi kéo thân thể tôi ra từ mọi phía, ánh sáng trong phòng rò rỉ ra ngoài, thời gian như ngừng lại và trải ra trong một khoảnh khắc mong manh. Sau đó tôi không biết gì và không thể biết gì ngoài việc biết mình bị hành hạ bởi một cơn động kinh dữ dội.

Động kinh là một trong những căn bệnh phổ biến nhất ảnh hưởng đến não – ở Anh có khoảng 300.000 người mắc căn bệnh này. Những cơn động kinh gây ra do nhiễu loạn điện trong não. Người ta chưa hiểu rõ tại sao động kinh xảy ra, chúng bắt đầu và kết thúc như thế nào. Các bác sĩ chưa tìm ra nguyên nhân chính xác gây ra căn bệnh

này, nhưng họ cho rằng động kinh có thể gây ra do liên lạc giữa các tế bào thần kinh hoặc cân bằng hóa học trong não có vấn đề.

Vài ngày trước khi cơn động kinh đó xảy ra, khi đang nằm trên ghế trường kỷ xem tivi, cha phát hiện thấy mắt tôi nháy nhiều hơn và hai cánh tay căng ra. Ông cảm thấy lo lắng nên gọi bác sĩ đến khám cho tôi. Thời tiết hôm đó nóng, ẩm và bác sĩ cho rằng có lẽ tôi chỉ bị “ốm nhẹ”. Tuy nhiên, ông cũng khuyên cha tôi nên thận trọng và lập tức thông báo cho ông những triệu chứng mới xuất hiện nếu có.

Tôi thực may mắn vì có em trai ở bên khi lên cơn động kinh thứ hai. Tôi bị co giật và bất tỉnh. Nghe thấy tiếng Lee khóc, cha liền chạy vào xem chuyện gì xảy ra. Và ngay lập tức, theo bản năng, ông bế tôi lên, chạy ra khỏi nhà đến chỗ những chiếc taxi đậu gần đó. Chui vào chiếc taxi đầu tiên, ông cầu xin người tài xế đưa tôi đến bệnh viện gần nhất – Bệnh viện St George’s – nhanh nhất có thể. Khi chiếc taxi lao trên đường, cha không thể làm gì khác được ngoài việc ôm chặt tôi và cầu nguyện.

Mồ hôi đầm đìa, cha chạy thẳng đến khu dành cho trẻ em. Tôi vẫn bất tỉnh và cơn động kinh vẫn tiếp diễn, đây là loại động kinh đe dọa đến tính mạng, xảy ra liên tục và thường kéo dài trên ba mươi phút. Một y tá tại phòng tiếp tân nhận tôi từ tay cha và gọi bác sĩ, ngay lập tức họ tiêm cho tôi một liều valium để ổn định tình trạng. Lúc đó, tôi đã ngừng thở và cơ thể bắt đầu tím dần, các bác sĩ phải tiến hành hô hấp nhân tạo giúp tôi tỉnh lại. Sau khoảng một giờ từ khi cơn động kinh bắt đầu, cuối cùng tôi cũng trở lại bình thường. Kiệt sức vì lo lắng, cha đã òa khóc trong sung sướng khi nghe tôi tỉnh lại. Ông đã phản ứng rất kịp thời để có thể cứu sống tôi.

Tôi được chẩn đoán bị động kinh thùy thái dương – thùy nằm trên hai tai. Chúng có ảnh hưởng sâu sắc đến cảm giác, trí nhớ, thính giác và nhận thức. Những cơn động kinh xảy ra do vùng não bộ này có thể làm suy yếu khả năng nhớ và ảnh hưởng tới tính cách của người bệnh.

Tần suất mắc động kinh ở người tự kỷ cao hơn so với người bình thường. Khoảng một phần ba trẻ tự kỷ ở Anh đột phát động kinh thùy thái dương cho đến hết tuổi vị thành niên. Vì lý do này nên người ta cho rằng hai bệnh này có thể có chung nguồn gốc trong não hoặc gen.

Trong khi khám, tôi được đưa đi kiểm tra điện não đồ. Các điện cực được đặt quanh đầu để đo hoạt động điện của não và kiểm tra sự bất thường của sóng não. Tôi nhớ, anh kỹ thuật viên đứng cạnh mình dán các điện cực – đó là những chiếc mũ kim loại tròn, nhỏ – vào các vị trí khác nhau trên đầu tôi cùng với keo để giữ chặt chúng. Vì không thích cảm giác có ai đó chạm vào đầu mình, tôi nhăn nhó mỗi khi các điện cực được dán lên.

Tôi cũng phải làm kiểm tra cộng hưởng từ. Phương pháp cộng hưởng từ sử dụng các nam châm lớn, sóng vi ba và máy tính để tạo nên hình ảnh chi tiết các bộ phận trong cơ thể. Người kỹ thuật viên trấn an tôi trước khi chụp. Có lẽ, anh lo rằng tôi có thể không chịu được tiếng ồn của máy và sợ bị giam giữ khi nằm trong máy quét. Tôi nhớ anh đặt tôi nằm lên một cái giường trắng, mềm sau đó được đẩy vào một đường hầm nhỏ để quét, quá trình quét kéo dài khoảng ba mươi phút. Có lẽ tôi đã ngủ trong đó vì tôi nhớ được cha đánh thức dậy sau khi ra khỏi đường hầm.

Tôi nằm viện vài ngày để thực hiện một số kiểm tra. Cha mẹ thay nhau chăm sóc tôi ở bệnh viện. Họ sợ rằng tôi có thể thức giấc và sợ hãi nếu không nhìn thấy người thân. Sàn phòng bệnh tôi nằm bóng loáng với nhiều vết xước nhỏ và bề mặt tắm ra trải giường không giống với bề mặt ra ở nhà – sần sùi và cứng hơn. Cha mẹ cho tôi uống nước cam và đưa tôi những cuốn sách đầy màu sắc và bút chì màu để tôi tiêu khiển, nhưng phần lớn thời gian tôi ngủ vì cảm thấy rất mệt.

Các bác sĩ nói với cha mẹ rằng sức khỏe của tôi tiến triển tốt – khoảng một nửa số trẻ bị động kinh thùy thái dương sau đó khỏi bệnh. Tôi được kê đơn thuốc chống động kinh và được phép về nhà.

Cha mẹ bị tác động rất lớn khi tôi được chẩn đoán bị động kinh, đặc biệt là cha. Ông nội tôi cũng đã phải chịu đựng căn bệnh này trong nhiều năm và mất sớm trước khi tôi sinh vài năm.

Tên ông nội là William John Edward. Ông sinh ra ở phía Đông London đầu những năm 1900. Ông từng là thợ giày và đã tham gia Thế chiến thứ hai. Ông rút quân khỏi Dunkirk rồi đóng quân tại một căn cứ quân sự ở bắc Scotland. Thời kỳ tham gia quân đội, ông được giao phụ trách một khẩu súng chống máy bay. Ông lập gia đình và có bốn người con; cha tôi là con út của ông. Sau chiến tranh, ông bắt đầu bị hành hạ bởi những cơn động kinh dữ dội – nhanh chóng sau đó bà nội tôi trở nên quen thuộc với những tiếng bát vỡ và tiếng ném đĩa từ bàn ăn xuống sàn nhà.

Tại thời điểm đó, thuốc hỗ trợ cho người bị động kinh còn rất hạn chế. Các bác sĩ cho rằng bệnh của ông là do những chấn động vỏ não trong chiến tranh. Họ khuyên bà tôi ly dị ông và đi bước nữa. Bà đã nghe theo lời khuyên của các bác sĩ, ly hôn và sau đó tái hôn. Bà có một gia đình mới và một cuộc sống phía trước. Quyết định ly dị ông chắc hẳn là quyết định khó khăn nhất mà bà phải thực hiện. Sau đó, ông được đưa đến một viện dành cho các cựu chiến binh bị ảnh hưởng tâm thần.

Cuộc chia tay của ông và bà gây ra hậu quả nghiêm trọng cho gia đình. Bà tôi bắt đầu cuộc sống với gia đình mới nhưng người chồng thứ hai của bà gặp khó khăn trong kiếm việc làm và lại dùng số tiền ít ỏi kiếm được để chơi bài bạc. Do đó, họ không có thu nhập ổn định, tiền nợ thuê nhà tăng lên nhanh chóng. Một hôm, khi các thành viên gia đình trở về nhà thì thấy đồ đạc đã bị chất đống ngoài bãi cỏ còn cửa thì khóa chặt. Họ đã bị đuổi vì không trả tiền nhà – họ trở thành những người vô gia cư.

Ban đầu, một người bạn của gia đình nhận nuôi mấy đứa trẻ, trong đó có cha tôi, với vai trò là anh cả của các em con cha dưỡng, trước khi cùng với bà chuyển đến khu trại dành cho người vô gia cư. Cha tôi được tặng một bộ đồ chơi lắp ghép như một món quà tiễn biệt của gia đình người bạn đã giúp đỡ trông nom ông. Khu trại được tạo nên từ các phòng nhỏ, những người sinh sống ở đó phải dùng chung nhà vệ sinh, phòng tắm và nhà bếp. Hành lang nối giữa các phòng hẹp và sàn được phủ một lớp bê tông đỏ. Cha có thể nghe tiếng bước chân của các nhân viên quản lý khi họ bước dọc hành lang. Ông ấy gọi thân mật một người trong số họ là “Giày cao cổ”.

Phòng ở của gia đình chật hẹp và không có đồ đạc. Trong trại mọi người không được phép xem tivi hoặc nghe đài. Trong phòng – của trẻ con – chỉ đủ chỗ cho ba cái giường nhỏ. Phòng của bà nội có một cái giường, một cái bàn và một cái ghế. Đàn ông không được phép vào trại, do đó chồng bà buộc phải thuê phòng trên gác một cửa hàng. Họ phải tạm xa nhau trong thời gian gia đình ở khu trại tập trung cho người vô gia cư. Cuộc sống trong khu nhà ấy thật khắc nghiệt – ngoài chỗ ở tối thiểu ra không có bất cứ sự riêng tư nào; cửa luôn mở, các nhân viên quản lý rất nghiêm khắc và họ điều hành khu nhà theo phép nhà binh. Cả gia đình đều chán ghét khoảng thời gian ở đó, khoảng một năm rưỡi. Tuy nhiên, cuộc sống ở trại cũng nhen nhói một chút niềm vui do tình bạn đem lại, bà tôi làm quen được với người phụ trách trại, bà Jones. Thật may mắn, cuối cùng gia đình cũng được chuyển đến một ngôi nhà mới.

Cha gặp ông nội lần đầu tiên khi cha mười một tuổi. Tại thời điểm đó những cơn động kinh của nội cũng đã giảm do đó ban ngày ông được phép ra viện để làm việc ở hiệu sửa giày. Buổi tối ông trở lại viện. Cha tôi còn rất nhỏ khi bệnh của nội tái phát, vì thế ông không nhớ một chút nào về nó và thậm chí không nhớ hình dáng ông nội

thế nào. Họ gặp nhau tại gia đình người bạn đã giúp đỡ chăm sóc cha tôi và các em cùng mẹ khác cha của ông vài năm trước. Cha nhớ đã bắt tay với một người đàn ông tóc xám, mặc quần áo bệnh nhân rồi sau đó mọi người giới thiệu đó là cha ông. Thời gian trôi qua, họ trở nên gần gũi hơn.

Khi ông tôi già hơn, sức khỏe của ông giảm sút một cách nghiêm trọng. Cha thường đến viện thăm ông mỗi khi có thể. Khi ông mất cha mới hai mươi mốt tuổi, ông mất sau một cơn động kinh và đột quỵ. Tất cả những người biết ông đều cho ông là một người tốt bụng và lịch thiệp. Tôi ước gì mình được gặp ông dù chỉ một lần.

Tôi thực sự may mắn sống trong thời đại có nhiều tiến bộ vượt bậc trong y học, do đó những cơn động kinh của tôi nhẹ nhàng hơn nhiều so với ông tôi. Sau những cơn động kinh và chẩn đoán của bác sĩ, tôi nghĩ cha mẹ lo sợ tôi khó có thể sống một cuộc sống “bình thường” mà họ thực sự mong tôi có được. Giống như nhiều bậc phụ huynh khác, họ cho rằng một cuộc sống bình thường đồng nghĩa với hạnh phúc và hiệu quả.

Những cơn động kinh không tái diễn với tôi – cũng như khoảng 80% người mắc chứng động kinh khác, thuốc đã có hiệu quả và điều đó đồng nghĩa với việc tôi đã hoàn toàn khỏi bệnh. Tôi nghĩ điều đó ảnh hưởng lớn nhất đến khả năng chống lại bệnh tật cho tôi của mẹ. Bà rất nhạy cảm với sự thật rằng nhìn từ mọi góc độ tôi luôn là một đứa khác biệt, dễ tổn thương, cần sự quan tâm, ủng hộ và tình yêu đặc biệt. Đôi lúc bà cảm thấy lo lắng khi nghĩ tôi có thể lên cơn động kinh lại vào bất cứ lúc nào. Mỗi lúc như vậy bà đi vào phòng và khóc thầm. Tôi nhớ cha nói tôi không được vào phòng mỗi lúc như vậy.

Tôi cảm thấy rất khó làm cho mẹ đỡ buồn lòng. Tôi chìm trong thế giới của mình, mê mải với những thứ nhỏ nhất nhưng không thể hiểu được những cung bậc cảm xúc hoặc căng thẳng khác nhau trong gia

đình. Đôi khi cha mẹ cũng tranh cãi, tôi nghĩ điều đó hầu hết xảy ra ở các gia đình khác, về chuyện con cái và cách tốt nhất để giải quyết các vấn đề khác nhau. Khi cãi cọ, giọng họ trở thành một màu xanh đậm trong đầu tôi, khi đó tôi nằm rạp xuống sàn, cúi đầu xuống thảm, hai tay ấn vào tai cho đến khi tiếng ồn dịu đi.

Hàng ngày cha giúp tôi uống thuốc với một cốc sữa hoặc nước vào các bữa ăn. Hàng tháng cha đưa tôi đến bệnh viện để thử máu vì thuốc tôi uống có thể ảnh hưởng đến chức năng gan. Cha là người ủng hộ mạnh mẽ sự đúng giờ do đó chúng tôi luôn đến khu vực đợi rất sớm, ít nhất một tiếng trước khi đến lượt. Ông thường mua cho tôi một cốc nước cam và một vài cái bánh trong khi chờ đợi. Những cái ghế chúng tôi ngồi làm bằng nhựa, ngồi không thoải mái; tuy nhiên, tôi nhớ, vẫn không muốn đứng dậy mỗi khi đến lượt, vì thế tôi luôn đợi cha đứng lên trước khi tôi đứng. Có rất nhiều ghế trong phòng đợi và tôi tiêu khiển bằng cách đếm đi đếm lại số ghế trong phòng.

Khi y tá gọi đến tên, cha đi cùng tôi đến khu vực nhỏ chẳng màn, tôi ngồi xuống, cô y tá xắn một bên tay áo tôi lên, vỗ nhẹ vào cánh tay. Tôi đã thử máu nhiều lần đến nỗi tôi biết rất rõ điều gì sẽ xảy ra đến. Cô y tá khuyên bệnh nhân nhìn đi chỗ khác khi lấy máu nhưng tôi vẫn giữ đầu không quay đi, quan sát bơm tiêm dần đầy dần máu đỏ sẫm. Xong việc, cô y tá lại vỗ nhẹ vào cánh tay, làm sạch và dán vào chỗ lấy máu một miếng băng nhỏ có biểu tượng một khuôn mặt tươi cười trên đó.

Một trong những tác dụng phụ phổ biến nhất của thuốc là gây ra hiện tượng mẫn cảm với ánh sáng mặt trời, do đó cả mấy tháng mùa hè tôi ở trong nhà trong khi em trai tôi Lee chơi ngoài vườn hoặc công viên. Tôi không cảm thấy buồn vì cho đến tận bây giờ, ánh sáng mặt trời vẫn thường làm tôi ngứa ngáy, khó chịu và hiếm khi tôi liều mình đi ra ngoài lâu trong thời tiết nắng nóng. Cha mẹ muốn theo

dôi sát hơn những cơn động kinh do đó tôi phải dành phần lớn thời gian trong phòng khách, nơi mẹ tôi có thể để ý, xem tivi hoặc chơi với những đồng xu hoặc các hạt nhỏ cha mẹ đưa cho tôi để đếm.

Một trong những tác dụng phụ phổ biến mà tôi bị nữa là chóng mặt và say. Mỗi khi bắt đầu cảm thấy chóng mặt, ngay lập tức tôi ngồi xuống, bắt chéo chân và đợi cho cảm giác đó qua đi. Đôi khi điều này làm cha mẹ khó xử, nhất là khi đang đi cùng tôi trên đường thì đột nhiên tôi dừng lại, ngồi xuống ngay giữa vỉa hè. Thật may tình trạng đó chỉ diễn ra rất ngắn, kéo dài trong vài giây. Sự mất điều khiển và không thể đoán trước được của các cơn chóng mặt làm tôi sợ, sau mỗi đợt như vậy tôi thường trở nên cáu kỉnh và hay khóc.

Có một mối quan hệ phức tạp giữa giấc ngủ và bệnh động kinh, những người bị động kinh thường bị rơi vào tình trạng rối loạn giấc ngủ cao hơn so với người thường. Một số nhà khoa học tin rằng những sự kiện liên quan đến giấc ngủ như sợ ngủ và mộng du thực tế có thể là biểu hiện của các hoạt động co giật trong não bộ. Thỉnh thoảng, tôi mộng du – trong một số giai đoạn nó xảy ra khá thường xuyên, các giai đoạn khác ít hơn – từ khoảng sáu tuổi cho đến thời kỳ đầu tuổi thanh niên. Mộng du xảy ra trong khoảng ba tiếng đầu của giấc ngủ, khi sóng não của người ngủ tăng cường độ lớn, giấc ngủ sâu và không mơ màng. Thông thường, người mộng du không phản ứng lại nếu ai đó nói chuyện với họ và họ không nhớ chuyện gì xảy ra khi mộng du. Trong trường hợp của mình, tôi trèo ra khỏi giường, đi đi lại lại trên cùng một đường quanh phòng. Đôi khi bị va đầu vào tường hoặc cửa làm cha mẹ thức giấc, sau đó họ nhẹ nhàng dắt tôi lại giường. Mặc dù đánh thức người mộng du không có hại, tuy nhiên không nên làm thế vì có thể gây cho họ bối rối và lo lắng.

Cha mẹ đã làm một số việc để đảm bảo an toàn cho tôi vào đêm. Mỗi tối, họ dọn sạch đồ chơi trên sàn nhà trước khi tôi ngủ và bật một

bóng đèn ngoài hành lang. Họ cũng lắp một cái cửa ở đầu trên cầu thang sau một lần tôi mộng du xuống cầu thang, đi ra sau nhà và mọi người tìm thấy tôi đang kéo cửa bếp dẫn ra vườn.

Có lẽ, không quá ngạc nhiên, vào ban ngày tôi thường cảm thấy mệt mỏi như hết sạch năng lượng và điều duy nhất muốn làm là ngủ. Do đó, khi đến trường tôi thường gục đầu lên bàn và ngủ gật. Cha mẹ cung cấp đầy đủ thông tin về tôi cho các giáo viên nên họ luôn thông cảm và khoan dung với tôi. Tôi thường mất phương hướng khi thức giấc sau mười, hai mươi hoặc ba mươi phút ngủ, nhìn thấy lớp trống không, bạn bè chạy hết ra sân chơi, nhưng cô giáo luôn ở đó động viên tôi.

Ảnh hưởng tích lũy do phản ứng phụ của thuốc gây ra vào năm học đầu tiên của tôi đáng kể. Trong lớp, tôi cảm thấy khó tập trung và không học được với cường độ thích hợp. Tôi là học sinh cuối cùng trong lớp học thuộc được bảng chữ cái ABC. Giáo viên của tôi, cô Lemon, luôn khích lệ tôi hơn bằng cách thưởng cho tôi những thẻ màu nếu tôi mắc ít lỗi hơn khi viết. Tuy nhiên, tôi không bao giờ cảm thấy ngượng hay bối rối vì “lết” sau những đứa trẻ khác; chúng đơn giản không thuộc về thế giới của tôi.

Mỗi năm hai lần tôi đến Bệnh viện nhi Westminster ở London cùng với cha để nội soi cắt lớp não nhằm theo dõi bệnh. Chúng tôi đến viện bằng taxi, sớm như mọi khi và đợi đến lượt. Những năm đó tôi đã dành nhiều, rất nhiều giờ đồng hồ ngồi trong khu vực chờ của bệnh viện.

Sau ba năm, tôi được quyết định giảm dần sử dụng thuốc chống động kinh. Mẹ tôi lo sợ khi nghĩ rằng động kinh có thể trở lại, mặc dù thật may mắn cho tôi, cho đến bây giờ chưa lần nào bị lại. Những phản ứng phụ do dùng thuốc trước đây đều đã hết và việc học ở trường của tôi cũng được cải thiện nhiều.

Bệnh động kinh tác động như thế nào và di chứng – nếu có – của nó lên não tôi không rõ. Những cơn động kinh thời thơ ấu của tôi xuất phát từ thùy thái dương trái. Một số nhà nghiên cứu cho rằng nguyên nhân của khả năng bác học (savant ability) của tôi do chấn thương não trái dẫn đến hoạt động bổ sung, tăng cường của não phải. Điều này là do những kỹ năng phổ biến nhất ở người có khả năng đặc biệt như làm việc với con số và tính toán có liên hệ mật thiết với bán cầu não phải.

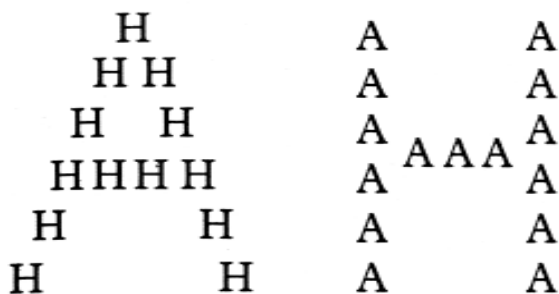
Tuy nhiên, không dễ xác định liệu động kinh có phải là nguyên nhân hay triệu chứng của tổn thương não trái và có thể những cơn động kinh thời thơ ấu của tôi xảy đến như là một hậu quả của tổn thương đã tồn tại sẵn trong não, có thể từ khi sinh.

Vì lý do này, các nhà khoa học rất quan tâm nghiên cứu những khả năng nhận thức của tôi để tìm hiểu nguyên nhân làm chúng khác biệt với người khác. Trung tâm Nghiên cứu Tự kỷ Cambridge đã tiến hành thực hiện một nghiên cứu vào mùa thu năm 2004. Giám đốc trung tâm là Simon Baron-Cohen, giáo sư về bệnh học tâm lý phát triển và là một nhà nghiên cứu hàng đầu về rối loạn tự kỷ.

Nghiên cứu tiến hành kiểm chứng lý thuyết “kết hợp trung tâm yếu”, lý thuyết này cho rằng những người tự kỷ dường như xử lý thông tin chi tiết mà bỏ qua thông tin chung (“bức tranh lớn hơn”), ngược lại hầu hết mọi người kết hợp thông tin vào văn cảnh và thực chất của vấn đề – thường bỏ qua những chi tiết nhỏ. Ví dụ, các nghiên cứu chỉ ra rằng trẻ tự kỷ nhận dạng khuôn mặt quen trong ảnh tốt hơn so với trẻ bình thường, khi chỉ đưa cho chúng một phần của khuôn mặt.

Trong nghiên cứu Navon, những người tham gia được yêu cầu xác định một mục tiêu lựa chọn xảy ra ở mức độ địa phương hoặc toàn diện. Trong bài kiểm tra của tôi tại trung tâm, các nhà khoa học yêu cầu tôi ấn nút bằng tay trái nếu nhìn thấy chữ “A” và bằng tay phải nếu không nhìn thấy. Hình ảnh được chiếu lên một màn hình trước

mặt tôi. Trong nhiều trường hợp tôi ấn “không”, sau đó vài giây tôi mới nhận ra cấu trúc của các chữ cái tạo nên hình chữ “A”. Các nhà khoa học gọi hiện tượng này là “giao thoa” và nó thường được dùng trong ảo giác quang học. Đối với hầu hết mọi người, giao thoa gây ra bởi hình ảnh chung – ví dụ, khi hình chữ “H” được tạo nên bởi các chữ cái nhỏ “A”, hầu hết mọi người sẽ không nhìn chữ “A” ngay lập tức vì hiệu ứng giao thoa họ nhìn ra chữ “H” trước. Đối với tôi, giống như những người tự kỷ khác, trái lại với hiện tượng giao thoa phải khó khăn lắm tôi mới nhìn ra hình chữ chung vì não tôi tập trung một cách tự động vào các chi tiết riêng biệt.



Trong hình minh họa trên, hình bên trái cho thấy chữ “A” được tạo nên bởi các chữ “H” nhỏ. Hình bên phải cho thấy chữ “H” được tạo nên từ các chữ “A” nhỏ.

Ở Australia, Giáo sư Allan Snyder – giám đốc Trung tâm về Trí tuệ của Đại học Sydney – thu hút sự chú ý với phát biểu rằng ông có thể tạo ra được khả năng giống như khả năng bác học nhờ sử dụng kỹ thuật kích thích từ xuyên sọ (TMS).

TMS đã được sử dụng như một công cụ y học trong phẫu thuật não, kích thích hoặc làm ức chế một phần đặc biệt của não cho phép bác sĩ giám sát ảnh hưởng của phẫu thuật. Đó là phương pháp phẫu

thuật không dùng dao kéo và có vẻ tránh được các ảnh hưởng phụ nghiêm trọng.

Giáo sư Snyder tin rằng tư duy của người tự kỷ không hoàn toàn khác người bình thường mà là một dạng thái quá của tư duy thông thường. Bằng cách ức chế tạm thời một vài hoạt động của não – ví dụ, khả năng nghĩ về khái niệm, văn cảnh – Giáo sư Snyder cho rằng có thể sử dụng TMS để gây ra tác động tăng cường tới các phần của bộ não chịu trách nhiệm thu thập thông tin thô, chưa lọc.

Ông hy vọng làm như vậy có thể tăng cường hoạt động của não bằng cách làm mất chức năng một số phần xác định của nó hoặc thay đổi cách não nhận biết các thông tin khác nhau.

Giáo sư đã sử dụng một cái nắp gắn với các điện cực đến máy TMS. Máy truyền các xung biến đổi năng lượng từ đến các thùy thái dương. Một vài người trải qua thí nghiệm cho rằng họ được nâng cao khả năng vẽ và đọc; vẽ động vật giống như thật và rất chi tiết, và đọc chính xác hơn.

Hầu hết mọi người đọc bằng cách nhận ra những kết hợp từ quen thuộc. Vì điều này, nhiều người bỏ qua lỗi nhỏ về chính tả hay lặp từ. Lấy ví dụ sau

*Một con chim trong tay
đáng giá hơn hai con
con trong bụi*

Đọc nhanh, nhiều người không phát hiện chữ “con” thứ hai, thừa trong câu trên.

Một lợi ích của việc xử lý thông tin từng phần so với cách truyền thống là có thông tin chi tiết hơn, tôi đọc soát lỗi rất giỏi. Vào các buổi sáng Chủ nhật, ngồi đọc những trang viết của tờ báo ngày, tôi có thể quấy rầy cha mẹ không ngừng với việc chỉ ra những lỗi chính tả và

ngữ pháp mà tôi tìm thấy. “Tại sao con không thể đọc báo giống như những người khác?” mẹ tôi bức bối hỏi, sau khi nghe tôi chỉ ra lỗi thứ mười hai trong tờ báo.

Giáo sư Snyder cho rằng các khả năng bác học có thể có ở mọi người, chỉ có điều không thể giải phóng được hầu hết các khả năng này. Ông tin rằng những cơn động kinh của tôi có thể đã đóng vai trò giống như những xung năng lượng từ trong máy TMS, tác động lên những vùng xác định của não, tạo nên những khả năng với các con số và hành xử ý thức khác.

Có nhiều ví dụ về những người có khả năng bác học sau khi bị bệnh hoặc tổn thương não. Một người trong số đó là Orlando Serrell, người bị một quả bóng rổ đập vào đầu hồi mười tuổi. Vài tháng sau đó anh ta bắt đầu nhớ lại một lượng thông tin khổng lồ, bao gồm số đăng ký xe, lời bài hát và dự báo thời tiết.

Sự biến đổi tương tự cũng được báo cáo trong trường hợp của các bệnh nhân bị chứng tâm thần phân liệt (FTD), bệnh thoái hóa não tác động đến các thùy thái dương và thùy trán. Khi bệnh tiến triển nó ảnh hưởng đến nhận thức, hành vi và trí nhớ. FTD hầu hết xảy ra với người trưởng thành ở độ tuổi bốn mươi, năm mươi và sáu mươi.

Bruce Miller, một nhà thần kinh học của Đại học California, San Francisco, nói rằng một vài bệnh nhân bị tâm thần phân liệt của ông phát triển sự quan tâm và khả năng về nghệ thuật và âm nhạc một cách tự phát. Nghiên cứu sử dụng hình ảnh não cho thấy đối với những bệnh nhân phát triển kỹ năng, lưu lượng máu hoặc hoạt động chuyển hóa giảm hơn nhiều ở thùy thái dương trái. Đồng thời, bán cầu phải của não, nơi quyết định khả năng xử lý không gian và thị giác, được giữ tốt hơn nhiều.

Có lẽ những cơn động kinh hồi nhỏ đã đóng vai trò quan trọng tạo nên con người tôi hiện nay. Nhiều người khác cũng cảm thấy như vậy

về trải nghiệm động kinh của họ, trong số đó có Fyodor Dostoevsky, nhà văn Nga thế kỷ mười chín – tác giả của một số tác phẩm cổ điển như *Tội ác và Trừng phạt*, *Anh em nhà Karamazov*, cũng bị một dạng động kinh thùy thái dương hiếm gặp gọi là “Động kinh mê” (Ecstatic Epilepsy). Những cơn động kinh của Dostoevsky hầu hết xảy ra vào ban đêm và thường ảnh hưởng tới toàn cơ thể. Trải nghiệm của ông về căn bệnh động kinh truyền cảm hứng cho ông viết nên các nhân vật bị bệnh động kinh trong bốn tiểu thuyết của ông: Kirilov trong *Lũ người quỷ ám* (The Possessed), Smerdyakov trong *Anh em nhà Karamazov*, Nellie trong *Những kẻ lăng mạ và tạt nguyên* (The Insulted and Humiliated) và Hoàng tử Myshkin trong *Thằng ngốc* (The Idiot).

Dostoevsky mô tả trải nghiệm của ông về động kinh như sau:

Nhiều lần tôi tận hưởng một cảm giác hạnh phúc không thể có được ở trạng thái bình thường mà nhiều người khác không hề có khái niệm về nó. Tôi cảm thấy như hòa mình hoàn toàn với bản thân và thế giới, cảm giác đó mạnh mẽ và ngọt ngào đến nỗi trong vài giây hạnh phúc như vậy người ta có thể đánh đổi mười năm hoặc có lẽ cả cuộc đời.

Tôi cảm thấy thiên đàng hạ xuống địa cầu nuốt chửng tôi. Tôi thực sự gặp Chúa và ngài bao phủ tôi. Tất cả các bạn, những người khỏe mạnh thậm chí không hoài nghi hạnh phúc là gì, hạnh phúc là cái mà những người động kinh trải qua một giây trước khi bị nó tấn công.

Nhà văn - nhà toán học Lewis Carroll cũng được cho là bị động kinh thùy thái dương và đó là cơ sở truyền cảm hứng cho tác phẩm nổi tiếng nhất của ông, *Cuộc phiêu lưu của Alice trong xứ xứ diệu kỳ*. Đoạn sau miêu tả trải nghiệm cảm giác rơi rất giống với cảm giác của một cơn động kinh:

Alice không có một khoảnh khắc để nghĩ đến việc dừng lại trước khi

phát hiện mình đang rơi xuống một cái giếng rất sâu... “Ồ!” Alice nghĩ thầm, “sau cú rơi như vậy, thì ngã cầu thang sẽ chẳng là gì!”... rơi, rơi, rơi. Cú ngã dường như không bao giờ dừng?

Một vài nhà nghiên cứu thậm chí tin rằng có thể có mối liên hệ giữa bệnh động kinh và sự sáng tạo. Nhà văn Eve LaPlante nói lên điều này trong cuốn sách của bà mang tên *Động kinh thùy thái dương như một hiện tượng lịch sử, y học và nghệ thuật*. Trong tác phẩm này, bà viện dẫn một trường hợp nổi tiếng về họa sĩ Vincent van Gogh, người đã phải chịu đựng những cơn động kinh nặng nề làm cho ông chán nản, nhầm lẫn và bị kích động. Tuy nhiên, bất chấp căn bệnh của mình, van Gogh đã tạo ra hàng trăm bức vẽ, tranh sơn dầu và nước màu.

Khoảng tám tuổi tôi đã viết một cách say mê trong vài tháng trên những ram giấy in, mỗi lúc như vậy tôi thường viết hàng tiếng đồng hồ liền, phủ đầy hết tờ này sang tờ khác với những chữ đan xen nhau chằng chịt. Cha mẹ phải mua cho tôi những cuộn giấy lớn vì tôi liên tục sử dụng hết. Tôi viết chữ rất nhỏ – một cô giáo của tôi phàn nàn rằng cô phải thay đổi kính để có thể đọc được bài của tôi – vì tôi sợ rằng nếu viết to sẽ nhanh hết giấy.

Những câu chuyện tôi viết, từ những cái mà tôi có thể nhớ được, rất sinh động – cả trang giấy có thể được sử dụng để mô tả các chi tiết khác nhau của một nơi hoặc địa điểm, màu sắc, hình dáng và cấu trúc của nó. Không có bất cứ đoạn hội thoại hay tình cảm nào. Thay vào đó tôi viết về các đường hầm dài dưới đại dương mênh mông, lung linh, về các hang có vách đá cheo leo và về những tòa tháp vươn lên bầu trời.

Tôi không phải nghĩ về những cái tôi viết, từ ngữ dường như chảy ra khỏi đầu. Thậm chí không có bất kỳ dự định ý thức nào, tuy thế các câu chuyện của tôi luôn có thể hiểu được. Khi tôi đưa một trong

những truyện của mình cho cô giáo, cô thích nên đọc to một số đoạn cho cả lớp nghe. Sự phấn khích viết của tôi nhanh chóng biến mất cũng bất ngờ như lúc nó xuất hiện. Tuy nhiên, nó để lại cho tôi một niềm đam mê không ngừng về từ ngữ và ngôn ngữ – một thứ mang lại lợi ích rất lớn cho tôi.

Ngày nay ngày càng có nhiều người bị động kinh mà vẫn có thể sống một cuộc sống bình thường nhờ vào những tiến bộ liên tục của y học và công nghệ. Dấu hiệu bệnh đi kèm với những người được chẩn đoán mắc bệnh như động kinh (và tự kỷ) đang biến mất một cách nhanh chóng. Mặc dù vậy, những rối loạn ảnh hưởng của chúng đến não vẫn chưa hiểu được. Tôi muốn khuyên các bậc cha mẹ có con cái bị động kinh phải giáo dục chúng càng nhiều càng tốt về căn bệnh này. Và trên mọi thứ, hãy đem lại tự tin cho những đứa trẻ này để chúng có thể tiếp tục theo đuổi những ước mơ và vì đó là những thứ sẽ hình thành nên mỗi người trong tương lai.



Đi học

TÔI BẮT ĐẦU ĐI HỌC còn Lee đi mẫu giáo vào tháng Chín năm 1984. Mỗi sáng, cha thường dắt tôi đến trường – thỉnh thoảng ông tỏ ra sốt ruột vì tôi đi quá chậm và liên tục dừng lại nhặt những hòn đá trên đường rồi giữ trong lòng bàn tay. Cô giáo tôi tên là Lemon^(*). Dáng cô cao gầy với mái tóc ngắn đen nhánh. Tôi thích tên cô bởi mỗi khi nghe, ngay tức khắc tôi hình dung ra hình dáng và màu sắc của quả chanh. Vì lẽ đó “lemon” là một trong những từ đầu tiên tôi học viết.

Ở trường, sau cổng chính có một phòng cho học sinh cất áo khoác trước khi vào lớp. Tôi không thích căn phòng đó một chút nào vì nó chỉ có một cửa sổ duy nhất trên cao và luôn luôn bao trùm bởi một bầu không khí tối tăm, u ám. Tôi cảm thấy sợ khi để áo lẫn trong đống đồ hay lấy nhầm cái khác giống cái của mình mang về. Tôi sợ đến nỗi phải đếm thứ tự móc áo để lấy đúng cái của mình. Mỗi khi đi vào phòng, nhìn thấy móc áo của mình không còn trống tôi rất lo lắng và hoang mang. Tôi nhớ một lần đã đi thẳng vào lớp cùng với chiếc áo khoác trên mình vì móc áo của tôi đã bị ai đó dùng mất trong khi vẫn còn rất nhiều móc áo trống.

* Tiếng Anh có nghĩa là quả chanh.

Phòng học của tôi hình chữ nhật, cửa vào ở phía bên phải. Trong phòng có nhiều ngăn kéo cho chúng tôi để bút chì và giấy viết. Mỗi ngăn kéo được dán tên họ đầy đủ của học sinh. Ngoài ra, mỗi người cũng được phát thêm cho một chiếc hộp nhựa và tên của học sinh được dán lên góc trái hộp. Hộp có khóa đóng, mở ở mặt trên. Chúng tôi dùng hộp để đựng những quyển sách đang đọc và các dụng cụ học tập khác. Tôi sử dụng hộp với sự quan tâm đặc biệt – thường xuyên nhốt cất sách vào đó mỗi khi đọc xong.

Bàn học của tôi nằm gần cuối lớp học, cạnh cửa sổ được trang trí bởi giấy màu sặc sỡ với nhiều hình vẽ của các bạn trong lớp trên đó. Từ chỗ ngồi, tôi có thể quan sát các bạn khác trong lớp mà không phải nhìn thẳng vào mắt họ. Cho đến hết năm học đầu tiên tôi vẫn không nhớ tên hay mặt của bất cứ đứa trẻ nào trong lớp – Tôi luôn cảm thấy bọn chúng là một cái gì đó mà tôi phải đối mặt, chiến đấu và tránh xa hơn là những người bạn cùng chơi.

Tôi thường khoanh tay trước ngực khi đứng hay đi lại trong lớp. Thỉnh thoảng tôi chỉ đứng một chỗ, nắm tay lại, sau đó duỗi lần lượt từng ngón hay vài ngón ra và chỉ lên trần. Một lần, tôi chỉ ngón tay giữa lên trần và vô cùng ngạc nhiên khi một thằng bé chạy đến bên và nói rằng tôi đang chửi thề. Tôi hỏi “Làm sao một ngón tay có thể chửi thề được?” thay vì trả lời câu hỏi của tôi nó gọi to mách cô giáo và ngay lập tức tôi bị cô giáo mắng vì có hành động thô lỗ.

Tôi rất thích nghe tiếng kèn buổi sáng vì tôi có thể đoán được khi nào tiếng kèn được cất lên. Nó luôn được thổi vào một thời điểm nhất định mỗi sáng. Cô giáo yêu cầu chúng tôi xếp hàng theo thứ tự ABC trước lớp rồi đi theo hàng vào sân trường. Khi chúng tôi bước vào sân trường, học sinh các lớp khác đã ngồi yên lặng theo các hàng thẳng tắp. Ấn tượng mạnh về những nghi thức và mệnh lệnh của các giáo viên làm cho tôi cảm thấy yên lòng. Mỗi khi như vậy tôi thường ngồi

trên sân trường, nhắm mắt lại, đung đưa người, ngậm miệng ngân nga – đó là điều tôi thường làm khi cảm thấy thoải mái và hài lòng.

Phần hay nhất của mỗi buổi tập trung toàn trường là những tiết mục hát thánh ca: “Ông ấy có cả thế giới trong tay” và “Yến mạch, Đậu Hà Lan và Lúa mạch lớn lên” là những tiết mục yêu thích nhất của tôi. Tôi nhắm mắt lại, chăm chú lắng nghe bọn trẻ hát, từng lời bài hát như chảy ra, hòa quyện vào nhau tạo nên những giai điệu tuyệt vời, đem lại cho tôi cảm giác thư thái, ấm áp. Nhạc luôn làm tôi cảm thấy bình yên và hạnh phúc. Thời gian tập trung toàn trường để lại dấu ấn khó quên nhất trong quãng thời gian đi học.

Cùng đến với Giáng sinh đầu tiên của tôi ở trường là vở kịch truyền thống Chúa giáng thế. Tôi được giao vai diễn người chăn cừu. Tôi sợ điếng người khi nghĩ phải đứng trước toàn trường, trước tất cả học sinh, các thầy cô và các bậc phụ huynh – tôi lo lắng đến mức đã từ chối không thử trang phục người chăn cừu hay tập lời thoại của vở kịch. Cuối cùng, mẹ phải động viên, dỗ dành tôi bằng những viên kẹo để tôi vào vai diễn. Trong khi vở kịch được trình diễn, tôi luôn cúi mặt xuống sàn suốt thời gian trên sân khấu nhưng cha mẹ vẫn vỗ về tôi rằng cha mẹ tự hào về tôi biết bao khi tôi có thể đảm nhiệm được vai diễn. Sau vở diễn tôi không muốn cởi bộ trang phục người chăn cừu ra vì thế cha mẹ đã phải thuyết phục cô giáo cho tôi mượn đến hết kỳ nghỉ Giáng sinh. Đêm hôm đó và những đêm tiếp theo cho đến tận năm mới, tôi luôn ngủ trong áo choàng và mũ của người chăn cừu.

Việc học ở lớp đối với tôi không dễ dàng chút nào. Tôi không thể tập trung, nếu có tiếng nói chuyện hay khi có người đi lại, chạy dọc hành lang bên ngoài. Tôi cảm thấy rất khó lọc những tiếng ồn và thường xuyên lấy ngón tay bịt tai để có thể tập trung. Em trai tôi, Steven cũng gặp vấn đề tương tự và thường xuyên phải dùng tai nghe để bịt tai mỗi khi muốn đọc hay suy nghĩ.

Bất cứ khi nào viết, tôi cũng nhìn chăm chú vào từng chữ cái, từng từ và từng dấu chấm. Nếu tôi phát hiện thấy một vết bẩn hay một lỗi nào đó tôi liền tẩy hết và bắt đầu viết lại từ đầu. Tính cách theo chủ nghĩa hoàn hảo đó đôi lúc khiến tôi làm việc với tốc độ rùa bò. Tôi gần như kiệt sức khi hoàn thành bài học mà không tiếp thu được bao nhiêu. Tuy nhiên, tôi chẳng bao giờ lo lắng rằng cô giáo đánh giá tôi là lười nhác hay thiếu năng lực và tôi cũng chẳng bao giờ quan tâm bọn trẻ nghĩ về mình như thế nào. Do đó, tôi không hiểu thế nào là rút kinh nghiệm từ những sai lầm của người khác.

Đối với tôi, viết là cả một vấn đề. Một số chữ đối với tôi rất khó viết, ví dụ như chữ *g* và *k*, tôi không thể nhớ được cách viết chúng thế nào. Tôi luyện viết chữ *g* và *k* trên hết tờ giấy này đến tờ khác để có thể nhớ, nhưng những nét vòng của chữ *g* và nét “cánh tay” của chữ *k* dường như không tác động lên trực giác của tôi. Và điều này diễn ra trong một thời gian dài, trước khi tôi có thể viết được chúng một cách tự tin. Tôi luôn bị tụt lại phía sau trong những bài viết chính tả vì thậm chí tôi không thể viết được một từ liền nét. Các chữ cái riêng lẻ đã thực sự khó với tôi, sự kết hợp chúng với nhau lại càng khó khăn gấp bội, tôi không thể viết những chữ như *gh* và *th* liền một nét. Thậm chí cho đến bây giờ, khi viết một từ, tôi phải viết từng chữ cái một cách riêng lẻ.

Một trong những đồ vật chúng tôi thường mang về nhà là những hộp cũ chứa đầy những dải giấy nhỏ. Trên mỗi dải có những từ khác nhau để học sinh tập đọc và mỗi tuần cô giáo đều kiểm tra xem chúng tôi học thế nào. Tôi thường đạt điểm cao trong những bài kiểm tra đó vì tôi có khả năng nhìn thấy mỗi từ đó trong đầu, dựa theo hình dáng của các chữ cái đã được định hình sẵn. Ví dụ từ *dog* (con chó), được tạo bởi ba vòng tròn cùng một đường thẳng hướng lên trên ở chữ cái đầu tiên và một nét móc hướng xuống ở chữ cái cuối cùng. Từ này thực sự khá giống hình con chó nếu bạn tưởng tượng đường

thẳng hướng lên là tai con chó và nét móc là đuôi của nó. Tương tự như vậy, hai chữ *o* trong từ *look* (nhìn) gọi cho tôi về đôi mắt. Những từ đối xứng – đọc từ trước ra sau hay ngược lại đều như nhau – như *mum* (mẹ) và *noon* (buổi trưa) đặc biệt đẹp đối với tôi và là những từ tôi yêu thích.

Từ khi bắt đầu đi học, tôi yêu thích và bị hấp dẫn hơn bởi những câu chuyện cổ tích – bản thân câu chuyện và các hình minh họa rắc rối choán hết suy nghĩ tôi với những bức tranh đầy màu sắc về những thành phố tràn đầy cháo đặc và nàng công chúa ngủ trên giường có hàng trăm chiếc nệm (có một hạt đậu phía dưới). Một trong những câu chuyện cổ tôi yêu thích là câu chuyện *Rumpelstiltskin* nổi tiếng của anh em nhà Grimm. Lúc lên giường đi ngủ, tôi thích nghe cha mẹ đọc những cái tên nghe rất lạ được Nữ hoàng đoán như tên của người đàn ông se chỉ tí hon: Kasper, Melchior, Belshazzar, Sheepshanks, Cruickshanks, Spindleshanks...

Một câu chuyện khác cũng thực sự tác động đến tôi là *Cháo đá*. Trong câu chuyện đó, một người lính lang thang đi đến một ngôi làng xin thức ăn và chỗ ngủ. Người dân trong làng vô cùng tham lam và ích kỷ, không cho người lính một chút thức ăn nào, vì thế người lính tuyên bố sẽ nấu món cháo đá chiêu đãi cả làng mà không cần xin bất cứ thứ gì ngoài một chiếc nồi lớn, nước và đá. Người dân trong làng nháo nhào ra xem khi người lính bắt đầu nấu món ăn và thè lưỡi nếm món ăn một cách thận trọng. Dĩ nhiên “Món cháo đá mà nấu với cái bắp thì khó mà có thể địch nổi!”, người lính tự nhủ bằng một giọng ồm ồm. Một người dân trong làng tiến lại gần, bỏ một cái bắp cải vào nồi. Sau đó, người lính lại nói “Tôi đã có món cháo đá với bắp cải và nếu có một ít thịt bò muối, đó sẽ là món ăn dành cho những vị vua!”. Đủ thuyết phục, người bán thịt trong làng mang đến một ít thịt bò muối. Dần dần, lần lượt những người khác trong làng mang

khoai tây, hành, cà rốt, nấm, v.v... cho vào nồi cho đến khi tạo thành một món ăn tuyệt vời đủ cho cả làng. Tại thời điểm đó, tôi rất bối rối, không hiểu câu chuyện bởi tôi không có khái niệm về mưu mẹo và không hiểu rằng người lính đã giả vờ làm món cháo đá để bịp người làng góp phần làm nên nó. Phải cho đến mấy năm sau tôi mới thực sự hiểu được câu chuyện.

Chỉ một vài hình ảnh kinh dị cũng làm tôi khiếp sợ thực sự. Mỗi tuần một lần, người ta đẩy vào lớp một cái tivi để chiếu các chương trình mang tính giáo dục. *Nhìn và đọc* là một sê-ri chương trình nổi tiếng cho trẻ em của hãng BBC và một trong số những chương trình được xem nhiều nhất là *Tòa tháp tối* kể về một cô gái trẻ, cùng với con chó của mình, chạy đua để truy tìm kho báu bí mật cất giấu trong ngôi nhà tối, cũ nát, xa lạ gọi là Tòa tháp tối. Sê-ri này được chiếu trên tivi hơn mười tuần.

Trong tập đầu tiên, cô gái trẻ – Tracy – phát hiện ra Tòa tháp tối và đồng thời cũng biết rằng nó bị ma ám. Đến cuối tập phim có cảnh một bức chân dung gia đình trong tòa tháp tự nhiên rung lên và căn phòng trở nên vô cùng lạnh lẽo. Tracy nghe thấy một tiếng nói cất lên, nói với cô rằng ngôi nhà đang bị nguy hiểm và cô phải cứu giúp nó. Tôi nhớ xem chương trình này với các bạn khác trong lớp, các bạn thì im thin thít, còn hai chân của tôi run lên dưới ghế. Tôi không cảm thấy thích bộ phim này một tí nào từ đầu cho đến khi nó kết thúc. Sau đó, đột nhiên như một chiếc công tắc bật lên trong đầu tôi nhận ra mình đang rất sợ hãi. Trong tình trạng bị kích động tôi chạy nhanh ra khỏi lớp, không quay lại cho đến khi chương trình tivi kết thúc. Nghĩ lại, tôi hiểu tại sao bọn trẻ lại trêu ghẹo tôi và gọi tôi là “thằng khóc nhè”. Khi đó tôi gần bảy tuổi và không có bạn nào khác trong lớp sợ những chương trình tivi như vậy dù chỉ là chút ít. Do đó, mỗi tuần một lần tôi được đưa đến phòng của thầy hiệu trưởng ngồi đợi trong lúc các

bạn cùng lớp xem tiếp các tập phim tiếp theo. Trong phòng thầy hiệu trưởng có một chiếc tivi nhỏ, tôi nhớ là đã xem đua mô tô – những chiếc xe chạy rất nhanh vòng quanh, vòng quanh một đường tròn; ít nhất đó cũng là một chương trình tivi tôi có thể xem được.

Một sê-ri khác của chương trình *Nhìn và đọc* ảnh hưởng đến tôi rất nhiều là *Qua mắt rồng*. Trong đó, có ba đứa trẻ đi xuyên vào bức tường mà chúng đã vẽ và lạc vào vùng đất lạ có tên là Pelamar. Vùng đất đang trong cơn hấp hối và lũ trẻ tìm cách cứu sự sống của mảnh đất bằng cách truy tìm những mảnh vỡ có dạng hình lục giác, màu sắc sặc sỡ bị mất sau một vụ nổ. Nhờ sự giúp đỡ của một con rồng tốt bụng tên là Gorwen, lũ trẻ thực hiện cuộc tìm kiếm những phần bị mất.

Khoảng thời gian đó, tôi không còn cấu kỉnh và giận dỗi như trước. Bởi tôi đã mười tuổi, lớn hơn trước, nhưng bản thân những chương trình tivi đó cũng thực sự hấp dẫn. Bộ phim có nhiều hình ảnh rất đẹp: bao quanh lũ trẻ là vô số những cảnh đẹp đẽ, đầy sắc màu khi chúng đi trên những con đường trên mảnh đất thần kỳ. Nhiều nhân vật trong sê-ri – những người nắm giữ sức mạnh của sự sống – được vẽ từ đầu đến chân bởi các màu rực rỡ như màu tía, màu da cam và màu xanh. Sau đó xuất hiện một con chuột to biết nói và một con sâu bướm khổng lồ. Trong một cảnh phim có những bông tuyết rơi bay bay, lũ trẻ vui vẻ chụp lấy giữ trong lòng bàn tay, nhờ một sự biến đổi kỳ diệu chúng biến đổi thành những chữ cái rồi sau đó hình thành nên các cụm từ (đầu mỗi giúp lũ trẻ tìm thấy một phần sức mạnh đã mất). Trong một cảnh khác, những ngôi sao trên bầu trời đêm tỏa sáng xuống con đường để con rồng Gorwen bay qua. Những cảnh tượng như thế thực sự hấp dẫn tôi bởi câu chuyện đó được kể chủ yếu thông qua hình ảnh, cách đó đối với tôi là dễ hiểu nhất, hơn nhiều so với các đoạn hội thoại.

Xem tivi ở nhà trở thành một thói quen của tôi sau khi đi học về. Mẹ nhớ

rằng tôi thường ngồi rất sát tivi và rất khó chịu nếu mẹ nhắc nhở tôi ngồi xa tivi hơn để bảo vệ mắt. Ngay cả khi thời tiết nóng nực tôi vẫn thường xuyên mặc áo khoác ở trường trong suốt thời gian xem các chương trình khác nhau, thậm chí đôi khi tôi vẫn mặc sau khi xem xong tivi. Tôi coi áo khoác của mình như một lớp bảo vệ chống lại thế giới bên ngoài giống như bộ áo giáp của các hiệp sĩ.

Trong khi đó, gia đình tôi có thêm thành viên mới. Cha mẹ không ai theo đạo, họ chỉ đơn giản dành tất cả tình yêu cho những đứa con và luôn muốn có một gia đình lớn. Em gái, Claire sinh vào tháng tôi bắt đầu đến trường, rồi hai năm sau đó em trai tôi Steven cũng chào đời. Chỉ một thời gian ngắn sau đó, mẹ tôi phát hiện bà lại tiếp tục mang bầu đứa con thứ năm, em trai Paul, do đó chúng tôi cần phải chuyển đến một ngôi nhà rộng rãi hơn. Lúc đầu, tôi không phản ứng nhiều với việc có thêm nhiều em mà chỉ lặng lẽ tự chơi một mình trong khi các em trai và em gái tôi hò hét, chạy nhảy, chơi ở tầng dưới và trong vườn nhà. Tuy nhiên sự hiện diện của những đứa em lại có ảnh hưởng rất tích cực đến tôi: nó giúp tôi phát triển các kỹ năng xã hội một cách từ từ. Luôn có người bên cạnh đã giúp tôi chịu đựng tốt hơn với sự ồn ào và thay đổi. Tôi cũng bắt đầu học được cách tương tác với những đứa trẻ khác qua việc quan sát các em chơi với nhau và chơi với bạn của chúng từ cửa sổ phòng ngủ của mình.

Chúng tôi chuyển đến số 43 đường Hedingham giữa năm 1987. Một điều rất thú vị là tất cả địa chỉ nhà thời thơ ấu của tôi đều là số nguyên tố: 5, 43, 181. Thú vị hơn nữa, địa chỉ những nhà hàng xóm bên cạnh nhà tôi cũng là các số nguyên tố: 3 (và 7), 41, 179. Những cặp số nhà tôi và nhà hàng xóm này được gọi là các cặp số “nguyên tố sinh đôi”, những cặp số nguyên tố chỉ cách nhau hai đơn vị. Các số nguyên tố sinh đôi ít hơn khi bạn đếm số lớn hơn, do đó, ví dụ để tìm hàng xóm

có địa chỉ là số nguyên tố bắt đầu bằng số “9” đòi hỏi một con đường rất dài; thực tế cặp số đầu tiên như vậy là 9.011 và 9.013.

Năm chúng tôi chuyển nhà là năm thời tiết vô cùng khắc nghiệt, kiểu thời tiết rất ít xảy ra. Đó là tháng Giêng lạnh nhất ở miền Nam nước Anh trong hơn một trăm năm, nhiệt độ xuống tới âm chín độ ở một vài nơi. Thời tiết giá lạnh làm băng tuyết dày và trường học phải đóng cửa. Bên ngoài, lũ trẻ con chơi ném bóng và đi xe trượt tuyết, còn tôi lại thích thú ngồi bên cửa sổ ngắm nhìn những bông tuyết rơi, bay nhẹ nhàng trên bầu trời. Sau đó, khi mọi người về nhà, tôi đi ra ngoài một mình, chất tuyết thành đống to ở trước vườn tạo nên những cái cột giống nhau cao vài chục centimet. Nhìn xuống từ phòng ngủ chúng tựa như những vòng tròn – hình yêu thích của tôi. Một người hàng xóm đến nhà tôi và nói với cha mẹ tôi rằng “Con trai ông bà đã tạo nên Stonehenge^(*) từ tuyết”.

Năm 1987 cũng là năm có cơn bão tháng Mười một lớn tới tệ nhất ảnh hưởng đến miền Đông-Nam nước Anh kể từ năm 1703. Những cơn gió to, tốc độ lên tới 100 dặm/giờ ở nhiều nơi và đã cướp đi mạng sống của mười tám người. Tối hôm đó, tôi đi ngủ nhưng không tài nào chợp mắt được. Cha mẹ mới mua cho tôi một bộ quần áo ngủ mới, nhưng vải mới làm tôi ngứa ngáy, tôi lăn qua lăn lại trên giường. Một tiếng động mạnh làm tôi thức giấc – cơn gió mạnh lật tung những viên ngói, hất văng xuống đường. Tôi trèo lên ngưỡng cửa sổ, nhìn ra ngoài: mọi nơi như bị quét hắc ín đen ngòm. Thời tiết lúc đó không rét mà lại ấm: thời tiết ấm vào khoảng thời gian đó trong năm là bất thường, bàn tay tôi luôn chảy mồ hôi và tôi bị kẹt khi nhảy xuống khỏi ngưỡng cửa sổ. Sau đó, có tiếng kéo kẹt từ trong phòng, cánh cửa mở ra và một ngọn nến trắng, dài với ngọn lửa leo lét xuất hiện. Tôi

* Stonehenge là di sản thiên nhiên của Anh được tạo nên từ những tảng đá xếp chồng lên nhau rất kỳ lạ.

nhìn chăm chăm vào ngọn nến cho tới khi mẹ tôi cất tiếng hỏi xem tôi có ổn không. Tôi không nói gì vì mẹ đang cầm cây nến trước mặt ở ngoài phòng, khi đó tôi tự hỏi, liệu mẹ có đưa cây nến cho mình không, giống như sinh nhật vừa qua bà đã mua cho tôi một cây nến đỏ để cắm trên chiếc bánh sinh nhật, nhưng tôi không muốn nhận cây nến này vì chưa đến ngày sinh nhật tôi.

“Con có muốn uống một cốc sữa nóng không?”

Tôi gật đầu đồng ý và chậm rãi đi theo mẹ xuống bếp. Căn phòng tối om vì điện tắt và chẳng có công tắc đèn nào hoạt động cả. Tôi ngồi xuống bàn cùng mẹ, uống cốc sữa sủi bọt mà bà đã chuẩn bị, và bao giờ cũng thế bà luôn rót sữa vào chiếc cốc yêu thích của tôi – một cái cốc đẹp được trang trí bằng nhiều dấu chấm đầy màu sắc sặc sỡ, tôi thường xuyên dùng nó để uống sữa. Sau đó mẹ dẫn tôi lên phòng, tôi leo lên giường, kéo chăn trùm kín đầu và ngủ.

Vào buổi sáng, cha đánh thức tôi dậy và nói hôm đó tôi không phải đi học. Nhìn ra ngoài từ cửa sổ phòng ngủ, tôi có thể thấy rõ những mái nhà tốc mái, đổ vỡ và rải rác nắp thùng rác trên đường, mọi người túm tụm vào bàn luận, rồi lắc đầu.

Dưới nhà, cả gia đình tôi ở trong bếp nhìn ra khu vườn sau nhà. Một cây cổ thụ ở cuối khu vườn bị bật rễ do gió bão, cành cây, gốc cây xiên ngang qua bãi cỏ. Phải mấy tuần sau cây mới được cưa và mang đi, trong khi đó tôi vui vẻ một mình leo trèo trên thân cây và trốn dưới những tán lá hàng giờ liền, lúc nào cũng vậy, tôi vào nhà với thân hình lấm lem, bộ rệp đầy người và đầy những nốt phỏng rộp.

Ngôi nhà tôi sống nằm ở đường Hedingham và chỉ cần qua đường là đến trường. Tôi có thể nhìn thấy nơi đỗ xe của giáo viên từ cửa sổ phòng mình, nơi tôi luôn cảm thấy bình an nhất. Hàng ngày, sau giờ học, tôi chạy nhanh lên phòng nhìn những chiếc xe rời khỏi bãi đỗ.

Tôi đếm từng chiếc một rời bãi và nhớ từng biển số xe. Chỉ đến khi chiếc xe cuối cùng rời bãi tôi mới xuống nhà ăn cơm.

Điều tôi nhớ nhất về ngôi nhà đó là hình ảnh hong tã lót trên lò sưởi và lũ em nheo nhóc đòi sữa. Một năm sau khi chuyển đến nhà mới, mẹ tôi sinh lần thứ sáu, sinh đôi. Cả nhà đều mong chờ sự ra đời của Maria và Natasha, đặc biệt là mẹ, vì mẹ đã sinh bốn con trai và chỉ có duy nhất một cô con gái, nên mẹ hy vọng sẽ sinh thêm nhiều con gái để cân bằng tỉ lệ giới trong gia đình. Khi mẹ từ bệnh viện trở về, mẹ gọi tôi xuống tầng để xem các em. Lúc đó là tháng Bảy, thời điểm nóng nhất của mùa hè – tôi đã hỏi mẹ rằng mẹ nóng à khi tôi nhìn thấy những sợi tóc dính đầy mồ hôi trước trán mẹ. Cha nhắc tôi ngồi xuống ghế sofa. Sau một hồi, cha từ từ bế hai em mới sinh trao cho tôi rất cẩn thận, tôi bế mỗi em một bên tay. Tôi nhìn hai em âu yếm, cả hai đều có má phúng phính rất dễ thương, những ngón tay nhỏ xíu và mặc quần áo màu hồng với hàng cúc áo nhựa bé tí. Một chiếc cúc áo bị tuột ra và tôi đã cài lại cho em.

Thêm nhiều thành viên mới cũng làm cho gia đình gặp những khó khăn mới. Thời gian tắm luôn phải nhanh chóng và lúc nào cũng đông người. Mỗi tối thứ Bảy vào lúc 6 giờ, cha lại xắn tay áo và gọi tất cả con trai bao gồm tôi, các em Lee, Steven, và Paul vào tắm chung. Tôi chẳng thích thời gian tắm một chút nào, phải dùng chung bồn tắm với các em, lại phải dội nước xà phòng nóng lên tóc và mặt, lũ em thì té nước vào nhau làm hơi nóng nghi ngút phòng. Tôi thường xuyên khóc nhưng cha mẹ luôn dỗ dành tôi tắm chung với các em. Quá nhiều người trong một ngôi nhà, nước nóng cũng trở nên khan hiếm.

Ngoài những vấn đề trong sinh hoạt, gia đình cũng gặp vấn đề về tiền nong. Với năm đứa trẻ dưới bốn tuổi, cha mẹ phải thường xuyên ở nhà chăm lo cho gia đình. Thiếu đi một khoản lương tạo nên rất nhiều áp lực hơn với mẹ và cha, việc tranh luận nên tiêu tiền vào việc gì, khi

nào và ở đâu ngày càng trở nên thường xuyên. Mặc dù thế, cha mẹ làm mọi thứ có thể để đảm bảo con cái không bị thiếu thức ăn, quần áo, sách vở hay đồ chơi. Mẹ tôi tìm kiếm hàng hóa dưới mức trung bình ở tổ chức từ thiện địa phương và các cửa hàng second-hand^(*) hay ở chợ rồi tạo nên những sản phẩm thẩm mỹ, trong khi đó, cha tôi khéo léo làm những công việc quanh nhà. Cha và mẹ cùng nhau tạo nên một đội hùng mạnh.

Tôi cố tránh xa sự huyền ảo hàng ngày ở gia đình; tôi và em Lee chung phòng ngủ, mọi người trong gia đình đều biết có thể tìm tôi ở đó bất kể thời gian nào trong ngày. Thậm chí vào mùa hè, khi các em trai và gái cùng nhau chạy lòng vòng dưới cái nắng gay gắt bên ngoài còn tôi lại ngồi dưới sàn trong phòng, chân vắt chữ ngũ và tay đặt lên đùi. Thảm của căn phòng dày, gọn sóng và màu thâm; tôi thường xuyên tò mò nhìn mu và lòng bàn tay bởi vì tôi thích cảm giác được nhìn những đường chỉ tay trên đó. Suốt khoảng thời gian ấm áp, ánh sáng mặt trời rót đầy vào căn phòng chiếu sáng các hạt bụi trong không khí quanh tôi như thể chúng hòa quyện với nhau thành một mảng sáng lốm đốm. Những lúc như vậy, tôi ngồi im lặng hàng giờ liền, chăm chú nhìn sự nhòa dần của màu sắc khi ngày trôi qua; bằng cách đó tôi có thể cảm nhận được sự chuyển động của thời gian.

Biết rõ nỗi ám ảnh của tôi về những con số, mẹ đưa cho tôi một cuốn sách câu đố toán học dành cho trẻ em mà mẹ đã mua ở hiệu sách cũ. Đó là khoảng thời gian tôi bắt đầu học tiểu học vì tôi nhớ thầy Thraves – thầy giáo tôi – đã dọa sẽ đuổi tôi ra khỏi lớp nếu tôi mang cuốn sách đó vào lớp. Thầy nghĩ tôi dành quá nhiều thời gian để nghĩ về những con số và không dành đủ thời gian để hòa nhập với các bạn trong lớp, và dĩ nhiên là thầy đúng.

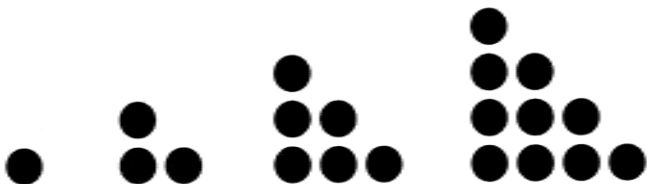
* Hàng đã qua sử dụng.

Một trong những bài tập trong cuốn sách có dạng: Có 27 người trong phòng, mỗi người bắt tay với những người còn lại. Hỏi tổng cộng có bao nhiêu cái bắt tay?

Khi đọc bài tập này, tôi nhắm mắt lại và tưởng tượng hai người đàn ông trong một quả bóng lớn, sau đó tôi tưởng tượng một nửa quả bóng bị kẹt trong một phần quả bóng lớn hơn với người thứ ba ở bên trong. Hai người trong bóng lớn bắt tay nhau và sau đó bắt tay với người thứ ba ở phần còn lại quả bóng. Điều đó có nghĩa có ba lần bắt tay giữa ba người. Tiếp theo tôi tưởng tượng nửa thứ hai còn lại của quả bóng bị kẹt trong quả bóng lớn hơn và có người thứ tư trong đó. Sau đó, hai người trong quả bóng lớn lần lượt bắt tay với người thứ tư và sau đó người đàn ông trong nửa quả bóng còn lại bắt tay với những người còn lại. Cuối cùng có sáu lần bắt tay giữa bốn người. Bằng cách này, tôi tiếp tục tính được thêm hai người nữa trong hai nửa quả bóng cho đến khi có sáu người và có mười lăm lần bắt tay. Chuỗi số lần bắt tay có dạng sau:

1, 3, 6, 10, 15...

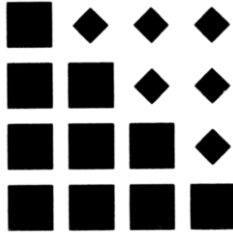
Tôi nhận ra rằng những số này là những số tam giác, những số có thể sắp xếp thành hình tam giác khi biểu diễn chúng như một chuỗi các dấu chấm, như hình sau:



Những số hình tam giác được hình thành như sau: $1+2+3+4+5\ldots$ ở đó $1+2=3$ và $1+2+3=6$ và $1+2+3+4=10$, v.v...

Bạn có thể nhận ra rằng hai số tam giác liên tiếp tạo nên một số

bình phương ví dụ $6+10 = 16$ (4×4) và $10+15 = 25$ (5×5). Để nhìn thấy điều này, quay số sáu đến khi nó khớp với góc phải bên trên số mười.



Nhận ra điều đó câu trả lời cho số lần bắt tay sẽ phải là một số tam giác. Tôi phát hiện mẫu hình giúp tìm ra lời giải. Tôi biết số tam giác đầu tiên – số 1 – bắt đầu từ hai người, số người ít nhất cần cho một lần bắt tay. Nếu dãy số tam giác bắt đầu với hai người, thì số thứ hai mươi sáu trong dãy sẽ trùng với số bắt tay của hai mươi bảy người với nhau.

Tiếp đó tôi nhìn thấy số mười, số thứ tư trong dãy, có liên hệ với số bốn với dạng: $4+1 \times 4/2$, và điều này cũng đúng cho tất cả các số khác trong dãy; ví dụ mười lăm, số tam giác thứ năm, $= 5 + 1 \times 5/2$. Do đó câu trả lời cho câu hỏi tương ứng với $26 + 1 \times 26/2 = 27 \times 13 = 351$ lần bắt tay.

Tôi thích thú giải những bài toán có dạng này; chúng giúp tôi có được cách tiếp cận với toán học theo một cách khác không theo cách dạy ở trường. Tôi dành hàng tiếng đồng hồ đọc và làm bài tập bất kể ở lớp, sân chơi hay trong phòng mình. Đọc những trang sách đó giúp tôi cảm thấy thoải mái và thanh thản. Sách và tôi trở nên gắn bó với nhau như hình với bóng.

Một trong những sự thất vọng lớn nhất của cha mẹ chính là niềm đam mê sưu tập nhiều thứ lặt vặt của tôi như sưu tập hạt dẻ ngựa màu nâu bóng thường rơi vào mùa thu từ những cây cổ thụ phủ kín con đường gần nhà. Cây cối là nguồn cảm hứng của tôi. Tôi thích cọ

lòng bàn tay vào vỏ cây sần sùi, thô ráp, rê ngón tay dọc theo những rãnh nứt trên vỏ cây. Lá roi tạo thành hình xoắn ốc trên không trung giống như hình xoắn ốc khi tôi làm phép chia.

Cha mẹ không thích tôi ra ngoài một mình do đó tôi thường nhặt hạt dẻ ngựa cùng em trai Lee. Có em tôi không cảm thấy phiền – có Lee như thêm một đôi tay. Tôi bốc từng vốc dẻ ngựa nhẵn và tròn trịa dưới đường vào lòng bàn tay (một thói quen tôi phải làm hàng ngày – hành động đó mang lại cho tôi cảm giác thoải mái mặc dù bây giờ tôi sử dụng đồng xu hoặc viên bi thay cho những hạt dẻ ngựa). Tôi nhét đầy túi dẻ ngựa. Nó giống như một sự cưỡng chế, bắt buộc với tôi, tôi nhặt hết những hạt dẻ ngựa mà tôi nhìn thấy, gom chúng vào một chỗ. Tôi cởi giày, tắt rồi bỏ đầy dẻ ngựa vào đó, đi chân đất về nhà với đầy dẻ ngựa trên tay và trong túi quần.

Về nhà, tôi đổ hết dẻ ngựa lên sàn phòng ngủ và đếm đi đếm lại. Cha lên phòng đưa cho tôi một túi nhựa và nói tôi đếm rồi bỏ chúng vào đó. Tôi dành hàng giờ liền mỗi ngày cho việc lượm nhặt những hạt dẻ ngựa và mang chúng về phòng rồi nhanh chóng cho vào bao chứa ở góc phòng. Cuối cùng, cha mẹ sợ quá nhiều dẻ ngựa sẽ ảnh hưởng đến trần nhà của phòng tầng dưới nên đem bao tải đó ra vườn. Cha mẹ cho phép tôi tiếp tục chơi với chúng trong vườn nhưng không được mang vào nhà, để phòng trường hợp các em gái tôi nghịch và nuốt phải. Nhiều tháng trôi qua, cuối cùng niềm yêu thích các hạt dẻ ngựa của tôi cũng suy giảm dần rồi những hạt dẻ ngựa trở nên mốc meo, cha mẹ phải mang vứt chúng vào bãi rác địa phương.

Một thời gian ngắn sau đó, tôi lại có niềm đam mê khác là sưu tập các loại tờ rơi với đủ kích cỡ khác nhau. Những tờ rơi thường xuyên được nhét vào thùng thư của nhà cùng với tờ báo địa phương hoặc bưu phẩm vào buổi sáng, tôi thực sự thích thú được sờ vào những mẫu giấy màu sáng và có hình đối xứng (tôi không quan tâm họ quảng

cáo cái gì – nội dung quảng cáo không thu hút tôi). Cha mẹ nhanh chóng phàn nàn về đồng giấy chất chồng lên nhau mà tôi tích lũy ở mọi nơi trong nhà từ ngăn kéo đến chạn bát, mỗi khi mở cửa chạn chúng đổ ập xuống sàn nhà. Cũng như hạt dẻ ngựa, nghiện sưu tập tờ rơi cũng dần dần phai nhạt theo thời gian làm cho cha mẹ khuấy khoả rất nhiều.

Khi ngoan ngoãn, tôi nhận được một khoản tiền bỏ túi. Ví dụ, nếu có nhiều tờ rơi trên sàn nhà, cha mẹ đề nghị tôi nhặt chúng lên và bỏ vào ngăn kéo, đổi lại, cha mẹ thưởng tiền xu cho tôi, vì cha mẹ biết rằng tôi thích các hình tròn. Tôi dành nhiều thời gian cẩn thận sắp xếp những đồng xu chồng lên nhau cho đến khi tạo nên những tháp tiền xu cao vài chục centimet lấp lánh, chệnh vênh. Mẹ thường đổi nhiều tiền lẻ ở cửa hàng vì thế tôi thường xuyên được cung cấp tiền xu cho những tháp tiền của mình. Thỉnh thoảng tôi xếp chồng nhiều cột bằng nhau quanh mình thành hình tròn và ngồi vào giữa, những lúc như thế thường mang lại cho tôi cảm giác yên bình và an toàn.

Khi Thế vận hội diễn ra tại thủ đô Seoul Hàn Quốc vào tháng Chín năm 1988, có nhiều màn biểu diễn và âm thanh trên tivi cuốn hút tôi, sự kiện này không giống như những thứ tôi đã từng xem trước đó. Với 8.465 vận động viên tham gia từ 159 quốc gia, đây là Thế vận hội lớn nhất trong lịch sử. Có nhiều cảnh tượng khác lạ, những vận động viên bơi lội lướt trên làn nước sủi bọt, lấp lánh, đầu trời lên rồi hạ xuống một cách nhịp nhàng sau mỗi sải bơi; những vận động viên chạy nước rút có đôi chân và tay rắn chắc, xạm đen với tốc độ thần tốc đến mức tưởng như không thể nhìn thấy từng bước chạy; những vận động viên thể dục dụng cụ uốn mình, nhào lộn và xoay người trên không. Tôi mãi mê xem các bản tin Olympic nhiều nhất có thể từ phòng khách, cả các trận đấu lẫn các sự kiện. Thật may mắn cho tôi khi cô giáo đề

ngợi cả lớp làm một tiểu luận về Thế vận hội Seoul. Tôi dành một tuần sau đó để cắt dán hàng trăm bức ảnh các vận động viên và các sự kiện từ báo và tạp chí lên một tấm giấy cạc-tông đầy màu sắc, cha đã giúp tôi cắt hình. Việc lựa chọn cách trình bày bằng hình ảnh sao cho logic tạo nên cái nhìn toàn cảnh về Thế vận hội: những vận động viên mặc đồ đỏ được dán trên một góc của tấm giấy, còn những vận động viên mặc màu vàng được đặt ở một góc khác, vận động viên màu trắng ở góc thứ ba và cứ tiếp tục như vậy. Trên những tờ giấy có dòng kẻ nhỏ hơn tôi viết nắn nót danh sách tên tất cả các quốc gia mà tôi tìm thấy trên báo có vận động viên tham dự Thế vận hội. Tôi cũng viết một danh sách dài tất cả các sự kiện khác nhau, bao gồm Taekwondo – môn thể thao quốc gia của Hàn Quốc – và bóng bàn, môn thi đấu đầu tiên ở Seoul. Có cả một bảng thống kê, kết quả gồm các mốc sự kiện, thời gian thi đấu, những kỷ lục mới và huy chương. Cuối cùng, có nhiều mẫu giấy nhỏ được cắt và viết đến nỗi cha phải đục lỗ mỗi tờ và khâu chúng lại vào một sợi dây. Trên bìa trước tôi vẽ một bức tranh những vòng tròn Olympic với các màu xanh, vàng, đen, lá cây và đỏ. Cô giáo cho bài tiểu luận của tôi điểm cao nhất vì thời gian và công sức tôi đã dành cho nó.

Đọc về các quốc gia khác nhau tham dự Thế vận hội thôi thúc ham muốn hiểu nhiều hơn về những quốc gia này của tôi. Tôi nhớ đã mượn một cuốn sách ở thư viện về các ngôn ngữ khác nhau trên thế giới. Trong đó mô tả và minh họa những chữ cái ABC Phoenician cổ. Ngôn ngữ này xuất hiện vào khoảng 1000 năm trước Công nguyên và được cho là nguồn gốc của nhiều hệ thống ABC của ngôn ngữ thế giới hiện đại, bao gồm: Hebrew và Ả Rập, Hy Lạp và Cyrillic. Cũng giống như ngôn ngữ Hebrew, Ả Rập, Phoenician cổ là một hệ thống chữ chỉ có phụ âm, không có ký hiệu nguyên âm, chúng được suy diễn từ những văn cảnh cụ thể. Toàn bộ từ thường được viết từ phải sang trái.

Tôi rất hứng thú với cách phân biệt những dòng và đường vòng của mỗi chữ cái khác nhau và thậm chí bắt đầu viết trên hết tập giấy này đến tập giấy khác cùng với nhiều câu chuyện và câu dài bằng ngôn ngữ cổ ấy. Sử dụng những cục phấn màu, tôi phủ lên thành tường trong khu vườn nhà với những từ yêu thích hoàn toàn tạo bởi chữ Phoenician cổ. Dưới đây là tên tôi, “Daniel”, trong tiếng Phoenician cổ:



Năm tiếp theo, khi lên mười, một bác hàng xóm mất và một gia đình trẻ chuyển tới. Một ngày nọ, một cô bé tóc vàng đến nhà tôi và mẹ ra mở cửa, cô bé nói rằng, đã nhìn thấy một bạn gái nhỏ tuổi chơi ở ngoài từ nhà tôi (cô bé đó chắc là em gái tôi, Claire) và hỏi rằng bé có thể đến và chơi cùng em tôi được không. Mẹ tôi giới thiệu cô bé đó với em gái tôi và tôi – mẹ nghĩ rằng đó là một cơ hội tốt cho tôi để hòa nhập với những đứa trẻ hàng xóm – và chúng tôi thường qua nhà cô bé đó chơi, ngồi dưới mái vòm trước vườn. Em gái tôi và cô bé hàng xóm nhanh chóng trở thành bạn tốt và thường xuyên chơi cùng nhau suốt cả ngày trong vườn nhà cô bé. Tên cô bé là Heidi cỡ khoảng 6 hoặc 7 tuổi. Mẹ của bé là người Phần Lan nhưng cha lại là người Scotland vì vậy lớn lên Heidi nói tiếng Anh và chỉ đến bây giờ mới bắt đầu học những từ trong tiếng Phần Lan đầu tiên.

Heidi có một vài cuốn sách dành cho trẻ em với nhiều hình vẽ sáng, sặc sỡ và từ ngữ diễn tả chủ đề ở dưới là tiếng Phần Lan. Dưới các hình vẽ của quả táo đỏ, sáng màu là từ *omena* và dưới hình đôi giày là chữ *kenkä*. Đôi khi hình dáng và âm thanh của một số từ Phần Lan rất đẹp đối với tôi khi đọc và nghe. Trong khi em gái tôi và Heidi chơi cùng nhau tôi ngồi và học những cuốn sách đó, tôi đã học được rất

nhiều từ. Mặc dù chúng rất khác biệt so với những từ trong tiếng Anh nhưng tôi có khả năng học chúng rất nhanh và nhớ tất cả một cách dễ dàng. Bất kể lúc nào rời khỏi khu vườn nhà Heidi tôi đều quay lại và nói với cô bé, *Hei Hei!* – “tạm biệt” trong tiếng Phần Lan.

Mùa hè năm đó, lần đầu tiên tôi được phép đi bộ một đoạn ngắn đến trường và trở về nhà. Con đường có những hàng rào thẳng và một buổi chiều khi rảo bước từ trường về nhà tôi nhìn thấy một con côn trùng màu đỏ nhỏ xíu có những chấm đen trên thân đậu trên hàng rào. Tôi bị hấp dẫn bởi con côn trùng đó vì thế tôi ngồi xuống vỉa hè và nhìn thật gần cho đến khi nó bò qua rồi xuống dưới các lá nhỏ và cành cây, rồi cứ thế, dừng lại, tiếp tục bò, sau đó dừng lại và cứ tiếp tục như thế trong hành trình của nó. Cái lưng của con côn trùng tròn và bóng, tôi đếm đi đếm lại những chấm trên lưng của nó. Những người qua đường phải đi vòng qua tôi, một số người cần nhằn không thành tiếng. Tôi chặn đường họ nhưng lúc đó tôi chẳng nghĩ gì cả, rồi một con bọ rùa hạ cánh ngay trước mặt tôi. Một cách cẩn thận tôi đưa ngón tay cho nó bò lên, sau đó chạy về nhà.

Trước đó, tôi chỉ mới nhìn thấy bọ rùa qua những bức tranh trong sách, nhưng tôi đã đọc và biết tất cả về chúng, ví dụ, chúng được coi là biểu tượng của nhiều nền văn hóa bởi vì chúng tiêu diệt những loại bọ có hại (chúng có thể ăn từ năm mươi đến sáu mươi con rệp vùng mỗi ngày) và bảo vệ mùa màng. Thời Trung cổ, những người nông dân cho rằng sự giúp đỡ của bọ rùa rất thiêng liêng nên chúng được đặt tên sau tên Đức mẹ đồng trinh. Những chấm đen của bọ rùa hấp thụ năng lượng mặt trời, chính màu sắc đó làm kẻ thù tránh xa chúng vì hầu hết những loài có màu sắc sỡ có liên hệ với chất độc. Chúng cũng sản sinh ra một chất hóa học mà khi ném hay ngửi rất kinh khủng, do đó kẻ thù không thể ăn thịt chúng.

Tôi cảm thấy rất hào hứng về khám phá của mình và muốn sưu tầm

bọ rùa. Khi mẹ nhìn thấy tôi đi qua cửa trước với một con côn trùng trong tay bà nói với tôi rằng nó rất bẩn và tôi nên nói “bọ rùa, bọ rùa, bay khỏi nhà tao”, nhưng tôi không nói như thế vì tôi không muốn nó bay đi. Ở tầng trên trong phòng tôi có một ống nhựa để cất bộ sưu tập tiền xu. Tôi đổ các đồng xu thành một đống trên sàn, lấy ống nhựa và cho con bọ rùa vào. Sau đó tôi lại chạy ra ngoài đường tìm kiếm trên các bờ gậu mấy tiếng liền cho đến khi trời tối sầm xem có thấy con bọ rùa nào nữa không. Mỗi khi tìm được một con, tôi nhẹ nhàng lấy tay bắt và bỏ vào trong ống nhựa cùng những con bọ rùa khác. Tôi đã đọc được rằng bọ rùa thích ăn lá và rệp vừng, vì thế tôi bứt nhiều lá và một vài nhánh tầm ma có rệp vừng ở các bờ gậu cho vào ống.

Trở về nhà tôi mang ống nhựa lên phòng mình và đặt nó trên bàn cạnh giường. Tôi dùng kim đục vài lỗ nhỏ trên thành ống để bọ rùa có nhiều không khí và ánh sáng trong ngôi nhà mới của chúng, sau đó tôi đặt một cuốn sách nặng lên miệng ống để chúng không thể bay ra. Tuần kế tiếp mỗi ngày sau khi đi học về tôi đều đi bứt lá và rệp vừng cho bọ rùa. Tôi phun nước vào một số lá để chúng không bị khát.

Ở lớp, tôi liên tục nói về những con bọ rùa đến nỗi thầy tôi, thầy Thraves, thấy bức mình và yêu cầu tôi mang những con bọ rùa đến lớp. Ngày hôm sau tôi mang những con bọ rùa theo cho thầy và các bạn trong lớp chiêm ngưỡng bộ sưu tập bọ rùa của tôi. Đến thời điểm đó tôi đã bắt được hơn trăm con bọ rùa. Thầy giáo xem qua và bảo tôi bỏ ống xuống bàn thầy. Thầy đưa tôi một mảnh giấy và bảo tôi đưa mẫu giấy đó cho một giáo viên lớp bên. Tôi đi vài phút và quay lại. Thầy Thraves lo ngại lũ bọ rùa thoát ra và bay đầy lớp nên đã nói một học sinh đem ống ra ngoài và giải phóng tất cả số bọ rùa. Khi biết chuyện xảy ra, tôi cảm thấy như đầu sắp nổ tung. Tôi bật khóc và chạy ra khỏi lớp, thẳng về nhà. Tôi giận thầy Thraves cùng cực và không nói

với thầy một lời nào nhiều tuần sau đó và thậm chí trở nên kích động khi thầy gọi tên tôi.

Những lúc khác thầy Thraves là một người tốt, tốt một cách khác thường với tôi. Mỗi khi cảm thấy lo lắng hoặc mệt mỏi thầy đưa tôi đến phòng nhạc của trường để giúp tôi bình tĩnh trở lại. Thầy là một nhạc sĩ và thường chơi ghi-ta cho học sinh trong lớp nghe trong tiết học của thầy. Phòng nhạc chứa đầy nhạc cụ bao gồm chũm chọe, trống và một cái piano. Chúng được sử dụng trong các dịp lễ trong năm. Ông chỉ cho tôi những phím piano tạo ra các nốt khác nhau như thế nào và dạy tôi chơi những giai điệu đơn giản. Tôi thích thăm phòng nhạc và thích được ở một mình bên chiếc piano và thực hành trên các phím đàn. Tôi luôn luôn thích nhạc vì nó giúp tôi giải tỏa lo lắng và làm cho tôi cảm thấy bình tĩnh và yên bình.

Suốt thời gian đi học tôi thường cảm thấy lo lắng rất nhiều. Tôi cảm thấy bối rối khi có sự kiện gì đó ở trường yêu cầu tất cả học sinh phải tham gia hoặc những thay đổi khác với sinh hoạt bình thường ở lớp. Khả năng có thể dự đoán được rất quan trọng đối với tôi, điều đó đem lại cảm giác làm chủ tình huống, một cách tránh lo lắng, ít nhất là tạm thời. Ở trường tôi không bao giờ cảm thấy thoải mái và hiếm khi cảm thấy vui vẻ, trừ khi được để một mình làm thứ mình thích. Đau đầu và đau dạ dày là những tín hiệu cho thấy tôi đã căng thẳng như thế nào trong quãng thời gian này. Đôi khi, tệ đến mức tôi không muốn nhìn thấy lớp học một tí nào, ví dụ nếu tôi đến lớp muộn vài phút và nhận thấy cả lớp đã đi tập trung. Tôi khiếp sợ khi nghĩ một mình bước vào sảnh và cũng không muốn chờ đợi cả đám đông lũ trẻ ồn ào trở về, vì thế tôi đi bộ một mạch về nhà và lên phòng mình.

Ngày hội thể thao hàng năm của trường cũng thật khốn khổ đối với tôi. Tôi không có một chút hứng thú nào tham gia và chơi thể thao. Trong ngày hội, nhiều đám đông reo hò, cổ vũ cho các môn thi đấu

như nhảy bao bố và chạy thi giữ trứng trong thìa, đám đông và sự ồn ào (và thường đi kèm với cái nóng của mùa hè) quá sức chịu đựng của tôi. Cha mẹ thường cho phép tôi ở nhà hơn là mạo hiểm để tôi tham gia sự kiện này. Nếu tôi cảm thấy bị lấn át trong tình cảnh ấy thì mặt tôi trở nên đỏ bừng và tôi có thể đập vào bên đầu rất mạnh cho đến khi đau nhức. Tôi cũng có cảm giác vô cùng căng thẳng đến nỗi tôi phải làm vài thứ gì hay bất cứ gì để thoát khỏi tình cảnh đó.

Điều đó xảy ra một lần trong một giờ học về khoa học. Thầy Thraves giúp một trong những học sinh chuẩn bị thí nghiệm buộc một quả bóng trên đầu một sợi dây. Bị hấp dẫn bởi cảnh tượng lạ đó – không nhận ra đó là một phần của bài thí nghiệm đang được tiến hành – tôi đi đến chỗ con lắc và bắt đầu chạm vào và kéo nó bằng các ngón tay của mình. Lúc đó thầy giáo trở nên khó chịu và chặn tôi lại mà không có lý do gì (ít nhất chỉ có ông ấy hiểu) và nói tôi đi ra, nhưng tôi không hiểu tại sao ông ấy lại giận dữ với tôi và trở nên không rõ ràng và khó chịu như vậy. Tôi chạy ra khỏi lớp, đóng sầm cửa lại với lực mạnh đến nỗi làm cho cửa kính vỡ thành nhiều mảnh nhỏ. Tôi vẫn còn nhớ nghe rõ tiếng ồ lên kinh ngạc của lũ trẻ sau mình khi tôi chạy ra khỏi lớp. Khi về nhà cha mẹ giải thích rằng tôi phải cố gắng rất nhiều để không phản ứng như thế lần nữa. Họ đã phải đến gặp thầy hiệu trưởng, viết một lá thư xin lỗi và đồng ý trả tiền thay cửa bị vỡ.

Một ý tưởng của cha mẹ giúp tôi kiểm chế cảm xúc tốt hơn là dạy tôi nhảy dây. Họ hy vọng tôi sẽ cải thiện khả năng kết hợp các kỹ năng và khuyến khích tôi chơi ngoài trời, ngoài phòng của mình, nhiều hơn. Mặc dù cũng phải mất thời gian để làm quen nhưng nhanh chóng sau đó tôi có thể nhảy được trong khoảng thời gian dài, khi đó tôi cảm thấy dễ chịu hơn và bình tĩnh hơn. Khi nhảy tôi đếm từng vòng một và nhìn thấy các hình dáng, kết cấu các con số khi tôi tưởng tượng về nó.

Tôi thường cảm thấy lấn lộn khi được đưa các bài tập số học trong

lớp cùng với nhiều con số được in bằng mực đen. Đối với tôi, nó dường như là những tờ giấy đầy lỗi. Tôi không thể luận ra, ví dụ như, tại sao số tám không to hơn sáu, hoặc tại sao số chín lại không phải màu xanh mà lại là màu đen. Tôi cho rằng, trường học đã in quá nhiều số chín trong những tờ bài tập trước cho nên bây giờ không còn mực để in màu đúng. Khi viết câu trả lời trên bài kiểm tra, giáo viên phàn nàn rằng chữ viết của tôi không đều và quá lộn xộn. Tôi được dạy phải viết các số bằng nhau. Tôi không thích phải viết các con số mà không đúng. Ngoài tôi ra chẳng đứa trẻ nào phiền lòng vì điều đó cả. Ở tuổi thiếu niên tôi đã nhận ra rằng nhận thức của tôi về những con số rất khác với chúng bạn.

Tôi luôn thực hiện các phép toán rất nhanh so với những đứa trẻ khác trong lớp. Theo thời gian, tôi tiến bộ, theo đúng nghĩa đen của nó, sách đối tôi quan trọng hơn mọi thứ khác. Sau khi hoàn thành, cô giáo yêu cầu tôi ngồi vào bàn và yên lặng để không làm ảnh hưởng đến các bạn khác trong khi chúng làm bài. Lúc đó tôi úp mặt lên tay và nghĩ về các con số. Đôi lúc trong khi chìm vào suy nghĩ tôi rên nhẹ mà không nhận ra là mình đang làm thế cho đến khi cô giáo đến gần, khi nhận ra cô đến tôi mới dừng rên.

Để giết thời gian tôi tạo ra những mã riêng của mình, thay những chữ bằng con số, ví dụ: “24 1 79 5 3 62” là mật mã của “Daniel”. Ở đây, tôi ghép cặp các chữ trong bảng chữ cái: (ab), (cd), (ef), (gh), (ij), v.v... và gán cho mỗi cặp một số từ 1-13: (ab)=1, (cd)=2, (ef)=3, (gh)=4, (ij)=5, v.v... Sau đó chỉ cần phân biệt giữa mỗi chữ cái trong cặp chữ. Tôi làm điều này bằng cách thêm một số ngẫu nhiên nếu tôi cần chữ thứ hai trong mỗi cặp, mặt khác tôi chỉ đơn giản viết con số tương ứng với cặp chứa chữ đó. Như vậy “24” có nghĩa là chữ thứ hai trong cặp thứ hai, “d”, trong khi đó “1” là mật mã của chữ đầu tiên trong cặp chữ đầu tiên, “a”.

Sau khi xin phép cô giáo, tôi thường mượn các cuốn sách giáo khoa toán về nhà. Tôi nằm sấp trên sàn nhà trong phòng của mình, đầy sách bao quanh và làm các phép toán hàng giờ liền. Một lần, em trai tôi Lee vào phòng và quan sát tôi. Biết rằng tôi thích nhân một số với chính nó, nó liền đưa ra vài phép toán cho tôi tính và kiểm tra kết quả với một máy tính cá nhân: “ 23×529 ” “ 48×2304 ” “ 95×9025 ”. Sau đó Lee đưa ra một phép toán lớn hơn nhiều: “ $82 \times 82 \times 82 \times 82$?” Tôi nghĩ khoảng mười giây, tay tôi siết chặt và đầu chứa đầy các hình, màu sắc và cấu trúc. Tôi trả lời “ $45.212.176$ ”. Em trai tôi không nói gì, vì thế tôi nhìn nó. Mặt nó trông khác lạ; nó đang cười. Chưa bao giờ chúng tôi gần gũi như thế. Đó là lần đầu tiên tôi thấy nó cười với tôi.

Mùa hè cuối cùng của tôi ở Dorothy Barley, các giáo viên trong trường tổ chức một chuyến đi kéo dài một tuần cho nhiều lớp trong đó có cả lớp tôi đến Trewern, một trung tâm vui chơi ngoài trời nằm ở nông thôn trên biên giới Vương quốc Anh và xứ Wales. Cha mẹ cho rằng đó sẽ là cơ hội tốt cho tôi để sống trong một môi trường khác trong vài ngày. Đến đón chúng tôi và các thầy cô giáo là một người tài xế sắc mùi thuốc lá với một xe chở khách bóng bẩy. Cha đã giúp tôi gói ghém quần áo và sách vở cho chuyến đi và đi tiễn tôi.

Tại trung tâm, các học sinh được chia ra thành các nhóm nhỏ và mỗi nhóm được phân cho một cái lều để ở trong một tuần. Trong mỗi lều chỉ đủ không gian cho những chiếc giường tầng, một cái bồn rửa, một cái bàn và một cái ghế. Tôi ghét đi xa nhà vì mọi thứ bị đảo lộn và tôi thấy khó đối phó với nhiều sự thay đổi. Chúng tôi phải dậy rất sớm – khoảng năm giờ sáng – mặc quần soọc, áo thun và chạy quanh một cái sân. Trong thời gian ở trung tâm tôi luôn bị đói vì ở đó không có bất kỳ một loại thực phẩm nào mà tôi hay ăn ở nhà, ví dụ như bánh xăng-uych bơ đậu hoặc bánh quy Weetabix. Tôi cũng có rất ít thời gian cho bản thân vì mọi ngày chúng tôi phải tham gia vào các hoạt động tập thể.

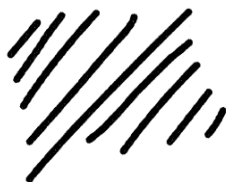
Một trong nhiều hoạt động đó là cưỡi ngựa, được thực hiện bởi cơ sở huấn luyện ngựa địa phương. Trong một ngày chúng tôi phải học làm thế nào để điều khiển được ngựa, sau đó cưỡi ngựa đi một vòng trên những con đường trong khu vực cùng với người hướng dẫn. Tôi cảm thấy rất khó giữ thăng bằng trên lưng ngựa và luôn bị trượt khỏi yên ngựa, do đó tôi giữ cương rất chặt để khỏi ngã. Một trong những chủ ngựa nhìn thấy tôi và rất giận dữ quát tôi. Bà ta rất yêu quý ngựa, nhưng tôi thì không hiểu đã làm sai điều gì làm bà ta hết sức khó chịu. Sau đó, tôi rút dần ra khỏi các hoạt động tập thể và dành hết thời gian có thể trong lều một mình.

Còn có những hoạt động tập thể khác, trong đó có khám phá một cái hang ngầm. Trong hang rất tối vì vậy mọi người phải đội mũ gắn đèn. Hang lạnh, ẩm ướt, nhầy nhụa và tôi rất vui mừng khi đi ra khỏi hang trên một cây cầu gỗ bắc qua một dòng suối. Tôi đi chậm rãi qua cầu, một trong những cậu bé trong nhóm chạy lên, phá lên cười và đẩy mạnh làm tôi rơi xuống nước. Bị sốc, tôi im lặng một lúc lâu và ngồi trong dòng nước cạn, quần áo ướt đầm, dính vào người. Sau đó tôi trèo lên và đi về lều, mặt đỏ bừng, cố gắng hết mức để không khóc sau khi mất điều khiển bất ngờ. Bị bắt nạt là vấn đề đối với tôi bởi vì tôi khác biệt và sống khép mình. Thỉnh thoảng, cũng có một vài đứa trẻ trong lớp trêu chọc hoặc đặt cho tôi biệt danh vì tôi không có bạn bè. Thật may mắn chúng luôn chán nản và bỏ đi vì tôi không đáp trả. Những việc như vậy càng làm mạnh hơn ý thức trong tôi rằng tôi là một người ngoài cuộc và không thuộc về lớp.

Có một điểm sáng trong tuần tại Trewern – trong buổi tổng kết của chuyến đi, những nhân viên tại trung tâm trao giải cho các nhóm khác nhau; nhóm của tôi được giải lều sạch nhất.

Đối với tôi, ở nhà luôn là tuyệt vời nhất, đó là nơi tôi cảm thấy an toàn và tĩnh tại. Chỉ có một nơi khác cũng đem lại cảm giác như vậy

cho tôi đó là ở thư viện. Từ khi có thể đọc hàng ngày tôi bắt cha mẹ đưa tôi đến tòa nhà nhỏ làm bằng gạch với những bức tường đầy các hình vẽ graffiti, trong tòa nhà có một phòng với từng hàng giá sách nối tiếp nhau chứa đầy những cuốn sách bìa cứng được gắn mã cho trẻ em và túi đậu màu sáng ở góc nhà. Hàng ngày, tôi đều đến thư viện sau khi tan học và vào những ngày nghỉ học, bất kể thời tiết thế nào, tôi ở đó hàng giờ liền, thường ở cho đến khi thư viện đóng cửa. Thư viện luôn tràn ngập sự yên lặng và trật tự, do đó đem lại cho tôi cảm giác hài lòng. Tôi thích đọc những cuốn bách khoa toàn thư, mặc dù ôm chúng rất nặng, do đó tôi phải ngồi vào bàn và đặt sách trước mặt. Tôi yêu thích đọc về những nhân vật và sự kiện khác nhau, như tên thủ đô các nước, lập danh sách tên cùng ngày tháng liên quan đến các vị vua và hoàng hậu của nước Anh, các tổng thống Mỹ cũng như những thú tầm thường khác. Sự có mặt hàng ngày của tôi trở nên quen thuộc với các cô thủ thư và họ thường nói chuyện với cha mẹ khi tôi đọc. Người quản lý thư viện rất ấn tượng với sự có mặt của tôi và đề nghị thư viện trao cho tôi một phần thưởng, ghi nhận những nỗ lực và thành quả đọc của tôi. Thị trưởng thành phố đã trao giải tại một buổi lễ ngắn tại tòa thị chính. Khi tôi đến nhận giải ông thị trưởng đi đến và hỏi tên tôi, nhưng tôi không nghe thấy ông nói và chẳng trả lời gì vì tôi đang mãi đếm những cái mắt xích ở chuỗi xích trên áo của ông, và tôi không giỏi làm nhiều hơn một việc một lúc.



Người thừa

ĐẾN BÂY GIỜ, TRONG TÂM TRÍ TÔI vẫn còn nguyên vẹn hình ảnh mình đứng thui thủi dưới bóng cây quanh sân trường nhìn các bạn chạy nhảy, reo hò. Khi đó, tôi mười tuổi, cũng là lúc tôi nhận ra mình khác biệt so với bọn trẻ, tôi không thể lý giải hay hiểu vì sao như vậy. Trên sân trường, lũ trẻ ồn ào, chạy nhảy tung tăng, xô đẩy nhau, đá bóng, ném bóng. Trong khi đó tôi luôn sợ bị bóng từ không trung rơi thẳng hay bị đá mạnh vào người. Chính vì vậy, tôi thích đứng ở rìa sân trường, giữ khoảng cách với các bạn. Tôi giữ thói quen đó trong các giờ ra chơi. Do đó, nó nhanh chóng lan truyền thành một trò đùa và mọi người đều biết Daniel là đứa nói chuyện với cây cối và là một đứa lập dị.

Giải thích thế nào được nhỉ? Thực ra, tôi chưa bao giờ nói chuyện với cây cối. Chẳng có nghĩa lý gì khi nói chuyện với những thứ không thể đáp lại bạn. Nhưng tôi có thể nói chuyện với những con mèo vì ít nhất chúng cũng có thể đáp lại bằng tiếng kêu meo meo. Tôi thích thú khi được chơi dưới bóng cây râm mát trong sân trường vì ở đó tôi có thể đi qua đi lại, chìm đắm trong suy nghĩ mà không sợ bị va chạm. Có những khoảnh khắc tôi thấy mình như biến mất khi nấp sau thân

cây. Và nhiều khi, tôi thực sự muốn mình tan biến. Đơn giản, tôi nhận ra mình không thuộc về bất cứ nơi nào trong thế giới rộng lớn này, như thể tôi bị sinh ra nhầm thế giới. Cảm giác cô đơn trong tâm hồn, cảm giác không yên ổn, thiếu an toàn và tách biệt đè nặng lên tôi.

Theo thời gian, khi lớn hơn, tôi ngày càng nhận rõ sự trống trải và bắt đầu mong đợi một tình bạn thật sự. Nhìn các bạn trong lớp, ai cũng có ít nhất một người bạn và nhiều hơn, chỉ riêng tôi... một mình. Đã nhiều đêm, tôi thức trắng, nằm trên giường, nhìn lên trần nhà và mừng tượng làm bạn với một người sẽ thế nào. Tôi nghĩ đó là cách để mọi người thấy tôi không khác biệt nhiều so với họ. Có thể, bạn bè sẽ thay đổi suy nghĩ tôi là một người không bình thường. Thỉnh thoảng, bạn của em gái và em trai tôi đến nhà chơi sau buổi học ở trường nhưng cũng không giúp tôi cải thiện tình hình. Mỗi lúc như vậy, tôi ngồi lặng bên cửa sổ nhìn ra vườn và lắng nghe lũ trẻ chơi đùa. Tôi băn khoăn tại sao chúng không nói về những thứ thú vị như đồng xu, hạt dẻ ngựa hay những con bọ rùa.

Đôi khi, một số bạn trong lớp cũng thử nói chuyện với tôi. Tôi cũng nói “thử”. Nhưng tôi rất khó nói chuyện vì tự tôi không biết phải nói thế nào hay phải làm gì. Khi giao tiếp, tôi luôn luôn nhìn xuống đất và không nhìn vào mắt người đối diện. Nếu nhìn lên, tôi lại nhìn vào miệng họ chuyển động. Thỉnh thoảng, thầy giáo nói chuyện với tôi và yêu cầu tôi nhìn vào mắt thầy. Tôi cố gắng làm theo yêu cầu của thầy, nhưng để làm được việc đó đòi hỏi tôi phải tập trung sức mạnh, ý chí. Hành động đó tạo cho tôi cảm giác khó chịu. Nói chuyện với ai, tôi thường nói dài, liên tục. Khái niệm về dừng hay đối đáp trong cuộc hội thoại đơn giản không tồn tại trong tôi.

Tôi không bao giờ chủ định bất lịch sự với ai đó; bản thân tôi không hiểu mục đích của cuộc hội thoại có thể là bất cứ cái gì chứ không nhất thiết phải là những thứ thú vị đối với bản thân mình. Tôi có thể

nói một cách chi tiết, tỉ mỉ đến hết những điều muốn nói và có thể nổi cáu nếu ai đó ngắt giữa chừng. Chủ đề mà tôi nói đến chưa bao giờ là mối quan tâm của người tham gia nói chuyện. Quả thực, tôi chưa bao giờ để ý người đối thoại với tôi tỏ ý chán ngán hay nhìn đi đâu đấy. Tôi cứ nói, và chỉ kết thúc khi tôi nói câu đại loại như: “Tôi phải đi rồi.”

Với tôi, lắng nghe người khác nói thật không dễ dàng. Khi ai đó nói chuyện, tôi luôn có cảm giác như bắt sóng một đài phát thanh. Những điều tôi nghe thấy tựa như dòng chảy, đi vào tai này và đi ra ở tai kia. Dần dần, tôi học được cách lắng nghe một vài đoạn hội thoại đủ để hiểu người đối diện nói gì. Nhưng tôi vẫn gặp phải vấn đề, khi người đối thoại hỏi, tôi lại không nghe câu hỏi. Vì thế, có đôi lúc họ bực mình, mất kiên nhẫn và điều đó khiến tôi cảm thấy buồn khổ.

Sự bất lực của tôi trong việc tập trung vào các chủ đề nói chuyện khiến những cuộc trò chuyện trong lớp hay ngoài sân trường thường xuyên bị cản trở. Tôi thường suy nghĩ mông lung, một phần vì tôi nhớ quá nhiều. Bất kể một từ hoặc một cái tên xuất hiện ngẫu nhiên giữa cuộc nói chuyện cũng có thể tạo ra luồng suy nghĩ, liên tưởng đến một chuỗi mối quan hệ của đối tượng mà tôi nhớ, giống như hiệu ứng domino. Ngay cả bây giờ, mỗi khi nghe đến cái tên “Ian” lập tức trong đầu tôi hiện hình ảnh về một người tôi biết với cái tên đó một cách tự phát mà không cần phải lục lại trí nhớ. Dần dần những hình ảnh quen thuộc gắn với Ian hiện ra. Ian đi chiếc xe Mini, hình ảnh đó gợi tôi nhớ đến cảnh trong bộ phim kinh điển *The Italian Job*. Dòng suy nghĩ của tôi không phải lúc nào cũng logic, nhưng chúng là một chuỗi hình ảnh nối tiếp nhau. Ở trường, đôi khi dòng suy nghĩ đó làm tôi không chú ý đến bài giảng hoặc mất tập trung và thầy cô giáo thường nhắc nhở.

Cũng có lúc, tôi nghe được mọi từ và hiểu các chi tiết cuộc nói chuyện, tuy nhiên tôi lại không trả lời một cách hợp lý. Ai đó nói với

tôi rằng: “Tôi viết bài luận trên máy tính và chẳng may ấn nhầm nút xóa sạch mọi thứ” tôi lại nghe là anh ấy ấn nhầm phải nút không muốn và anh ấy đang viết một bài luận khi anh ấy bấm nút, tôi không kết nối các sự kiện với nhau thành một chuỗi sự kiện – rằng bài luận bị xóa. Việc này cũng giống như nối các điểm trong cuốn sách màu của trẻ con. Tôi chỉ có thể nhìn thấy mọi điểm mà không nhìn ra hình ảnh được tạo thành. Trong đối thoại, tôi gần như không thể hiểu được ẩn ý trong các câu nói.

Tôi gặp khó khăn khi trả lời những câu không được thể hiện dưới dạng câu hỏi một cách rõ ràng. Tôi có xu hướng chấp nhận những câu nói dưới dạng câu tường thuật. Tôi thấy khó khăn trong việc sử dụng ngôn ngữ mang tính xã hội như những người bình thường. Nếu một người nào đó nói với bạn “Hôm nay tôi có một ngày không tốt đẹp”, tôi học được rằng người nói mong đợi câu trả lời đại khái: “Ồ, thế à”, và sau đó hỏi điều gì đã làm cho ngày đó trở nên tồi tệ. Tôi có thể gặp rắc rối trong lớp nếu giáo viên nghĩ tôi cố tình không trả lời họ trong khi thực tế là tôi không nhận ra rằng họ đang mong đợi một câu trả lời từ tôi. Ví dụ, thầy giáo nói: “”bảy nhân chín”” và nhìn vào tôi, dĩ nhiên tôi biết câu trả lời là sáu mươi ba, nhưng tôi không nhận ra rằng mình đang được mong đợi câu trả lời to, rõ cho cả lớp nghe. Chỉ khi giáo viên lặp lại câu hỏi một cách rõ ràng như: “Bảy nhân chín bằng bao nhiêu?” tôi sẽ trả lời. Biết được ai đó mong đợi câu trả lời từ bạn không thuộc về trực giác của tôi, và khả năng làm những việc như trò chuyện một cách bình thường là kết quả của sự tập luyện hết sức công phu, bền bỉ.

Tập luyện những kỹ năng này rất quan trọng đối với tôi, trên tất cả, tôi muốn trở thành người bình thường, có bạn bè như những đứa trẻ khác. Mỗi khi làm chủ được một kỹ năng như nhìn vào mắt người khác, tôi cảm thấy rất lạc quan vì đó là kết quả của quá trình rèn luyện

bền bỉ, tích cực tôi mới đạt được và cảm giác đạt được thành quả luôn luôn tuyệt vời.

Tôi phải quen với cảm giác cô đơn bữa vậy khi đứng một mình trong sân trường. Tôi cứ đi đi lại lại giữa những hàng cây trong sân trường, hay đếm những hòn đá và con số trên ô chơi lò cò. Tôi thả mình vào những suy nghĩ, không bận tâm đến bọn trẻ khác nghĩ và nhìn mình thế nào. Khi một điều gì đó khiến tôi kích động, tôi co tay lại gần mặt và ấn các ngón tay vào môi. Đôi lúc tôi vỗ tay một cách vô thức. Nếu tôi hành động như vậy ở nhà, thì mẹ luôn khó chịu và thường yêu cầu tôi dừng ngay. Nhưng tôi làm không có chủ ý – nên nó vẫn tiếp tục diễn ra – thậm chí có nhiều lần tôi còn không nhận ra mình đang làm như vậy cho đến khi có ai đó nhắc nhở tôi.

Điều đó cũng xảy ra khi tôi nói một mình. Thậm chí, tôi không nhận ra mình đang nói một mình. Thỉnh thoảng, đối với tôi thật khó khăn khi nghĩ mà lại không nói to suy nghĩ ra. Có những lúc, đắm chìm trong cảm xúc thăng hoa, tôi còn cảm nhận rõ sự mãnh liệt của nó. Bất cứ khi nào chìm đắm trong suy nghĩ của mình, nhiều xúc cảm mãnh liệt tràn đến tác động lên cơ thể tôi. Cho đến tận bây giờ tôi không thể dừng chuyển động tay và kéo môi một cách vô thức khi nghĩ về bản thân. Nói chuyện với chính mình giúp tôi trấn tĩnh lại hoặc tập trung vào điều gì đó.

Một vài cậu bé trong sân thỉnh thoảng chạy đến và trêu chọc tôi bằng cách bắt chước chuyển động của tay tôi hay đùa cợt tôi bằng các tên khác nhau. Tôi không thích chúng lại gần mình và tôi có thể cảm nhận hơi thở của chúng phả vào da. Sau đó, tôi ngồi bệt xuống sân bê tông cứng và đưa tay lên ôm lấy tai và đợi cho chúng chạy đi. Khi căng thẳng tôi đếm lũy thừa hai, như: 2, 4, 8, 16, 32... 1024, 2048, 4096, 8192... 131072, 262144... 1048576. Những con số tạo nên những mẫu hiển hiện trong đầu và làm tôi trấn tĩnh lại. Vì tôi quá khác biệt,

nên những đứa trẻ nhanh chóng chán nản vì không biết phải trêu chọc tôi thế nào, khi tôi không có phản ứng như chúng muốn, như khóc lóc hoặc chạy trốn. Chúng tiếp tục gọi tôi bằng những cái tên châm biếm nhưng tôi đã học được cách không để ý đến nó và điều đó không làm phiền tôi nhiều lắm.

Những người mắc hội chứng Asperger có nhu cầu kết bạn, nhưng điều đó rất khó với họ. Nỗi cô đơn, sự cô lập luôn làm tôi đau đớn và tôi cảm nhận nó một cách sâu sắc. Để bù đắp sự thiếu vắng những người bạn, tôi tự tạo ra họ để đi cùng tôi trên mỗi con đường, quanh những hàng cây trong sân trường. Đến tận bây giờ và mỗi khi nhắm mắt lại, hình ảnh người bạn luôn khắc sâu trong tâm trí tôi lại hiện ra. Đó là một phụ nữ rất cao, hơn 1,8m, mặc chiếc áo choàng màu xanh da trời dài từ đầu đến chân. Mặt bà gầy guộc và nhiều nếp nhăn, vì bà đã già – hơn một trăm tuổi. Mắt bà nhỏ, giống như hai khe nhỏ đắm nước và chúng thường nhắm lại như thể bà đang suy nghĩ rất mông lung. Tôi đã không hỏi bà đến từ đâu; điều đó không quan trọng đối với tôi. Bà nói với tôi tên bà là Anne.

Mọi giờ ra chơi của tôi là những cuộc trò chuyện dài và sâu sắc với bà Anne. Giọng nói của bà nhẹ nhàng và luôn vỗ về dịu dàng đem lại cho tôi cảm giác dễ chịu. Tôi cảm thấy bình an khi nói chuyện với bà. Bà có tiểu sử phức tạp: bà từng cưới người đàn ông làm nghề thợ rèn tên John. Họ đã rất hạnh phúc bên nhau nhưng không có con. John mất lâu rồi và bà Anne sống một mình, đặc biệt bà rất biết ơn tình bạn của tôi dành cho bà cũng như tôi biết ơn bà vậy. Bà luôn tạo cho tôi cảm giác gần gũi, tôi nói hay làm gì cũng không làm bà ghét hay muốn tránh xa tôi. Tôi giải bày hết suy nghĩ, tình cảm và bà có thể đứng nghe một cách kiên nhẫn, không bao giờ cắt lời hoặc nói tôi lập dị và khác người.

Hầu hết các cuộc trò chuyện giữa chúng tôi đều là những triết lý về sự sống, cái chết và ranh giới giữa hai điều đó. Chúng tôi nói về

tình yêu của tôi với những con bọ rùa, tòa tháp tiền xu, về sách, con số, cây cao và những gã khổng lồ, những nàng công chúa trong các câu chuyện yêu thích của tôi. Đôi lúc tôi hỏi bà, bà không trả lời. Một lần tôi hỏi bà rằng tại sao tôi lại rất khác so với bọn trẻ nhưng bà lắc đầu và nói rằng bà không thể nói. Bà nói rằng bà đang luôn bảo vệ tôi, vì thế tôi không bao giờ hỏi lại bà nữa. Thay vào đó bà dặn dò tôi không nên lo lắng về những đứa trẻ khác và tôi sẽ ổn. Hầu hết những điều bà nói để tôi yên lòng vì khi tôi từ biệt bà tôi luôn cảm thấy vui vẻ và an bình.

Một ngày nọ, bà xuất hiện khi tôi đang bước đi dưới những tán cây như mọi khi, đá mảnh vỡ cây dày, xù xì, và bà đứng im lìm. Bà chưa bao giờ như vậy trước đó. Bà bảo tôi nhìn vào bà bởi vì điều bà sắp nói ra rất quan trọng, tôi ngẩng đầu lên nhìn vào bà ấy. Miệng bà khép chặt với vẻ mặt nhẹ nhàng hơn và sáng hơn so với vài lần tôi nhìn thấy bà trước khi đến gần. Trong vài phút bà không thốt nên lời. Một lúc sau, bà nói từ từ và nhẹ nhàng với tôi rằng bà phải đi và không quay lại. Tôi lo lắng hỏi bà tại sao, bà nói với tôi rằng bà sắp ra đi mãi mãi và đến từ biệt tôi. Sau lần gặp đó bà biến mất. Tôi khóc rất nhiều cho đến khi không thể khóc được nữa, và nhiều ngày sau đó tôi vẫn giữ nỗi buồn trong lòng vì sự ra đi của bà. Bà có vị trí rất đặc biệt trong trái tim tôi và hình ảnh bà sẽ không bao giờ nhạt nhòa trong tâm trí tôi.

Nhìn lại, bà Anne là hiện thân của cảm giác cô đơn và bất an của tôi. Bà là sản phẩm tượng trưng của nỗi cô đơn tâm hồn gắn với những hạn chế của tôi và đó cũng là bước khởi đầu tôi thoát ra khỏi chúng. Để cho bà ra đi, tôi phải ra một quyết định đau đớn để cố gắng tìm ra đường đi trong thế giới rộng hơn và tồn tại ở đó.

Trong khi những đứa trẻ khác chạy chơi ngoài đường hay trong công viên sau khi tan học, tôi lại hài lòng với việc ở trong phòng của mình,

ngồi trên sàn và chìm đắm trong suy nghĩ. Thỉnh thoảng tôi chơi bài một mình với luật đơn giản tự tạo, mỗi quân bài trong cỗ bài được gắn với một số: quân Át 1, quân J 11, Q 12, K 13. Mục tiêu của trò chơi là giữ được nhiều nhất số quân bài có thể. Lúc bắt đầu chơi, bài được trộn và sau đó bốn quân bài chơi được xếp thành một bộ. Nếu không kể quân bài đầu tiên, tổng giá trị của các quân bài trong bộ tại bất kỳ thời điểm nào là một số nguyên tố thì bốn quân bài này sẽ bị mất. Đó là chỗ, giống như các kiểu chơi bài khác, sự may rủi xảy đến. Hãy tưởng tượng rằng bốn quân bài đầu tiên là: 2, 7, K (13), 4. Bộ này an toàn vì $2+7=9$ không phải là số nguyên tố và $9+13=22$ không phải là số nguyên tố và $22+4=26$ cũng không phải là số nguyên tố. Người chơi lúc đó quyết định có nên mạo hiểm rút thêm một quân bài nữa vào bộ hay bắt đầu một bộ khác từ đầu. Nếu người chơi quyết định không mạo hiểm với một quân bài mới nữa thì những quân bài trong bộ này an toàn và được giữ lại. Nếu người chơi chơi tiếp và tổng mới là một số nguyên tố tại bất cứ thời điểm nào thì cả bộ đó bị mất và bộ mới sẽ được bắt đầu. Trò chơi kết thúc khi tất cả năm mươi hai quân bài trong bộ bài được chơi, một vài quân mất và một vài quân được giữ lại thành công. Người chơi đếm tổng số bài được giữ lại an toàn để tính điểm số cuối cùng.

Tôi thấy trò này rất lý thú, bởi vì nó liên quan đến cả toán học và trí nhớ. Khi người chơi có một bộ bốn quân bài mà tổng chưa phải là một số nguyên tố, quyết định có nên tiếp tục hay không với bộ đó hoặc bắt đầu bộ mới phụ thuộc vào hai yếu tố: tổng số quân bài tại thời điểm đó, và giá trị của các quân bài còn lại trong bộ. Ví dụ, nếu bốn quân bài đầu tiên như trong ví dụ trước là: 2, 7, 13 (quân K), và 4 = 26, sau đó người chơi đầu tiên xem xét có bao nhiêu số nguyên tố có thể có với quân bài tiếp theo nếu tiếp tục chơi với bộ đó. Số nguyên tố tiếp theo số 26 là 29, 31 và 37 (bởi vì giá trị lớn nhất của các quân

bài là 13, quân K, không cần phải xem xét các số lớn hơn 39 trong ví dụ này). Do đó các quân 3, 5 hoặc J (11) sẽ làm mất bộ này, nhưng các quân khác sẽ cho phép tiếp tục chơi an toàn.

Nhớ giá trị các quân bài còn lại trong bộ cũng giúp ích cho người chơi. Ví dụ, nếu bạn có một bộ mười quân bài với tổng là 70 và còn lại ba quân trong bộ, rõ ràng rất lợi khi biết chúng là những quân gì, ví dụ một quân 3, một quân 6 và một quân 9. Trong trường hợp đó, người chơi nên giữ lại bộ mười quân và bắt đầu một bộ mới vì 73 và 79 đều là các số nguyên tố. Tôi nhớ giá trị của tất cả các quân bài còn lại trong bộ chính tại bất kỳ thời điểm nào theo cách: có bốn lá bài trong một bộ (bốn quân át, bốn quân 2 vân vân). Tôi nhìn thấy mỗi tập bốn quân bài giống như một hình vuông với các chấm. Các hình vuông có các màu sắc hoặc họa tiết khác nhau, phụ thuộc vào giá trị của quân bài; ví dụ, tôi nhìn thấy tập bốn quân át là một hình vuông sáng chói, vì tôi luôn nhìn thấy số một là một luồng sáng chói. Tôi nhìn thấy số sáu là một chấm đen, nhỏ vì thế tôi nhìn tập bốn quân 6 là một lỗ đen có hình vuông. Khi mỗi quân bài được lật lên, các hình vuông khác nhau trong đầu tôi biến đổi hình dạng. Quân át đầu tiên xuất hiện hình vuông sáng thay đổi thành hình tam giác sáng. Với quân 6 đầu tiên, hình vuông đen trở thành hình tam giác đen. Tại thời điểm quân át thứ hai xuất hiện hình tam giác sáng, trở thành một đường thẳng sáng và với sự xuất hiện của quân át thứ ba, đó là một chấm sáng. Khi cả bốn quân bài cùng giá trị xuất hiện hình dạng trong đầu của tập đó sẽ biến mất.

Những quân bài giúp cho việc minh họa đặc tính đặc biệt của các số nguyên tố – sự phân bố bất quy tắc của chúng. Trong trò chơi, các giá trị tổng xác định của bộ tốt hơn bộ khác. Ví dụ, một bộ với tổng là 44 thì tốt hơn bộ có tổng là 34 vì từ 44 người chơi chỉ có thể gặp hai số nguyên tố – 47 và 53 – ngược lại từ 34 có thể gặp bốn số nguyên tố: 37,

41, 43 và 47; với số lượng số nguyên tố nhiều gấp đôi. Bộ với tổng bằng 100 là bộ đặc biệt không may vì nó có thể đạt được năm số nguyên tố với quân bài tiếp theo: 101, 103, 107, 109 và 113 (với các quân tương ứng Át, 3, 7, 9 và K).

Cha mẹ tôi luôn lo lắng tôi dành quá nhiều thời gian trong phòng một mình và không thực sự cố gắng chơi với những đứa trẻ khác ngoài đường. Mẹ tôi thân với một cô, sống cách nhà tôi một đoạn và có một đứa con gái tầm tuổi tôi. Một hôm cô đón tôi đến nhà chơi, ngồi và nói chuyện với con bé trong khi mẹ tôi và cô nói chuyện bên bàn trà. Mỗi khi tôi bắt đầu nói về những điều thú vị đối với tôi, con bé lại cắt lời, và điều đó làm tôi rất giận dữ bởi vì tôi không thể làm cho các từ trong đầu bật ra, và tôi có cảm giác như không thể thở được. Sau đó mặt tôi đỏ gay gắt làm cho con bé bật cười. Điều đó lại càng làm cho mặt tôi trở nên đỏ hơn, và đột nhiên tôi trở nên tức giận, bật dậy và đánh nó. Nó bắt đầu khóc. Không ngạc nhiên, tôi không được mời đến chơi lần nào nữa.

Vì lẽ đó, mẹ tôi khuyến khích em Lee cho tôi chơi cùng khi nó đi chơi với bạn. Bạn thân của nó là một cậu bé tên là Eddie sống cách nhà chúng tôi hai con phố. Phần lớn thời gian em tôi Lee và Eddie chơi trong vườn nhà Eddie – thằng bé có nhiều đồ chơi hơn chúng tôi và chúng thích thú chơi bóng bàn hoặc bóng đá với nhau trong khi tôi ngồi trên cái đu và lắc lư theo nhịp.

Vào mùa hè Lee đi nghỉ với gia đình Eddie khoảng một tuần ở biển. Mẹ tôi gợi ý rằng tôi nên đi với họ và mẹ Eddie rất vui nếu tôi đi cùng. Tôi lưỡng lự vì tôi không thích đi xa nhà lắm. Nhưng mẹ tôi rất kiên quyết để tôi đi với hy vọng nó sẽ giúp tôi cảm thấy tự tin hơn với mọi người. Sau nhiều lần thuyết phục nhẹ nhàng và kiên nhẫn, tôi đã đồng ý đi.

Khi đến nơi, dường như mọi thứ có vẻ ổn. Thời tiết ấm áp, bầu trời

trong xanh, gia đình Eddie rất tốt và lo lắng cho tôi. Nhưng chỉ sau một ngày xa nhà tôi đã cồn cào nhớ nhà và muốn nói chuyện với mẹ. Có một cột điện thoại gần chỗ chúng tôi ở nên tôi lấy những đồng xu trong túi và gọi về nhà. Mẹ tôi nhận điện và nghe tôi khóc trong điện thoại. Mẹ hỏi tôi chuyện gì xảy ra, nhưng tôi chỉ có thể trả lời rằng tôi không cảm thấy ổn ở đó và muốn trở về nhà. Sau vài phút tiền của tôi sắp hết vì thế tôi yêu cầu mẹ gọi lại cho tôi, sau đó đặt điện thoại xuống và đợi. Tôi không nhận ra rằng mẹ không thể biết số điện thoại mà tôi đang gọi trừ khi tôi nói cho mẹ; tôi lại cho là mẹ biết. Tôi đợi, đợi và đợi, đứng bên cọc điện thoại hơn một giờ đồng hồ trước khi về. Những ngày còn lại của kỳ nghỉ trôi đi trong nước mắt. Mẹ Eddie thất vọng và khó chịu vì tôi không hòa nhập với họ mà chỉ dành phần lớn thời gian một mình trong phòng nơi cả gia đình ngủ, ngồi trên sàn nhà hai tay úp vào hai tai. Đó là kỳ nghỉ đầu tiên và cũng là cuối cùng của tôi với Eddie và gia đình nó.

Phần lớn quãng thời gian tuổi thơ, em trai em gái là những người bạn của tôi. Thậm chí khi chúng có thể ném và bắt giỏi hơn tôi, kết bạn ở trường sớm hơn nhiều so với tôi, nhưng chúng vẫn yêu quý tôi bởi vì tôi là người anh cả của chúng và tôi có thể đọc truyện cho chúng nghe. Thời gian trôi qua, chúng học được cách lôi kéo tôi bằng những trò chơi cùng nhau mà chúng biết tôi sẽ thích thú và có thể tham gia. Sau khi quan sát mẹ là quần áo, tôi lôi hết quần áo có trong ngăn kéo và tủ quần áo trong phòng của mình rồi mang chúng xuống tầng một trong phòng khách. Mẹ đồng ý đưa tôi cái bàn là khi đã tắt điện và nguội, sau đó tôi lấy từng chiếc quần áo và xoa bàn là trên chúng. Các em trai và em gái tôi quan sát tôi và xin chơi cùng tôi. Tôi nhìn thấy mẹ xịt một ít nước lên một số quần áo trước khi là, nên tôi bảo em gái Claire cầm bình xịt và xịt cho mỗi một chiếc quần áo rồi chuyển chúng cho tôi. Em trai Lee cũng muốn tham gia, tôi bảo em

đứng ở bên kia, lấy quần áo sau khi tôi xoa chúng bằng bàn là và gấp chúng lại. Tôi nói em trai Steven, em thứ tư, xếp quần áo lại thành từng chồng: chồng áo thun, chồng áo liền quần, chồng quần và tương tự như vậy. Khi làm xong hết quần áo, tôi nói Steven rũ quần áo ra và chuyển lại cho Claire để Claire xịt nước rồi chuyển đến cho tôi để là lại, và tôi chuyển chúng cho Lee để gấp và Lee sẽ chuyển chúng cho Steven sắp xếp lại thành chồng và trò chơi cứ tiếp diễn như thế. Mỗi lần chúng tôi thường chơi trò đó hàng giờ liền.

Một trò khác mà tôi chơi với các em trai và em gái là trò sưu tầm sách. Chúng tôi tìm hết các cuốn sách trong nhà – có hàng trăm cuốn – đem chúng vào phòng ngủ rộng nhất, đó là các phòng dành cho các em gái. Ở đó tôi phân loại sách, chia chúng thành từng chồng tiểu thuyết giả tưởng và hiện thực, sau đó lại chia nhỏ thành các chồng: lịch sử, lãng mạn, phiêu lưu,... Sau đó tôi đặt mỗi chồng sách theo thứ tự chữ cái. Tôi cắt các tờ giấy thành các hình vuông nhỏ và viết nhãn cho mỗi cuốn sách bằng tay, liệt kê tiêu đề, tên tác giả, năm xuất bản và thể loại (hiện thực > lịch sử > “D”). Tôi đặt các cuốn sách vào các hộp, với tất cả các cuốn sách với thứ tự đúng, và đặt chúng quanh phòng của các em trai, em gái để xem lướt qua và đọc chúng. Mỗi khi bọn trẻ muốn lấy một cuốn sách, tôi lấy nhãn của cuốn sách ra, cho vào một cái bình và đưa cho chúng một mảnh giấy khác với thời gian chúng phải trả lại sách. Trong các kỳ nghỉ hè cha mẹ cho phép chúng tôi giữ các cuốn sách trong các hộp với các nhãn của chúng, mặc dù sau đó khi trò chơi kết thúc chúng tôi phải tháo hết các nhãn và đem cất những cuốn sách vào các giá sách, các bàn khác nhau trong nhà.

Thỉnh thoảng khi chơi với các em, tôi bước lại gần chúng, chạm nhẹ ngón trỏ của mình vào cổ chúng vì tôi thích cảm giác đó, nó ấm áp và an bình. Tôi không biết điều đó làm chúng khó chịu và hành động đó là không phù hợp về mặt xã hội. Chỉ khi mẹ tôi nói tôi mới dừng làm việc đó, mặc dù đôi lúc tôi vẫn chạm vào cổ một người khi

tôi bị kích động và cảm giác đó là một cách cho tôi kết nối sự phấn khích của tôi với mọi người xung quanh. Rất khó để tôi có thể hiểu được khái niệm con người cần phải có không gian riêng không được xâm phạm và phải được tôn trọng mọi lúc. Tôi không biết rằng hành động của tôi có thể gây bức tức và xâm phạm đến người khác. Cũng có thể các em trai hoặc em gái tức giận với tôi vì những điều mà tôi cho là không có vấn đề gì.

Có nhiều thứ tôi cảm thấy khó, như đánh răng chẳng hạn. Tiếng lạo xạo khi bàn chải cọ vào răng làm tôi cảm thấy khó chịu. Vì thế mỗi khi đi qua phòng tắm tôi luôn lấy tay bịt tai và đợi cho tiếng ồn đó hết trước khi tôi có thể làm việc gì khác. Vì cảm giác này mà tôi thường đánh răng rất nhanh và thường chỉ làm khi có sự nhắc nhở của cha mẹ. Rất may, tôi hiếm khi bị đau răng, có thể chủ yếu do tôi uống nhiều sữa và không ăn nhiều thực phẩm có đường. Vấn đề đó tiếp diễn trong vài năm và thường dẫn đến những xích mích giữa tôi với cha mẹ vì họ không thể hiểu tại sao tôi không đánh răng nếu họ không nhắc, thậm chí họ còn mang bàn chải và kem đánh răng vào phòng tôi rồi yêu cầu tôi không được rời phòng trước khi thực hiện xong việc đó. Cho đến tận thời kỳ đầu tuổi dậy thì tôi mới nhận ra rằng mình phải tìm ra cách đánh răng thường xuyên. Nhất là khi các em trai, em gái và những đứa trẻ ở trường để ý đến hàm răng ngả màu của tôi và thường trêu chọc tôi về nó, điều đó làm tôi ngượng đến nỗi không dám mở mồm nói vì sợ chúng trêu chọc. Cuối cùng tôi đã thử dùng bông gòn nhét vào tai để không nghe tiếng lạo xạo khi đánh răng. Khi đánh răng tôi đồng thời chú ý vào chiếc tivi nhỏ trong phòng để quên rằng mình đang đánh răng; nếu không làm thế tiếng lạo xạo có thể làm cho tôi buồn nôn. Tất cả những nỗ lực nhỏ này đã giúp tôi có thể đánh răng hàng ngày. Lần đầu tiên đến phòng khám nha khoa sau nhiều năm tôi cũng phải dùng bông gòn để tránh nghe những

tiếng ồn phát ra từ máy khoan và các thiết bị khác. Bây giờ thì tôi có thể đánh răng một ngày hai lần mà không gặp khó khăn gì. Tôi dùng bàn chải điện không tạo ra tiếng lạo xạo khó chịu như bàn chải tay.

Đối với tôi, học thắt dây giày cũng khó khăn như việc đánh răng vậy. Mặc dù rất cố gắng nhưng đơn giản tôi không thể thực hiện được cách thắt dây giày mặc dù cha mẹ chỉ đi chỉ lại cho tôi không biết bao nhiêu lần. Sau đó mẹ mua cho tôi một đôi giày – một cái giày hiệu Mother Hubbard với dây giày to và dày – để tôi thực tập. Tôi dành hàng giờ liền thực hành thắt dây giày, thường cho đến khi tay trở nên đỏ ửng và mẩn ngứa vì tiếp xúc nhiều với dây giày. Trong thời gian đó, cha tôi thắt dây giày cho tôi mỗi sáng trước khi đưa tôi đến trường. Cho tận đến khi tám tuổi tôi mới có thể tự mình làm được việc này.

Tiếp đó, tôi có vấn đề về phân biệt trái phải (mãi cho đến bây giờ tôi vẫn phải tập trung mới có thể phân biệt được). Cha tôi không những phải thắt dây giày cho tôi cho đến khi tôi tám tuổi mà còn phải mang giày cho tôi trước khi thắt dây. Đôi lúc tôi cảm thấy thất vọng khi cố gắng tự đi giày đến mức tôi có thể quăng chúng đi trong cơn giận. Cha mẹ có ý tưởng dán mác – “T” và “P” – vào mỗi chiếc giày. Nó có tác dụng nên cuối cùng tôi có thể tự đi giày và hiểu được những phương hướng đơn giản tốt hơn so với trước đó.

Khi đi, thậm chí ngoài đường, tôi luôn cúi đầu và quan sát chuyển động của hai chân. Tôi thường đâm vào cái gì đó và dừng đột ngột. Mẹ đi với tôi và thường nhắc tôi ngẩng đầu lên, nếu tôi có làm theo thì nhanh chóng sau đó tôi lại cúi đầu xuống. Cuối cùng, mẹ yêu cầu tôi nhìn vào một điểm – một cái hàng rào, một cái cây hoặc một ngôi nhà – ở một khoảng cách xa và tập trung nhìn vào điểm đó khi đi. Ý tưởng đơn giản này đã giúp tôi giữ đầu ngẩng lên, và những tháng sau đó tôi tiến bộ rất nhiều; tôi không đâm phải đồ vật và tự tin hơn.

Giáng sinh trước sinh nhật lần thứ chín của mình, tôi được tặng

một chiếc xe đạp, em trai Lee của tôi cũng được tặng một chiếc. Cha mẹ lắp bộ phận giữ thăng bằng cho cả hai chiếc xe, mặc dù em trai tôi có thể bỏ nó ra rất nhanh sau đó nhưng tôi vẫn phải giữ trong nhiều tháng, dù Lee sinh sau tôi hơn hai năm. Tôi giữ thăng bằng và phối hợp các động tác kém và khó khăn khi vừa phải lái vừa phải đạp cùng một lúc. Tôi thực hành bằng cách ngồi vào một cái ghế trong bếp, giữ thìa gỗ dài trước mặt đồng thời cố gắng chuyển động hai chân theo hình tròn bên chân ghế. Khi thực hành đủ, tôi có thể đạp xe cùng em trai quanh những con đường gần nhà. Đôi lúc nó đẩy xe tôi chạy rất nhanh làm tôi sợ và ngã. Tôi nhanh chóng quen với việc ngã khỏi xe cùng với những vết trầy xước và thâm tím ở tay và chân.

Khả năng phối hợp kém cũng làm cho việc học bơi của tôi trở thành một quá trình chậm chạp và kém hiệu quả. Tôi là đứa trẻ cuối cùng trong lớp biết bơi thậm chí chỉ là bơi qua bề rộng của hồ. Tôi sợ nước, sợ bị kéo xuống nước mà không đủ khả năng để nổi lên được. Hướng dẫn viên ở hồ bơi thông cảm với tôi và đưa cho tôi phao tay và các cục xốp giúp tôi có thể nổi một cách an toàn, khó khăn của tôi càng làm tăng thêm cảm giác rằng tôi khác biệt với chúng bạn cùng trang lứa, những người dường như không mất nhiều công sức để có thể bơi trước hàng năm khi tôi có thể bơi được kiểu đầu tiên. Chỉ khi đến tuổi thiếu niên cuối cùng và đột nhiên tôi mất đi cảm giác sợ nước và nhận ra rằng mình có thể nổi và tự mình di chuyển được mà không cần dùng phao tay. Khi đó cảm giác thật là hưng phấn giống như tôi vừa thực hiện một bước tiến vượt bậc. Cơ thể của tôi cuối cùng cũng bắt đầu làm theo những điều tôi muốn.

Năm cuối tiểu học lớp tôi có một bạn mới, một cậu bé người Iran tên là Babak, cha mẹ cậu ta phải chạy trốn khỏi chế độ Khomeini. Babak rất thông minh, nói tiếng Anh trôi chảy và giỏi môn toán. Cuối cùng tôi cũng tìm ra người bạn thực sự đầu tiên. Babak là bạn đầu tiên

thực sự cố gắng nhìn nhận những điều khác biệt ở tôi thay vì tập trung vào những thứ chúng tôi đều có như: tình yêu đối với từ ngữ và các con số. Gia đình bạn luôn rất tốt đối với tôi – tôi nhớ mẹ Babak bung trà cho tôi uống khi tôi ngồi trong vườn chơi trò Scrabble.

Babak rất tự tin và hòa thuận với tất cả các bạn trong lớp. Không ngạc nhiên, sau khi bạn được giao trọng trách trong một chương trình đầy tham vọng của trường *Sweeney Todd*, một câu chuyện hãi hùng về một thợ cắt tóc giết người mà những nạn nhân của hắn được dùng làm bánh nhân thịt. Babak tham dự các buổi tập hàng ngày trong nhiều tuần và mời tôi đi cùng để xem. Tôi ngồi ở phòng phục trang trong góc, ngoài tầm nhìn của mọi người và lắng nghe từng câu hội thoại. Vào ngày trình diễn, Babak không xuất hiện cho lần tổng duyệt cuối cùng; bạn bị ốm và không thể đến được. Thầy cô bắt đầu lo lắng và hỏi ai có thể thay thế vai diễn của nó. Tôi nhận thấy từ những lần tham dự các buổi tập liên tiếp tôi đã học thuộc mọi từ của câu chuyện và tôi đã đồng ý tham dự một cách lo lắng. Đến buổi tối biểu diễn tôi đã đọc lại tất cả các câu của nhân vật đúng thứ tự, chỉ có điều tôi không đứng đúng vị trí của mình vì tôi thấy khó nghe các bạn diễn trên sân khấu và tôi khó phân biệt câu nào dẫn truyện cho khán giả và câu nào là hội thoại giữa các nhân vật. Hôm đó cha mẹ cũng tham dự. Kết thúc buổi diễn, cha mẹ đã nhận xét tôi không thể hiện nhiều cảm xúc, luôn cúi đầu xuống sàn nhưng tôi đã diễn được toàn bộ vở kịch và đó là thành công của tôi và các bạn.



Thời niên thiếu

TÔI ĐẾM ĐƯỢC BẢY GIÂY, khoảng thời gian cha tôi lê lết, sụp xuống sàn phòng khách, đổ xuống cái bóng của chính mình. Cha thở phì phò khi nằm trên sàn, mắt mở to tròn nhìn chằm chằm vào tôi với đôi mắt đỏ ngầu.

Những thay đổi trong sinh hoạt sau khi hai em gái sinh đôi ra đời báo trước căn bệnh của cha. Cha dừng công việc làm vườn và không gặp gỡ những người bạn già của mình nữa. Cha thay đổi từ một người hay nói thành một người hầu như yên lặng. Trong vài tháng, dường như cha già thêm đến cả chục tuổi: sút cân, gầy rộc đi, di chuyển chậm chạp và không vững. Thậm chí những nếp nhăn trên mặt cha cũng hằn sâu hơn.

Khi mười tuổi, tôi tình cờ trở thành nhân chứng cho lần suy sụp tinh thần đầu tiên của cha. Những tháng trước khi cha thực sự suy sụp, mẹ đã làm mọi thứ có thể để chúng tôi không nhận thấy dấu hiệu, âm thanh của sự suy sụp. Tuy nhiên, vào cái ngày đó, tôi tình cờ bước vào phòng khách và nhìn thấy cha đang run rẩy trong phòng, đôi mắt mở to, lồi lên và đang lăm lăm một mình. Tôi đã không làm gì mà chỉ nhìn cha trong im lặng, không chắc đã cảm thấy thế nào

nhưng không muốn để cha một mình. Nghe thấy tiếng động khi cha ngã, mẹ nhanh chóng chạy vào phòng, nhẹ nhàng kéo tôi ra và yêu cầu tôi đi lên phòng mình. Mẹ giải thích rằng cha không khỏe và mẹ đang đợi bác sĩ. Mười phút sau đó, xe cứu thương đến, còi ngừng kêu. Tôi quan sát từ trên cầu thang, thấy cha được đặt lên cáng, đắp chăn và được các nhân viên cứu thương khiêng đi.

Những ngày sau đó, nhà tôi trở nên yên lặng và có cảm giác lạnh lẽo hơn. Tôi nhớ đã ngồi một mình trong phòng, cố gắng nghĩ về những cảm xúc của mình với cha. Tôi biết mình nên cảm thấy điều gì đó nhưng tôi không biết thế nào. Cuối cùng, tôi cũng nhận ra rằng gia đình sẽ không đầy đủ khi thiếu cha và tôi mong cha sớm trở về.

Chúng tôi được bảo rằng cha cần thời gian để nghỉ ngơi và cần phải ở bệnh viện, nơi có thể làm cha khỏe lên. Cha nằm viện vài tuần lễ, trong thời gian đó chúng tôi không được đến thăm cha, nhưng mẹ vẫn đi xe buýt đến viện. Đó là một viện tâm thần nội trú, nhưng khi đó chúng tôi còn quá nhỏ để có thể hiểu về căn bệnh của cha. Mẹ không nói gì với chúng tôi về bệnh tình của cha mà chỉ nói rằng cha đã đỡ hơn và sẽ sớm về nhà. Trong thời gian đó, mẹ phải chăm sóc bảy đứa con (trong đó có năm đứa mới bốn tuổi và nhỏ hơn), mẹ phải dựa rất nhiều vào sự trợ giúp của ông bà ngoại, bạn bè và nhiều người khác từ các tổ chức viện trợ xã hội. Tôi và em trai cũng được sai bảo bất cứ khi nào có thể như xếp gọn, lau khô bát đĩa và khuôn vác đồ khi đi mua sắm.

Khi cha từ bệnh viện trở về, gia đình không tổ chức ăn mừng. Thay vào đó, cả nhà cố gắng trở lại trạng thái bình thường, cha cố gắng làm những việc hàng ngày – thay tã cho các em và nấu bữa tối – những việc chính cha vẫn làm trước khi bị căn bệnh quật ngã. Nhưng bây giờ mọi việc đã khác và tôi nghĩ tôi biết thậm chí sẽ không bao giờ trở lại được như xưa. Người đàn ông đã dành tất cả tâm sức che chở

và chăm sóc tôi nay đã không còn mà được thay thế bởi một người cần che chở và chăm sóc. Cha phải uống thuốc và bác sĩ khuyên cha nên thường xuyên nghỉ ngơi. Hàng ngày, sau bữa trưa cha đều đi lên phòng và ngủ vài tiếng đồng hồ. Mẹ yêu cầu các em chơi nhẹ nhàng và yên lặng như tôi để không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của cha. Bất cứ khi nào, khi một hoặc hai em bắt đầu khóc mẹ liền bế các em ra khỏi nhà, vào vườn trước rồi mới dỗ.

Mối quan hệ giữa cha và mẹ cũng thay đổi. Trước kia, mẹ dựa rất nhiều vào cha cả về vật chất lẫn tinh thần, bây giờ, hai người giống như bắt đầu lại cuộc sống. Những cuộc đối thoại giữa cha và mẹ trở nên ngắn hơn và sự phối hợp giữa hai người trước kia rất hoàn hảo bây giờ dường như đã biến mất. Điều đó xảy ra như thể cha mẹ mới bắt đầu mối quan hệ. Cha mẹ cãi nhau nhiều hơn, giọng to, cay độc hơn và tôi không thích nghe một tí nào, tôi ấn tay vào tai để không nghe thấy tiếng cãi cọ. Thường sau mỗi cuộc cãi vã lớn mẹ lại lên tầng ngồi với tôi trong sự tĩnh lặng của căn phòng. Những lúc như thế, tôi muốn quán sự yên tĩnh nhẹ nhàng quanh mẹ như một cái chăn.

Tình trạng sức khỏe của cha thay đổi hàng ngày và hàng tuần. Có thời gian dài, cha nói và cư xử giống như trước, chỉ đôi khi bị gián đoạn bởi những bài lẩm nhẩm độc thoại lặp đi lặp lại, không liên quan đến nhau, nhảm lẩn và tách biệt với những thành viên khác trong gia đình. Những năm sau đó, cha cũng được đưa vào viện thêm vài lần, mỗi lần vài tuần. Và sau đó, cũng đột nhiên giống như khi bị bệnh, cha dường như bình phục hoàn toàn – cha bắt đầu ăn ngủ ngon hơn, trí lực và thể lực mạnh hơn và cha lấy lại được sự tự tin và chủ động. Mối quan hệ của cha mẹ cũng được cải thiện và mùa hè năm 1990 họ sinh tiếp người con thứ tám, em gái tôi Anna-Marie. Mười bảy tháng sau đó mẹ sinh em út, Shelley, em sinh ra bốn ngày trước sinh nhật lần thứ mười ba của tôi.

Sức khỏe của cha cải thiện và số lượng thành viên trong gia đình tăng đồng nghĩa với việc chúng tôi phải chuyển nhà một lần nữa. Đó là năm 1991, chúng tôi chuyển đến nhà mới với bốn phòng ngủ ở Đại lộ Marston. Đó là ngôi nhà được xây trên một khu đất cao, gần nhiều cửa hàng, một công viên và có vườn rộng sau nhà. Giống như các ngôi nhà trước, ngôi nhà này cũng chỉ có một phòng tắm và một nhà vệ sinh cho cả nhà. Chúng tôi thường phải xếp hàng trước cửa nhà tắm. Phòng khách và phòng ăn được ngăn cách nhau bởi những cánh cửa, chúng thường được mở nên các phòng ở tầng dưới luôn thông với nhau. Mỗi khi có suy nghĩ hay ý tưởng gì đó trong đầu, tôi đi qua các phòng, từ phòng khách sang phòng ăn ra ngoài hành lang rồi trở về phòng khách theo một đường vòng liên tục, hết vòng này đến vòng khác, đầu cúi, hai tay duỗi thẳng, chìm đắm trong suy nghĩ và hoàn toàn không chú ý tới bất kỳ ai quanh mình.

Tôi bắt đầu lên học cấp hai vào tháng Chín năm 1990. Mùa hè năm đó, mẹ đưa tôi vào trung tâm thành phố, mua cho tôi bộ đồng phục đầu tiên: một cái áo khoác và một chiếc quần màu đen, một cái sơ mi trắng và một cái cà vạt sọc đỏ đen. Cha dạy tôi cách thắt cà vạt, nhưng sau nhiều lần cố gắng tôi vẫn xa lạ với việc có thể tự thắt, vì vậy cha đề nghị một cách đơn giản là trong tuần tôi chỉ việc nói lỏng cà vạt rồi đeo lại vào ngày hôm sau. Khi thử mặc bộ đồng phục, tôi bồn chồn không yên – áo khoác được may bằng sợi dày, tương đối nặng, đôi giày da chặt, bó chặt lấy các ngón chân. Tôi cũng có một chiếc cặp để đựng sách và các dụng cụ học tập: bút máy, bút chì, bảng, gọt bút, tẩy, com-pa, thước kẻ, thước góc và giấy nháp.

Trường cấp hai của tôi tên là Barking Abbey (gần trường là nhà thờ thánh Margaret nơi thuyền trưởng James Cook làm lễ cưới năm 1762). Ngày đầu tiên đi học, cha giúp tôi thắt cà vạt và cài cúc tay áo. Hai cha con đi đến trường bằng xe buýt, khi chia tay tại cổng trường cha

động viên tôi phải thật dũng cảm, nói rằng ngày đầu tiên đi học bao giờ cũng là một thử thách lớn và cha bảo rằng tôi nên cố gắng vui vẻ. Tôi nhìn theo cho đến khi bóng cha khuất khỏi tầm mắt. Sau đó, tôi ngáp ngừng bước theo những đứa trẻ khác đến sảnh gần trung tâm thể dục thể thao nơi thầy hiệu trưởng sẽ phát biểu chào đón học sinh mới. Sảnh vừa đủ lớn cho tất cả học sinh ngồi, còn một số thầy cô giáo đứng cạnh các bức tường. Sàn sảnh bụi bặm, khi tôi vừa ngồi xuống phía cuối sảnh thì thầy hiệu trưởng – Maxwell – yêu cầu học sinh yên lặng và bắt đầu phát biểu. Tôi thấy khó tập trung lắng nghe những điều thầy nói nên cúi đầu xuống sàn, chà đầu ngón tay lên lớp bụi và đợi cho buổi tập trung kết thúc. Chúng tôi được phân tên lớp, giáo viên chủ nhiệm và yêu cầu nhẹ nhàng đi vào lớp. Tôi rất hứng khởi khi phát hiện ra ngay cạnh lớp học có một cái thư viện. Sau khi đăng ký, chúng tôi nhận thời khóa biểu của tuần. Mỗi giáo viên dạy một môn tại các phòng học ở các vị trí khác nhau trong trường. Chuyển từ tiết này sang tiết khác, môn này sang môn khác, phòng này sang phòng khác và giáo viên này sang giáo viên khác là điều khó khăn nhất với tôi khi chuyển từ cấp một lên cấp hai.

Có một vài bạn cũ học chung trường với tôi hồi cấp một, Dorothy Barley, cũng chuyển lên học cùng lớp với tôi. Babak, một người bạn tốt của tôi lại học ở một trường khác của thành phố. Tôi cảm thấy cực kỳ lo lắng nên không nói chuyện với bất kỳ ai trong lớp, thậm chí không giới thiệu về mình. Thay vào đó, tôi liên tục nhìn về phía đồng hồ mong nó chạy nhanh hơn cho ngày chóng qua đi. Khi chuông ra chơi reo vang, lũ trẻ chạy ào ra sân. Tôi đứng trong lớp, chờ cho bọn trẻ chạy ra hết vì sợ bị xô đẩy khi chúng ồ ạt chạy ra sân. Sau đó, tôi đi đến thư viện ở phòng bên cạnh lớp học, lấy một cuốn bách khoa toàn thư từ giá sách tham khảo, ngồi xuống bàn một mình và đọc. Không muốn quay lại lớp muộn nên tôi canh thời gian nhờ chiếc đồng hồ

treo trên tường thư viện. Nghĩ đến việc bước vào lớp, nhìn thấy bạn bè đã yên vị, tất cả đều hướng mắt nhìn vào mình khiến tôi sợ. Khi tiếng chuông báo giờ ăn trưa đến, tôi lại đi vào thư viện và đọc sách tại cùng cái bàn tôi đã ngồi trong giờ ra chơi.

Hồi học cấp một, tôi chỉ ăn đồ ăn mẹ chuẩn bị sẵn từ buổi tối hôm trước. Tuy nhiên, cho đến bây giờ cha mẹ cũng đã tập cho tôi quen với việc ăn trưa tại trường. Xuất thân từ một gia đình có thu nhập thấp, tôi được hỗ trợ một phần cho bữa trưa. Sau nửa tiếng đọc sách, tôi đi vòng vào nhà ăn. Những hàng người dài xếp hàng chờ đến lượt lấy thức ăn đã dần biến mất nên tôi có thể lấy khay, đi đến chỗ lấy thức ăn và chọn đồ ăn mình muốn mà không phải chờ đợi. Tôi chỉ tay vào món cá, khoai tây và đậu. Lúc đó, cũng đã đói nên tôi chỉ lấy vội một cái bánh ở quầy tráng miệng rồi đi đến quầy thanh toán tiền. Tôi đưa phiếu trợ cấp cho cô thu ngân trong khi cô bấm những cái nút trên máy. Phiếu trợ cấp không đủ cho cả món tráng miệng nên cô thu ngân bảo tôi phải trả tiền cho món lấy thêm. Tôi bị bất ngờ nên cảm thấy mặt nóng lên, lo lắng và cảm giác như có thể bật khóc luôn được. Nhận thấy sự bối rối của tôi, cô thu ngân bảo tôi không phải lo lắng vì hôm đó là ngày đầu tiên ở trường và bảo tôi cứ giữ lại cái bánh. Nhìn thấy một cái bàn trống, tôi liền đến đó ngồi. Số người còn lại trong nhà ăn chỉ ngồi chiếm khoảng nửa căn nhà nhưng tôi vẫn ăn với tốc độ rất nhanh trước khi có ai đó có thể đến ngồi cùng bàn với tôi và sau đó rời nhà ăn.

Tan trường, đợi lũ trẻ chạy hết ra đường rồi tôi mới đi ra bến xe buýt đã xuống buổi sáng. Đó là lần đầu tiên tôi sử dụng phương tiện giao thông công cộng một mình và không nhận ra rằng đáng lẽ phải bắt chiếc xe đi theo hướng ngược lại mới về được nhà. Khi xe đến, tôi bước lên xe, nói điểm đến của mình, điều mà tôi lặp đi lặp lại nhiều lần trong đầu. Người lái xe nói điều gì đó nhưng tôi nghe không rõ và

lấy tiền, trả tiền vé một cách tự động. Người lái xe lặp lại điều ông vừa nói nhưng tôi không thể xử lý được vì tôi đang tập trung cao độ để không quá sợ hãi khi phải đi xe một mình. Tôi đứng đó cho đến khi người tài xế, cuối cùng, thở dài và lấy tiền. Tôi cầm vé và ngồi xuống chiếc ghế trống gần nhất. Khi xe lăn bánh, tôi đợi nó quay đầu lại theo hướng về nhà, nhưng nó không quay mà tiếp tục đưa tôi đi càng lúc càng xa. Tôi trở nên lo lắng, chạy đến cửa xe, sốt ruột chờ xe dừng, cuối cùng cửa xe cũng mở. Nhận ra sự nhầm lẫn của mình, tôi nhảy ra khỏi xe, bước qua đường đến một bến xe buýt khác. Lần này, khi xe đến, tôi đưa cho chú tài xế tên bến gần nhà tôi, anh ta chẳng nói gì khác ngoài giá vé, điều mà tôi đã biết, tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi bắt được chiếc xe buýt đúng tuyến – thậm chí vui sướng khi, sau hai mươi phút, nhìn thấy đường về nhà qua cửa kính của xe và biết rằng cuối cùng mình cũng trở về nhà an toàn.

Thời gian trôi qua, tôi đã có thể đi học một mình bằng xe buýt. Tôi không bao giờ bị muộn cả vì từ nhà tôi, nằm trên Đại lộ Marston, đến bến xe buýt không xa, hơn nữa, tôi lại nhớ thời gian biểu của tất cả các chuyến xe. Dĩ nhiên, tôi chỉ bị muộn khi chính xe buýt đến muộn.

Mỗi ngày ở trường được bắt đầu bằng việc đăng ký học, sau đó, chúng tôi bắt đầu học theo thời khóa biểu tại các phòng của các tòa nhà khác nhau trong trường. Thật không may, vì khả năng định hướng kém nên tôi rất dễ bị lạc, thậm chí trong khu vực mà tôi đã sống ở đó nhiều năm liền, trừ những con đường tôi học thuộc bằng cách lặp đi lặp lại nhiều lần. Để khỏi bị lạc, tôi đi theo các bạn cùng lớp đến phòng khác sau khi mỗi môn học kết thúc.

Một cách tự nhiên, môn toán trở thành môn yêu thích của tôi. Ngày đầu tiên của kỳ học, mỗi học sinh phải làm một bài kiểm tra toán, dựa vào đó, các học sinh được chia thành các lớp khác nhau tùy thuộc vào kết quả. Nhóm đầu gồm những học sinh đạt điểm cao nhất rồi

đến nhóm thứ hai, thứ ba và thứ tư. Tôi được xếp vào nhóm đầu. Từ buổi học đầu tiên, tôi nhận ra rằng bài ở cấp hai được giảng nhanh hơn nhiều so với hồi tiểu học. Các học sinh trong lớp đều có vẻ đầy hứa hẹn và lý thú, còn các chủ đề giảng dạy khá rộng. Trong đó, chủ đề yêu thích của tôi là về các dãy số, ví dụ dãy Fibonacci (1, 1, 2, 3, 5, 8, 13, 21, 34, 55,...) trong đó số mới của dãy là tổng của hai số trước nó và các chủ đề khác như xử lý số liệu (tính giá trị trung bình, điểm giữa của một tập hợp số) hay các bài toán xác suất.

Xác suất là môn nhiều người cảm thấy khó tiếp thu. Ví dụ, lời giải cho bài toán “Một phụ nữ có hai con, một trong hai người là con gái. Hỏi xác suất người con thứ hai cũng là con gái bằng bao nhiêu?” không phải là $\frac{1}{2}$ mà là $\frac{1}{3}$. Bởi vì, biết rằng người phụ nữ đã có một con gái và do đó không thể có hai con trai, các trường hợp có thể còn lại là: TG (trai và gái), GT (gái và trai) và GG (gái gái).

Một ví dụ khác, “Bài toán ba quân bài” là bài về xác suất có lời giải bất ngờ. Hãy tưởng tượng có ba quân bài: một quân đỏ cả hai mặt, một quân trắng cả hai mặt và quân còn lại một mặt đỏ, một mặt trắng. Một người cho ba quân bài vào túi, trộn các quân bài một cách ngẫu nhiên, sau đó, lấy một quân đặt lên bàn. Mặt trên của quân bài trên bàn là mặt đỏ – hỏi xác suất để mặt kia của quân bài cũng là đỏ là bao nhiêu? Một vài phiên bản của bài toán này cho rằng vì chỉ có hai quân bài có mặt đỏ, một quân với mặt còn lại đỏ và quân kia có mặt còn lại trắng nên xác suất mặt kia cũng là đỏ sẽ là $\frac{1}{2}$, vì mặt còn lại của quân bài đều có xác suất xuất hiện như nhau đỏ hoặc trắng. Tuy nhiên, xác suất đúng cho mặt còn lại của quân bài cũng là đỏ là $\frac{2}{3}$. Để minh họa cho bài toán này, hãy tưởng tượng viết chữ “A” vào một mặt của quân bài hai mặt đỏ, và “B” vào mặt còn lại. Với quân bài một mặt trắng, một mặt đỏ viết chữ cái “C” vào mặt đỏ. Bây

giờ xem xét trường hợp một quân bài rút ra có một mặt đỏ. Xác suất quân bài có mặt đỏ là “A”, “B” hoặc “C”. Nếu là “A” thì mặt còn lại sẽ là “B” (đỏ), nếu là “B” mặt còn lại sẽ là “A” (đỏ) và nếu là “C” thì mặt còn lại của quân bài là trắng. Do đó, xác suất nhận được mặt đỏ khi một mặt đã là đỏ là $\frac{2}{3}$.

Một môn học khác tôi yêu thích ở trường cấp hai là môn lịch sử. Từ hồi còn rất nhỏ tôi đã thích những bảng liệt kê thông tin. Đặc biệt là môn lịch sử, chứa nhiều thông tin dạng liệt kê đó: bảng liệt kê danh từ riêng, ngày tháng liên quan đến các đời vua, tổng thống và thủ tướng đặc biệt hấp dẫn tôi. Tôi thích văn học hiện thực hơn tiểu thuyết, vì thế tôi say mê đọc và nghiên cứu nhiều sự kiện và nhân vật trong những giai đoạn nổi bật của lịch sử. Tôi cũng phân tích câu chữ và cố gắng hiểu rõ mối liên hệ giữa những tư tưởng của các thời kỳ khác nhau và các tình huống lịch sử. Tôi hoàn toàn bị thu hút bởi ý tưởng rằng một sự kiện đơn lẻ, xuất hiện duy nhất có thể dẫn đến một chuỗi các sự kiện khác, giống như một dây domino. Sự phức tạp của lịch sử thực sự lôi cuốn tôi.

Từ tuổi mười một, tôi bắt đầu tạo nên một thế giới các nhân vật lịch sử của chính mình, ví như các tổng thống, các thủ tướng và tướng tượng ra cho họ những lý lịch rắc rối và hoàn thiện. Những cái tên, ngày tháng và sự kiện thường đến với tôi một cách tự nhiên và tôi đã dành rất nhiều thời gian nghĩ về những sự kiện và thống kê, sáng tạo ra cho chúng. Nhiều điều tưởng tượng có ảnh hưởng từ hiểu biết của tôi về những nhân vật và sự kiện lịch sử thực, còn những sự kiện và nhân vật khác lại không giống như vậy. Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn tiếp tục nghĩ về những niên đại lịch sử của mình và thêm vào các nhân vật và sự kiện mới theo thời gian. Dưới đây là ví dụ về một trong những nhân vật lịch sử mà tôi tạo nên:

Howard Sandum (1888-1967) Tổng thống thứ 32 của Hoa Kỳ

Sandum sinh ra trong một gia đình nghèo tại thành phố MidWest và tham gia Thế chiến thứ nhất trước khi được bầu vào Hạ viện như một thành viên của Đảng cộng hòa năm 1921 và vào Thượng viện ba năm sau đó khi ông mới ba mươi sáu tuổi. Ông trở thành thành viên chính phủ năm 1930 và sau đó trúng cử Tổng thống Hoa Kỳ tháng Mười một năm 1938 sau khi đánh bại đối thủ sáu mươi tư tuổi Evan Kramer của Đảng dân chủ. Sandum là tổng thống trong thời gian chiến tranh, ông tuyên chiến với phát xít Đức và Nhật tháng Mười hai năm 1941. Ông bị đối thủ Đảng dân chủ William Griffin (sinh năm 1890) đánh bại vào tháng Mười một năm 1944 (trong cuộc bầu cử tổng thống diễn ra sáu năm một lần) và sau đó từ giã sự nghiệp chính trị. Sandum viết hồi ký khi về hưu – được xuất bản năm 1963. Người con duy nhất của Sandum, Charles (1920-2000) theo cha theo đuổi sự nghiệp chính trị, là đại biểu quốc hội từ 1966-1986.

Có những môn học ở trường mà tôi thực sự ghét và bị tụt phía sau so với các bạn. Ví dụ, môn học làm thợ mộc là môn tôi thấy hết sức buồn chán và không thể nào học chăm chỉ được. Bạn cùng lớp hào hứng cắt, cưa và lắp ráp các mảnh gỗ khác nhau, nhưng tôi luôn khó theo được hướng dẫn của giáo viên và thường chậm hơn các bạn trong lớp. Đôi lúc, giáo viên hướng dẫn tỏ ra sốt ruột nên đến làm cho tôi. Thầy nghĩ rằng tôi lười, còn bản thân tôi thấy mình lạc lõng trong thế giới không thuộc về mình và chỉ muốn thoát ra.

Điều tương tự này cũng xảy ra với môn giáo dục thể chất. Tôi thích những hoạt động không yêu cầu tương tác với người khác – nhào lộn trên bạt lò xo và nhảy cao là những hoạt động tôi rất thích và mong đợi. Thật không may, hầu hết các tiết học đều dành cho các trò như

bóng bầu dục và bóng đá, những môn yêu cầu phối hợp đồng đội cao. Tôi luôn lo lắng mỗi khi chọn đội trưởng và sau đó các đội trưởng chọn đồng đội hết người này đến người kia cho đến khi chỉ còn lại một người đứng một mình – người đó hầu như luôn luôn là tôi. Không phải vì tôi không thể chạy nhanh và sút bóng thẳng, mà vì tôi không thể phối hợp với những người chơi khác cùng đội; tôi không biết khi nào thì chạy và khi nào thì chuyền và khi nào nhường bóng. Trong trận đấu có quá nhiều tiếng ồn quanh mình đến nỗi tôi “tất ngóm” không nhận ra những sự việc đang diễn ra quanh mình cho đến khi một trong những người chơi hoặc huấn luyện viên đến cạnh và nhắc nhở tôi “chú ý” hoặc “tham gia vào”.

Thậm chí khi lớn hơn, tôi vẫn rất khó khăn trong việc hòa nhập với các bạn cùng lớp cũng như kết bạn. Tháng đầu tiên sau khi vào học phổ thông cơ sở, tôi may mắn gặp Rehan, một người Anh gốc châu Á có gia đình chuyển đến từ Ấn Độ năm mười năm trước. Rehan cao, gầy với mái tóc đen và rất dày vì thế cậu phải chải tóc thường xuyên với một cái lược luôn có trong cặp sách. Những học sinh khác hay chọc Rehan vì bề ngoài khác thường của cậu – Rehan bị gãy hai răng cửa và môi trên bị sẹo do tai nạn hồi nhỏ. Có lẽ vì cậu quá nhút nhát và sợ hãi – giống như Babak – có gì đó giống như người ngoài cuộc, chúng tôi trở thành bạn và dành nhiều thời gian ở bên nhau. Rehan là người mà tôi có thể luôn luôn ngồi cạnh trong lớp và là người tôi có thể vòng quanh các hành lang trong trường nói chuyện về những thứ tôi quan tâm, trong khi các bạn khác chơi trong sân vào giờ ra chơi. Thỉnh thoảng Rehan đọc thơ cho tôi nghe; cậu đọc rất nhiều thơ, làm thơ và rất quan tâm đến ngôn từ. Đó là những thứ quan tâm chung khác mà chúng tôi có.

Rehan yêu quý London vì thế cậu thường xuyên đi quanh thành phố bằng tàu điện ngầm, tham quan các địa danh lịch sử nơi các

nhà thơ nổi tiếng đã từng sống, làm việc và đến nhà thờ hồi giáo ở Wimbledon để cầu nguyện vào mỗi thứ Sáu. Cậu ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng mặc dù tôi đã sống ở London từ nhỏ nhưng tôi chưa đến nhiều nơi trong thành phố ngoại trừ vài con đường quanh nhà. Vì thế, cuối tuần, Rehan thường xuyên rủ tôi đi cùng với cậu bằng tàu điện ngầm để cảm nhận sự hấp dẫn của Tháp London, Big Ben và Cung điện Buckingham. Cậu mua vé cho tôi và đi cùng tôi xuống sân ga đợi tàu. Ở đó tối, ẩm ướt và tôi nhớ đã nhìn xuống chân, và đập vào mắt một que diêm đã tắt cùng một bao thuốc lá nhàu nát với dòng chữ: “Hút thuốc lá có hại cho sức khỏe”.

Khi ngồi trên tàu, Rehan chỉ cho tôi xem bản đồ những tuyến và ga tàu điện ngầm khác nhau: màu vàng cho những tuyến Circle, màu xanh cho tuyến Victoria, xanh lá cây cho tuyến District. Con tàu rung rất mạnh khi chuyển động, như thể nó liên tục hắt hơi. Tôi không thích trung tâm London – đầy người, ồn ào, nhiều mùi, ánh sáng và tiếng động – và có quá nhiều thông tin để tôi có thể sắp xếp trong đầu và nó nhảy múa làm tôi đau đầu. Hiểu tình trạng đó của tôi, Rehan dẫn tôi đến những chỗ yên tĩnh, tránh xa đám đông khách du lịch, những người tham quan như: bảo tàng, thư viện và các phòng trưng bày. Tôi yêu quý Rehan rất nhiều và cảm thấy an toàn mỗi khi bên cạnh cậu ấy.

Suốt hồi cấp hai, Rehan thường ốm và phải nghỉ học nhiều. Dần dần tôi phải học cách đối phó với việc Rehan vắng mặt, điều đó không dễ và tôi trở thành người dễ bị tổn thương khi bạn cùng lớp trêu chọc là người không có ai làm bạn. Khi thư viện trường đóng cửa, giờ ra chơi tôi vòng đi vòng lại quanh các hành lang một mình cho đến khi tiếng chuông báo hiệu giờ ra chơi kết thúc reo lên. Tôi lo sợ mỗi khi đến giờ có hoạt động tập thể. Trước đó, tôi còn rất vui vẻ tham gia cùng với Rehan. Cũng vì vắng Rehan, giáo viên hỏi to: “Ai có thể giúp

tôi tạo thành nhóm với Daniel?” Không ai muốn và tôi thường phải làm một mình, điều đó làm tôi thoải mái hơn.

Cha tôi dạy tôi chơi cờ khi tôi mười ba tuổi. Một ngày, cha chỉ cho tôi xem bàn cờ và các quân cờ mà ông dùng khi chơi với bạn bè và hỏi xem tôi có muốn học chơi không. Tôi lắc đầu, do đó ông minh họa mỗi quân cờ đi như thế nào trên bàn cờ và giải thích luật chơi cơ bản. Cha tôi tự học chơi cờ và chỉ thỉnh thoảng chơi để giết thời gian. Mặc dù vậy, ông rất ngạc nhiên khi tôi đánh bại ông ngay ván đầu tiên. “May mắn của người học” ông nói và xếp cờ lại và chơi ván thứ hai. Lại một lần nữa, tôi thắng. Lúc đó trong đầu cha xuất hiện ý tưởng rằng sẽ có lợi nếu tôi chơi cờ ở câu lạc bộ cờ. Cha quen một thành viên câu lạc bộ gần nhà và nhờ chú ấy đưa tôi đến ở câu lạc bộ vào tuần tới.

Có rất nhiều bài toán liên quan đến cờ; bài toán nổi tiếng nhất và là sở thích của tôi là bài toán có tên là “Hành trình của quân Mã”, đó là một chuỗi nước đi của quân mã (đi theo hình chữ “L” – hai ô vuông theo phương dọc và một theo phương ngang hoặc một theo phương dọc và hai theo phương ngang) mà mỗi ô vuông của bàn cờ chỉ đi qua một lần. Nhiều nhà toán học nổi tiếng đã nghiên cứu bài toán này hàng thế kỷ. Một lời giải đơn giản sử dụng “Quy tắc Warnsdorff”, theo đó mỗi bước quân mã phải đi đến ô vuông có góc nhỏ nhất (góc của một ô vuông là số ô vuông quân mã có thể đi đến từ ô vuông đó). Hình trang 104 là ví dụ về một hành trình thành công “Hành trình của quân mã”.

Câu lạc bộ cờ tôi chơi cách nhà khoảng hai mươi phút đi bộ. Mỗi tuần cha đều đưa tôi đến câu lạc bộ và đón tôi về khi buổi tập kết thúc. Các thành viên câu lạc bộ gặp nhau trong một sảnh nhỏ cạnh một thư viện và được tổ chức bởi một người đàn ông thấp tên là Brian, người có bộ mặt đầy nếp nhăn như quả mận khô. Trong sảnh có nhiều bàn, ghế và nhiều người đứng tuổi ngồi khom mình chăm chú

63	22	15	40	①	42	59	18
14	39	64	21	60	17	2	43
37	62	23	16	41	4	19	38
24	13	38	61	20	57	44	9
11	36	25	52	29	46	5	56
26	51	42	33	8	58	30	45
35	10	49	28	53	32	47	6
50	27	34	9	48	7	34	31

vào các bàn cờ. Khi mọi người chơi cờ, sảnh rất yên tĩnh, chỉ có tiếng động “cộc, cộc” của các quân cờ, tiếng nhúc nhích của các kim đồng hồ, tiếng gõ giày và tiếng kêu của các đèn huỳnh quang trong sảnh. Cha giới thiệu tôi với chú Brian và nói với chú ấy rằng tôi mới chơi cờ, là một người rất nhút nhát nhưng rất ham học và rất thích chơi cờ. Chú Brian hỏi tôi có biết xếp quân cờ không. Tôi gật đầu và chú chỉ tôi ngồi vào một bàn cờ trống trong đó có sẵn hộp quân cờ và bảo tôi sắp xếp quân cờ vào đúng vị trí. Khi hoàn thành, Brian gọi một người đàn ông đứng tuổi đeo cặp kính dày đến ngồi đối diện với tôi và chơi cờ cùng tôi. Brian và cha tôi đứng phía sau và quan sát trận đấu. Tôi đi các nước cờ một cách căng thẳng cho đến nửa tiếng sau đối thủ của tôi đẩy quân vua sang phía tôi và đứng lên. Tôi không hiểu điều đó có nghĩa là gì cho đến khi chú Brian đến và nói đơn giản rằng: “Tốt lắm – cháu đã thắng.”

Tôi rất thích đến câu lạc bộ chơi cờ mỗi tuần. Nó không ồn ào và tôi không phải nói và tương tác nhiều với những người chơi cờ khác. Khi không chơi cờ trong câu lạc bộ, ở nhà tôi đọc sách về cờ từ những cuốn sách tôi mượn từ thư viện địa phương. Nhanh chóng sau đó, tất cả những điều tôi có thể nói là về cờ – thậm chí tôi nói với mọi

người rằng khi lớn lên tôi muốn trở thành một người chơi cờ chuyên nghiệp. Khi Brian hỏi tôi xem tôi có muốn đại diện cho câu lạc bộ đi thi đấu với các kỳ thủ ở các câu lạc bộ khác trong vùng không. Tôi rất sung sướng vì điều đó có nghĩa là tôi sẽ được chơi cờ nhiều hơn và tôi đồng ý ngay. Các trận đấu diễn ra ở các ngày khác nhau trong tuần, nhưng các kỳ thủ được hỏi trước về thời gian xem họ có rỗi để có thể chơi không. Brian thường đón tôi đi cùng, đôi lúc cùng với một thành viên khác của nhóm đến nơi thi đấu. Những trận đấu này được tổ chức trang trọng hơn so với những trận đấu ở câu lạc bộ và mỗi kỳ thủ phải viết lại nước đi của mình khi chơi lên một tờ giấy được ban tổ chức cung cấp trước mỗi trận đấu. Tôi thắng hầu hết các trận đấu và nhanh chóng trở thành một thành viên thường xuyên của đội thi đấu của câu lạc bộ.

Sau mỗi trận đấu, tôi lấy tờ biên bản thi đấu về nhà và chơi lại ván cờ với bản cờ của mình khi ngồi trên sàn phòng ngủ, phân tích vị trí đạt được và cố gắng tìm ra cách cải thiện trình độ. Đó là điều các chuyên gia khuyên làm trong một trong số cuốn sách về cờ mà tôi đã đọc, điều đó giúp tôi tránh lặp lại lỗi và thành thục với nhiều thế cờ thông thường trong một ván đấu.

Đối với tôi, điều khó khăn nhất khi chơi cờ là duy trì sự tập trung cao độ trong suốt trận đấu dài có thể đến hai ba tiếng đồng hồ. Tôi có xu hướng suy nghĩ sâu trong khoảng thời gian ngắn, còn trong khoảng thời gian dài hơn khả năng tập trung của tôi giảm rất nhiều, và sự kiên nhẫn cũng giảm theo. Tôi cũng cảm thấy không thể dứt khỏi những việc nhỏ xảy ra xung quanh mình và điều này cũng ảnh hưởng đến sự tập trung của tôi: ví dụ như có tiếng ai đó thở hổn hển trong phòng mà đến tai tôi. Có những ván tôi đoạt lợi thế rồi sau đó mất tập trung đi một hoặc một loạt các nước cờ yếu và cuối cùng thua cuộc. Điều này luôn làm tôi hết sức nản lòng.

Hàng tháng, tôi đều đọc cuốn tạp chí cờ mới nhất ở thư viện địa phương. Trong một số tôi đọc được thông báo về một giải đấu được tổ chức gần nhà. Một phần trong thông báo đó là: “Lệ phí: Đóng trước – giảm £5. Đóng vào ngày thi đấu – £20”. Tôi có xu hướng đọc theo đúng nghĩa đen của nó, và tôi không chắc “giảm” ở đây có nghĩa là sao và tôi đoán rằng đó là viết tắt của từ “tặng” (offer). Tôi xin cha mẹ cho tôi tham dự cuộc thi, họ đồng ý và đưa tôi một yêu cầu trả tiền qua bưu điện với số tiền tôi nghĩ cần gửi để đăng ký thi đấu: £5. Hai tuần sau tôi đến sảnh nơi cuộc thi diễn ra và đọc tên mình. Người đàn ông nhìn qua một lượt danh sách và nói rằng tôi đã hiểu nhầm và tôi vẫn nợ £15 (vì tôi nộp lệ phí vào ngày thi đấu do đó tôi phải nộp phí mà không được giảm). Thật may mắn, tôi có mang theo ít tiền nên có thể nộp nhưng vẫn cảm thấy rối rắm về toàn bộ sự việc.

Những ván đấu trong cuộc thi được tính thời gian và tôi bắt đầu chơi ván thứ nhất một cách tự tin và chơi rất nhanh. Nhanh chóng sau đó tôi đoạt lợi thế lớn về thế về thời gian so với đối thủ. Tôi cảm thấy rất tích cực. Sau đó đột nhiên đối thủ quyết định ấn nút bấm đồng hồ và đứng dậy một cách nhanh chóng. Tôi nhìn anh ta đi đi lại lại trong sảnh trong khi anh ta đợi tôi đi nước tiếp theo. Tôi không nghĩ anh ta lại làm thế và bắt đầu mất tập trung khi anh ta đi đi lại lại, giày anh ta lại đập vào sàn sảnh cứng bóng kêu cọt két. Hoàn toàn mất trí, tôi đi những nước cờ kém và thua cuộc. Tôi hoàn toàn thất vọng, nhưng không thể nào tiếp tục chơi các ván tiếp theo được vì tôi không thể lấy lại được sự tập trung. Tôi đi ra khỏi sảnh, trở về nhà và quyết định các giải đấu không phải dành cho mình.

Tôi tiếp tục chơi cờ thường xuyên một mình trên sàn phòng ngủ. Gia đình tôi biết không làm ảnh hưởng khi tôi đang chơi. Khi chơi một mình, tôi cảm thấy rất dễ chịu với những luật xác định không đổi với nhiều quân và vị trí giống nhau. Khi mười sáu tuổi, tôi sáng tạo nên

một ván cờ với 18 nước đi và gửi cho tạp chí cờ mà tôi thường xuyên đọc say sưa mỗi khi đến thư viện. Tôi rất ngạc nhiên, nó được đăng vài tháng sau đó như một bài có ảnh hưởng. Cha mẹ tôi tự hào đến nỗi họ cho bài báo vào một khung kính rồi treo nó lên tường phòng ngủ của tôi.

Khoảng đầu năm đó, 1995, tôi thi tốt nghiệp cấp hai và đạt được điểm cao nhất – A* – với môn lịch sử, A với môn tiếng Anh, Văn học Anh, tiếng Pháp và tiếng Đức, hai điểm B với các môn khoa học và một điểm C cho môn thực hành với gỗ. Trong kỳ thi toán chuẩn bị tôi đạt điểm A nhưng trong kỳ thi cuối cùng tôi lại chỉ đạt điểm B vì kiến thức đại số của tôi tương đối kém. Tôi cảm thấy rất khó dùng các phương trình thay thế các con số – thứ mà tôi có phản ứng tình cảm và mỹ cảm – còn các chữ thì tôi không có phản ứng như vậy. Cũng vì lý do này mà tôi quyết định không tiếp tục với môn toán ở bậc học cao hơn mà chọn học môn lịch sử, tiếng Pháp và tiếng Đức.

Một trong những giáo viên dạy tiếng Pháp cho tôi ở cấp độ A là cô Cooper. Cô đã giúp tôi chuẩn bị chuyến đi nước ngoài đầu tiên đến Nantes, một thành phố biển nằm bên bờ sông Loire vùng Tây Bắc nước Pháp, khi tôi mười bảy tuổi. Cô biết một gia đình ở đó sẵn lòng đón tiếp và chăm sóc tôi trong thời gian ở đó. Trước đó, tôi chưa bao giờ dùng hộ chiếu nên tôi phải xin hộ chiếu trước khi bay vào giữa mùa hè. Tôi nhớ rõ cảm giác lo lắng khi phải xa nhà, lo đi máy bay, lo khi đến một đất nước xa lạ. Cùng với nỗi lo ấy, tôi lại rất hào hứng có cơ hội sử dụng tiếng Pháp và đối mặt với những khó khăn. Trong kỳ nghỉ mười ngày, tôi được gia đình bạn cô Cooper đối xử tốt. Họ cho tôi không gian riêng khi cần thiết và liên tục động viên tôi thực hành tiếng Pháp. Mọi cuộc trò chuyện đều diễn ra bằng tiếng Pháp – khi chơi bóng bàn, cởi quần áo ra biển và trong các bữa ăn hải sản dài.

Mùa hè năm đó, một cậu bé người Đức tên là Jens đến trường tôi

để học tiếng Anh. Vì tôi là học sinh duy nhất trong lớp có thể nói tiếng Đức nên Jens ngồi cạnh tôi khi học và đi bộ với tôi mỗi khi tôi đi. Tôi thích có ai đó để nói chuyện và cùng chơi trong giờ ra chơi và chúng tôi trò chuyện bằng tiếng Đức và tiếng Anh. Jens dạy tôi rất nhiều từ tiếng Đức hiện đại, ví dụ như *Handy* có nghĩa là “điện thoại di động” và *Glötze* là “Tivi” là những từ mà trước đó tôi chưa từng được đọc hoặc nghe. Sau khi Jens trở về Đức, chúng tôi vẫn giữ liên lạc qua thư điện tử; cậu viết cho tôi bằng tiếng Anh còn tôi viết lại bằng tiếng Đức.

Tuổi dậy thì tạo nên một thay đổi – tôi cao hơn và giọng nói trầm hơn. Cha mẹ dạy tôi dùng mỹ phẩm khử mùi và cạo râu, mặc dù tôi khó chịu và không thoải mái, nhiều khi tôi để râu tóc mọc lởm chởm. Thay đổi hooc môn cũng ảnh hưởng đến cách tôi nhìn và cảm nhận về những người xung quanh. Tôi không hiểu gì về cảm xúc; đó là điều bất thường xảy đến với tôi và tôi không biết nguyên nhân từ đâu. Mọi thứ tôi biết chỉ là tôi muốn gần với một ai đó, và không hiểu rằng sự gần gũi là tình cảm sơ cấp nhất, tôi có thể bước lại gần một học sinh khác trong sân và đứng rất gần người đó cho đến khi có thể cảm nhận được hơi ấm từ cơ thể họ truyền đến da thịt tôi. Tôi không có khái niệm về không gian riêng, đó là điều làm cho người khác cảm thấy không thoải mái khi gần tôi.

Từ khi mười một tuổi tôi biết rằng mình hấp dẫn với các bạn nam khác, mặc dù đó là thời điểm vài năm trước khi tôi nhận ra mình là “đồng tính”. Những bạn nam trong lớp quan tâm đến các bạn nữ và nói nhiều về họ. Nhưng điều đó không làm tôi cảm thấy mình là một người khác biệt – tôi đã quá biết rằng thế giới của tôi rất khác so với thế giới của họ. Tôi không bao giờ cảm thấy xấu hổ hay khó xử về những cảm giác mình có. Vì tôi hiểu mình không phải là người quyết định điều đó. Đó là cảm xúc tự nhiên và giống như những thay đổi về thể chất trong tuổi dậy thì. Suốt thời kỳ thiếu niên, tôi quá thiếu

sự tự tin vì sự trêu chọc của bạn bè, vì tôi không có khả năng nói và tương tác một cách tự nhiên với các bạn đồng lứa. Do đó, tán tỉnh ai đó là chuyện không thể với tôi. Mặc dù có môn học giáo dục giới tính, nhưng nó chẳng lý thú gì với tôi và nó cũng chẳng giải thích được cảm giác của tôi.

Tôi có sự rung động đầu đời khi mười sáu tuổi, sau khi lên lớp sáu (tương đương với hai năm cuối trung học). Lớp ít học sinh hơn nhiều so với trước, chỉ có khoảng mười hai học sinh, và trong những người mới được nhận vào lớp có một bạn mới chuyển đến và cũng học Lịch sử ở cấp độ A giống tôi. Cậu ta cao, tự tin và hòa đồng mặc dù là một học sinh mới – theo nhiều khía cạnh cậu ta hoàn toàn đối lập với tôi. Chỉ nhìn cậu ta cũng đã làm tôi cảm thấy khác lạ: miệng khô, bụng dạ sôi lên và tim đập rất nhanh trong lồng ngực. Ban đầu nhìn thấy cậu ta mỗi ngày ở trường là đủ đối với tôi, mặc dù nếu cậu ta có đến lớp muộn tôi không thể nào tập trung vào bài giảng, chờ đợi cậu bước qua cửa lớp.

Một hôm tôi nhìn thấy cậu ta đọc sách trong thư viện trường, tôi lại gần và ngồi vào bàn cạnh cậu ta. Tôi quá căng thẳng đến nỗi quên không giới thiệu bản thân. Rất may cậu ta nhận ra tôi là bạn cùng lớp và tiếp tục đọc. Tôi ngồi đó, không thể nói được điều gì, trong mười lăm phút, cho đến khi chuông báo hiệu giờ ra chơi kết thúc. Cậu ta đứng dậy và bước đi. Sau đó tôi có ý tưởng rằng nếu mình giúp cậu ta làm bài tập lịch sử thì tôi sẽ có cơ hội nói chuyện với cậu ta dễ dàng hơn. Tôi viết lại nhiều trang giấy những bài học lịch sử của tháng vừa rồi và đưa chúng cho cậu ta trong lần gặp cậu ta tiếp theo trong thư viện. Cậu ta ngạc nhiên và hỏi tại sao tôi lại làm như thế. Tôi trả lời rằng tôi muốn giúp cậu ta vì cậu ấy là học sinh mới của trường. Cậu ta cầm lấy những trang giấy và cảm ơn tôi. Tôi tiếp tục làm như vậy nhưng cậu ta chỉ đồng ý nhận khi tôi đảm bảo rằng chép lại như thế

không ảnh hưởng đến việc học của tôi. Tuy nhiên, chưa bao giờ cậu ta nói chuyện với tôi như một người bạn hay thể hiện cố gắng dành thời gian cho tôi. Sau đó, tôi cảm thấy bồn chồn nên viết một bức thư ngắn và đưa cho cậu ta khi ở thư viện trong một lần ra chơi. Tôi bước ra khỏi phòng ngay khi đưa vào tay cậu ta mảnh giấy, không thể nào ở đó khi cậu ta đọc những suy nghĩ thầm kín nhất của mình. Cuối buổi học, khi đang bước về phía cổng trường tôi nhìn thấy cậu ta đang đứng giữa lối đi, quan sát và chờ đợi. Trong sâu thẳm, tôi muốn quay đi và chạy, vẫn cảm thấy không thể nào đối mặt với cậu ta, nhưng đã quá muộn; cậu ta đã nhìn thấy tôi. Chúng tôi đứng cùng nhau trên đường và trong một khoảnh khắc, một khoảnh khắc hạnh phúc vì dường như cậu ta đã đi vào thế giới của tôi. Cậu đưa cho tôi một mảnh giấy và nói đơn giản, nhẹ nhàng rằng cậu ta không thể trở thành người tôi muốn. Cậu ấy không giận dữ, khó chịu và không vội vã mà chỉ đứng một cách kiên nhẫn nhìn tôi cho đến khi tôi cúi mặt và bước đi.

Về nhà, tôi làm điều mà tôi luôn làm trong lúc buồn và bất an – tôi nghe những bản nhạc yêu thích, điều đó dường như luôn làm tôi dịu đi. Ban nhạc yêu thích của tôi là Carpenters, nhưng tôi cũng rất thích nghe các nghệ sĩ khác như Alison Moyet và The Beach Boys. Tôi rất dễ dãi với việc nghe lặp đi lặp lại và đôi khi nghe một bản nhạc hàng trăm lần bằng máy Walkman, nghe hàng tiếng đồng hồ liên tục.

Hai năm lớp sáu của tôi khá khó khăn cũng vì một số lý do khác. Đó là sự thay đổi cấu trúc bài giảng và chủ đề học. Nó làm tôi sốc và tôi khó thích nghi. Trong giờ lịch sử, những chủ đề tôi đã học trong hai năm trước thì bây giờ được thay thế bằng những chủ đề chẳng liên quan gì và chẳng lý thú chút nào với tôi. Hơn nữa, những bài tập viết cũng tăng lên đáng kể và tôi phải nỗ lực để viết về những sự kiện và ý tưởng mà tôi ít biết và ít quan tâm. Tuy nhiên, mối quan hệ của tôi với giáo viên lịch sử, thầy Sexton, rất tốt, tốt hơn nhiều so với mối

quan hệ với bất kỳ bạn nào trong lớp. Thầy tôn trọng tình yêu của tôi với môn lịch sử và rất thích nói chuyện với tôi sau bài giảng về những điều tôi thích nhất. Sự linh động ở cấp độ A cho phép tôi tự học với tốc độ của bản thân hơn so với trước đây. Đặc biệt lớp học ít học sinh hơn và tập trung hơn. Tuy nhiên, đến học kỳ cuối, tôi dường như kiệt sức và không vui. Mặc dù, tôi thi tốt trong kỳ thi kết thúc học kỳ nhưng vẫn không giúp tôi trả lời câu hỏi tôi luôn hỏi mình cho đến thời điểm đó: “Làm cái gì bây giờ?”



Vé đến Kaunas

CHA MẸ LUÔN MONG ĐỢI TÔI SẼ VÀO ĐẠI HỌC. Họ kiên trì ủng hộ suốt quá trình học tập và tự hào về kết quả học tập của tôi. Cả cha và mẹ phải rời trường mà chưa nhận được tấm bằng, đặc biệt trong cả hai gia đình chưa có ai học lên đến đại học. Bản thân tôi chưa bao giờ thích thú với ý tưởng vào đại học. Dù đã cố gắng cải thiện nhiều kỹ năng giao tiếp xã hội, nhưng tôi vẫn thấy khó khăn và lúng túng khi giao tiếp. Với tôi, việc học hành ở lớp như thế là quá đủ, tôi muốn làm việc gì đó mới, có tính thử thách hơn. Giống như nhiều thanh niên ở tuổi mười tám, tôi chưa có định hướng rõ ràng về tương lai và cuộc sống. Khi nói với mẹ rằng, tôi quyết định không vào đại học, mẹ đã rất thất vọng. Thời điểm đó, cha mẹ không chắc chắn liệu tôi có thể thích nghi hoàn toàn với yêu cầu của thế giới bên ngoài không. Sau nhiều cố gắng, để làm những việc nhỏ nhất như đánh răng và cạo râu cũng làm tôi mất rất nhiều thời gian, công sức.

Hàng ngày, tôi đều chăm chỉ đọc những trang cuối của nhiều tờ báo vì ở đó đăng quảng cáo tìm việc. Khi tôi còn đi học, tôi nói với nhân viên phụ trách nhân sự rằng sau này tôi muốn trở thành một

người phân loại thư hoặc một thủ thư. Ý nghĩ được làm việc trong một phòng phân loại, đặt mỗi bức thư chính xác vào đúng ngăn chứa, hoặc trong thư viện, bao quanh bởi các con số, các từ ngữ với trật tự và cấu trúc rõ ràng. Đường như với tôi, sự logic và yên tĩnh luôn luôn là lý tưởng. Có điều, các thư viện trong vùng không có nhu cầu tuyển nhân viên mới và một số thư viện lại đòi hỏi chúng chỉ mà tôi không có. Một lần, tôi đọc được một mẫu quảng cáo nhỏ trên báo tìm người quan tâm đến việc đi tình nguyện ở nước ngoài. Tôi đã đọc rất nhiều sách về các nước trên thế giới. Tôi nhớ hết tên tất cả các thành phố, thủ đô của các nước châu Âu – nghĩ đến sống và làm việc ở một nước xa xôi làm tôi e ngại. Dù rằng, việc đó hứa hẹn nhiều điều mới lạ, kèm cả sợ hãi và lý thú vô cùng. Đây là bước thay đổi lớn trong suy nghĩ của tôi và khi đó tôi hiểu rằng không thể ở với cha mẹ mãi được.

Tôi bày tỏ dự định đi tình nguyện với gia đình. Mọi người phân vân việc nên ủng hộ tôi hay không, nhưng khuyên tôi gọi điện lại cho số trong mục quảng cáo để hỏi thêm thông tin. Vài ngày sau đó, có vài bức thư gửi đến cho tôi. Người đăng mẫu tin quảng cáo là đại diện của chi nhánh những người tình nguyện trẻ của tổ chức Dịch vụ Tình nguyện Quốc tế – một tổ chức phát triển từ thiện quốc tế, tổ chức gửi tình nguyện viên lớn nhất trên thế giới. Họ đặc biệt ưu tiên dành cơ hội cho những người trẻ tuổi ở những vùng nghèo khó của Anh. Vì cơ hội dành cho thanh niên ở những vùng như vậy là rất nhỏ. Những người xin đi tình nguyện thành công sẽ được gửi đến Đông Âu, sẽ được đào tạo và hỗ trợ trong suốt quá trình làm việc. Sau nhiều lần trao đổi cụ thể hơn với gia đình, tôi điền mẫu xin đi tình nguyện và chờ tin.

Tôi cảm thấy lo lắng khi phải đi xa đến nơi cách nhà hàng trăm dặm với cuộc sống mới trên một đất nước mới. Nhưng tôi đã là một người trưởng thành và biết mình phải làm một điều gì đó nếu muốn

tạo ra con đường cho mình trong thế giới bên ngoài căn phòng của mình. Jens, một người bạn Đức của tôi, đồng viên tôi đi du lịch, giống như cậu đã từng làm khi sang Anh. Cậu tin rằng, kinh nghiệm sẽ làm cho tôi tự tin và cởi mở hơn với người xung quanh. Dĩ nhiên, tôi hy vọng, việc đi ra nước ngoài giúp tôi hiểu hơn về bản thân mình, về kiểu người như tôi.

Tôi nhận được thư trả lời, đơn xin đi tình nguyện của tôi đã được chấp nhận. Tôi sẽ phải tham gia một cuộc phỏng vấn ở trung tâm thành phố London. Hôm đi phỏng vấn, cha mẹ đưa đủ tiền đi taxi cho tôi để đảm bảo tôi không bị muộn. Cha giúp tôi thắt cà vạt. Tôi mặc quần và áo sơ mi mới. Mấy cái móc áo liên tục cọ vào lưng làm tôi mất ngủ. Tôi gãi cho đến khi đỏ rát. Đến tòa nhà, tôi đi thang máy lên tầng lễ tân và đăng ký tên. Người phụ nữ của phòng lễ tân lật nhẹ vài trang giấy và đánh dấu ký hiệu gì đó bằng một chiếc bút mực tím. Sau đó chị yêu cầu tôi lấy ghế ngồi. Tôi hiểu ý của người phụ nữ là “mời ngồi” chứ không phải yêu cầu tôi lấy một trong những cái ghế trong phòng đợi để mang theo cùng. Do đó, tôi bước lại, ngồi xuống và đợi.

Khu vực ngồi đợi nhỏ và tối vì có một cái cửa sổ duy nhất thì lại quá nhỏ và cao nên không có nhiều ánh sáng dù không khí có thể lọt vào được. Thảm trải sàn đã ngả màu và gần chỗ tôi ngồi có nhiều mảnh bích quy vụn do ai đó làm rơi vài khi ăn trong lúc chờ đợi. Ngay giữa phòng có một cái bàn cùng vài cuốn tạp chí khá cũ kỹ nhiều nếp gấp. Lúc đó, tôi không muốn đọc nên nhìn xuống sàn nhà và đếm các mảnh bích quy trên sàn. Tôi đang mải mê với những mẫu bánh vụn thì đột nhiên cánh cửa mở ra và tôi nghe thấy tiếng gọi mình. Tôi đứng dậy, bước đến phòng phỏng vấn, cẩn thận để không làm rơi những cuốn tạp chí khi đi qua chúng. Phòng phỏng vấn sáng hơn nhiều so với phòng đợi. Người phụ nữ ngồi trước bàn bắt tay và mời tôi ngồi. Trên bàn làm việc của chị có rất nhiều giấy. Cuộc phỏng vấn bắt đầu

bằng câu hỏi mà tôi mong đợi nhất: Điều gì khiến bạn nghĩ bạn có thể trở thành một tình nguyện viên tốt? Tôi nhìn xuống, hít một hơi dài và nhớ những điều mẹ dặn tôi rằng phải nhấn mạnh về những ưu điểm của mình. “Tôi có thể suy nghĩ rất cẩn thận về một sự việc, tôi có thể hiểu và tôn trọng sự khác biệt ở người khác và tôi là một người có thể học rất nhanh.”

Sau đó, chị hỏi tôi một số câu hỏi khác như đã có người yêu chưa và có nhớ người yêu khi đi công tác không (tôi chưa có). Chị hỏi tiếp liệu tôi có cho rằng mình là một người có khả năng thích nghi tốt với các văn hóa và đất nước khác không (tôi cho là có). Chị cũng hỏi, là một tình nguyện viên, tôi muốn làm gì và có thể làm tốt nhất loại công việc gì. Tôi trả lời, đã có thời gian tôi giúp đỡ các bạn ít tuổi hơn ở trường làm bài tập ngoại ngữ và tôi rất thích dạy tiếng Anh. Người phụ nữ mỉm cười, tỏ vẻ hài lòng và viết gì đó vào sổ. Sau đó, chị hỏi tôi có biết gì về Đông Âu không, tôi gật đầu và nói rằng tôi đã học lịch sử Liên bang Nga ở trường và nhớ tất cả tên và thủ đô của tất cả các nước. Chị ngắt lời tôi và hỏi liệu tôi có sẵn sàng sống ở một đất nước nghèo hơn nước Anh nhiều không. Tôi im lặng một lúc vì không thích bị ngắt lời, nhưng sau đó gật đầu lên và nói tôi sẵn sàng. Tôi sẽ mang theo những thứ thực sự cần thiết như sách, quần áo, máy nghe nhạc.

Cuối buổi phỏng vấn người phụ nữ đứng dậy khỏi ghế, bắt tay và nói rằng, họ sẽ gửi thông tin về quyết định sớm. Về đến nhà, mẹ hỏi tôi về cuộc phỏng vấn nhưng tôi không biết trả lời thế nào. Vài tuần sau, tôi nhận được một bức thư thông báo tôi đã vượt qua vòng phỏng vấn và yêu cầu tôi tham gia một tuần huấn luyện vào tháng sau tại trung tâm cứu tế ở Midlands. Tâm trạng tôi đầy hứng khởi vì đã vượt qua được vòng phỏng vấn, nhưng ngay lúc đó tôi lại bắt đầu lo lắng vì chưa bao giờ đi tàu một mình. Rất may, đi kèm với bức thư còn có một tờ hướng dẫn cho những người đến trung tâm bằng tàu. Tôi học

thuộc từng chữ trong tờ giấy để đảm bảo thực hiện đúng như hướng dẫn. Buổi sáng đầu tuần, cha mẹ giúp tôi chuẩn bị hành lý. Cha đưa tôi đến bến tàu và đứng xếp hàng mua vé cùng tôi. Ông đi cùng để đảm bảo tôi đến đúng bến và vẫy chào tạm biệt tôi khi tàu rời bến.

Hôm đó là một ngày hè nóng nực. Toa tàu ngột ngạt, khó thở, thiếu không khí và khó chịu. Tôi nhanh chóng ngồi vào ghế cạnh cửa sổ, không ai ngồi cạnh, mau chóng đặt hành lý xuống sàn và kẹp chặt chúng giữa hai chân. Ghế ngồi cứng và dù tôi có cựa quậy, nhúc nhích kiểu gì thì cũng không cảm thấy thoải mái được. Lúc đó, tôi không thích ở trên tàu vì bẩn, vỏ kẹo la liệt trên sàn và còn có cả một tờ báo nhàu nhĩ, hoen ố trên chiếc ghế trống trước mặt tôi. Khi tàu chuyển bánh, tiếng ồn làm tôi không thể tập trung vào thứ khác như đếm những vết xước trên kính cửa sổ cạnh chỗ ngồi. Sau mỗi ga, hành khách lên tàu nhiều hơn làm tôi càng thêm lo lắng. Những âm thanh hỗn độn pha trộn nhau – tiếng lạo xạo mở từng trang tạp chí một cách uể oải, tiếng nhạc, tiếng ho, hắt hơi và nói to – làm tôi cảm thấy mệt mỏi. Tôi ấn mạnh các ngón tay lên tai, lúc đó đầu tôi như bị vỡ tung thành trăm mảnh.

Cuối cùng, đoàn tàu cũng đến bến tôi cần xuống khi đã khá muộn. Tôi thở phào nhẹ nhõm, như vừa thoát khỏi mớ hỗn độn. Nhưng vẫn còn khó khăn do tôi nhận biết phương hướng rất kém. Vì vậy, tôi sợ mình sẽ bị lạc hoàn toàn. May thay, tôi nhìn thấy một chiếc taxi đang đợi khách, tôi lên xe và đưa địa chỉ nơi đến cho tài xế. Một lúc sau, xe đưa tôi đến một tòa nhà rộng màu đỏ, trắng, được điểm xuyết bằng những khung cửa sổ và nhiều cây xanh bao quanh, với một tấm biển “Hội trường Harborne – Trung tâm đào tạo và Hội nghị”. Bên trong hội trường, có các tờ rơi giới thiệu về tòa nhà nên tôi biết hội trường được xây dựng từ thế kỷ mười tám và trước kia nó là một tu viện dành cho các nữ tu sĩ. Trong phòng tiếp tân tối có nhiều cột gỗ vàng cao

tới trần, một vài chiếc ghế da màu vàng sậm và cầu thang thành gỗ ở phía đối diện với một chiếc bàn. Tôi được phát cho một chiếc thẻ ghi tên và phải luôn đeo bên mình trong thời gian ở lại trung tâm, một chiếc chìa khóa, sổ phòng và lịch làm việc cho một tuần.

Phòng của tôi ở tầng trên, sáng và có cảm giác trong lành hơn. Ở góc nhà có một chiếc bồn nước nhỏ nhưng nhà vệ sinh và nhà tắm lại ở tầng dưới. Nghĩ đến việc phải dùng chung nhà tắm (ở nhà ngày nào tôi cũng tắm) thật không dễ chịu. Vì vậy, mỗi sáng, tôi đều dậy rất sớm để đảm bảo được sử dụng nhà tắm trước khi chưa có bất kỳ ai thức dậy.

Ngày đầu tiên tại trung tâm, tôi được giao nhiệm vụ dạy tiếng Anh tại Lithuania. Trước đó, tôi cũng chỉ mới nghe đến tên đất nước và thành phố thủ đô của nó – Vilnius. Người ở trung tâm đưa cho tôi sách và các tờ rơi để đọc về đất nước và con người Lithuania. Tiếp đó, tôi có cuộc gặp gỡ, giới thiệu với hơn chục tình nguyện viên trẻ khác, những người đã làm tại nhiều nơi khác nhau ở Đông Âu. Chúng tôi ngồi thành vòng tròn, mỗi người có một phút để giới thiệu về bản thân mình. Tôi rất căng thẳng và cố gắng không quên nhìn vào mắt các thành viên khác khi giới thiệu tên và đất nước tôi sẽ đến. Trong những tình nguyện viên tôi gặp, có một người Ireland, tóc xoăn, dài, được cử đến làm việc tại Nga. Một người khác là một phụ nữ trẻ được phân công làm việc với các trẻ em tại Hungary.

Thời gian rảnh rỗi, các tình nguyện viên giao lưu với nhau qua các trò chơi trong phòng, tán gẫu hoặc chơi bi-a. Tôi lại thích ở lại phòng đọc sách hoặc đến phòng thông tin với nhiều loại sách và bảng biểu. Tôi ngồi yên lặng nghiên cứu. Trong giờ nghỉ ăn, tôi thường đi lấy đồ ăn đầu tiên và ăn nhanh nhất hết mức có thể để tránh phải ngồi với nhiều người quanh mình. Vào cuối ngày, tôi ngồi một mình trên khoảnh cỏ tách biệt hoàn toàn với bên ngoài trụ sở nhìn về phía hàng cây sừng sững trên nền trời hoàng hôn với màu sắc mờ nhạt. Trong khoảnh khắc ấy, tôi chìm đắm trong suy tư và

cảm nhận. Dĩ nhiên, trong đầu tôi lóe lên chút lo lắng về chuyến đi, tôi băn khoăn liệu chuyến đi có thành công hay không. Nhưng tôi đầy hào hứng để nhận thức được cuối cùng tôi phải chịu trách nhiệm về cuộc đời và số phận của mình. Những suy nghĩ đó làm tôi thực sự háo hức.

Khóa đào tạo được chia làm ba phần. Phần đầu bổ sung các kỹ năng, kiến thức nhằm tăng cường khả năng làm việc theo nhóm, sự hòa nhập và phối hợp. Các tình nguyện viên được chia thành các nhóm nhỏ và được yêu cầu phân chia để lấy ra những quả bóng nhựa màu theo thứ tự màu nhất định từ một hộp chứa đầy bóng mà mỗi đội nhận được. Khi một thành viên của nhóm hướng dẫn tôi cách chơi một cách rõ ràng và đơn giản thì tôi vui vẻ chơi và đã thực hiện tốt vai trò của mình. Những bài tập dạng như vậy có thể kéo dài hàng giờ đồng hồ, vì vậy khó khăn lớn nhất với tôi là phải tập trung và duy trì mức độ tập trung trong suốt thời gian luyện tập.

Trong chương trình, có cả những buổi thảo luận nhóm về giá trị văn hóa và thực tế nhằm kích thích tranh luận giữa các tình nguyện viên để kiểm chứng nhận thức và khuyến khích lòng khoan dung của mỗi người. Trong một cuộc thảo luận, sau khi cùng xem một đoạn băng về các kiểu thực phẩm lạ trên thế giới, người chủ trì cuộc thảo luận hỏi cảm giác của các thành viên về đất nước mà người dân ăn nhiều thực phẩm chế biến từ mỡ động vật. Nhiều tình nguyện viên trong phòng nhăn mặt và nói rằng thật ghê khi ăn thực phẩm kiểu đó. Nhận ra rằng ý của người chủ trì có thể muốn nói đến bơ (thực sự ý anh ta là vậy), tôi trả lời rằng tôi không cảm thấy có chuyện gì khi ăn thực phẩm loại đó.

Cuối tuần, chúng tôi có một bài giảng về các quốc gia Đông Âu, về địa lý, xã hội và thể chế chính trị. Bài giảng kéo dài trong một giờ và ban tổ chức đề nghị mọi người ghi chép bài đầy đủ. Tôi ngồi lắng nghe

và không ghi chép gì cả. Giảng viên lại gần hỏi tại sao tôi không ghi chép, tôi trả lời rằng tôi có thể nhớ mọi điều ông ấy nói. Tôi ghi chép nhẩm trong đầu và tôi luôn ghi chép bằng cách đó; ghi chép nhẩm đã giúp tôi rất nhiều trong những kỳ thi ở trường. Để kiểm tra, giảng viên hỏi tôi một vài câu và tôi đã trả lời chính xác từng câu một.

Trở về nhà sau khóa đào tạo, tôi chờ đợi sự phân công nhiệm vụ tại Lithuania. Quyết định được chuyển đến bằng đường bưu điện: đi kèm với quyết định còn có cả một gói lớn tài liệu, bản đồ, tên và số điện thoại liên hệ trong trường hợp cần thiết, thông tin về chỗ ở, chi tiết công việc, vé máy bay. Cha mẹ rất lo lắng liệu tôi có thể thích nghi và ứng phó với việc xa nhà trong thời gian dài hay không. Bản thân tôi không lo lắng mà dấy lên niềm hứng khởi khi chuẩn bị thực hiện công việc mà tôi cho là một bước ngoặt lớn trong cuộc đời mình. Cuối cùng, đến gần hai mươi tuổi, tôi cũng đi xa nhà, đến một nơi cách xa tám trăm dặm và điều đó đối với tôi thật khó tin.

Cộng hòa Lithuania là một trong ba nước vùng Baltic, có cùng biên giới với Latvia ở phía Bắc, Belarus ở phía Đông Nam, Ba Lan ở phía Nam và Kaliningrad Oblast của Nga ở phía Tây Nam. Năm 1940, trong chiến tranh thế giới thứ hai, Lithuania sát nhập vào Liên bang Xô-viết. Sau đó Lithuania bị Đức chiếm đóng và trở lại Liên bang Xô-viết năm 1945. Lithuania là nước cộng hòa Xô-viết đầu tiên tuyên bố độc lập, vào Chủ nhật ngày 11 tháng Ba năm 1990. Lực lượng vũ trang Xô-viết cố gắng dập tắt làn sóng độc lập – đáng chú ý là vụ ném bom tháp truyền hình tại thủ đô nước này làm hàng trăm người chết – nhưng họ không thành công. Năm 2004, Lithuania trở thành thành viên của NATO và cộng đồng châu Âu.

Trên đường ra sân bay, tôi nhìn và đếm những chiếc xe lướt qua. Đầu đầu như búa bổ và tôi như phát ốm. Tôi không thể tin rằng, cho đến tận năm sau tôi sẽ không gặp ai trong gia đình. Trước khi đi, tôi

hứa với mẹ sẽ gọi điện về nhà hàng tuần nói về công việc ở Lithuania và đảm bảo rằng tôi sẽ ăn uống đầy đủ. Thời gian đó vào khoảng tháng Mười – khi kỳ nghỉ hè đã qua lâu rồi, nên tại cổng kiểm soát trong sân bay yên ắng một cách đáng kinh ngạc. Ở đó, tôi gặp một chút rắc rối trong khi kiểm tra hành lý và khi đi qua cửa an ninh vào khu vực khởi hành. Sau khi chờ đợi rất lâu, tôi đi đi lại lại, liên tục nhìn vào màn hình hiển thị thông tin khởi hành, cuối cùng thông báo về chuyến bay của tôi cũng hiện lên. Tôi chạy đến cổng và lên máy bay. Chuyến bay chỉ có khoảng nửa số người trong khoang và tôi vô cùng thoải mái vì không có ai ngồi cạnh mình. Tôi ngồi vào chỗ và đọc những tài liệu nhận được về trung tâm mà tôi sẽ đến, thực hành phát âm tên người và địa điểm khác nhau. Tôi không bị các hành khách khác quấy rầy trong suốt chuyến bay và khi máy bay hạ cánh tại sân bay quốc tế Vilnius tôi phải kiểm tra xem máy ảnh còn bên mình không; đó là thời điểm gần sang đông và tôi mong đợi sẽ chụp được nhiều ảnh với tuyết.

Tại trạm xuất nhập cảnh, hành khách xếp thành những hàng ngắn, cảnh sát mặc trang phục đen từ đầu đến chân, quan sát hành khách kỹ khi họ đi qua. Nhân viên trạm kiểm tra thị thực của tôi và đóng dấu đỏ với dòng chữ *Lietuvos Respublika* (Cộng hòa Lithuania), sau đó tôi được vẫy đi qua. Sau khi lấy hành lý, tôi gặp một liên lạc viên tình nguyện tại các nước Baltic, anh chở tôi về căn phòng ở Kaunas, thành phố lớn thứ hai của Lithuania nằm ở vùng trung tâm của đất nước.

Căn nhà được xây dựng từ những tấm bê tông. Phía trước ngôi nhà là vườn rau thường được săn sóc, vun xới bởi những người ở trọ già, họ đều ở tuổi thất thập cổ lai hy và còn hơn thế nữa. Đó là một khu yên tĩnh, cách xa đường chính và xe cộ. Tôi được giới thiệu với chủ nhà, một người đàn ông tóc bạc tên là Jonas. Ông giải thích cho tôi về những quy định của khu nhà bằng một thứ tiếng Anh đầy lỗi và chỉ cho tôi cách sử dụng đồ dùng như tắt mở lò sưởi. Ông cũng đưa cho

tôi số điện thoại của ông để gọi trong trường hợp khẩn cấp. Anh liên lạc viên kiểm tra lại địa chỉ trung tâm nơi tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ và đưa cho tôi chỉ dẫn chi tiết cách đến đó bằng tàu điện. Đó là ngày thứ Sáu, do đó tôi sẽ có một cuối tuần để nghỉ ngơi trước khi bắt đầu ngày làm việc đầu tiên.

Phòng của tôi rộng một cách đáng kinh ngạc, gồm cả nhà bếp, phòng khách, phòng tắm và phòng ngủ. Bên trong treo rèm màu tối nên trong những ngày trời u ám phòng thường tối. Trong bếp có một cái bếp lò cũ, trần bát và tủ lạnh. Bếp được lát đá trắng, nhiều viên đã bị sút mẻ, chạy dài lên tường. Phòng khách có một khung ảnh lớn với nhiều ảnh và đồ trang trí của gia đình Jonas. Có một cái bàn nhỏ, một ghế sofa và một cái tivi. Phòng tắm có vòi tắm hoa sen và máy giặt, đó là một vật dụng xa xỉ tại thời điểm đó ở Lithuania. Phòng ngủ tương đối rộng với một chiếc tủ quần áo to, bàn, ghế, giường và điện thoại. Đây sẽ là nhà tôi trong chín tháng tới.

Tuần đầu tiên tại Kaunas, tôi lo sợ đến mức không rời khỏi phòng để khám phá khu vực bên ngoài. Thay vào đó, tôi bận rộn với việc tìm hiểu cách sử dụng một số thứ trong nhà mới. Tôi dành một chút thời gian xem tivi và nhanh chóng nhận ra rằng nhiều chương trình truyền hình được nhập khẩu từ Mỹ với phụ đề tiếng Lithuania. Jonas cung cấp cho tôi những thứ thiết yếu như sữa, bánh mì và ngũ cốc trong bếp. Trước đó, tôi chưa bao giờ tự nấu ăn cho mình, do đó những ngày đầu tiên tôi phải ăn nhiều bánh xăng-uych và bỏng ngô. Tôi tự nhủ, phải tập trung hết sức lực, lòng dũng cảm để đi một chuyến đến trung tâm.

Sáng thứ Hai, tôi dậy sớm, tắm và mặc quần áo cùng một chiếc áo khoác dày, quàng khăn. Thời gian đó, trời rét tái tê, mặc dù mùa đông chưa đến. Đi một đoạn ngắn từ nhà, tôi ra đến đường chính. Người liên lạc viên đã nói với tôi vé xe điện được bán ở các sạp báo nằm rải

rác dọc theo đường lớn của Lithuania. Vì đã nhớ được nội dung cuốn sách thành ngữ tiếng Lithuania có trong hành lý tình nguyện của tôi, tôi hỏi mua *viena troleibusu biliet* – (một vé tàu điện) và tôi nhận được một tấm vé nhỏ, hình chữ nhật với giá vài *litas* (đơn vị tiền tệ của Lithuania). Chiếc xe điện trườn mình trên con đường sâu, dài và hầu như phút nào nó cũng dừng lại để đón khách. Trên xe, đàn ông đội mũ lưỡi trai, mặc áo lông nặng, một số chị bế những đứa con của mình trên cả hai tay và một số phụ nữ già, nhỏ nhấn quần khăn quanh đầu với nhiều túi nhựa dưới chân. Chỉ có một vài chỗ ngồi và một ít chỗ đứng, chiếc xe điện nhanh chóng chật cứng, tôi bắt đầu cảm thấy đầu óc quay cuồng, thở dốc cứ như bị chìm trong biển người. Khi chiếc xe dừng ở bến tiếp theo, tôi đột ngột đứng lên, suýt chút nữa va vào người đàn ông đứng cạnh. Tôi khom người, cúi đầu xuống và lách nhanh khỏi đám người, hít thở bầu không khí trong lành. Người tôi nóng bừng, mồ hôi túa ra và run rẩy. Phải mất vài phút, tôi mới tỉnh tâm trở lại được.

Tôi đi bộ hết phần còn lại của con đường dốc *Savanoriu Prospektas* (Đại lộ Tình nguyện) cho đến tòa nhà số một của con đường. Đó là một tòa nhà bê tông màu nâu, cao. Tôi lên cầu thang, nhấn cái nút cạnh cửa. Đột nhiên, cửa mở ra, một phụ nữ thấp trang điểm son phấn và đeo đầy trang sức chào mừng tôi với giọng tiếng Anh chuẩn: “Chào mừng! Chắc bạn là Daniel. Mời vào. Bạn có thích Lithuania không?” Tôi trả lời rằng, tôi chưa thăm thú được nhiều. Người phụ nữ giới thiệu là Liuda, người sáng lập và là giám đốc của trung tâm.

Trung tâm của Liuda có tên là *Socialiniu Inovaciju Fondas* (Quỹ sáng kiến Xã hội), một tổ chức phi chính phủ cho những người thất nghiệp và phụ nữ nghèo trong cộng đồng. Nhiều người Lithuania mất việc do những biến động sau khi Lithuania tách khỏi Liên bang Xô-

viết và chị có ý tưởng thành lập tổ chức này để giúp đỡ những người phụ nữ tìm kiếm con đường cho riêng họ trong nền kinh tế mới.

Những tình nguyện viên làm rất nhiều công việc cho trung tâm và là yếu tố quan trọng làm nên sự thành công của nó. Giống như tôi, một số người khác đến từ các nước khác, cả gần lẫn xa. Tôi chuẩn bị bài giảng tiếng Anh cùng với một tình nguyện viên khoảng bảy mươi tuổi tên Neil thuộc tổ chức Cảnh sát Gìn giữ Hòa bình Hoa Kỳ. Ông là người thích hồi tưởng lại chuyện cũ trong giờ giải lao, ông kể cho tôi nghe về ngôi nhà ông xây hồi ở Mỹ, về ngôi nhà di động vợ ông mua sau khi ông về hưu. Họ đã cùng nhau đi qua năm mươi nước khác nhau thuộc Cộng đồng châu Âu.

Có một giáo viên khác ở trung tâm tên là Olga, một phụ nữ người Nga với mái tóc xoắn đỏ và cặp kính đổi màu. Mỗi khi cô ấy nói tôi có thể nhìn thấy hai chiếc răng vàng, mỗi cái ở một góc miệng. Olga biết tôi lo lắng trong môi trường hoàn toàn xa lạ. Vì thế cô an ủi và nói với tôi rằng nhớ nhà và lo lắng là chuyện bình thường. Tôi thực sự xúc động trước những lời động viên của cô.

Trách nhiệm chính của tôi là giảng bài trên lớp. Trung tâm cấp cho tôi vài cuốn sách giáo khoa và bài tập in ra giấy. Ngoài những thứ đó ra, tài liệu dùng cho giảng dạy rất hiếm nên tôi được phép xây dựng nội dung bài giảng theo ý mình, điều đó rất hợp với tôi. Chị em tham dự lớp học có độ tuổi, kiến thức và trình độ khác nhau. Lớp học không bao giờ quá mười hai người, do đó các học viên đều biết rõ về nhau. Điều đó tạo nên không khí luôn thoải mái và thân thiện trong lớp. Ban đầu, tôi rất lo lắng về việc giảng bài trước các học viên nhưng mọi người ân cần và tỏ ra tin tưởng nên dần dần tôi cảm thấy thoải mái hơn.

Qua những buổi học, tôi gặp một người sau này trở thành một trong những người bạn thân nhất của tôi, đó là một phụ nữ trung niên tên

là Birute. Chị là một phiên dịch viên, tiếng Anh của chị khá tốt nhưng chị chưa tự tin khi sử dụng tiếng Anh nên tham gia lớp học để thực hành thêm. Sau các bài giảng, Birute thường đến chỗ bục giảng nói chuyện với tôi, hỏi suy nghĩ của tôi về cuộc sống ở Lithuania. Một lần, chị hỏi tôi có cần hướng dẫn viên đưa đi thăm thành phố không. Trước đó, vì quá sợ không dám đi thăm thành phố một mình nên tôi chấp nhận lời đề nghị của chị một cách rất biết ơn.

Chúng tôi đi dọc trên con đường chính dành cho người đi bộ, *Laisves Aleja* (Đại lộ Tự do), dài 1.621 mét ở trung tâm thành phố. Đầu con đường là nhà thờ Tổng thiên thần Thánh Michael, đó là một tòa nhà có mái vòm xanh, cột trắng rực rỡ, lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời. Nhà thờ được chuyển đổi thành một phòng trưng bày nghệ thuật trong thời kỳ Xô-viết và được mở cửa lại cho các giáo dân sau khi Lithuania giành độc lập. Birute đưa tôi đi xem phố cổ của Kaunas phía bên kia con đường với những dãy phố rải đầy sỏi và một tòa lâu đài xây bằng gạch đỏ, pháo đài phòng thủ đầu tiên của đất nước, được xây dựng từ thế kỷ mười chín.

Hàng ngày, vào khoảng giữa trưa, sau mỗi bài giảng buổi sáng, Birute đợi tôi cùng đi ăn trưa ở căng tin ở trung tâm thị trấn. Những việc diễn ra đều đặn như vậy giúp tôi bắt đầu thích nghi với cuộc sống mới, bằng cách gắn mỗi ngày với một lịch trình định trước, cố định làm tôi hài lòng. Căng tin nằm ở tầng dưới, đèn chiếu lơ mờ và không bao giờ có người ngồi quá nửa. Đồ ăn ở đây phong phú và không đắt, đặc biệt có rất nhiều món ăn truyền thống Lithuania như món súp củ cải đường kem với nem thịt. Thói quen ăn uống của tôi thay đổi nhiều so với thuở nhỏ. Bây giờ, tôi có thể thoải mái ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau. Vào những ngày không có bài giảng, vào buổi chiều, Birute và tôi có thể ăn ở một trong rất nhiều nhà hàng dọc theo *Laisves Aleja*. Món ăn yêu thích của tôi là một món truyền thống của

Lithuania, *Cepelinai*. Món này có tên như vậy vì có sự tương đồng về hình dạng của nó với quả khinh khí cầu. Nó được làm từ khoai tây nạo, thịt xay luộc và ăn với kem.

Tình bạn giữa tôi và Birute ngày càng trở nên sâu sắc và đặc biệt hơn. Birute kiên nhẫn và hiểu tôi, sẵn sàng lắng nghe, luôn khuyến khích và động viên tôi khi cần. Tôi không biết sẽ sống thế nào ở Lithuania nếu không có chị. Một vài phụ nữ ở trung tâm nói với tôi rằng, họ cần thực hành tiếng Anh nhiều hơn nhưng lại không thể trả thêm tiền học phí, do đó tôi nảy ra ý tưởng thành lập nhóm hội thoại tiếng Anh họp mặt hàng tuần tại căn phòng của tôi và Birute giúp tôi công việc tổ chức. Các học viên đến lớp mang theo sách quy, pha trà và cà phê sau đó mọi người ngồi vào ghế hoặc trường kỷ và nói tiếng Anh về bất cứ thứ gì. Một buổi tối, Birute trình chiếu một vài trang về một kỳ nghỉ của chị và gia đình, cả nhóm cùng xem, đặt câu hỏi và thảo luận về những kinh nghiệm du lịch của bản thân.

Các phụ nữ trong lớp học thường xuyên hỏi tôi từ khi đến đây đã kết bạn với ai đó cùng lứa tuổi chưa. Inga, phó giám đốc trung tâm Liuda, giới thiệu tôi với một người cháu họ, một cậu nhỏ hơn tôi ba tuổi, và động viên chúng tôi đi chơi cùng nhau. Peter nói tiếng Anh tốt, hơi rụt rè và rất lịch sự. Chúng tôi đi xem phim cùng nhau ở trung tâm thành phố, những bộ phim mới nhất của Mỹ. Mỗi khi tiếng nhạc quá to, tôi phải ấn tay vào tai nhưng điều đó có vẻ chẳng ảnh hưởng gì đến cậu ấy.

Cũng có nhiều tình nguyện viên người Anh đến Lithuania nên trung tâm khuyến khích chúng tôi thường xuyên liên lạc với nhau để tạo thành một mạng lưới hỗ trợ lẫn nhau. Một trong các tình nguyện viên, Vikram, vừa hoàn thành khóa học đại học luật trước khi quyết định không muốn trở thành luật sư. Chúng tôi không có nhiều điểm chung, Vikram nói rất nhiều về bóng đá, nhạc rock và những thứ khác mà tôi

không có hứng thú một chút nào – những cuộc nói chuyện của chúng tôi thường xen kẽ bằng những khoảng lặng kéo dài. Vì thỉnh thoảng tôi khó duy trì được cuộc hội thoại khi chủ đề nói chuyện không thú vị và đơn giản vì tôi không thể nói được điều gì.

Một tình nguyện viên khác làm việc ở Lithuania là Denise, một phụ nữ xứ Wales cao, gầy khoảng trên ba mươi, một người đầy nhiệt huyết với mọi thứ mà chị nói hoặc làm. Denise làm ở thủ đô của Lithuania, Vilnius, và chị mời các tình nguyện viên ở Kaunas đến thăm thành phố nơi chị ở. Chúng tôi đến đó bằng xe buýt – tôi ngồi ở phía sau để tránh sự đông đúc, bao quanh bởi các hành khách khác. Đó là chuyến xe gập ghềnh, kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ mới đến được trung tâm thành phố. Vilnius rất khác so với Kaunas – người dân ở đây bước đi nhanh hơn và có nhiều nhà mới, sáng lóa bởi kính và thép. Căn phòng của Denise sạch sẽ, sơn sáng và có thảm bằng gỗ. Những chiếc ghế trong bếp làm bằng gỗ với phần trên của thân ghế uốn lượn như những sườn đồi. Tôi thích chạm những ngón tay lên chúng – những gợn nhỏ làm tay hơi buồn buồn. Chúng tôi uống trà, ăn bích quy và xem ảnh Denise chụp trong suốt thời gian ở Lithuania. Tôi rất vui vì mọi người luôn động viên tôi hòa nhập vào những cuộc trò chuyện của họ và không ai để ý đến sự khác biệt của tôi. Mỗi tình nguyện viên đều có cá tính riêng nhưng tất cả đều cởi mở và thân thiện.

Người có kinh nghiệm nhất trong các tình nguyện viên là một phụ nữ người Anh gốc Á tên là Gurcharan. Chị có mái tóc xoăn, dày và thường mặc bộ đồ lụa sari màu sáng. Chị ở gần chỗ tôi nên thường xuyên đến dùng nhờ máy giặt với một túi quần áo. Đáp lại, Gurcharan mời tôi đến phòng chị nói chuyện và ăn tối sau khi giặt xong. Phòng Gurcharan được trang trí bằng những bức tranh Ấn Độ nhiều màu sắc, trong phòng khách có chiếc bàn cắm đầy nến và hương. Gurcharan nói nhanh, đôi lúc tôi cảm thấy khó theo kịp. Chị rất cởi mở, nói nhiều

về cuộc sống riêng tư của mình và khuyến khích tôi làm như vậy. Nhưng tôi không có cuộc sống riêng tư nên tôi không biết phải nói gì. Khi chị hỏi tôi có bạn gái chưa, tôi lắc đầu. Chị lại hỏi tôi có bạn trai chưa. Tôi đỏ mặt vì ngay sau đó chị hỏi tôi có phải đồng tính không. Những câu hỏi nhanh, liên tục làm tôi như chìm trong một mớ bong bong, như những giọt mưa lộp độp, liên tục rơi xuống đầu, tôi phải định hình một lúc mới trả lời được. Chị cười vang và hỏi tôi có người bạn đồng tính nào không. Tôi lại lắc đầu.

Trong hành trang của tất cả các tình nguyện viên trước khi đến Lithuania có một danh sách số điện thoại hữu dụng. Tôi đặt nó ngay cạnh chiếc điện thoại trong phòng. Cuộc nói chuyện cởi mở với Gurcharan thúc đẩy tôi gọi tới một trong các số đó, số của nhóm những người đồng tính ở Lithuania. Tôi sắp xếp cuộc gặp với một trong những thành viên của nhóm sau khi kết thúc công việc ngày hôm sau. Tôi đã mệt mỏi vì không biết mình là ai và vì không thể kết nối được với một phần của bản thân mà từ lâu tôi đã nhận ra. Cú điện thoại đó là một trong những quyết định lớn nhất của đời tôi và cũng là quan trọng nhất. Ngày hôm đó, khi giảng bài tim tôi đập thình thịch và không thể nuốt nổi thứ gì. Tôi vội bước xuống đại lộ dẫn tới trung tâm thành phố. Tôi cảm nhận rất rõ nhịp đập của con tim, một cảm xúc mới dâng đầy và tôi phải cố gắng trấn tĩnh lại, xua đi những áp lực tâm lý để bình tĩnh lại và chạy. Đến chỗ hẹn, người tôi hẹn đã đứng đó rất yên lặng, đang đợi tôi. Tôi hít thật sâu, bước đến và giới thiệu về mình. Đó là một người cao, gầy, mặc một chiếc áo khoác đen hợp với màu tóc của anh.

Tôi tên là Vytautas – một cái tên phổ biến ở Lithuania, – rất vui được gặp anh, một người từ Anh. Tiếng Anh của anh rất tốt vì anh rất thích xem phim và các chương trình truyền hình của Mỹ. Anh mời tôi đến thăm nhà anh và người yêu anh, Zygintas, vào cuối tuần. Và tôi đồng ý. Vì không thích đi xe điện chật cứng, nên họ đến đón tôi

và đưa tôi đến căn hộ ở phía bên kia thành phố. Căn hộ của Vytautas có rất nhiều đồ hiện đại, như một cái tivi màn ảnh rộng và một đầu đĩa CD. Đó là những đồ tương đối hiếm tại thời điểm đó trong các gia đình Lithuania. Zyginas thích nhạc Anh và đã sưu tập được rất nhiều đĩa CD. Anh mở một vài đĩa cho tôi nghe. Trong khi ăn, chúng tôi nói về cuộc sống của mình – Vytautas là sinh viên còn Zyginas làm việc trong một phòng khám nha khoa. Họ gặp nhau qua nhóm những người đồng tính và đã ở cùng nhau từ cách đây vài năm. Những tuần sau đó, tôi đến thăm họ đều đặn để nói chuyện về những sự kiện, ăn cùng nhau và nghe nhạc. Mỗi khi chào họ ra về thì trời đã luôn tối. Zyginas lo lắng cho an toàn của tôi và luôn đề nghị chở tôi về nhưng tôi muốn được đi một mình trên con đường dài tĩnh lặng, dưới ánh trăng.

Gurcharan rất thích thú khi nghe về tình bạn của tôi với Vytautas - Zyginas và muốn gặp họ. Chị đề nghị nấu một bữa ăn cho bốn người tại phòng của chị, chúng tôi đồng ý với đề nghị đó. Đó là một buổi tối cuối thu giá rét, đến nơi, chúng tôi phải mất vài phút mới có thể cởi bỏ áo khoác, mũ, khăn quàng và gắng tay trước khi bước vào phòng khách. Gurcharan đang lúi húi trong nhà bếp ở phòng liền kề nấu vài món cùng một lúc, mùi thơm gia vị lan tỏa đầy phòng làm chúng tôi cảm thấy đói. Ánh sáng cuối ngày yếu dần và nhanh chóng được thay thế bằng những ánh lửa ấm áp, lung linh từ các ngọn nến cắm trên các hộp và giá khác nhau. Giữa phòng, chiếc bàn ăn đã được sắp xếp đầy đủ đĩa, dao, dĩa và ly. Những cái ly phản chiếu ánh sáng lung linh của các ngọn nến. Chủ nhà rót rượu mời khách và thức ăn được cho vào các đĩa sau đó chuyển cho tất cả mọi người. Có nhiều rau, thịt và quá nhiều cơm cho mọi người. Gurcharan nói nhiều chưa từng thấy. Trong suốt bữa tối, chị hỏi Vytautas và Zyginas mọi thứ về họ. Tôi vừa ăn vừa cố gắng lắng nghe nhưng hầu hết những câu chuyện họ nói không lý thú với tôi. Do đó, sau khi ăn xong, tôi lấy một cuốn sách trên giá gần chỗ ngồi rồi đọc. Tôi hơi khó xử khi Gurcharan phàn nàn rằng

tôi mất lịch sự; tôi không biết rằng tôi vừa xử sự một cách thô lỗ. Ngay sau đó, Zygyntas cũng ăn xong, đột nhiên anh ta dừng lại và hét lên một từ tiếng Lithuania, trước khi lặp lại bằng tiếng Anh cho chúng tôi hiểu: “Chuột, nhà bạn có chuột!”. Anh chỉ vào nóc chạn bếp chỗ con chuột xuất hiện và biến mất trước mắt. Gurcharan mỉm cười và nói một cách đơn giản rằng: “Tôi biết rồi”. Chị giải thích với chúng tôi rằng chị có thể sống chung với chuột mà không có vấn đề gì, và trước kia chị cũng đã từng sống với một con chuột hồi ở Anh. Chị không thấy có lý do gì để lo lắng về sự có mặt của lũ chuột, miễn là nó không làm phiền cuộc sống của chị. Tôi chưa bao giờ có cơ hội nhìn thấy chuột với khoảng cách gần như vậy nên tôi rất tiếc đã bỏ lỡ cơ hội vừa qua. Cuộc trò chuyện lại tiếp tục nhưng lần này không ai bận tâm về việc tôi đọc sách. Cuối buổi tối, Gurcharan hôn tạm biệt chúng tôi; tôi ngáp ngừng vì vậy thay vì hôn tạm biệt chị cầm tay tôi và nắm chặt. Chị nhận ra rằng tôi khác biệt và nói với tôi, chị tự hào về tôi vì tôi dám chấp nhận mạo hiểm.

Khoảng một tuần sau đó, khi đang ở trong bếp làm bánh xăng-uych, tôi phát hiện thấy một vết bẩn trên tường đối diện đang chuyển động. Lại gần, tôi nhận ra đó là một loại côn trùng mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Ngày hôm sau, lúc ở trung tâm, tôi hỏi Birute về nó. Chị trả lời “Đó là con *tarakonas*” và nghĩ một lúc để tìm tên của nó bằng tiếng Anh, “con gián”. Loại côn trùng này – tôi nhanh chóng nhận ra – là vấn đề của nhiều nhà cao tầng cũ của Lithuania. Ông chủ nhà của tôi, Jonas, nhận được nhiều cú điện thoại phàn nàn về sự phá hoại của lũ gián. Ông rất xin lỗi mọi người và hứa sẽ tìm cách giải quyết. Tuy nhiên, vấn đề này không thể giải quyết nhanh chóng được, vì cùng một lúc cả tòa nhà đưa ra yêu cầu mà hầu hết hàng xóm của tôi đều là người già cần được ưu tiên. Trong khi chờ đợi, Jonas đưa cho tôi một bình xịt để dùng trong trường hợp tôi nhìn thấy gián. Tôi không

thấy phiền về chúng nhiều lắm, mặc dù chúng cũng làm tôi mất tập trung, nhất là khi đang cố gắng tập trung nói chuyện với ai đó hay đang xem tivi. Tôi gọi điện về nhà kể cho cha mẹ nghe về gián ở khu nhà của tôi. Cha mẹ tỏ ra không vui và tôi phải đảm bảo với họ rằng phòng của tôi sạch sẽ, tôi hoàn toàn khỏe mạnh và rằng chủ nhà đã ngay lập tức lo xử lý vấn đề. Phải mất vài tuần, Jonas mới hoàn thành việc xử lý lũ gián cho toàn bộ khu nhà và thậm chí sau đó còn xử lý nốt vài con gián ngoan cố, mặc dù chúng chỉ thỉnh thoảng mới xuất hiện.

Tôi đến Lithuania được vài tháng thì mùa đông tràn về, mang theo tuyết và giá buốt phủ trên khắp đất nước. Nhiệt độ về đêm ở Kaunas có thể xuống đến âm ba mươi độ. Phòng của tôi không nằm trong một tòa nhà hiện đại; phòng không được cách nhiệt tốt và rất khó giữ ấm. Tôi mượn máy sưởi từ một tình nguyện viên ở trung tâm vì anh vừa mua một cái mới và sẵn lòng cho tôi mượn cái cũ. Tôi đặt máy sưởi trong phòng khách khi xem tivi hoặc đọc sách vào buổi tối và sau đó tôi mang nó vào phòng ngủ rồi ngủ thoải mái. Jonas nhét những lớp đệm khô quanh cửa ra vào và các cửa sổ sau khi Birute phàn nàn với ông về vấn đề giữ nhiệt của căn phòng. Trước đó, tôi nói với chị về gió rét luồn vào nhà. Ngoại trừ cái rét buốt xương ấy, tôi thích thời tiết mùa đông: cảm giác khi bước trên lớp tuyết dày vài centimét và nhìn màu trắng lấp lánh quanh mình thật lạ. Về đêm, thỉnh thoảng, tôi khoác áo, đi ủng và đi dạo trên con đường vắng lặng còn những bông tuyết rơi, rơi, rơi. Chốc chốc, tôi dừng lại dưới những đèn đường sáng và ngẩng mặt lên nhìn tuyết rơi, dang tay rộng và quay vòng.

Vào tháng Mười hai, khi Giáng sinh đến, phụ nữ ở trung tâm hỏi tôi về kế hoạch cho mùa lễ. Tôi chợt nhận ra rằng, đó là Giáng sinh đầu tiên tôi xa nhà và hiểu rằng Giáng sinh là khoảng thời gian đặc biệt để chia sẻ với người khác. Một trong những đồng nghiệp tại trung tâm, Audrone, nhiệt tình mời tôi đi nghỉ với cô và gia đình. Tôi nhận lời mời

một cách biết ơn. Ở Lithuania, đêm Giáng sinh quan trọng hơn nhiều so với ngày Giáng sinh. Người dân thường dành nhiều thời gian để chuẩn bị cho đêm quan trọng này. Nhà phải được dọn sạch, mọi người phải tắm và mặc quần áo sạch sẽ trước khi dùng bữa tối. Audrone cùng chồng đón và chở tôi đến căn hộ của họ trong một tòa nhà lớn. Khi họ bước ra khỏi xe tôi mới nhận ra rằng chồng Audrone rất cao – hơn hai mét. Hình dáng này gợi cho tôi về con số chín.

Vào trong nhà, tôi gặp con trai Audrone và mẹ cô. Mọi người đều mỉm cười và dường như rất vui khi gặp tôi. Hành lang trong phòng khách dài, tối và hẹp, khi tôi bước chậm dọc theo nó ánh sáng mờ dần cho đến khi bất ngờ bắt gặp một vùng sáng, nhiều màu sắc lan tỏa. Ở giữa phòng có một cái bàn dài phủ tấm ga phẳng và cỏ khô được trải dưới gầm. Mọi người nói rằng, sắp đặt như vậy để tưởng nhớ chúa Jesus được sinh ra trong chuồng ngựa và được đặt trong máng đầy cỏ khô. Mười hai món khác nhau đã được sắp sẵn trên bàn, tất cả đều không có thịt (số mười hai đại diện cho mười hai tông đồ). Các món gồm có cá trích muối, cá, sa lát rau mùa đông, khoai tây luộc, dưa cải bắp, bánh mì, bánh tráng miệng nam việt quất, sữa hạt anh túc. Trước khi ăn, chồng Audrone lấy một đĩa bánh xốp Giáng sinh mời mỗi người quanh bàn một cái. Sau đó, anh đưa phần bánh của mình cho Audrone, Audrone bẻ chiếc bánh lấy một mẩu nhỏ rồi mời lại chồng chiếc bánh của cô. Việc mời bánh diễn ra liên tục cho đến khi mỗi người đều có một miếng bánh bẻ từ chiếc bánh của người khác. Các món trên bàn được ăn không theo một thứ tự đặc biệt nào, mọi người giải thích cho tôi rằng theo phong tục, ít nhất, tôi phải thử từng món một dù ít hay nhiều. Mỗi món tượng trưng cho một điều quan trọng cho năm tới: ví dụ, bánh mì tượng trưng cho nguồn lương thực, khoai tây cho sự khiêm tốn, nhún nhường. Món tôi thích là món sữa hạt anh túc – *aguonu pienas* trong tiếng Lithuania – được ăn với những cục bột hình cầu, nhỏ. Sữa được uống cùng hạt anh túc nghiền, luộc, trộn với nước, đường hoặc mật ong và quả hạch. Trong bữa ăn, Audrone giải thích cho tôi về một số tín ngưỡng truyền thống về ngày lễ Giáng sinh của người Lithuania. Ví dụ, mọi người tin rằng, lúc

nửa đêm ngày Giáng sinh, tất cả nước của các con suối, sông, hồ và giếng đều biến thành rượu, dù chỉ trong chốc lát. Hay vào lúc nửa đêm, động vật có thể nói được, mặc dù con người không nên cố gắng nghe chúng. Ngày hôm sau, 25 tháng Mười hai, gia đình Audrone đưa tôi đến một công viên phủ đầy tuyết, chúng tôi đi bộ, nói chuyện với nhau bên một cái hồ đóng băng rất rộng. Đó thực sự là một lễ Giáng sinh đáng nhớ của tôi.

Một trong những điều tôi thu nhận được trong thời gian làm việc tại Lithuania là việc học tiếng Lithuania. Khi tôi nói với các phụ nữ ở trung tâm rằng, tôi muốn học tiếng Lithuania, họ băn khoăn: Tại sao tôi lại muốn học thứ tiếng ít phổ biến và khó như vậy? Ở đây, có nhiều người Lithuania nói tiếng Anh đủ tốt để tôi có thể hiểu mà không cần phải học tiếng Lithuania. Thực tế, không một tình nguyện viên người Anh nào và cả Neil, tình nguyện viên người Mỹ, có thể nói nhiều hơn vài từ Lithuania. Một người nước ngoài bị coi là kỳ lạ khi muốn học tiếng Lithuania. Nhưng đối với tôi, đó là ngôn ngữ mà tôi nghe mọi người nói hàng ngày nên tôi sẽ cảm thấy thoải mái hơn, gần gũi hơn ở Lithuania nếu tôi có thể nói với bạn bè, học sinh và đồng nghiệp tại trung tâm bằng ngôn ngữ của họ.

Birute vui mừng đồng ý dạy tôi. Chị ấy rất tự hào về tiếng của đất nước chị và thích thú thảo luận và nói với tôi bằng tiếng Lithuania. Tôi viết lại các từ khi học để giúp cho việc hình ảnh hóa và dễ nhớ. Tôi học sách thiếu nhi mà con Birute đọc khi chúng còn nhỏ. Birute cũng dạy tôi một giai điệu phổ biến của trẻ em bằng tiếng Lithuania:

*Mano batai buvo du
Vienas dingo, nerandu
Aš su vienu batuku
Niekur eiti negaliu!*

Có nghĩa là: “Tôi có hai chiếc giày, một chiếc bị mất, tôi không thể nào tìm thấy. Với một chiếc giày nhỏ, tôi không thể đi đâu!”

Trong vài ngày, sau khi học tiếng Lithuania với sự giúp đỡ của Birute tôi có thể tự đặt câu, làm cho Birute rất ngạc nhiên. Sau vài tuần tôi có thể giao tiếp thoải mái với người bản xứ. Tôi luôn đề nghị các đồng nghiệp ở trung tâm nói chuyện với tôi bằng tiếng Lithuania, nhiều nhất có thể để giúp tôi cải thiện tiếng Lithuania. Những người giao tiếp với tôi đều khen khả năng nói tiếng Lithuania của tôi tốt. Đặc biệt, một trong những người hàng xóm già đã vô cùng sung sướng khi thấy một thanh niên người Anh có thể nói chuyện với bà bằng ngôn ngữ quê hương bà. Một dịp các tình nguyện viên mời tôi đi ăn ở một nhà hàng, và vốn tiếng Lithuania của tôi đã phát huy tác dụng. Người phục vụ không hiểu tiếng Anh, các tình nguyện viên rất khó chịu, do đó tôi dịch các yêu cầu sang tiếng Lithuania cho anh ta. Tôi không cảm thấy phiền nhiều lần trong vai trò làm thông dịch viên cho các bạn đi cùng, với tôi, điều đó rất thú vị và đó cũng là cơ hội cho tôi thực tập các kỹ năng ngôn ngữ của mình.

Thậm chí, có lần, tôi bị nhận nhầm là người Lithuania. Một lần, từ trung tâm tôi đi về nhà, một người hỏi đường tôi. Dù trả lời bằng tiếng Lithuania rằng tôi không biết chỗ anh ta hỏi nhưng anh ta cứ khẳng khẳng tiếp tục hỏi. Cuối cùng tôi dừng lại và nói: “*Atsiprašau, bet tikrai nezinau. Aš nesu Lietuvis. Esu iš Anglijos.*” (Xin lỗi, nhưng tôi thực sự không biết. Tôi không phải là người Lithuania. Tôi là người Anh.) Anh ta mở to mắt, xin lỗi và bước đi.

Đến mùa xuân, cuộc sống của tôi tại Lithuania đã ổn định. Dần dần, tôi đã hình thành những thói quen đem lại cảm giác an toàn, yên ổn, giúp tôi đối mặt được với nhiều sự thay đổi. Sáng sớm mỗi ngày, trước bình minh, tôi dậy, mặc bộ quần áo ấm rộng, thoải mái và đi bộ một

đoạn đường dài, qua các con phố, đến một công viên có nhiều cây sồi. Khi một ngày mới bắt đầu, những cây sồi cao ngút như thể vươn tới trời giúp tôi cảm thấy an toàn khi bước trên đường có nhiều người qua lại. Sau khi trở về phòng để tắm và mặc quần áo đi làm, tôi rảo bước trên con đường dài, đến trung tâm. Đến nơi, tôi uống cà phê còn những người phụ nữ ở trung tâm ngồi tán gẫu với nhau về những chuyện riêng tư, cái mà tôi chẳng thích thú tí nào. Từ sau Giáng sinh vài tháng, Neil bị đau lưng và những cơn đau ngày càng tăng mặc dù anh đã đi khám bác sĩ nhiều lần nhưng những cơn đau vẫn không giảm. Cuối cùng, anh phải quay trở về Mỹ để chữa trị. Vắng Neil, tôi phải phụ trách luôn lớp của anh. Điều đó đồng nghĩa với việc tôi phải dạy tiếng Anh cả sáng và chiều hầu hết các ngày trong tuần. Cũng có một sự thay đổi nữa – chồng Birute bị ốm rất nặng do đó chị phải nghỉ học để chăm sóc chồng. Vào giờ ăn trưa, tôi thường ở lại trung tâm ăn bánh xăng-uych tự làm từ tối hôm trước, dù thỉnh thoảng ăn ở một quán gần trung tâm với Zygintas vì chỗ làm của anh cũng gần trung tâm. Sau khi xong việc, tôi mua cá đông lạnh, bánh mì, nắm và những đồ thiết yếu khác trước khi đi bộ về nhà chuẩn bị cho bữa tối, đọc và xem tivi trước khi đi ngủ. Tôi không cảm thấy buồn dù thiếu vắng những người bạn thân thiết. Tôi thực sự nhớ Birute và hy vọng sẽ sớm gặp lại chị.

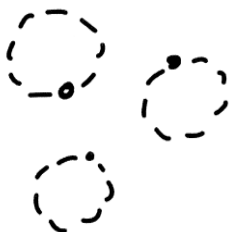
Vào mùa hè, công việc tại trung tâm còn rất ít vì các học viên có kỳ nghỉ hè dài ở các vùng biển với gia đình. Gia đình Zygintas cũng giống như nhiều gia đình Lithuania khác, có một ngôi nhà để nghỉ ở vùng nông thôn. Anh mời tôi đến thăm. Anh đưa cho tôi hướng dẫn bắt xe buýt và dặn, khi tôi đi đến gần nhà thì anh sẽ đón. Chiếc xe buýt tôi đi là một chiếc xe cũ, rung ầm ầm nhưng nó cũng nhanh chóng đưa tôi ra khỏi thành phố. Chiếc xe chạy trên những con đường dài, bụi phủ, đầy cây cối và đồng ruộng. Zygintas đã đưa tên địa điểm xuống nhưng

tôi không thể nhìn thấy nó ở đâu cả và tôi quá căng thẳng không dám hỏi ai cả, vì vậy tôi chỉ biết ngồi chờ đợi và hy vọng. Cuối cùng, xe buýt dừng ở một bến sau một loạt dãy nhà gỗ. Đó là những ngôi nhà đầu tiên tôi nhìn thấy sau nửa giờ đi đường, dồn hết nghị lực, tôi đứng lên giải thích bằng tiếng Lithuania rằng tôi bị lạc đường. Ba người khách trên xe chỉ nhìn chằm chằm vào tôi như không hiểu gì, do đó, tôi xuống xe và đếm số vì hơi choáng và bối rối không biết phải làm gì. Sau đó, người lái xe đến chỗ tôi không nói gì mà chỉ cho tôi một cái bảng giờ xe buýt. Địa điểm mà Zyginas đưa không có trong bảng đó. Tôi nhìn đồng hồ; tôi đã muộn một tiếng theo lịch hẹn. Tôi đi vào tòa nhà đầu tiên, giải thích tình cảnh của mình với một phụ nữ đứng sau quầy hàng bằng tiếng Lithuania. Chị ta lắc đầu mà không nói gì cả. Sau đó, trong tuyệt vọng tôi thử nói tiếng Anh. Tôi hỏi: “Chị có điện thoại không?”. Nghe được từ “điện thoại” chị ta đột nhiên gật đầu và chỉ vào cái điện thoại đen ở góc tường. Tôi chạy đến chỗ chiếc điện thoại và gọi cho Zyginas. “Cậu đang ở đâu?” anh hỏi, tôi nói địa danh nhìn thấy trên bảng giờ xe buýt bên ngoài. Zyginas hỏi thêm “Cậu đến đó bằng cách nào?” và sau đó anh nói “Cậu chờ ở đó và mình sẽ đến đón cậu.” Nửa tiếng sau, Zyginas đến và chúng tôi về nhà anh. Trên đường đi, Zyginas giải thích rằng tôi đã đến vùng của Lithuania mà người dân nói tiếng Nga và không hiểu tiếng Lithuania. Sự chậm trễ vì đi lạc đường đồng nghĩa với việc chuyến thăm của tôi sẽ ngắn lại, nhưng tôi đã thăm gia đình Zyginas, kịp giờ tham dự buổi liên hoan ngoài trời và sau đó đi bơi ở một con sông gần đó.

Birute cũng muốn tôi đến và nghỉ lại tại nhà nghỉ mùa hè của gia đình chị. Birute đưa tôi đến gặp chị gái chị, một nhà thơ. Trong khi uống cà phê, chị đọc cho chúng tôi nghe một vài bài thơ của chị và sau đó chúng tôi dạo quanh một hồ nước xanh và sạch. Bầu trời không gợn một chút mây, mặt trời tỏa sáng rực rỡ, phản chiếu lấp lánh trên

mặt hồ cứ như mặt trời đang bồng bênh trên mặt hồ. Birute rủ tôi đi đến một nơi, ở đó chúng tôi có thể ngồi ngắm mặt trời lặn. Đó là lần gặp gỡ đầu tiên của chúng tôi sau thời gian chị nghỉ trong vài tuần và đó cũng là lần cuối cùng, vì hợp đồng tình nguyện của tôi đã hết hạn và đã đến lúc tôi trở về nhà. Birute nói với tôi, tình bạn của chúng tôi rất có ý nghĩa với chị, đặc biệt trong những thời điểm khó khăn của chị. Chị cảm thấy tôi trưởng thành lên rất nhiều trong khoảng thời gian chị biết tôi. Tôi cũng biết điều đó và cảm thấy sự thay đổi không đơn thuần chỉ là thay đổi cuộc sống thường nhật khi quyết định đến và sống ở Lithuania; chính bản thân tôi đã thay đổi và đổi mới.

Ngồi yên lặng bên nhau, nhìn về phía mặt trời mùa hè lặn dần, lòng chúng tôi thanh thản vì chúng tôi biết rằng khi chuyến phiêu lưu này kết thúc thì đó là bắt đầu của chuyến phiêu lưu khác.



Tình yêu

NÓI TẠM BIỆT KHÔNG BAO GIỜ DỄ DÀNG, đặc biệt đối với mảnh đất đã trở thành nhà của bạn nhất là khi ở xa quê hương, như Lithuania đối với tôi một năm qua. Lúc đó là tháng Bảy, đỉnh điểm của mùa hè, lần cuối, tôi đi trên đại lộ đến trung tâm. Liuda và các tình nguyện viên khác tập trung tại lớp học để chia tay tôi. Tôi cảm ơn từng người một bằng tiếng Lithuania vì đã giúp và đối xử tốt với tôi. Liuda tặng tôi cuốn nhật ký bọc da làm quà chia tay và mong tôi viết vào đó những ý tưởng mới và những cuộc phiêu lưu trong tương lai. Lúc đó, trong tôi dậy lên nỗi buồn, nỗi buồn chia xa. Nhưng tôi biết mình đã thu nhận được mọi thứ có thể khi ở Lithuania – cho bản thân cũng như cho công việc – và đã đến lúc tiếp tục tiến về phía trước.

Chuyến bay về London dường như không có bến đỗ. Ngồi trên máy bay, tôi giết thời gian bằng cách đọc đi, đọc lại lá thư của cha mẹ gửi từ tuần trước. Không lâu sau khi tôi rời London đến Lithuania, cha nhận được tin về một căn hộ rộng, mới xây trong vùng có thể thuê được. Thực ra, đó là hai ngôi nhà ghép thành một với sáu phòng ngủ và hai phòng tắm. Căn nhà đúng là món quà của Chúa ban tặng cho

gia đình chúng tôi. Một thời gian ngắn sau đó, gia đình tôi chuyển đến căn nhà mới. Bây giờ, tôi sẽ về đó. Lá thư được gửi kèm với một bức ảnh về ngôi nhà và chỉ dẫn đường.

Xuống sân bay, tôi nhận ra một khuôn mặt quen thuộc như chờ đợi tôi lâu, đó là bạn tôi, Rehan. Trong suốt thời gian tôi ở nước ngoài, chúng tôi vẫn liên lạc với nhau qua những tấm bưu thiếp. Nhưng khi gặp Rehan trực tiếp sau một thời gian dài xa cách vẫn tạo cho tôi cảm giác thật đặc biệt. Trước đó vài năm và đến bây giờ cũng như vậy, Rehan vẫn đóng vai trò như một hướng dẫn viên chỉ dẫn cho tôi về hệ thống tàu điện ngầm phức tạp trong suốt chặng đường về nhà. Ngồi trên tàu, Rehan kiên nhẫn lắng nghe tôi kể về khoảng thời gian ở Kaunas và hỏi về những nơi tôi đã đi, những người tôi đã gặp. Một lúc sau, cậu vội vàng đứng dậy và nói với tôi đã đến nơi. Thời gian tàu dừng chỉ đủ cho tôi lấy hành lý và cảm ơn Rehan đã dành thời gian đón tôi. Ngay sau khi tôi bước xuống, đoàn tàu liền vụt đi vội vã. Hình dáng ngoằn ngoèo của nó nhanh chóng khuất dạng trong bóng tối của đường hầm.

Con đường bên ngoài hoàn toàn xa lạ với tôi. Tôi đi rất lâu trước khi nhận ra mình đã bị lạc: tên con đường không trùng với cái tên có trong bức thư. Có lẽ tôi đã rẽ nhầm ở một ngã nào đó. Lo lắng, tôi hỏi một người qua đường giúp đỡ. Anh ta chỉ dẫn: “Tiếp tục đi thẳng sau đó rẽ phải ở ngã tiếp theo”. Khi tôi đi đến đúng con đường, đột nhiên một cảm giác lạ lùng xâm chiếm, tôi vừa hỏi về chính con đường của gia đình mình.

Cả gia đình rất vui sướng đón tôi trở về. Chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau nhiều tiếng đồng hồ liền. Một số em trai và gái nhận xét tôi nói giọng nhẹ hơn. Điều đó không quá ngạc nhiên vì tôi đã xa một thời gian dài và trong khoảng thời gian đó tôi đã nói tiếng Lithuania nhiều hơn tiếng Anh. Mẹ dẫn tôi dạo quanh nhà và xem phòng mới

của mình. Căn phòng nằm ở phần phía sau nhà, xa đường và yên tĩnh nhất trong tất cả các phòng. So với căn phòng ở Lithuania của tôi thì đây là một căn phòng nhỏ, mặc dù ngoài chiếc giường vẫn còn đủ chỗ cho một cái bàn, một cái ghế và một cái tivi. Tôi thích sự mới mẻ của căn phòng. Nó phản ánh sự hiện hữu cảm giác của tôi về sự trở về của mình là một bước tiến tích cực trong cuộc đời chứ không phải lùi lại quá khứ. Với tôi, đây là một sự khởi đầu tốt đẹp.

Phải mất một khoảng thời gian tôi mới điều chỉnh phù hợp với môi trường mới được. Sống xa nhà đem lại cho tôi cảm giác thực sự độc lập. Tôi thích kiểm soát công việc của mình trong môi trường không có tiếng ồn hoặc những hành động bất ngờ của người khác. Ban đầu, tôi không quen với tiếng ồn ào gây ra bởi những đứa em chạy lên, chạy xuống cầu thang hoặc tranh cãi với nhau. Mẹ nói với từng đứa không được làm ồn, ảnh hưởng đến tôi và chúng cố gắng làm theo. Những trải nghiệm ở Lithuania đã làm tôi thay đổi. Tôi khám phá ra một bí mật rất lớn trong chính con người mình. Tôi thấy rõ hơn sự “khác biệt” của bản thân, điều đã ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của tôi như thế nào, nhất là tương tác của tôi với người khác. Quan trọng hơn, cuối cùng, tôi cũng hiểu tình bạn là một quá trình phát triển từ từ và phức tạp, không có chỗ cho sự vội vàng hay hờn dỗi mà là kiên trì, động viên và khuyến khích lẫn nhau. Với tôi, tình bạn như một con bướm, vừa đẹp lại vừa mong manh, khi nó đã bay thì nó thuộc về bầu trời và mọi cố gắng để bắt nó chỉ làm phá hỏng nó mà thôi. Tôi nhớ khi còn đi học, tôi đã đánh mất những tình bạn đẹp vì thiếu kỹ năng sống, tôi đã cố gắng làm theo cách của mình nên đã tạo ra những cảm nhận hoàn toàn sai lệch.

Lithuania cũng cho tôi cơ hội nhìn lại bản thân và nhận ra sự “khác biệt” của mình bằng những trải nghiệm thực tế. Sự khác biệt của tôi không phải tiêu cực. Là một người nước ngoài, tôi có thể dạy tiếng

Anh cho những học viên Lithuania của mình và kể cho họ mọi thứ về cuộc sống ở Anh. Khác với mọi người là một lợi thế của tôi khi ở Kaunas và là cơ hội để tôi có thể giúp đỡ người khác.

Bây giờ tôi đã có một kho kinh nghiệm sống mà dựa vào đó tôi có thể tham khảo và xử lý những tình huống trong tương lai. Nó làm cho tôi tự tin hơn và có khả năng giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. Tương lai không phải là điều gì làm tôi lo sợ nữa. Trong phòng ngủ nhỏ ở nhà, tôi cảm thấy tự do, thoải mái hơn bao giờ hết.

Là một tình nguyện viên trở về, tôi đủ điều kiện để nhận được một số tiền sau khi viết báo cáo về những kinh nghiệm của mình tại Lithuania và những điều học được ở đó. Tôi gửi toàn bộ những tài liệu theo yêu cầu và đợi. Trong thời gian chờ đợi, tôi tìm được việc làm trong khu nhà, giúp bọn trẻ học đọc, viết và làm toán. Sau vài tháng gửi tài liệu, tôi nhận được tiền vào đầu năm 2000. Số tiền vừa đủ để tôi có thể mua được một cái máy tính; với tôi đó là một giấc mơ trở thành hiện thực và đó cũng là chiếc máy tính đầu tiên trong gia đình tôi. Khi máy được chuyển đến và tháo ra, cha và các em trai giúp tôi một lúc mới lắp xong chiếc máy và có thể sử dụng được. Lần đầu tiên trong đời tôi có thể truy cập hệ thống mạng toàn cầu và tôi bị cuốn hút bởi lượng thông tin khổng lồ chỉ với một cái nhấp chuột: bách khoa toàn thư trực tuyến, từ điển, tin tức, những câu đố về từ ngữ và con số – mọi thứ có ở đó. Có cả các phòng nói chuyện gẫu và gửi tin nhắn. Khi liên lạc với người khác qua Internet, có nhiều điều thú vị và hấp dẫn với những người tự kỉ. Một lý do là, nói chuyện trong các phòng tán gẫu qua mạng hoặc liên lạc qua thư điện tử không đòi hỏi họ phải bắt đầu cuộc đối thoại thế nào, khi nào phải cười hoặc những phản ứng phức tạp về ngôn ngữ, như trong các tình huống giao tiếp xã hội khác. Không nhìn nhưng vẫn có thể hiểu được ý người kia vì mọi thứ đều được viết ra. Việc sử dụng những “biểu tượng cảm xúc”

như ☺ và ☹, trong các phòng trò chuyện cũng dễ biết cảm xúc của người nói hơn vì họ nói với bạn bằng một phương pháp đơn giản, được hình ảnh hóa.

Lần đầu tiên tôi gặp Neil, người yêu của tôi, qua mạng vào mùa thu năm 2000. Anh viết các chương trình phần mềm cho một công ty nên sử dụng máy tính hàng ngày. Giống tôi, Neil rất rụt rè và cũng thấy Internet giúp ích cho việc gặp gỡ và kết bạn mới. Gần như ngay lập tức, hàng ngày chúng tôi trao đổi thư từ với nhau về mọi thứ, từ tiêu đề của những bài hát yêu thích đến hy vọng và ước mơ cho tương lai. Chúng tôi có nhiều điểm chung và không lâu sau đó Neil gợi ý việc gửi ảnh và điện thoại cho nhau. Neil rất đẹp: cao, mái tóc dày, đen và đôi mắt sáng, xanh. Khi tôi nói chuyện với anh qua điện thoại, anh cực kỳ nhẫn nại, lịch sự và vui vẻ chấp nhận là người nói chính trong cuộc trò chuyện. Tuổi của anh cũng gần tuổi tôi, hai mươi tư tuổi, sống và làm việc ở Kent, cách nhà tôi ở London không xa. Càng biết nhiều về anh tôi càng nghĩ về mình: Tôi đã gặp được tri kỷ.

Tình yêu không giống bất kỳ thứ gì; không có đúng, sai khi yêu một người, không có phương trình toán học nào cho tình yêu và cũng không bao giờ tồn tại một quan hệ hoàn hảo nào. Thời niên thiếu, tôi chưa từng trải nghiệm những cảm xúc tinh tế như vậy, đến bây giờ tôi có thể cảm nhận được từng khoảnh khắc bất ngờ, mạnh mẽ và sâu sắc đến nỗi có lúc nó làm tôi đốn đau. Tôi không ngừng suy nghĩ về Neil, dù tôi cố gắng gạt bỏ. Hệ quả là tôi ăn không ngon, ngủ không yên. Trong một bức thư vào đầu năm 2001, khi Neil hỏi, liệu chúng tôi có thể gặp nhau được không. Lúc đó tôi vẫn còn cảm thấy e ngại. Điều gì sẽ xảy ra nếu cuộc gặp gỡ diễn ra không suôn sẻ? Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi làm hay nói điều gì đó ngốc nghếch? Thậm chí, tôi băn khoăn, liệu tôi có thể yêu được không? Tôi không biết.

Trước khi trả lời Neil, tôi quyết định nói với cha mẹ về anh, điều đó

có nghĩa là tôi phải đối mặt với sự thật về mình. Chiều hôm đó, căn nhà khá yên tĩnh; các em đều chơi bên ngoài, trên tầng hoặc trong phòng của chúng, còn cha mẹ ở phòng khách xem tivi. Tôi đã tập nói đi nói lại nhiều lần điều muốn nói trong đầu, nhưng khi bước vào phòng tôi vẫn cảm thấy lo âu vì không biết cha mẹ sẽ phản ứng ra sao. Tôi không thích những tình huống mà mọi thứ có thể xảy ngoài tầm kiểm soát nên cảm thấy chóng mặt, buồn nôn. Tôi đi vào phòng và tắt tivi để có được sự chú ý hoàn toàn của cha mẹ. Cha bắt đầu phàn nàn về hành động đột ngột của tôi, nhưng mẹ chỉ nhìn lên và đợi tôi nói. Tôi nghe thấy tiếng mình – nhỏ và đứt đoạn – nói với cha mẹ rằng tôi là người đồng tính. Tôi đã gặp một người và đã yêu. Sự yên lặng bao trùm trong giây lát khi cả cha và mẹ không nói điều gì mà chỉ nhìn vào tôi. Sau đó mẹ nói, chuyện đó cũng bình thường và bà muốn tôi được hạnh phúc. Phản ứng của cha tôi cũng rất tích cực, ông hy vọng tôi có thể tìm được người nào đó mà tôi yêu và họ cũng yêu tôi. Tôi cũng hy vọng như vậy.

Tuần sau, tôi đồng ý gặp Neil. Đó là một buổi sáng tháng Giêng lạnh giá, tôi đợi Neil bên ngoài, mặc một chiếc áo khoác dày, đội mũ và đeo găng tay. Khoảng gần mười giờ anh dừng xe và bước ra. Những lời đầu tiên anh nói với tôi khi chúng tôi bắt tay: “Tấm hình của bạn không công bằng với bạn”. Tôi mỉm cười, mặc dù tôi không hiểu câu nói đó. Neil gợi ý anh chở tôi đến nhà anh ở Kent. Lên xe, tôi ngồi ở ghế khách và chúng tôi khởi hành. Đó là một chuyến đi lạ. Sau một vài phút nói chuyện với nhau, Neil yên lặng và tôi không biết phải làm thế nào để bắt đầu lại cuộc nói chuyện nên tôi ngồi bất động. Tâm trạng tôi lúc đó rất căng thẳng và chột nghĩ: “Chắc anh ấy không thích mình”. Đến nhà Neil mất hơn một tiếng, ở Ashford, một thị trấn thương mại tại trung tâm của Kent. Ngay sau đó, anh ngã người ra sau ghế xe và cầm một bó hoa đẹp tặng tôi. Hóa ra, anh cũng thích tôi. Nhà của Neil là một phần của kiến trúc hiện đại. Những ngôi nhà

trông giống hệt nhau bao quanh. Ngay gần đó có một công viên nhỏ với một hồ nước nhỏ, xích đu và vòng ngựa gỗ. Trong nhà có giấy dán tường sọc, thảm đỏ và một con mèo đen trắng tên là Jay. Tôi quỳ xuống, xoa đầu nó và nó ngước mắt lên kêu rừ... gừ... gừ... Neil đưa tôi vào phòng khách, chúng tôi ngồi đối diện nhau ở hai đầu ghế tràng kỷ nói chuyện với nhau. Một lúc sau, anh hỏi tôi có muốn nghe nhạc không. Dần dần, một cách vô thức, chúng tôi ngồi xích lại càng lúc càng gần trên chiếc ghế tràng kỷ, cho đến khi Neil ôm tôi trong tay, tôi tựa đầu vào vai anh và nhắm mắt lại, nghe nhạc. Chúng tôi hôn nhau. Chúng tôi quyết định sẽ ở đây cùng nhau trong tương lai. Đó là khởi đầu của một việc lớn.

Neil không khó khăn chấp nhận tôi. Anh cũng từng bị bạn bè ở trường trêu chọc và cũng hiểu sự khác biệt với chúng bạn là thế nào. Cũng là một người hướng nội, anh không phiền lòng khi tôi thích sự yên lặng và an toàn ở nhà hơn sự ồn ào của những quán bar và các câu lạc bộ. Quan trọng hơn tất cả, anh ấy – giống như tôi – đang ở ngã rẽ của cuộc đời và chưa có dự định rõ ràng về con đường phía trước. Qua những lần gặp gỡ nhau trên mạng chúng tôi đã cùng ngạc nhiên và thích thú khám phá ra rằng thứ mà cả hai chúng tôi thiếu trong cuộc đời đó là một tình yêu lãng mạn.

Vài tuần sau đó, chúng tôi tiếp tục viết thư cho nhau hàng ngày và thường xuyên nói chuyện với nhau qua điện thoại. Mỗi khi có thể, Neil đến thăm tôi. Sáu tháng sau lần gặp gỡ đầu tiên, chúng tôi đã bàn bạc nhau rất lâu và tôi quyết định chuyển đến Kent sống cùng Neil. Tôi bước vào bếp và nói với mẹ sự thật: “Con sẽ chuyển đi.” Cha mẹ mừng cho tôi, đồng thời họ cũng lo lắng: Tôi sẽ ứng phó thế nào với mối quan hệ phức tạp đủ những cung bậc tình cảm vui, buồn và nghĩa vụ, trách nhiệm kèm theo? Điều quan trọng tại thời điểm đó là những điều mà tôi biết chúng hoàn toàn đúng: rằng Neil là một

người rất đặc biệt, rằng tôi chưa bao giờ có tình cảm với ai giống như với anh, rằng chúng tôi yêu nhau rất nhiều và muốn sống cùng nhau.

Tháng đầu tiên chung sống với Neil không thật dễ dàng. Hai người sống chỉ dựa vào một suất lương, có nghĩa là chúng tôi phải chi tiêu rất cẩn thận. Phải sau hơn hai năm rưỡi, chúng tôi mới đủ tiền để có kỳ nghỉ đầu tiên cùng nhau. Một ngày bình thường, Neil làm việc tại văn phòng gần Ramsgate còn tôi làm việc vặt trong nhà và chuẩn bị bữa tối. Trong thời gian đó, tôi cũng viết thư tới tất cả các thư viện trong vùng để hỏi xem liệu họ có còn công việc nào chưa có người làm vì tôi rất muốn làm việc và đóng góp hết sức có thể vào thu nhập cho gia đình. Một buổi sáng, tôi nhận được một bức thư thông báo rằng tôi được chọn phỏng vấn tại một thư viện chuyên tìm, mua và tổ chức trưng bày các loại sách mới. Đến ngày phỏng vấn, Neil cho tôi mượn một trong các cà vạt của anh, đeo vào cổ cho tôi và đưa một mảnh giấy trên đó ghi hướng dẫn tuyến xe buýt đến địa chỉ trong thư. Mặc dù bị lạc, tôi phải đi loayh quanh qua vài tòa nhà để tìm tòa nhà, thậm chí cuối cùng tôi đến được chỗ phỏng vấn với sự giúp đỡ của một thành viên hội đồng, người phải ra ngoài đón tôi.

Có ba người tham gia phỏng vấn ngày hôm đó. Khi người đầu tiên bắt đầu nói, tôi nhận thấy ngay chị có cách phát âm lạ nên tôi hỏi chị về nó. Chị nói rằng, chị vốn có gốc là người Phần Lan, đất nước tôi đã đọc nhiều ở thư viện hồi còn nhỏ. Phản ứng tức thì, tôi nói không ngừng về những hiểu biết của tôi về quê hương chị và thậm chí còn nói vài câu bằng tiếng Phần Lan. Cuộc phỏng vấn kéo dài không lâu (phải chăng đó là một dấu hiệu tốt) và tôi hào hứng khi bước ra khỏi phòng phỏng vấn sau đó; cuối cùng, tôi cũng đã nhớ nhìn vào mặt người phỏng vấn, ăn mặc lịch sự và tổ thái độ thân thiện trong suốt thời gian phỏng vấn. Tôi sốc khi vài ngày sau đó nhận được cú điện thoại thông báo tôi không trúng tuyển. Trong những tháng tiếp theo,

tôi đã gửi hơn chục đơn xin việc viết tay chi tiết tới các thư viện, trường học và các trường đại học nhưng tất cả đều bị từ chối hoặc không nhận được hồi âm.

Thật không may, trường hợp của tôi xảy ra khá phổ biến. Một nghiên cứu năm 2001 của Hội Tự kỷ Quốc gia Anh chỉ ra rằng chỉ có 12% người tự kỷ dạng hoạt động cao hay những người mắc hội chứng Asperger có việc làm toàn thời gian. Ngược lại, 49% số người bị khiếm khuyết khác và 81% người bình thường xin được việc năm 2003, số liệu do Cục thống kê Nhà nước Anh cung cấp. Có một vài lý do quan trọng giải thích cho sự chênh lệch này. Những người tự kỷ thường gặp vấn đề trong việc tìm kiếm việc làm hoặc họ không hiểu rõ các biệt ngữ thường sử dụng trong các mẫu quảng cáo tìm việc. Hơn nữa, phỏng vấn tuyển dụng lại đòi hỏi nhiều kỹ năng tương tác xã hội và giao thiệp là điều vô cùng khó với những người tự kỷ. Phòng Thông tin việc làm của Hội Tự kỷ Quốc gia thường cung cấp thông tin việc làm qua thư việc thay cho phỏng vấn tuyển dụng. Việc làm này tạo nên sự công bằng hơn cho những người tự kỷ. Những câu hỏi trong cuộc phỏng vấn có thể khó hiểu và khó trả lời một cách thích hợp. Tôi đã bị hỏi một vài câu hỏi liên quan đến những tình huống mang tính giả thuyết mà tôi gặp khó khăn khi tưởng tượng ra, nên chỉ có thể trả lời rất ngắn gọn. Có thể tốt hơn nhiều nếu các câu hỏi tập trung vào kinh nghiệm của người tham gia phỏng vấn để có thể hiểu rõ những điều họ biết.

Những người tự kỷ có thể mang đến nhiều lợi ích cho công ty hoặc tổ chức vì họ: đáng tin cậy, trung thực, chính xác cao, tỉ mỉ đến chi tiết và có kiến thức tốt về nhiều nhân vật và sự kiện. Những công ty tuyển dụng nhân viên bị tự kỷ hoặc mắc chứng Asperger làm tăng nhận thức về sự đa dạng trong đội ngũ nhân viên. Những nhà quản lý thường nhận xét, nhân viên bị tự kỷ học giao tiếp hiệu quả hơn trong môi trường làm việc theo nhóm.

Với chúng tôi, thiếu tiền không phải là vấn đề nghiêm trọng. Đặc biệt, Neil luôn động viên, ủng hộ, làm tôi an tâm mỗi khi nản lòng hoặc buồn chán. Anh cũng luôn thôi thúc tôi hướng về tương lai một cách lạc quan. Vào dịp Giáng sinh năm 2001, lần đầu tiên tôi gặp cha mẹ và gia đình Neil. Tôi rất căng thẳng nhưng anh an ủi tôi không phải lo lắng gì cả. Cha mẹ anh ở không xa chỗ chúng tôi. Chúng tôi đi ô tô đến đó. Mẹ Neil ra cửa đón, sau đó, bà dẫn tôi thăm nhà, giới thiệu tôi với các thành viên khác của gia đình: cha Neil, em trai, em dâu và cháu gái. Mọi người đều tươi cười, điều đó làm tôi cảm thấy an tâm và vui vẻ. Hôm đó, chúng tôi có một bữa ăn thịnh soạn đầy hương vị và sau bữa ăn chúng tôi trao thiệp và quà cho nhau. Hôm sau, Neil chở tôi lên London thăm gia đình tôi và đến lượt Neil được giới thiệu với cha mẹ và các em tôi, tất cả mọi người trong gia đình đều háo hức chờ đón Neil. Sự ủng hộ từ hai phía gia đình là niềm động viên lớn lao cho cả Neil và tôi.

Mùa hè, chúng tôi chuyển đến một thành phố bờ biển nhỏ, yên tĩnh, Herne Bay, gần thành phố lịch sử Canterbury. Chuyển nhà luôn là khoảng thời gian căng thẳng của mỗi người và đối với tôi cũng vậy. Những tuần đầu chuyển đến chỗ ở mới thật là lộn xộn. Hàng đống đồ đạc, sơn, hộp nằm la liệt quanh nhà. Chúng tôi phải dọn nhà, sắp xếp đồ đạc nên gần như không được nghỉ ngơi và thư giãn. Trong khi Neil sửa chữa, dọn dẹp thì tôi đảm nhiệm việc nấu nướng, pha trà và lấy đồ ở xung quanh nhà cho anh. Điều đó giúp tôi quên đi những lo âu bằng cách tập trung vào những việc tôi có thể làm hơn là lo lắng về những việc không thể làm. Thật là lý thú khi chứng kiến từng sự thay đổi, khi ngôi nhà thực sự trở thành tổ ấm.

Tôi nhận thấy vô cùng may mắn khi có một vài người bạn thân. Nhờ thư điện tử, tôi có thể liên lạc thường xuyên hoặc thỉnh thoảng với những người bạn ở xa như Rehan và Birute. Những người bạn gần

đây như một sự tình cờ thú vị, một món quà bất ngờ, tuyệt vời. Ví dụ, một trong những người bạn thân nhất của tôi cho đến bây giờ (tên là Ian) là một người hàng xóm thời thơ ấu của Neil. Một ngày nọ, chỉ ít lâu sau khi chuyển đến Herne Bay, chúng tôi nhận được một tấm bưu thiếp từ Ian, do cha mẹ Neil gửi lại cho chúng tôi. Ian và Neil đã không gặp nhau trong mười lăm năm. Nhưng khi chúng tôi mời Ian đến nhà chơi vào một buổi tối, mối quan hệ của họ dường như chưa bao giờ ngắt quãng lâu như vậy. Nhanh chóng, chúng tôi phát hiện ra một vài điểm tương đồng với Ian, như niềm đam mê đọc sách và lịch sử. Chúng tôi trở thành bạn thân từ đó.

Thật tuyệt vời khi tôi khám phá ra rằng một số khả năng của mình cũng có thể sử dụng để giúp đỡ bạn bè. Khi Ian cưới một phụ nữ Rumani làm vợ, anh nhờ tôi giúp học thứ ngôn ngữ mẹ đẻ của vợ mình. Đáp lại, Ian đưa tôi đi chơi gôn vào cuối tuần. Tôi không phải là tay gôn giỏi, dù những cú đánh của tôi tương đối tốt. Đôi lúc Ian gái đầu khi thấy tôi bước lại trên thảm cỏ từ lỗ gôn vừa đánh trúng. Tôi đánh gôn bằng cảm nhận sâu gôn chuyển động dưới chân mình; theo cách đó tôi xác định rõ hơn quả bóng sẽ đi theo hướng nào. Tưởng tượng theo cách đó đem lại hiệu quả cho tôi.

Những người bạn của chúng tôi biết tôi mắc hội chứng Asperger nên luôn cố gắng, mỗi khi có thể, đảm bảo rằng tôi thấy thoải mái trong mọi hoàn cảnh. Thường thường họ tổ chức những buổi gặp gỡ mà họ biết rằng tôi cũng sẽ thích thú. Hàng năm, Neil và Ian tổ chức một cuộc thi đi tìm kho báu cùng câu lạc bộ xe hơi nhỏ của họ và mời tôi tham gia. Mỗi đội được đưa cho một danh sách những gợi ý và câu hỏi được giải bằng cách lái xe đến những địa điểm khác nhau đánh dấu trên bản đồ hoặc trả lời câu hỏi. Ví dụ, một gợi ý có thể là: “Nơi ở của ngựa con”, câu trả lời cho gợi ý đó sẽ được tìm thấy bằng cách lái xe qua một quán rượu có tên là “Quán Ngựa non”. Khi Ian

lái xe, Neil chịu trách nhiệm chỉ hướng còn tôi lo tìm câu trả lời cho các câu hỏi. Thật thoải mái khi làm một điều gì đó mà mọi người có thể cùng nhau tham gia.

Mỗi khi thăm bạn bè chúng tôi thường chơi một trò chơi sau bữa tối, ví dụ như chơi bài hoặc trò Trivial Pursuit. Neil nói rằng đôi lúc để chủ nhà thắng là một cách cư xử đẹp, nhưng tôi không hiểu vì sao nếu biết câu trả lời mà lại không trả lời?

Tôi rất thích trả lời câu đố và rất thích xem những chương trình như *Ai là triệu phú?* trên truyền hình. Tôi trả lời hầu hết các câu hỏi, nhưng tôi cũng có điểm yếu, như kiến thức về nhạc pop hay tiểu thuyết. Những câu hỏi yêu thích của tôi liên quan đến ngày tháng (“Năm đầu tiên giải vô địch bi-a thế giới tổ chức tại Nhà hát Thủ thách là năm nào?” Trả lời: “1977”) hoặc về niên đại (Sắp xếp bốn sự kiện lịch sử theo thứ tự xảy ra).

Không lâu sau khi chuyển đến Herne Bay, Neil và tôi quyết định thực hiện một ý tưởng là lập một trang web về giáo dục cung cấp những khóa học trực tuyến về ngôn ngữ. Neil, với công việc về máy tính, sẽ chịu trách nhiệm những vấn đề kỹ thuật còn tôi sẽ viết nội dung trang web và các khóa học. Suy nghĩ một thời gian, chúng tôi chọn đặt tên cho trang web là *Optimnem*, lấy từ *Mnemosyne*, người tạo ra ngôn từ trong thần thoại Hy Lạp. Học viên sẽ nhận được bài học qua thư điện tử gồm những đoạn hội thoại của người bản xứ, nhiều ví dụ và bài tập để giúp học viên thực hành và ôn lại sau mỗi bài học. Trong việc thiết kế mỗi khóa học, tôi có thể tận dụng những kinh nghiệm tích lũy từ hồi dạy ở Lithuania. Đi dạy kèm giúp tôi tập trung vào những phần ngôn ngữ mà người học thường thấy khó. Tôi cũng muốn viết ra những bài học thể hiện những kinh nghiệm của bản thân trong vai trò là một học viên bị tự kỷ. Vì những lý do này, mỗi khóa học được chia ra thành những bài học nhỏ dễ học. Tôi tránh việc dùng biệt ngữ

trong các bài học như “chủ ngữ” và “sở hữu cách” hoặc là “chia động từ” thay vào đó tôi giải thích sự thay đổi của từ trong câu phụ thuộc vào vị trí của chúng một cách đơn giản và rõ ràng. Tôi cũng sử dụng nhiều ví dụ, do đó học viên có thể tiếp nhận sự biến hóa của ngôn ngữ trong nhiều tình huống khác nhau và khi các từ mới được lồng vào văn cảnh, được thể hiện một cách hình tượng thì học viên có thể nhớ dễ dàng hơn. Trang web được đưa vào hoạt động tháng Chín năm 2002. Rất nhanh chóng trang web đã bước đầu thành công với hàng nghìn học viên trên khắp thế giới thuộc mọi lứa tuổi, đạt được hàng triệu lượt truy cập. Cho đến nay, Optimism hoạt động được bốn năm và được công nhận là thành viên của Mạng lưới Giáo dục Quốc gia Anh quốc, một cổng thông tin cung cấp “thông tin giáo dục giá trị trên mạng” và được chính phủ tài trợ.

Sự thành công của trang web đồng nghĩa với việc tôi có việc làm và có thể kiếm tiền, đó là điều tôi cảm thấy tự hào và sung sướng khi nghĩ đến. Làm việc ở nhà cũng rất có lợi, đặc biệt với tôi bởi tôi luôn cảm thấy lo lắng trong môi trường mình không điều khiển được hoặc không thoải mái. Tôi hạnh phúc khi tự mình tạo ra việc làm, mặc dù dĩ nhiên đó không phải là một lựa chọn dễ dàng và để có được sự độc lập về tài chính theo cách này không phải là dễ.

Bây giờ, Neil cũng làm việc tại nhà, công việc của anh chỉ đòi hỏi liên lạc với văn phòng công ty ở Ramsgate một tuần một lần. Thông thường, hàng ngày, tôi ngồi làm việc với máy tính trong bếp ở phía sau nhà, từ đó nhìn ra vườn rất đẹp, còn Neil làm việc trong phòng (trước kia là một phòng ngủ) trên gác. Khi cần lời khuyên về những thứ liên quan đến trang web, tôi đi lên gác hỏi anh. Với chúng tôi được nhìn thấy nhau thường xuyên là niềm hạnh phúc, tôi biết, không phải mọi mối quan hệ đều có được điều đó. Đến bữa trưa, chúng tôi ngồi, nói chuyện và cùng ăn xăng-uych hoặc súp tôi đã làm sẵn. Neil luôn sẵn lòng chia sẻ những thói quen hàng ngày của tôi: ví dụ uống trà với tôi vào một thời điểm xác định trong ngày. Sau khi làm

việc, chúng tôi nấu bữa tối cùng nhau, đó là lúc cả hai đều được thư giãn và suy nghĩ về những vấn đề khác trong cuộc sống.

Tôi luôn yêu động vật, từ niềm đam mê những con bọ rùa thời thơ ấu cho đến thú xem chương trình thế giới động vật trên truyền hình. Một trong những lý do là động vật thường nhẫn nại và biết chấp nhận hơn so với con người. Sau khi chuyển đến sống cùng Neil, tôi dành nhiều thời gian cho con mèo Jay của anh. Khi đó, Jay mới gần hai tuổi và sống xa cách với con người, nó thích đi lang thang trong những khu vườn hàng xóm và kêu grừ mỗi khi Neil định vỗ về hoặc ôm nó. Tại thời điểm đó, Neil vẫn làm việc tại văn phòng công ty và thường làm khoảng mười tiếng hoặc hơn. Do đó, trước khi tôi chuyển đến, Jay đã sống những năm đầu tiên hầu như một mình. Chắc chắn, nó rất ngạc nhiên, và sau đó – có thể còn là một cú sốc – khi biết nó sẽ có bạn đồng hành suốt ngày. Ban đầu, tôi giữ khoảng cách với nó vì biết rằng nó chưa quen với việc có ai đó thường xuyên bên mình. Thay vào đó, tôi chờ đợi sự tò mò tự nhiên của nó. Không lâu sau, Jay lân la lại gần tôi khi tôi ngồi trong phòng khách, ngửi chân, tay khi tôi hạ thấp tay cho nó cọ mũi vào. Thời gian trôi đi, Jay ở nhà nhiều hơn. Mỗi khi nó đi vào, tôi quỳ xuống thấp cho đến khi mặt tôi đối diện ngang bằng mặt nó và mở rộng tay chậm chậm ôm đầu nó, vuốt ve như khi nó liếm lông. Jay rên rừ...ừ...ừ... và chớp mắt ngái ngủ. Khi đó tôi biết rằng mình đã chiếm được tình cảm của mèo.

Jay là một con mèo thông minh và nhạy cảm. Đôi khi tôi nằm dài trên sàn nhà cho nó trèo lên ngực hoặc bụng để ngủ. Trước khi chìm vào giấc ngủ, nó cào tôi một cách nhẹ nhàng. Đó là hành động thông thường của mèo, thường gọi là “cào” hoặc “vờn”, được cho là biểu hiện của sự hài lòng. Nguyên nhân của hành động này không hiểu là biểu hiện của điều gì; mặc dù hành động đó giống như động tác mèo

con dùng móng kích thích vú mèo mẹ chảy sữa. Một lần Jay nằm lên người tôi, tôi nhắm mắt và thở nhẹ đến nỗi nó cũng tưởng tôi đang ngủ lơ mơ như nó. Đường như nó cảm thấy yên tâm vì nó hiểu tôi sẽ không cử động đột ngột, nên yên tâm nằm gần tôi. Tôi thường mặc áo len dày, thô, cả khi thời tiết ấm, vì tôi biết Jay thích chúng hơn áo thun hoặc loại nào khác.

Mặc dù đã gắn bó với chúng tôi một thời gian không phải ngắn, đôi khi, Jay vẫn xa cách và thờ ơ với chúng tôi, đặc biệt với Neil, tôi biết anh rất buồn vì điều đó. Tôi nói với Neil, nó cần một người bạn, một con mèo khác để bầu bạn. Tôi hy vọng, dần dần, nó sẽ học được các kỹ năng sống và dễ tiếp xúc hơn. Chúng tôi tìm trên mục quảng cáo báo địa phương và tìm được thông tin về một người đang có một đàn mèo con. Chúng tôi gọi điện và hẹn gặp để xem lũ mèo. Ngay ngày hôm sau, chúng tôi đi xem mèo. Tới nơi, họ nói đã bán gần hết mèo và chỉ còn hai con. Tôi chỉ vào một trong hai con mèo, con đen nhỏ, chủ nhà nói, không ai để ý đến con này vì nó có bộ lông đen. Chúng tôi quyết định mua nó và đặt tên nó là Moomin. Không quá ngạc nhiên, thời gian đầu, Jay không chắc chắn lắm về người chị em của mình, nó gầm gừ với Moomin mỗi khi có cơ hội. Tuy nhiên, thời gian trôi đi nó không còn gầm gừ nữa và tỏ ra bình thường với sự có mặt của Moomin. Vui mừng hơn là sự thay đổi hành xử của nó một cách rõ ràng mặc dù cũng phải mất một thời gian khá dài: nó trở nên tình cảm hơn, sẵn sàng cho mọi người ôm, bế và chơi lâu và vui vẻ hơn với những cuộc vật lộn hay nằm rên hừ hừ với Moomin và với chúng tôi. Nó có thể tạo ra những tiếng kêu rất đáng yêu mỗi khi nhìn thấy chúng tôi mà mỗi khi nghe thấy tôi liền cúi người xuống cọ mặt mình vào bộ lông của nó.

Mùa hè năm 2004, chúng tôi tổ chức sinh nhật lần thứ năm cho Jay. Hôm đó, nó được cho thêm đồ ăn và đồ chơi. Tuy nhiên, Jay ăn ít

hơn và sự linh động cũng giảm đi. Chúng tôi cho rằng nguyên nhân là do thời tiết nóng. Nó thường ngồi hoặc ngủ dưới một cái gì đó: dưới giường, bàn, giá treo khăn tắm trong nhà tắm. Tôi hiểu điều đó rất rõ, bởi vì khi còn nhỏ tôi cũng chui vào gầm giường hay gầm bàn để lấy lại bình tĩnh và cảm giác an toàn. Nhưng càng ngày Jay càng làm như vậy nhiều hơn, và nó càng ngày càng ở bên chúng tôi ít hơn. Sau đó nó bị ốm. Nó nôn liên tục nhưng chẳng có gì ngoài nước. Đầu tiên chúng tôi nghĩ đó là chuyện bình thường nhưng nó tiếp tục diễn ra làm chúng tôi bắt đầu lo lắng. Cho đến lúc đó nó bắt đầu sụt cân, chỉ bước đi chậm chạp xung quanh nhà. Neil đem nó đến nhờ bác sĩ thú y khám và nó được giữ lại để kiểm tra và theo dõi. Jay bị nhiễm độc thận, một bệnh hiếm gặp ở mèo chưa già và nó cần được chữa trị vài ngày. Hàng ngày, chúng tôi gọi cho bác sĩ để hỏi tình hình và nhận được tin sức khỏe của nó dần ổn định. Nhưng một tuần sau, chúng tôi nhận được cú điện thoại thông báo, Jay không có phản ứng với đợt điều trị và chúng tôi nên đến để nhìn nó.

Ngay lập tức, tôi và Neil lái xe đến phòng khám. Một phụ nữ ở phòng lễ tân đưa chúng tôi qua một cái hành lang hẹp đến một phòng yên tĩnh, màu xám ở phía sau tòa nhà và để chúng tôi lại trong vài phút. Thậm chí, thời điểm đó, tôi vẫn không nghĩ đến mức độ nghiêm trọng của sự việc xảy đến với tôi. Khi Neil và tôi đứng đó ở giữa căn phòng trong yên lặng, tôi nhìn thấy Jay nằm im trên cái nệm màu trắng, xung quanh đầy các ống nhựa, rên yếu ớt. Tôi ngáp ngừng, đưa tay ra sờ vào nó; nó nằm đó thật tội nghiệp chỉ còn da bọc xương, lông bết bết. Đột nhiên, giống như sóng biển đập vào bờ đá, cảm xúc tràn ngập khiến tôi không thể kìm nén được, mặt tôi ướt đầm và tôi biết mình khóc. Neil bước lại bên tôi, nhìn Jay, sau đó anh cũng sụt sùi khóc. Một cô y tá đi vào và nói với chúng tôi, họ đã làm mọi thứ có thể, nhưng bệnh của Jay rất hiếm gặp và nghiêm trọng. Chúng tôi lái xe về nhà, gục vào vai nhau khóc. Ngày hôm sau, Neil nhận được cú điện thoại thông báo, Jay đã chết. Chúng tôi khóc nhiều những ngày sau

đó, cú sốc mất một người bạn chúng tôi vô cùng yêu quý quá đột ngột và bất ngờ. Jay được hỏa táng và chôn trong vườn với tấm bia đá tưởng nhớ những kỷ niệm về nó. Trên tấm bia khắc “Jay, 1999-2004. Luôn ở trong trái tim chúng tôi”.

Không có mối quan hệ nào luôn suôn sẻ và điều đó chắc chắn đúng khi một hoặc hai người có rối loạn tự kỷ. Thậm chí như vậy, tôi vẫn tin rằng điều quyết định đến thành công của bất kỳ mối quan hệ nào là tình yêu chứ không chỉ là sự hòa hợp. Khi yêu ai đó, nhìn chung mọi thứ đều có thể.

Có những tình huống tưởng chừng như rất bình thường ở nhà như đánh rơi một chiếc thìa trong khi rửa bát, tôi sẽ cảm thấy như bị “tan chảy” ra và cần thời gian dừng lại và trấn tĩnh lại trước khi có thể làm tiếp. Thậm chí dù mất kiểm soát chút ít trong trường hợp không mong đợi cũng tác động lớn đến tôi, đặc biệt khi nó ảnh hưởng đến những thói quen của tôi. Neil học được cách không can thiệp vào chuyện của tôi mà chỉ đợi nó trôi qua. Sự kiên nhẫn của anh giúp tôi rất nhiều. Với sự thông cảm và ủng hộ của Neil, trạng thái “tan chảy” của tôi càng ngày càng ít xảy ra hơn.

Nhiều tình huống khác có thể làm cho tôi rất lo lắng, ví dụ, nếu một người bạn hoặc một người hàng xóm quyết định đến thăm chúng tôi một cách bất ngờ. Mặc dù tôi rất vui được gặp họ nhưng tôi vẫn cảm thấy căng thẳng và bối rối. Vì sự có mặt của họ đồng nghĩa với việc tôi phải thay đổi kế hoạch tôi đã định sẵn cho ngày hôm đó. Với tôi, phải thay đổi kế hoạch là không ổn.

Những tình huống trong cuộc sống cũng có thể là vấn đề lớn với tôi. Nếu đi ăn nhà hàng, tôi thích ngồi ở bàn gần góc hoặc quay vào tường để không ai ngồi quanh mình. Một lần đi ăn tại một nhà hàng

trong khu vực, chúng tôi đang ăn và nói chuyện vui vẻ, đột nhiên tôi ngửi thấy mùi khói thuốc. Tôi không nhìn thấy khói từ đâu, không ngờ đến tình huống đó, và tôi trở nên rất căng thẳng và lo lắng. Neil nhận thấy điều đó vì anh đã chứng kiến nhiều lần như vậy trước kia: tôi không còn giữ được kiểu nhìn trực diện khi nói chuyện và chỉ trả lời ậm ừ cho qua chuyện. Sau đó tôi chỉ cố gắng ăn thật nhanh để rời khỏi quán càng sớm càng tốt. Rất may cho tôi là cả Neil và tôi đều thích ở nhà dành thời gian cho nhau mà không cần phải đi chơi nhiều. Khi đi chơi, chúng tôi thường đi xem phim ngoài rạp hoặc đến một nhà hàng yên tĩnh nào đó.

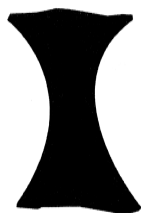
Những cuộc giao tiếp giữa chúng tôi đôi khi cũng gặp rắc rối vì thỉnh thoảng tôi gặp khó khăn trong việc xử lý thông tin. Khi Neil nói, tôi sẽ gật đầu hoặc nói “vâng” hay “okay” nhưng sau đó tôi mới nhận ra mình không hiểu điều Neil nói. Neil có thể chán nản khi phải mất thời gian giải thích hoặc mô tả lại điểm quan trọng cho tôi khi phát hiện ra tôi không hiểu. Vấn đề ở chỗ tôi không nhận ra mình không nghe điều anh ấy nói; tôi thường chỉ nghe một phần của mỗi câu và sau đó não tôi tự động ghép chúng lại với nhau và cố gắng tạo thành đoạn có nghĩa. Nhưng vì bỏ qua một số từ quan trọng nên tôi thường không đoán được nội dung thực sự người nói truyền tải.

Gật đầu và nói những từ như “okay” khi nói chuyện là cách mà tôi học được để làm cho cuộc nói chuyện diễn ra một cách bình thường, không cần người nói phải liên tục dừng và lặp lại điều vừa nói. Mặc dù mẹo đó áp dụng được cho hầu hết các cuộc nói chuyện nhưng bây giờ thì tôi nhận ra rằng điều đó không thể áp dụng trong một mối quan hệ thực sự mật thiết. Thay vào đó, Neil và tôi học được cách tập trung khi nói chuyện với nhau: Tôi chú ý hết sức khi anh nói và ra hiệu cho anh nói lại nếu không hiểu một từ hoặc một số từ. Bằng cách đó, chúng tôi đảm bảo hai người hiểu nhau hoàn toàn khi nói.

Trước đó, tôi rất ghét cạo râu. Lưỡi lam có thể cứa vào mặt khi tôi cố gắng giữ bàn cạo an toàn bằng một tay và giữ đầu cố định bằng tay còn lại. Tôi mất hàng giờ đồng hồ để có thể thực hiện việc đó. Kết thúc, tôi cảm thấy nóng và ngứa ngáy ở da mặt. Điều đó rất khó chịu nên tôi cố gắng cạo râu càng ít càng tốt, có khi phải đến hàng tháng cho đến khi cằm và mặt mọc đầy râu. Tôi để râu dài đến nỗi tạo cảm giác khó chịu thì tôi mới cạo. Cuối cùng, tôi cạo râu khoảng hai tháng một lần, và thường làm phiền các em trai và em gái vì tôi sử dụng nhà tắm quá lâu. Bây giờ, Neil cạo râu cho tôi mỗi tuần một lần bằng một cái bàn cạo điện rất nhanh và không đau.

Neil và tôi rất nhạy cảm với những tiếp xúc cơ thể, điều đó ảnh hưởng đến cách thể hiện tình cảm và âu yếm của chúng tôi. Ví dụ, âu yếm nhẹ nhàng – như vuốt ve lên tay tôi – làm tôi cảm thấy không thoải mái. Tôi phải giải thích cho Neil biết điều đó vì tôi có thể rung mình với những cử chỉ thể hiện tình yêu của anh. Thật may, tôi cảm thấy bình thường khi Neil cầm tay hoặc luồn tay quanh người ôm tôi.

Trong những năm sống cùng Neil, bằng tình yêu với anh và chung sống với người khác tôi đã học được nhiều điều. Tình yêu thực sự đã làm tôi thay đổi. Tôi cởi mở hơn với người khác và nhận thức tốt hơn về thế giới quanh mình. Tôi cảm thấy tự tin hơn vào bản thân và khả năng của mình để trưởng thành hơn và tiến bộ hơn. Neil là một phần thế giới của tôi, một phần tạo nên tôi là chính “tôi”, và tôi không thể tưởng tượng nổi một khoảnh khắc nào đó trong đời thiếu anh.



Khả năng ngôn ngữ

VỚI TÔI, NGÔN NGỮ LUÔN LÀ NIỀM ĐAM MÊ VÔ TẬN và bây giờ khi đã an cư ở nhà mới, điều hành một trang web, tôi có thể dành nhiều thời gian hơn để phát triển nó. Sau tiếng Lithuania, ngôn ngữ tiếp theo tôi học là tiếng Tây Ban Nha. Mối quan tâm của tôi bắt nguồn từ một lần tôi nói chuyện với mẹ Neil. Bà kể cho tôi nghe về những kỳ nghỉ hè của gia đình đến các vùng khác nhau của Tây Ban Nha. Và bà đã học tiếng Tây Ban Nha được nhiều năm. Tôi hỏi xem bà có cuốn sách nào dạy tiếng Tây Ban Nha và có thể cho tôi mượn được không. Bà tìm được một cuốn sách cũ *Tự học* và đưa cho tôi đọc. Tuần tiếp theo chúng tôi trở lại thăm cha mẹ Neil. Tôi trả lại cuốn sách cho mẹ Neil và bà không thể tin nổi khi tôi có thể giao tiếp với bà bằng tiếng Tây Ban Nha một cách thoải mái.

Tôi cũng đã sử dụng phương pháp tương tự như vậy với việc học tiếng Rumani. Khi Ian xin tôi lời khuyên về việc học tiếng Rumani và giúp anh ấy có thể giao tiếp được với vợ là Ana. Tôi rèn luyện khả năng đọc thông qua tác phẩm *Hoàng tử bé* của Saint-Exupéry, bản tiếng Rumani.

Kế hoạch học ngoại ngữ gần đây nhất của tôi là tiếng xứ Wales, một ngôn ngữ đẹp và đặc biệt. Trong kỳ nghỉ của tôi và Neil ở thành phố nhỏ North Wales thuộc Blaenau Ffestiniog, trên dãy núi Snowdonia, lần đầu tiên tôi nghe tiếng xứ Wales. Có khoảng một phần năm dân số Wales nói tiếng Wales và đó là ngôn ngữ duy nhất tôi được nghe ở những nơi chúng tôi đến.

Tiếng xứ Wales có một số điểm khác biệt với các ngôn ngữ khác mà tôi từng học. Những từ bắt đầu bằng một số phụ âm xác định đôi khi âm tiết đầu biến đổi phụ thuộc vào mục đích sử dụng chúng trong câu. Ví dụ, từ *ceg* (miệng) thay đổi thành *dy geg* (miệng bạn), *fy ngheg* (miệng tôi) và *ei cheg* (miệng cô ấy). Trật tự từ trong tiếng xứ Wales cũng bất thường, động từ xuất hiện ở đầu câu: *Aeth Neil i Aberystwyth* (“Neil đi đến Aberystwyth”, dịch theo trật tự thông thường “đi Neil đến Aberystwyth”). Khó khăn nhất khi học tiếng xứ Wales chính là cách phát âm của một số âm, như “ll”, phát âm bằng cách để lưỡi như lúc phát âm chữ “l” nhưng kết thúc lại có phát âm thành “s”.

Một trong những nguồn tài liệu giá trị để tôi học tiếng xứ Wales là kênh S4C của đài truyền hình. Tivi nhà tôi bắt kênh tiếng xứ Wales này nhờ một đầu thu kỹ thuật số. Các chương trình được phát trên kênh đa dạng và thú vị, từ các tập phim *Những người của Thung lũng* đến những chương trình Tin tức. Học ngoại ngữ qua tivi đã chứng tỏ là cách hữu hiệu để cải thiện kỹ năng phát âm và hiểu ngôn ngữ của tôi.

Ngôn ngữ có tác động thẩm mỹ đối với tôi, một số từ và ngữ xác định đặc biệt đẹp và kích thích tôi. Đôi khi tôi đọc đi đọc lại một câu trong một cuốn sách vì vẻ đẹp của nó tạo cho tôi ấn tượng. Các danh từ là từ loại tôi thích vì tôi có thể hình ảnh hóa dễ dàng nhất trong các từ loại.

Khi học một ngôn ngữ, tôi cho rằng nên bắt đầu bằng một số điểm thiết yếu. Đầu tiên là một cuốn từ điển tốt. Tiếp đến là một số tài

liệu bằng ngôn ngữ đó, ví dụ như sách cho trẻ em, truyện, tạp chí. Tôi thích học từ mới khi nó được đặt trong câu vì cách đó giúp tôi có được cảm nhận về cấu trúc của ngôn ngữ đó. Tôi có trí nhớ hình ảnh tuyệt vời nên khi đọc một từ, ngữ hoặc một câu và nhắm mắt lại, tôi thấy nó hiển hiện trong đầu, ghi nhớ lâu và chính xác. Khả năng nhớ của tôi kém hơn nhiều nếu tôi chỉ được nghe từ hoặc ngữ mà không được nhìn thấy nó. Nói chuyện với người bản xứ cũng giúp cải thiện ngữ điệu, phát âm và khả năng nghe hiểu. Tôi không sợ mắc lỗi nhưng luôn cố hết sức để không lặp lại lỗi khi nhận ra hoặc được ai đó chỉ ra lỗi.

Mỗi ngôn ngữ có thể đóng vai trò như là bước đệm cho ngôn ngữ khác. Một người càng biết nhiều ngôn ngữ càng dễ học một ngôn ngữ mới. Đó là bởi ngôn ngữ, xét theo một khía cạnh nào đó cũng giống như con người: chúng thuộc về một họ của nhiều ngôn ngữ có liên quan đến nhau và có một số đặc điểm tương đồng. Ngôn ngữ cũng có ảnh hưởng và vay mượn lẫn nhau. Thậm chí trước khi học tiếng Rumani, tôi đã có thể hiểu một cách hoàn hảo câu: *Unde este un creion gallben?* (Những chiếc bút chì vàng ở đâu?), do sự tương đồng của nó với tiếng Tây Ban Nha: *dónde está* (ở đâu?), tiếng Pháp: *un crayon* (cái bút chì) và tiếng Đức: *gelb* (vàng).

Cũng có mối liên hệ giữa các từ trong cùng một ngôn ngữ mà chỉ có duy nhất ở ngôn ngữ đó. Tôi có thể nhìn ra mối liên hệ đó một cách dễ dàng. Ví dụ, trong tiếng Iceland có từ *borð* (cái bàn) *borða* (ăn), trong tiếng Pháp có *jour* (ngày) và *journal* (báo) và trong tiếng Đức có *hand* (tay) và *handel* (một ‘vụ trao đổi’ hoặc ‘nghề’).

Học từ phức là cách làm giàu thêm vốn từ vựng và cung cấp những ví dụ sinh động về cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ đó. Ví dụ, trong tiếng Đức từ *từ vựng* là *wortschatz*, kết hợp của từ *wort* (từ) và *schatz* (kho báu). Trong tiếng Phần Lan, từ phức có thể được hình thành

từ nhiều từ riêng biệt của các ngôn ngữ khác. Ví dụ, trong câu: *Hän oli talossanikin* (Anh ta cũng đã ở trong nhà (của) tôi) từ cuối cùng *talossanikin* được tạo thành từ bốn phần riêng biệt: *talo* (nhà) + *-ssa* (trong) + *-ni* (của tôi) và *-kin* (cũng).

Trong ngôn ngữ, đối với tôi, có một vài khía cạnh khó hiểu hơn. Đặc biệt là việc hiểu những từ trừu tượng. Và tương ứng với mỗi từ là một hình ảnh tư duy để phân cắt ý nghĩa của từ. Ví dụ, từ “phức tạp” làm tôi nghĩ đến một bím tóc – nhiều sợi tóc kết lại với nhau thành một thể hoàn chỉnh. Khi tôi đọc hoặc nghe điều gì đó phức tạp, tôi tưởng tượng ra nó có nhiều phần khác nhau và cần phải kết hợp chúng lại để tạo nên câu trả lời. Tương tự như vậy, từ “chiến thắng” sẽ tạo nên hình ảnh về cúp vàng lớn được trao trong những sự kiện thể thao lớn. Nếu tôi nghe về “chiến thắng” trong một cuộc bầu cử của một chính trị gia, tôi tưởng tượng nhà chính trị đó nâng một cái cúp trên đầu, giống như đội trưởng của một đội bóng nâng cúp trong trận chung kết FA. Với từ “mỏng manh” tôi nghĩ về chiếc ly; tôi hình ảnh hóa một “mảnh dễ vỡ” là một con bọ câu thủy tinh. Hình ảnh tôi nhìn thấy giúp tôi hiểu cái gì đó có thể vỡ tan bất cứ lúc nào.

Một vài cấu trúc câu đặc biệt khó phân tích, ví dụ: “Anh ta không thiếu kinh nghiệm với những loại việc kiểu đó”, ở đây hai yếu tố phủ định (‘không’ và ‘thiếu’) phủ định lẫn nhau. Sẽ dễ hơn nếu chỉ nói: “Anh ta có kinh nghiệm với những loại việc kiểu đó”. Một ví dụ khác, khi câu bắt đầu bằng: “Bạn không...?” ví dụ như trong câu, “Bạn không nghĩ chúng ta nên đi bây giờ à?” hoặc “Bạn không muốn ăn kem à?”. Những trường hợp như vậy tôi luôn bị lẫn lộn và đầu bắt đầu đau vì người hỏi không thể hiện rõ ý anh ta là: “Bạn có muốn ăn kem không?” hay “Bạn không muốn ăn kem có đúng không?”. Có thể trả lời cả hai câu hỏi với từ “vâng” nhưng tôi không thích điều đó vì một từ lại bao hàm hai ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.

Khi còn nhỏ, tôi thấy thành ngữ là một trong những đơn vị ngôn ngữ khó hiểu. Miêu tả một người “bị ảnh hưởng bởi thời tiết” (ý nói không khỏe) rất là lạ với tôi vì tôi nghĩ ai mà chẳng bị ảnh hưởng bởi thời tiết? Một cách nói phổ biến khác cũng làm tôi khó hiểu là khi cha mẹ bỏ qua cho một trong những thái độ gắt gỏng của em trai tôi với cách nói: “Chắc sáng nay nó xuống nằm bên giường.” Tôi tự hỏi: “Tại sao nó lại không ra đúng đường nhỉ”.

Những năm gần đây, các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu nhiều hơn hiện tượng đồng giác của tôi. Họ cố gắng tìm hiểu thêm về hiện tượng này và nguồn gốc của nó. Giáo sư Valiyanur Ramachandran thuộc Trung tâm Nghiên cứu Não bộ California ở San Diego đã nghiên cứu đồng giác hơn chục năm qua và ông tin rằng có mối liên hệ nền tảng thần kinh về khả năng đồng giác và sáng tạo ngôn ngữ của các nhà thơ và nhà văn. Theo một nghiên cứu, những người có sức sáng tạo lớn thường có xác suất xuất hiện đồng giác cao hơn gấp bảy lần người bình thường.

Đặc biệt, Giáo sư Ramachandran đề cập đến cách nghĩ và cách họ dùng từ ngữ ẩn dụ – một phép so sánh những sự vật tưởng như không có liên hệ với nhau – của các nhà văn có sức sáng tạo lớn và ông so sánh điều đó với cách liên hệ sự vật, sự việc với thực thể dường như không liên quan với nhau như màu sắc và từ ngữ, hoặc hình dạng và con số của những người có sự trộn lẫn giác quan hay đồng giác.

Một số nhà khoa học cho rằng những khái niệm bậc cao (gồm con số và ngôn ngữ) liên hệ với những vùng xác định trên não bộ. Đồng giác có thể gây ra do thông tin truyền giữa các vùng này vượt quá mức bình thường. Sự “dẫn truyền thông tin chằng chéo” có thể dẫn đến cả đồng giác và xu hướng sáng tạo nên những ý tưởng tưởng chừng như không liên quan với nhau.

Ví dụ, William Shakespeare thường dùng phương pháp ẩn dụ; trong đó có nhiều phép so sánh mang tính đồng giác liên hệ tới các giác quan. Ví dụ, trong *Hamlet* có nhân vật Francisco nói rằng trời “lạnh đáng” – kết nối cảm giác lạnh với vị đáng. Trong một vở kịch khác, *Giông tố* (*The tempest*), Shakespeare vượt ra ngoài cách ẩn dụ thông thường đưa vào thuần túy cảm giác và liên hệ kinh nghiệm cụ thể với những ý tưởng trừu tượng. Ông mô tả: “Các nốt nhạc bước rón rén đến bên tôi qua làn nước”. Trong câu này ông liên hệ một khái niệm trừu tượng “nốt nhạc” với hành động bước rón rén. Người đọc có thể tưởng tượng nốt nhạc – bình thường khái niệm này khó tưởng tượng – như một sinh vật chuyển động.

Không chỉ những người có khả năng sáng tạo cao mới tạo nên những mối liên hệ này – tất cả chúng ta đều làm điều đó. Mỗi người đều có khả năng đồng giác nhưng ở mức độ cao, thấp khác nhau. Trong cuốn sách của mình, *Chúng ta sống cùng phép ẩn dụ*, nhà ngôn ngữ George Lakoff và nhà triết học Mark Johnson tranh luận rằng, ẩn dụ không phải là phép dùng ngẫu nhiên mà theo những mẫu đặc thù, ngược lại nó kiến tạo suy nghĩ của con người. Họ đưa ra một số ví dụ chỉ ra mối liên hệ: ‘happy (vui vẻ)’ = ‘up (lên)’ và ‘sad (buồn)’ = ‘down (xuống)’: *I’m feeling up* (Tôi cảm thấy vui), *my spirits rose* (tinh thần phấn chấn); *I’m feeling down* (tôi cảm thấy buồn), *he’s really low* (anh ấy thực sự thất vọng). Hoặc ‘more (nhiều hơn)’ = ‘up (lên)’ và ‘less (ít hơn)’ = ‘down (xuống)’: *My income rose last year* (năm ngoái thu nhập của tôi tăng); *the number of errors is very low* (số lỗi rất ít). Lakoff và Johnson gợi ý rằng, cách sử dụng từ trên xuất hiện từ những trải nghiệm thể chất; ví dụ, mối liên hệ ‘sad = down’ (buồn = xuống) có thể được liên hệ tới hình ảnh cơ thể một người trùng xuống khi cảm thấy buồn. Tương tự như vậy, mối liên hệ ‘more = up’ (hơn = lên) có thể đến từ thực tế rằng khi bạn thêm một vật hoặc một chất vào một

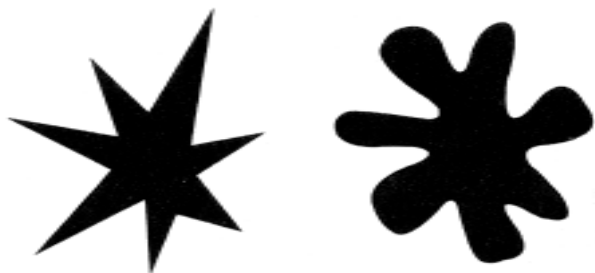
bình chứa hoặc một đồng, mức điền đầy tăng lên.

Các nhà ngôn ngữ khác cũng lưu ý rằng một vài đặc điểm cấu trúc của nhiều từ, không liên kết theo trật tự thông thường hay theo bất kỳ một quy tắc nào, ví như nhóm âm vị cơ sở, có ảnh hưởng đáng kể đến người đọc/nghe. Ví dụ như âm ‘sl-’ có: slack, slouch, sludge, slime, slosh, sloppy, slug, slut, slang, sly, slow, sloth, sleepy, slipshod, slovenly, slum, slobber, slur, slog... ở đó tất cả các từ này đều có nghĩa tiêu cực và một số từ thậm chí còn có nghĩa đặc biệt xấu.

Từ thời Hy Lạp cổ đại, con người đã có ý tưởng về một số loại âm xác định “phù hợp” hơn so với âm khác với một số đối tượng đặc biệt. Một ví dụ minh chứng cho điều này là từ tượng thanh, một loại từ được phát âm tựa như tiếng động (‘xì xì’, ‘ụch’, ‘păng’ vân vân). Các nhà nghiên cứu những năm 1960 tiến hành một bài kiểm tra và chỉ ra rằng những từ nhân tạo được hình thành bằng cách dùng những chữ cái đặc biệt và kết hợp các chữ cái có liên hệ với cảm giác tích cực hoặc tiêu cực. Sau khi nghe những từ tạo nên, người tham gia cuộc thử nghiệm được yêu cầu xác định một số từ tiếng Anh cho cảm giác dễ chịu hoặc khó chịu. Những người tham gia đã có lựa chọn phù hợp tương đối cao hơn so với tính toán từ lựa chọn ngẫu nhiên.

Kiểu đồng giác ngôn ngữ ẩn này hầu như đều có ở mỗi người và cũng đã được quan sát trong một thí nghiệm tiến hành vào những năm 1920. Thí nghiệm tìm hiểu khả năng liên kết giữa những mẫu hình ảnh và những cấu trúc âm của từ. Nhà nghiên cứu tâm lý học người Mỹ gốc Đức, Wolfgang Köhler, sử dụng hai hình ảnh bất kỳ, một hình mịn và tròn, hình còn lại nhọn, góc cạnh và sáng tạo ra hai từ cho hai hình đó: ‘takete’ và ‘maluma’. Người tham gia vào nghiên cứu được hỏi hình nào là ‘takete’ và hình nào là ‘maluma’. Phần đông người được hỏi cho rằng ‘maluma’ là hình tròn còn ‘takete’ là hình góc cạnh. Gần đây, nhóm nghiên cứu của Giáo sư Ramachandran đã thu được

cùng kết quả của thí nghiệm trên với hai từ được tạo ra ‘bouba’ và ‘kiki’. Chín mươi lăm phần trăm người được hỏi cho rằng hình tròn là ‘bouba’ và hình còn lại là ‘kiki’. Ramachandran cho rằng nguyên nhân của lựa chọn này do những cánh nhọn của hình ‘kiki’ giống với hình vị âm học của từ này và giống với hình của lưỡi khi phát âm từ đó.



Giáo sư Ramachandran cho rằng, mối liên hệ đồng giác giữa thị giác và thính giác là bước đầu tiên quan trọng trong sáng tạo từ ngữ từ buổi sơ khai của loài người. Thuyết này cho rằng tổ tiên của chúng ta bắt đầu nói với những âm gọi nên vật họ muốn miêu tả. Ông cũng chỉ ra rằng chuyển động của môi và lưỡi cũng có liên hệ về hình dáng với vật thể và sự kiện họ nói tới. Ví dụ, những từ nói đến sự nhỏ nhắn thường liên quan âm ‘i’ nhỏ, môi khép và các bộ phận phát âm ở tư thế hẹp: ‘little’ (nhỏ), ‘teeny’ (nhỏ xíu), ‘petite’ (nhỏ nhắn), ngược lại cũng đúng với những từ nói đến sự rộng lớn hoặc khổng lồ. Nếu lý thuyết này đúng thì ngôn ngữ được hình thành từ những liên hệ đồng giác lớn trong não bộ.

Một câu hỏi thú vị mà các nhà nghiên cứu ngôn ngữ đang bắt đầu tìm hiểu là liệu khả năng của tôi có thể mở rộng sang những loại ngôn ngữ khác không, ví dụ như ngôn ngữ tín hiệu. Năm 2005, tôi tham gia vào một thí nghiệm do Gary Morgan thuộc Khoa Ngôn ngữ và Khoa học Thông tin Đại học London thực hiện. Tiến sĩ Morgan là một nhà nghiên cứu thuộc Viện nghiên cứu Ngôn ngữ Tín hiệu Anh. Ngôn ngữ tín hiệu là ngôn ngữ đầu tiên hoặc được sử dụng của khoảng 70.000 người điếc hoặc có vấn đề về thính giác ở Anh. Hàng nghìn người bình thường cũng sử dụng ngôn ngữ tín hiệu, ngôn ngữ không gian/hình ảnh sử dụng tay, cơ thể, mặt và đầu để truyền đạt ý nghĩa. Bài kiểm tra được thiết kế để kiểm tra liệu tôi có khả năng học từ vựng tín hiệu nhanh và dễ dàng như từ được viết hoặc nói. Trong khi thực hiện kiểm tra, một người có khả năng sử dụng ngôn ngữ tín hiệu ngồi đối diện với tôi qua một cái bàn tạo ra sáu mươi tám dấu hiệu khác nhau. Sau mỗi dấu hiệu tôi được đưa cho xem bốn hình tương ứng với dấu hiệu đó và yêu cầu chỉ ra hình phù hợp nhất với dấu hiệu vừa được xem. Ý nghĩa của các dấu hiệu thay đổi từ những từ tương đối đơn giản như ‘mũ’ tới khó hơn chỉ khái niệm như ‘nhà hàng’ và ‘nông nghiệp’. Tôi có thể xác định chính xác hai phần ba số dấu hiệu được xem. Thí nghiệm kết luận, tôi “có khuynh hướng tiếp thu ngôn ngữ tín hiệu rất tốt”. Hiện nay, các nhà nghiên cứu dự định dạy tôi Ngôn ngữ Tín hiệu Anh dùng một người hướng dẫn để so sánh khả năng tiếp nhận ngôn ngữ này của tôi so với các ngôn ngữ khác mà tôi biết.

Quốc tế ngữ là một dạng ngôn ngữ rất khác. Tôi đọc được từ Quốc tế ngữ nhiều năm trước trong một cuốn sách ở thư viện, nhưng chỉ sau khi mua chiếc máy tính đầu tiên tôi mới khám phá về nó nhiều

hơn. Điểm đặc biệt lôi cuốn tôi đến với ngôn ngữ này là từ vựng. Đó là sự pha trộn của nhiều ngôn ngữ khác nhau, chủ yếu là các ngôn ngữ châu Âu, còn ngữ pháp rất thống nhất và lôgic. Nhanh chóng, tôi *esperantigis* (trở thành một người nói Quốc tế ngữ) từ việc đọc trên mạng và viết thư cho những người nói Quốc tế ngữ khác trên khắp thế giới.

Ngôn ngữ này gọi là Esperanto (từ này có nghĩa là ‘người hy vọng’) do tiến sĩ Ludovic Larazus Zamehof, một bác sĩ mắt ở Bialystok nay là Ba Lan tạo nên. Ông công bố ngôn ngữ sáng tạo mới của mình lần đầu tiên vào năm 1887 và đại hội những người nói quốc tế ngữ được tổ chức lần đầu tiên tại Pháp năm 1905. Mục đích của Zamenhof là tạo ra ngôn ngữ chung dễ học nhằm củng cố sự hiểu biết lẫn nhau trên thế giới. Ngày nay, có khoảng từ 100.000 đến 1.000.000 người nói được quốc tế ngữ trên toàn thế giới.

Ngữ pháp của quốc tế ngữ có nhiều đặc điểm thú vị. Mỗi từ loại của ngôn ngữ này được đánh dấu bằng một hậu tố xác định: tất cả các danh từ đều có tận cùng là -o, tính từ -a, trạng ngữ là -e, động từ ở dạng nguyên dạng là -i. Ví dụ, từ *rapido* có nghĩa là ‘tốc độ’, *rapida* là ‘nhanh’, *rapide* là ‘nhanh nhẹn’ và *rapidi* là ‘vội vàng’.

Động từ không thay đổi theo chủ ngữ như trong các ngôn ngữ tự nhiên: *mi estas* (tôi là), *vi estas* (bạn là), *li estas* (anh ấy là), *-i estas* (cô ấy là), *ni estas* (chúng tôi là), *ili estas* (họ là). Thì quá khứ của các động từ luôn kết thúc bằng -is (*mi estis* – tôi đã là), thì tương lai bằng -os (*vi estos* – bạn sẽ là).

Nhiều từ trong quốc tế ngữ được hình thành nhờ sử dụng phụ tố – ví dụ từ kết thúc bằng -ejo chỉ ‘địa điểm’ như trong từ: *lernejo* (trường học), *infanejo* (nhà trẻ) và *trinkejo* (quán rượu). Một hậu tố thường được dùng nữa là -ilo, có nghĩa là ‘công cụ hoặc dụng cụ’ như trong các từ: *hakilo* (cái rìu), *flugilo* (cái cánh) và *sercilo* (công cụ tìm kiếm).

Có lẽ, đặc điểm nổi bật nhất của quốc tế ngữ là việc sử dụng tiền tố ‘mal-’ để chỉ điều ngược lại. Đặc điểm này được sử dụng rộng rãi: *bona* (tốt) - *malbona* (xấu), *rica* (giàu) - *malrica* (nghèo), *granda* (to) - *malgranda* (nhỏ), *dekstra* (phải) - *maldekstra* (trái), *fermi* (đóng) - *malfermi* (mở), *amiko* (bạn) - *malamiko* (thù).

Mặc dù, nói chung quốc tế ngữ không được khuyến khích sáng tạo từ và sử dụng thành ngữ, tuy nhiên một vài “từ lòng quốc tế ngữ” cũng tồn tại. Một người mới học quốc tế ngữ được gọi là *fresbakito* xuất phát từ tiếng Đức *frischgebacken* (nước tươi), trong đó từ quốc tế ngữ chuẩn là *komencanto* (người mới học). Một ví dụ khác về lối nói trại của quốc tế ngữ là *la necesejo* (nơi cần thiết) cho nhà tắm/nhà vệ sinh.

Tony Attwood, một nhà tâm lý học lâm sàng, tác giả của cuốn *Hội chứng bác học Asperger: Hướng dẫn cho cha mẹ và người có chuyên môn*, chỉ ra rằng, một vài người mắc hội chứng Asperger có khả năng tự tạo ra ngôn ngữ riêng của mình (...). Ông đưa ra ví dụ, một cô gái miêu tả mắt cá là ‘cổ tay của chân’ và những khối đá lạnh là ‘những cái xương của nước’. Tiến sĩ Attwood mô tả khả năng này là “một trong những khía cạnh đáng yêu và sáng tạo chân thật của hội chứng Asperger”. Sau khi hai cô em gái sinh đôi của tôi ra đời tôi tạo ra từ *biplets* để gọi chúng, vì biết rằng ‘xe đạp’ (bicycle) có hai bánh và ‘xe ba bánh’ (tricycle), và từ chỉ sinh ba là *trilets*. Một từ mới tôi tạo ra hồi nhỏ là từ *pramble* có nghĩa là ‘thong dong’ (tản bộ) với một đứa nhỏ trong xe đẩy (pram); đó là những cuộc tản bộ cha mẹ vẫn thường xuyên thực hiện.

Trong nhiều năm khi còn là một đứa trẻ, tôi quanh quẩn với việc tạo ra ngôn ngữ cho riêng mình cho quên đi nỗi cô đơn thường trực và tìm được niềm vui với ngôn từ. Đôi lúc, cảm xúc mạnh mẽ dâng trào hoặc bất gặp điều gì đó đẹp một cách đặc biệt, trong đầu tôi tự phát xuất hiện một từ mới mô tả sự kiện đó mà tôi không biết những

từ này đến từ đâu. Ngược lại, tôi cảm thấy ngôn ngữ của bạn bè cùng trang lứa tạo nên sự khó chịu và nhầm lẫn. Tôi thường bị trêu chọc vì nói những câu dài, cẩn thận và quá trang trọng. Khi tôi cố gắng sử dụng từ tự tạo khi nói chuyện để thể hiện điều gì đó mà tôi cảm thấy hoặc chứng kiến thì hiếm khi người nghe hiểu được. Cha mẹ không khuyến khích tôi “nói theo cách gây cười” như vậy.

Tôi vẫn luôn mơ đến một ngày nào đó tôi sẽ nói ngôn ngữ của chính mình mà không bị trêu chọc, quở trách và điều đó biểu lộ cái gì đó là chính mình. Sau khi ra trường tôi nhận ra rằng mình có thời gian để bắt đầu theo đuổi ý tưởng đó một cách nghiêm túc. Tôi viết ra những từ khi nó xảy ra với tôi và thí nghiệm chúng với những cách phát âm và tạo câu khác nhau. Tôi gọi ngôn ngữ của mình là ‘Mänti’ bắt nguồn từ một từ trong tiếng Phần Lan *mänty* có nghĩa là ‘cây thông’. Thông là loại cây phổ biến ở Bắc bán cầu và đặc biệt nhiều ở các vùng Scandinavia và vùng Baltic. Nhiều từ trong tiếng Mänti có nguồn gốc Scandinavia và Baltic. Còn một lý do khác cho việc lựa chọn tên cho ngôn ngữ này là: cây thông thường mọc cùng nhau với số lượng lớn và nó là biểu tượng cho tình bạn và tinh thần tập thể.

Mänti là ngôn ngữ vẫn đang được phát triển với ngữ pháp phát triển và có khoảng hơn một nghìn từ. Ngôn ngữ thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ – những người tin rằng nó có thể giúp cho việc hiểu hơn về khả năng ngôn ngữ của tôi.

Một trong những thứ tôi thích nhất ở ngôn ngữ là sự sáng tạo từ ngữ và ý tưởng mới. Tôi cố gắng tạo ra từ trong tiếng Mänti sao cho nó phản ánh mối liên hệ giữa những thứ khác nhau: ví dụ *hamma* (răng) và *hemme* (con kiến - côn trùng có thể cắn) và *rät* (dây) và *rätio* (đài radio). Một số từ có nhiều nghĩa có liên hệ với nhau; từ *puhu* có thể có nghĩa là ‘gió’, ‘thở’ hoặc ‘tinh thần’.

Trong tiếng Mänti từ ghép khá phổ biến: ví dụ *puhekello* (‘điện

thoại', nghĩa đen là 'chuông-nói'), *ilmalâv* ('máy bay', nghĩa đen "tàu không khí), *tontôô* ('nhạc', nghĩa đen 'nghệ thuật âm thanh') và *râtaô* ('quốc hội', nghĩa đen 'noi thảo luận').

Trong tiếng Mänti những khái niệm trừu tượng được xử lý theo nhiều cách. Một trong những cách đó là tạo nên một từ ghép để mô tả nó: như 'chậm chạp' hoặc 'muộn' được dịch sang là *kellokült* (nghĩa đen 'nợ-đồng hồ'). Một cách khác là dùng "cặp từ", cách thường gặp trong những ngôn ngữ Finno-Ugrian như tiếng Estonia. Cho một từ như 'bơ' tương ứng trong tiếng Mänti là *pîmat kermat* (kem sữa) và từ miêu tả 'đồ mặc dưới chân' là *koet saapat* (ủng giày).

Mặc dù tiếng Mänti rất khác với tiếng Anh, nhưng có khá nhiều từ người nói tiếng Anh có thể nhận ra: *nekka* ('neck' - 'cổ'), *kuppi* ('cup' - 'cái chén'), *purssi* ('wallet' - 'cái ví'), *nôôt* ('night' - 'đêm') và *pêpi* ('baby' - 'đứa bé').

Tiếng Mänti tồn tại như là cách biểu hiện mối liên hệ hữu hình thế giới nội tâm của tôi. Mỗi từ, tỏa sáng đầy màu sắc với nhiều họa tiết giống như một tác phẩm nghệ thuật. Khi tôi nghĩ hoặc nói tiếng Mänti, tôi cảm thấy như mình đang vẽ bức tranh bằng từ ngữ.



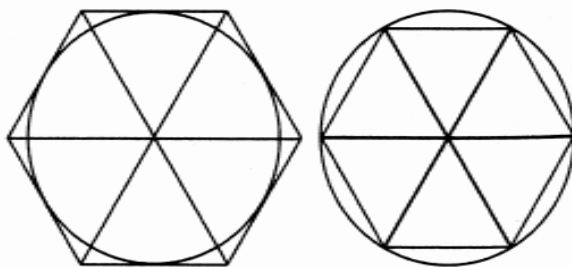
Một miếng số Pi lớn

LẦN ĐẦU TIÊN TÔI BIẾT VỀ SỐ PI NHỜ MÔN TOÁN từ hồi còn đi học. Số Pi – tỉ số giữa chu vi đường tròn và đường kính của nó – là số được nói đến nhiều nhất trong toán học; tên của nó là chữ thứ mười sáu (π) trong bảng chữ cái tiếng Hy Lạp, ký hiệu này do nhà toán học Euler đặt vào năm 1737. Ngay lập tức, tôi bị hấp dẫn bởi số pi. Tôi tìm học các số thập phân của nó trong nhiều cuốn sách ở thư viện, đến mức thuộc đến hàng trăm chữ số thập phân của nó. Cho đến cuối năm 2003, nhận được cú điện cha gọi, cuối cuộc nói chuyện cha nhắc tôi rằng đã hai mươi năm trôi qua từ hồi tôi bị cơn động kinh cuối cùng thời thơ ấu. Ông nói, tôi nên tự hào về những tiến bộ đã đạt được từ đó đến nay. Sau đó, tôi nghĩ rất lâu về những điều cha nói và đi đến quyết định phải làm một cái gì đó để chứng tỏ rằng những cơn động kinh hồi nhỏ đã không kìm hãm tôi. Ngay cuối tuần đó tôi liên lạc với phòng gây quỹ của Hội Động kinh Quốc gia, một tổ chức từ thiện hỗ trợ cộng đồng người bị động kinh lớn nhất Vương quốc Anh. Kế hoạch của tôi giúp gây quỹ cho tổ chức này là học càng nhiều các chữ số của số pi đến hết sức có thể, theo đúng thứ tự, trong ba tháng, trước khi

đọc thuộc trước công chúng vào ngày 14 tháng Ba – Ngày quốc tế số Pi (14 tháng Ba được viết 3/14 theo cách của người Mỹ) – đó cũng là ngày sinh nhật của Einstein. Hội rất ủng hộ ý tưởng của tôi và gọi ý rằng tôi nên cố gắng phá kỷ lục châu Âu, do đó mục tiêu nhỏ được ít nhất 22.500 số được thiết lập. Khi tôi bắt đầu học số, người phụ trách gây quỹ của hội, Simon Ekless, chuẩn bị cho buổi thực hiện đọc lại số tại tòa nhà Ashmolean, Bảo tàng Lịch sử Khoa học của Oxford, ở đó, bên cạnh nhiều hiện vật trưng bày còn có một trong những chiếc bảng đen của Albert Einstein.

Pi là số vô tỉ, số không thể được biểu diễn một cách đơn giản là tỉ số của hai số nguyên. Nó cũng là số vô hạn: các con số sau dấu thập phân cứ kéo dài mãi không bao giờ dừng. Vì vậy, không ai có thể viết số pi một cách chính xác được, thậm chí nếu họ có tờ giấy lớn như vũ trụ để viết cũng không thể. Vì lý do đó, những tính toán liên quan đến số pi đều dùng giá trị xấp xỉ của nó, ví dụ như $22 \div 7$ hoặc $355 \div 113$. Số pi xuất hiện nhiều trong toán học, không chỉ trong những tính toán liên quan đến hình tròn và hình cầu. Ví dụ, nó xuất hiện trong phân bố số nguyên tố và trong xác suất một cái kim rơi xuống và cắt một trong các đường thẳng của một tập hợp các đường thẳng song song. Số pi cũng xuất hiện như là tỉ số trung bình giữa độ dài thực và khoảng cách trực tiếp giữa nguồn và cửa sông của một con sông uốn khúc.

Những giá trị của số pi thu được sớm nhất chủ yếu nhờ đo đạc. Có bằng chứng tốt chứng minh rằng người Ai Cập cổ đã sử dụng $4(8/9)^2 = 3,16$ là giá trị của số pi. trong khi người Babylon sử dụng xấp xỉ $3 + 1/8 = 3,125$. Nhà toán học Hy Lạp cổ Archimedes của vùng Syracuse đưa ra tính toán lý thuyết đầu tiên giá trị số pi khoảng năm 250 trước công nguyên. Ông xác định giới hạn trên và dưới của số pi bằng cách tìm chu vi của các hình đa giác nội tiếp, có chu vi nhỏ hơn chu vi



đường tròn (Hình 1), và ngoại tiếp, có chu vi lớn hơn chu vi đường tròn (Hình 2).

Bằng việc tăng gấp đôi số cạnh của hình lục giác thành các đa giác có mười hai cạnh, sau đó là hai mươi tư và bốn mươi tám cạnh và cuối cùng là đa giác chín mươi sáu cạnh, Archimedes làm cho hai chu vi của đa giác nội và ngoại tiếp tiến gần đến độ dài chu vi đường tròn, bằng cách đó ông thu được xấp xỉ giá trị của số pi. Ông tính được rằng số pi nhỏ hơn $3^{1/7}$ nhưng lớn hơn $3^{10/71}$. Chuyển sang ký hiệu thập phân nó có giá trị giữa 3,1408 và 3,1429 (làm tròn đến bốn số sau dấu thập phân), giá trị này rất gần với giá trị thực của số pi là 3,1416.

Thời Trung cổ, nhà toán học người Đức Ludolph van Ceulen đã dành phần lớn thời gian cuộc đời tính toán giá trị số của số pi, sử dụng phương pháp cơ bản giống với phương pháp của Archimedes 1.800 năm trước. Năm 1596, ông đưa ra giá trị của số pi chính xác đến 20 số trong cuốn sách *Van den Circkel* (Về đường tròn) sau đó ông mở rộng ra 35 số. Sau khi ông chết, những con số này được khắc lên tấm bia mộ của ông.

Các nhà toán học sau đó, trong đó có cả Isaac Newton và James Gregory, đã phát triển những thuật toán mới để cải tiến việc tính toán giá trị số pi. Năm 1873, một người Anh, William Shanks, công bố tính toán về số pi với 707 số. Ông đã phải mất hơn 15 năm để tính toán,

trung bình một tuần một số. Thật không may, những năm 1940, khi kiểm tra sử dụng máy tính cơ học người ta phát hiện ra ông đã mắc lỗi ở số thứ 528, do đó tất cả các con số sau vị trí đó đều sai.

Với sự tiến bộ của máy tính hiện đại, số pi có thể tính tới giá trị với độ chính xác lớn hơn nhiều so với trước đây. Tính toán số pi sử dụng máy tính đầu tiên được thực hiện năm 1949 tại ENIAC (Tích phân số điện tử và máy tính) – một cái máy khổng lồ nặng 30 tấn và có kích cỡ như một cái nhà nhỏ – nó tính toán số pi tới 2.037 số trong bảy mươi giờ. Sau đó, những cải tiến nhanh chóng trong công nghệ máy tính đã giúp các nhà nghiên cứu tính số pi với những con số càng ngày càng tăng. Năm 2002, nhà khoa học máy tính Yasumasa Kanada và các đồng nghiệp tại Trung tâm Công nghệ Thông tin Tokyo đã tính số pi với hơn một tỉ số sau dấu thập phân.

Năm tháng qua, nhiều người hứng thú với số pi đã cố gắng nhớ một phần trong chuỗi số vô hạn của nó. Phương pháp phổ biến nhất sử dụng câu và thậm chí người ta đã sáng tác ra cả những bài thơ được lựa chọn từ một cách cẩn thận với số chữ cái tượng trưng cho các số liên tiếp của số pi. Có lẽ, ví dụ nổi tiếng nhất là trong bài thơ sau, do nhà toán học Anh, Ngài James Jeans sáng tác:

How I want a drink, alcoholic of course, after heavy lectures involving
quantum mechanics!

Ở đó từ 'How (từ cảm thán)' = 3 (có ba chữ cái) và 'I (tôi)' 1 và 'want (muốn)' 4, cả câu được dịch thành 3,14159265358979, đó là số pi với 14 số sau dấu thập phân.

Một ví dụ khác (lần đầu tiên xuất bản năm 1905) cho số pi với 30 chữ số thập phân:

*Sir, I send a rhyme excelling
In sacred truth and rigid spelling
Numerical sprites elucidate
For me the lexicon's dull weight
If Nature gain
Not you complain,
Tho' Dr Johnson fulminate.*

Thách thức những nhà văn như vậy phải đối mặt là làm sao miêu tả được số 0, số 0 đầu tiên xảy ra ở vị trí thứ ba mươi hai sau dấu thập phân. Một giải pháp có thể là dùng dấu câu, dấu chấm chẳng hạn. Một cách khác là sử dụng từ có mười chữ cái. Một vài nhà văn sử dụng từ dài hơn cho hai số liền nhau. Ví dụ, từ có mười một chữ cái ‘calculating (tính toán)’ có thể có nghĩa là 1 và số tiếp theo là 1.

Khi nhìn vào chuỗi số, đầu tôi bắt đầu điền đầy bởi màu sắc, hình vẽ và họa tiết, đan xen vào nhau một cách tự phát hình thành nên những bức tranh có thể nhìn thấy được. Với tôi, những bức tranh này luôn rất đẹp; khi còn nhỏ tôi thường dành hàng giờ đồng hồ liên khám phá những bức tranh được tạo bởi những con số trong đầu. Để nhớ lại mỗi số, tôi chỉ phải hồi tưởng lại những hình và họa tiết khác nhau trong đầu và đọc số ra từ đó.

Với những số rất dài, như số pi, tôi chia những chữ số của nó thành những phần nhỏ. Kích cỡ của mỗi phần thay đổi, phụ thuộc vào các số của nó. Ví dụ, nếu, trong đầu tôi, có một số rất sáng và số tiếp theo rất tối, tôi có thể dễ dàng nhìn thấy chúng tách biệt nhau, còn nếu một số có hình dạng tron nhẵn và số tiếp theo cũng vậy thì tôi sẽ nhớ chúng cùng nhau. Khi các con số nhiều lên, bức tranh số cũng trở nên phức tạp hơn và có nhiều lớp, cho đến khi – như với số pi – chúng giống như cả một đất nước được cấu tạo bởi các con số.

Dưới đây là hình tôi nhìn thấy hai mươi số đầu tiên của số pi:



Bức tranh số của nó ban đầu có hướng đi lên, sau đó tối lại và trở nên gập gềnh ở giữa trước khi uốn cong và uốn khúc hướng xuống.

Và đây là hình dáng, tôi nhìn thấy, 100 số đầu tiên của số pi:



Tại điểm cuối mỗi đoạn số, hình dạng số thay đổi và xuất hiện hình dáng, màu sắc và họa tiết mới. Quá trình này tiếp diễn cho đến con số cuối cùng của số mà tôi có thể nhớ được.

Đoạn số nổi tiếng nhất của số pi là điểm Feynman, bao gồm các số từ vị trí 762 đến 767 sau số thập phân của nó: ...999999... Nó được đặt tên theo tên của nhà vật lý Richard Feynman vì phát biểu của ông rằng ông muốn nhớ càng nhiều chữ số của số pi càng tốt cho đến lúc khi đọc chúng lên ông có thể kết thúc bằng: “... chín, chín, chín, chín, chín, chín, và vân vân”. Tôi nhìn thấy Điểm Feynman rất đẹp; đó là một quãng sáng xanh đậm, dày, bí ẩn.

Có một đoạn số đẹp tương tự như vậy bao gồm những số từ vị trí thứ 19.437 đến 19.453 của số pi: ... 99992128599999399..., ở đoạn này số chín lặp lại bốn lần liên tiếp và rất nhanh sau đó nó lặp lại năm lần và hai lần nữa; mười một lần tất cả trên tổng 17 số. Đó là đoạn số yêu thích của tôi trên tổng số hơn 22.500 số của số pi mà tôi học.

Tôi bắt đầu nghiên cứu số pi từ tháng Mười hai năm 2003, có ba tháng để học và nhớ tất cả các con số (22.500+) cần thiết để lập kỷ lục. Vấn đề đầu tiên tôi gặp phải là tìm đâu ra số pi với nhiều chữ số như vậy: hầu hết trong các cuốn sách cũng chỉ đưa ra vài chục cho đến vài trăm số là cùng. Internet có thể trả lời cho câu hỏi đó, mặc dù vậy tôi đã phải tìm kiếm rất nhiều. Hầu hết các trang web cũng chỉ cung cấp tới hàng nghìn hoặc vài nghìn số. Cuối cùng, Neil tìm được trang web của siêu máy tính Tokyo chứa các tệp lưu trữ hàng triệu chữ số của số pi. Những tệp này sau đó đã trở thành nguồn số liệu cho kỷ lục của tôi.

Neil in số pi lên các mặt giấy A4, anh in 1.000 số trên một trang để thuận tiện hơn cho việc nghiên cứu của tôi. Con số sau đó lại được ngắt thành các “câu” mỗi câu 100 số để có thể càng dễ đọc càng tốt và để giảm thiểu nguy cơ đọc nhầm hoặc học nhầm vài trong số chúng.

Không phải ngày nào tôi cũng nghiên cứu số. Có ngày tôi có thể quá mệt hoặc không ngủ được nên ngồi và học được bất cứ thứ gì. Nhưng ngoài những lúc như vậy tôi lại có thể vui mình vào những con số, hấp thụ được hàng trăm số mỗi lần ngồi. Neil chú ý thấy rằng khi tôi học các con số, cơ thể tôi trở nên căng thẳng và rung động – tôi có thể đứng đưa về phía trước, ra đằng sau ở trên ghế hoặc dùng các ngón tay kéo môi liên tục. Những lúc đó, anh cảm thấy gần như không thể nói hoặc tương tác với tôi, như thể tôi đang ở thế giới khác.

Thời gian mỗi lần học của tôi thường không dài (khoảng một tiếng hoặc ít hơn) vì sự tập trung của tôi dao động rất lớn. Tôi chọn những phòng yên tĩnh nhất phía sau nhà để học các con số vì thậm chí những tiếng động nhỏ nhất cũng có thể làm tôi không thể nào tập trung được. Đôi lúc, tôi ấn ngón tay vào tai để không nghe thấy tiếng ồn bên ngoài. Trong khi học, tôi thường đi thành đường tròn quanh phòng, đầu cúi và mắt nửa mở, làm như vậy tôi có thể giữ được tập trung. Những lúc khác, tôi ngồi vào chiếc ghế tựa, nhắm chặt mắt và hình dung lại những cảnh số, đường nét, màu sắc và họa tiết của chúng.

Buổi trình diễn trước công chúng là nói chứ không phải viết nên tập luyện đọc to để người khác có thể nghe được rất quan trọng. Mỗi tuần một lần, tôi đứng hoặc đi lại, đọc to chuỗi số đã nhớ được ngày càng tăng còn Neil cầm một hoặc nhiều tờ giấy trước mặt để kiểm tra. Ban đầu, tôi cảm thấy rất khó khăn, giọng gào khi đọc mặc dù tôi nhìn thấy rất rõ các số đã học, và trong lần đầu tiên đọc trước mặt Neil tôi cảm thấy ngại và phạm nhiều lỗi. Điều đó làm tôi khá nản lòng và lo lắng, làm sao có thể vượt qua thử thách này khi phải đọc cả một chuỗi số trước đám đông khán giả. Như mọi khi, Neil kiên nhẫn với tôi và làm tôi yên tâm – anh hiểu tại sao tôi cảm thấy khó khăn khi đọc to các số và anh động viên tôi thư giãn, tiếp tục tập luyện.

Nhờ tập luyện, tôi có thể đọc lại số liên tục, dễ dàng hơn và sự tự tin cũng tăng lên khi ngày trình diễn trước công chúng đến gần. Vì số lượng số ngày càng lớn nên không thể đọc lại trước mặt Neil tất cả các số mỗi lần được, vì vậy chúng tôi quyết định mỗi tuần tôi sẽ thực hành đọc các phần khác nhau của số pi với Neil. Những lúc khác, tôi tự đọc to một mình khi ngồi hoặc đi lại quanh nhà cho đến khi bức tranh số trong đầu trở nên mịn và thống nhất.

Để giúp cho việc gây quỹ được biết đến một cách rộng rãi, tổ chức từ thiện lập ra một trang web. Trang web nhận được sự đóng góp và những lời động viên từ mọi nơi trên thế giới. Ví dụ, một trong những quyền góp đến từ một lớp học của một trường học ở thủ đô Warsaw, Ba Lan. Tổ chức từ thiện cũng gửi đi một thông cáo báo chí, trong khi Neil và tôi tiếp nhận quyền góp từ bạn bè và gia đình. Một người hàng xóm khi biết về sự kiện đã kể cho tôi về bệnh động kinh của con gái ông và tỏ ra hết sức khâm phục vì những việc tôi đang làm. Nhận được những lời động viên như vậy, cũng như những tấm bưu thiếp và thư chúc may mắn thực sự đem lại cho tôi niềm cảm hứng vô bờ.

Cuối tuần của tuần xảy ra sự kiện, thứ Bảy ngày 13 tháng Ba, Neil lái xe chở hai người đến Oxford để chuẩn bị cho buổi đọc lại số pi vào ngày hôm sau. Mặc dù đã hoàn thành việc học số cách đó vài tuần nhưng tôi vẫn rất lo lắng về khả năng thành công khi thể hiện trước công chúng. Chúng tôi nghỉ tại một nhà nghỉ gần bảo tàng. Tôi cố gắng hết mức để ngủ nhưng không dễ chút nào vì tôi vẫn liên tục nghĩ và lo lắng về điều có thể xảy đến ngày hôm sau. Cuối cùng, tôi cũng ngủ được và mơ thấy mình bước đi giữa những khung cảnh của số pi – ít nhất ở đây tôi cảm thấy bình yên và tự tin.

Sáng hôm sau, cả hai chúng tôi đều dậy sớm. Tôi không phải là người duy nhất cảm thấy lo lắng vì Neil cũng phàn nàn rằng anh bị rút ruột vì căng thẳng. Chúng tôi ăn sáng cùng nhau sau đó đi đến bảo tàng. Đó là lần đầu tiên tôi đến Oxford. Tôi rất hào hứng ngắm nhìn thành phố, một thành phố nổi tiếng với Đại học của mình (đại học lâu đời nhất của thế giới những người nói tiếng Anh), đồng thời được biết đến là “thành phố xoáy ốc ước mơ” để nói đến kiến trúc của các tòa nhà của đại học. Chúng tôi đi qua nhiều con đường sỏi hẹp và dài cho đến khi đến đích.

Bảo tàng Lịch sử Khoa học, nằm trên Broad Street, là tòa nhà bảo tàng lâu đời nhất trên thế giới còn nguyên dạng như khi xây dựng. Được xây dựng năm 1683, Lịch sử Khoa học là bảo tàng đầu tiên trên thế giới mở cửa tới công chúng. Bên cạnh bộ sưu tập khoảng 15.000 hiện vật có niên đại từ thời cổ xưa cho đến đầu thế kỷ hai mươi, là bộ sưu tập đa dạng những thiết bị toán học thời xưa dùng cho tính toán, thiên văn, hàng hải, khảo sát và vẽ.

Khi lái xe đến bãi đỗ đối diện với bảo tàng, chúng tôi đã nhìn thấy nhân viên của bảo tàng, nhà báo, nhà quay phim và các nhà tổ chức sự kiện của hội từ thiện, tất cả, đều đang chờ chúng tôi đến từ bên

ngoài. Khi tôi bước ra khỏi xe, Simon, quản lý gây quỹ của hội, bước đến, bắt tay rất chặt và hỏi cảm giác tôi thế nào. Tôi trả lời rằng tôi cảm thấy ổn. Tôi được giới thiệu tới những người khác và sau đó được mời ngồi trên bậc thang dẫn vào tòa nhà để chụp một vài bức ảnh. Bậc thang lạnh và ẩm khiến tôi phải cố gắng trấn tĩnh.

Bên trong tòa nhà, căn phòng, nơi tôi sẽ đọc số pi, khá dài, tối, có nhiều hộp kính chứa hiện vật triển lãm điền đầy từ đầu này đến đầu kia của phòng. Cạnh một mặt tường có một cái bàn và một cái ghế nhỏ cho tôi ngồi. Từ đó, tôi có thể nhìn thẳng đến cái bảng đen của Einstein trên bức tường đối diện. Cách chỗ tôi ngồi không xa, có một cái bảng dài hơn, trên đó có nhiều giấy đầy các con số và một chiếc đồng hồ số. Ngồi quanh bàn là những giảng viên khoa toán của một đại học gần đó, Đại học Oxford Brookes, những người tình nguyện kiểm tra khi tôi đọc. Nhiệm vụ của họ là kiểm tra trong suốt quá trình tôi đọc và đảm bảo sự chính xác tuyệt đối với những con số trên các trang giấy trước mặt họ. Chiếc đồng hồ sẽ được bấm khi tôi bắt đầu đọc, như vậy những khách tham dự có thể biết tôi đã đọc được bao lâu. Sự kiện đã được thông báo cho báo chí địa phương và ban tổ chức cũng dán áp phích bên ngoài tòa nhà để thu hút những người đi qua tham dự sự kiện. Trong phòng, các thành viên của hội cũng đã chuẩn bị những cuốn sách thông tin nhỏ và hộp để mọi người bỏ tiền quyền góp.

Neil vẫn rất căng thẳng, đến nỗi cảm thấy không ổn, nhưng anh vẫn quyết tâm ở lại để cổ vũ tôi và sự có mặt của anh làm tôi rất yên tâm. Sau khi chụp thêm vài bức ảnh trong phòng, tôi ngồi xuống ghế dành cho mình và để một vài thứ mang theo lên bàn, một vài chai nước uống khi cảm thấy khô họng, sôcôla và chuối để cung cấp năng lượng trong khi đọc. Khi Simon yêu cầu mọi người giữ yên lặng, tôi sẵn sàng bắt đầu thì anh bấm đồng hồ vào lúc mười một giờ năm phút.

Tôi bắt đầu đọc những số đầu tiên quen thuộc của số pi, phong cảnh số trong đầu hiện lên và thay đổi khi tôi đọc. Trong khi đó những người kiểm tra lướt qua mỗi số khi nó được đọc lên. Có khoảng khắc căn phòng gần như yên lặng hoàn toàn, ngoại trừ thỉnh thoảng có một vài tiếng ho hoặc tiếng di chuyển của một ai đó từ chỗ này đến chỗ khác. Những tiếng ồn đó không làm tôi phiền lòng vì khi đọc tôi cảm thấy mình chìm trong dòng chảy của màu sắc, đường nét, họa tiết và chuyển động, cho đến khi tôi được bao bọc bởi những phong cảnh số của mình. Nhịp đọc của tôi trở nên gần như có giai điệu, mỗi nhịp thở theo sau bởi các con số và sau đó bỗng dưng tôi nhận ra rằng tôi hoàn toàn bình tĩnh như trong giấc mơ tối hôm trước. Tôi hoàn thành một nghìn số đầu tiên trong khoảng hơn mười phút. Tôi mở một trong những chai nước mang theo, uống một chút và tiếp tục đọc.

Dần dần, người tham dự đến đầy phòng, họ đứng cách tôi vài mét và quan sát trong yên lặng khi tôi đọc. Mặc dù, tôi đã rất lo lắng khi đọc trước đám đông nhưng cuối cùng tôi hầu như không để ý đến họ vì tất cả suy nghĩ của tôi chìm đắm theo nhịp điệu dòng chảy số liên tục. Duy nhất một sự ngắt quãng đáng kể mà tôi nhớ là khi điện thoại di động của ai đó kêu. Lúc đó tôi dừng đọc, đợi hết tiếng ồn và tiếp tục đọc.

Luật của sự kiện không cho phép tôi nói chuyện hoặc tương tác với ai trong suốt quá trình đọc. Theo lịch có nghỉ giải lao ngắn khi đọc, khi đó tôi ăn sôcôla và một quả chuối. Để giữ được sự tập trung khi nghỉ, tôi bước từ đầu này đến đầu kia căn phòng, đi đi lại lại sau ghế, đầu cúi nhìn xuống sàn, tránh những cái nhìn của người xem. Ngồi liên tục trên ghế khó khăn hơn tôi nghĩ vì thế tôi nhúc nhích rất nhiều. Khi đọc, tôi lắc lư đầu hoặc để tay lên đầu hoặc nhắm mắt lắc nhẹ thân.

Tôi đạt đến con số thứ 10.000 khoảng lúc một giờ mười lăm chiều,

chỉ hơn hai tiếng từ khi bắt đầu. Sau vài tiếng, càng lúc tôi càng cảm thấy mệt và thấy những cảnh số mờ đi khi sự mệt mỏi đến. Trước đó, tôi đã không đọc hết các số liên tục một lần như vậy và tôi hy vọng không quá mệt đến nỗi không thể hoàn thành được kế hoạch.

Gần cuối có một thời điểm nhất thời tôi cảm thấy có lẽ không thể tiếp tục được nữa. Đó là thời điểm sau khi đạt đến 16.600 số, trong một khoảnh khắc, tâm trí tôi trở nên trống rỗng: không hình, không màu, không họa tiết, không gì cả. Trước đây, tôi chưa bao giờ trải qua cảm giác như vậy, như thể tôi đang nhìn vào một lỗ đen. Tôi nhắm chặt mắt, hít sâu vài hơi, sau đó tôi cảm thấy một sự kích thích trong đầu và từ sự tối tăm màu sắc bắt đầu chảy lại và tôi lại tiếp tục đọc như trước.

Đến giữa buổi chiều, cuối cùng tôi cũng tiến gần đến chặng cuối của cuộc du ngoạn số. Tôi cảm thấy kiệt sức sau năm tiếng và vui mừng khi nhìn thấy đoạn kết. Tôi cảm thấy như thể đã chạy ma-ra-tông trong đầu. Chính xác, lúc bốn giờ mười lăm, giọng nói của tôi vang lên với niềm vui sướng, đọc những con số cuối cùng: “67657486953587” và ra hiệu rằng đã kết thúc. Tôi đã đọc lại bằng trí nhớ 22.514 chữ số của số pi không mắc lỗi nào trong 5 tiếng 9 phút và lập kỷ lục mới ở nước Anh và châu Âu. Khán giả trong khán phòng vỗ tay rầm rập, Simon chạy lại và làm tôi ngạc nhiên với một cái ôm. Sau khi gửi lời cảm ơn đến hội đồng kiểm tra đã giám sát suốt buổi đọc số pi này, tôi được mời ra ngoài chụp thêm ảnh và nhận ly sâm-panh đầu tiên trong đời.

Phản ứng tiếp theo của giới truyền thông về sự kiện lớn hơn nhiều so với mong đợi của tôi và hội từ thiện, họ coi đó là một hiện tượng. Những tuần sau đó, nhiều báo và đài đến phỏng vấn tôi, trong đó có chuyên mục Dịch vụ Thế giới của BBC và có cả các đài từ rất xa như Canada và Australia.

Một trong những câu hỏi phổ biến nhất tôi được hỏi trong các cuộc phỏng vấn là: Tại sao tôi lại học một số với số thập phân nhiều đến vậy? Câu trả lời của tôi lúc đó cũng như bây giờ là với tôi số pi là một thứ cực kỳ đẹp và duy nhất tuyệt đối. Giống như nàng *Mona Lisa* hoặc một bản giao hưởng của Mozart, chính số pi là lý do khiến tôi yêu nó.



Gặp gỡ Kim Peek

SAU KỶ LỤC ĐỌC SỐ PI TỪ TRÍ NHỚ, giữa sự sẵn đón của các phương tiện truyền thông cho các cuộc phỏng vấn và bài viết, một kênh truyền hình lớn của Anh đề nghị tôi thực hiện một bộ phim tài liệu dài khoảng một tiếng, xoay quanh câu chuyện của mình để trình chiếu tại Anh và Mỹ vào năm sau. Các nhà sản xuất chương trình đã rất ấn tượng khi xem cảnh tôi lập kỷ lục tại Oxford và đặc biệt về khả năng đối phó tốt của tôi với giới truyền thông và công chúng. Họ dự định trong cùng năm đó sẽ sang Mỹ làm phim về Kim Peek, một người có hội chứng bác học. Kim là nguồn cảm hứng đời thực của nhân vật chính trong bộ phim *Người đàn ông trong mưa* (Rain man). Các nhà làm phim tin rằng, là một người có hội chứng bác học giống Kim nhưng có thể nói rõ về những trải nghiệm của mình sẽ làm tôi trở thành tâm điểm của bộ phim. Ngoài việc được gặp gỡ trực tiếp với Kim, tham gia chương trình cũng là cơ hội để tôi có thể gặp các nhà khoa học, nhà nghiên cứu hàng đầu thế giới của Anh và Mỹ về hội chứng bác học. Đó dường như là cơ hội của đời tôi.

Mặc dù rất lo lắng nhưng tôi vẫn đồng ý tham gia chương trình. Đã năm năm rồi tôi chưa hề đi đâu ra khỏi nước Anh (thậm chí trong

thời gian đó, rất hiếm khi tôi đi ra khỏi thành phố nơi mình sống). Nghĩ đến cảnh phải xa nhà vài tuần, đi lại và quay phim làm tôi nhụt chí. Tôi lo lắng liệu mình có thể đối mặt được với lịch đi lại khắt khe mà không có những thói quen đếm và sinh hoạt hàng ngày của mình không. Tôi chưa bao giờ đến Mỹ (mặc dù có thể nhớ các ngày tháng liên quan, tên đệm và nguồn gốc đảng phái của tất cả các tổng thống Mỹ từ McKinley trở đi). Tôi lo lắng không biết sẽ cảm thấy thế nào: điều gì xảy ra nếu nó quá lớn, quá lấp lánh, quá ồn ào với tôi? Điều gì xảy ra nếu tôi cảm thấy bị lấn át và sợ hãi trên đất nước rộng lớn đó khi ở cách ngôi nhà thân yêu của mình hẳn một đại dương?

Gia đình, Neil và tôi lo nhất việc tôi phải di chuyển liên tục, từ ngày này qua ngày khác, từ chỗ này đến chỗ khác. Dù ủng hộ nhưng họ thúc giục tôi phản ánh lại nỗi lo đó với đoàn làm phim. Những lần nói chuyện với họ làm tôi yên tâm rằng sẽ luôn được đảm bảo không bao giờ bị để một mình ở nơi công cộng (nơi có thể bị lạc) và rằng tôi sẽ không phải đóng phim mà họ sẽ quay những sự kiện như nó diễn ra.

Đoàn làm phim đề ra một kế hoạch đầy tham vọng: chúng tôi sẽ đi zig-zác từ bờ biển này đến bờ biển kia trong hai tuần với những điểm dừng tại San Diego, California và Salt Lake City (Utah). Họ nhanh chóng đặt tên cho bộ phim là *Brainman* – cách chơi chữ theo bộ phim của Dustin Hoffman – ban đầu tôi không thích cái tên đó lắm nhưng sau đó cảm thấy cũng chấp nhận được.

Một tuần trước chuyến đi, tôi mới gặp đoàn làm phim lần đầu tiên vào tháng Bảy năm 2004. Họ rất thân thiện, điều đó làm tôi cảm thấy thoải mái. Toby, người quay phim bằng tuổi tôi. Mọi người đều rất hào hứng – đây là một chương trình hoàn toàn khác, đoàn làm phim chưa bao giờ làm phim kiểu này, thậm chí họ không biết chắc điều gì sẽ xảy ra. Tôi cũng cảm thấy rất hào hứng, một phần vì thấy họ hào hứng và phần khác vì thấy xúc động với những hành động và phản

ứng tích cực của những người quanh mình. Tôi cảm thấy vui. Một cuộc phiêu lưu mới bắt đầu.

Tôi hoàn thành việc đóng gói hành lý đêm trước chuyến bay, trong đó bao gồm: một áo khoác, hai đôi giày, bốn áo len, ba cái quần soóc, ba cái quần dài, tám áo thun, mười một đôi tất, quần trong, một tuýp kem đánh răng mới, bàn chải đánh răng điện, chất tẩy rửa, những loại dầu cần thiết, sữa tắm và dầu gội đầu. Neil mua cho tôi một chiếc điện thoại di động để chúng tôi có thể liên lạc với nhau. Vì công việc nên anh không thể đi cùng tôi được. Tôi để điện thoại trong túi quần phải, thị thực, vé máy bay và ví trong túi trái.

Neil chở tôi đến sân bay và ôm tôi trước khi chia tay. Đó là lần đầu tiên chúng tôi phải xa nhau trong suốt ba năm rưỡi. Mặc dù vậy, tôi vẫn không nhận ra mình nên thể hiện chút tình cảm gì đó với Neil, cái ôm của anh làm tôi hoảng hốt. Trong sân bay, có nhiều người mang theo hành lý. Họ đi đi lại lại và bắt đầu làm tôi cảm thấy lo lắng. Tôi đếm số người trong hàng chờ và cảm thấy ổn hơn. Đoàn làm phim đã đến từ trước. Chúng tôi cùng nhau đi vào khu vực chờ và sau đó lên máy bay.

Hôm đó là một ngày hè tiêu biểu, trời trong xanh, nắng ấm. Máy bay bay lên cao, từ ghế ngồi, tôi nhìn ra ngoài cửa sổ khi trời xanh biến mất đằng sau những đám mây. Cơ trưởng thông báo: tới Sân bay Quốc tế Los Angeles sẽ mất mười một tiếng. Mỗi khi ai đó đưa ra ước tính về thời gian, tôi lại hình dung trong đầu một dải bột nhào trải trên bàn, đó là khái niệm của tôi về một tiếng đồng hồ. Ví dụ, tôi có thể hiểu thời gian một cuộc đi bộ ba mươi phút bằng cách tưởng tượng dải bột nhào cuộn lại một nửa độ dài của nó trên chiếc bàn tưởng tượng. Nhưng mười một tiếng là một quãng thời gian dài chưa từng có với tôi và tôi không thể hình dung khoảng thời gian đó trong đầu được. Điều đó làm tôi rất lo lắng, tôi phải nhắm chặt mắt sau đó mở ra từ từ và nhìn xuống chân cho đến khi cảm thấy bình tĩnh hơn.

Tôi thích được chuẩn bị tinh thần cho những sự kiện sắp diễn ra, tập dượt những khả năng hoặc thứ tự sự kiện khác nhau trong đầu vì tôi sẽ cảm thấy không thoải mái khi có việc xảy ra đột ngột hoặc không theo dự tính. Tôi biết rằng sẽ có thời điểm tiếp viên sẽ đến và hỏi (ví dụ về chọn lựa đồ ăn) vì vậy tôi tưởng tượng ra cảnh người tiếp viên đứng cạnh và nói chuyện với tôi. Trong tâm trí, tôi tưởng tượng mình rất điềm tĩnh và đối đáp một cách dễ dàng.

Hai tay tôi liên tục sờ lên túi quần kiểm tra đến lần thứ một trăm để chắc chắn rằng điện thoại di động nằm ở túi phải còn thì thực và ví ở túi trái. Khi nghe thấy tiếng xe đẩy lạch cạch tiến lại chỗ ngồi, tôi cảm thấy càng lúc càng căng thẳng và thận trọng. Tôi cẩn thận lắng nghe một vài đoạn hội thoại của các tiếp viên với hành khách khác để biết họ sẽ nói gì. Tôi đã lựa chọn sẵn món ăn trong đầu: gà và món hầm ăn với bánh bao. Xe đẩy đến và đi suôn sẻ. Và tôi đã có một sự lựa chọn tốt.

Trong suốt chuyến bay, tôi vẫn rất lo lắng nên không thể ngủ được. Thay vào đó tôi đọc cuốn tạp chí của hãng hàng không và nghe nhạc. Cuối cùng, khi máy bay hạ cánh, trong tôi xuất hiện một cảm giác như vừa đạt được một thành tựu: Tôi đã làm được điều đó. Đầu đau, tay và chân tê cứng nhưng tôi đã ở Mỹ.

Ngoài sân bay, thời tiết ẩm và trời trong hơn khi ở London. Tôi chờ đợi trong khi trưởng đoàn làm phim hỏi thuê một chiếc ô tô. Khi xe đến, cả đoàn chất hành lý, các hộp chứa đầy máy quay và thiết bị ghi hình vào sau xe. Cảnh tượng đó giống như trò chơi xếp hình. Sau vài lần thử, cuối cùng họ cũng sắp xếp vừa mọi thứ. Chúng tôi đến San Diego và ở một khách sạn gần biển. Mặc dù kiệt sức nhưng mọi người vẫn nói với tôi rằng ngày hôm sau chúng tôi phải bắt đầu làm việc từ sớm. Về phòng mình tôi đánh răng theo phương pháp y học,

rửa mặt với một số (năm) loại nước rửa mặt hàng ngày tại bồn rửa và đặt chuông dậy lúc 4:30 sáng trước khi lên giường và chìm sâu – ngay lập tức – vào giấc ngủ.

Khi tiếng chuông rít lên, tôi bật dậy, lấy tay bịt tai. Đầu vẫn đau và tôi không quen với tiếng chuông đồng hồ. Một tay tôi dò dẫm cho đến khi tìm ra đúng cái nút và đem sự yên tĩnh trở lại với căn phòng. Ngoài trời vẫn tối. Tôi đánh răng đúng hai phút và tắm. Tôi không thích thú lắm vì mọi thứ trong phòng đều khác. Đầu vòit tắm to hơn nên nước phun ra có cảm giác nặng hơn và các họa tiết trên khăn tắm cũng lạ. Khi người khô, tôi mặc quần áo; ít nhất tôi cũng biết chúng trông ra sao và phù hợp thế nào. Với cảm giác lo lắng, tôi chậm rãi đi ra khỏi phòng, qua một loạt bậc thang xuống phòng ăn sáng ở tầng dưới. Tôi đợi Toby đến trước khi ngồi xuống và bắt đầu ăn. Tôi ăn một cái bánh nướng xốp với trà. Sau khi những người khác xuống, ăn uống xong xuôi, chúng tôi leo lên xe và chạy qua nhiều nhà cao tầng với những khung cửa sổ lấp lánh. Chúng tôi đi gặp nhà thần kinh học, Giáo sư Ramachandran và các cộng sự của ông tại Trung tâm Nghiên cứu Não bộ California.

Các nhà khoa học ra đón chúng tôi từ bên ngoài. Họ đưa chúng tôi đến văn phòng của giáo sư qua các hành lang tràn đầy ánh sáng mặt trời chiếu qua cửa sổ dọc theo một bên hành lang. Văn phòng của ông khá rộng, tối hơn ngoài hành lang, trên tường treo giá chứa đầy sách xếp thành hàng và một chiếc bàn to chắc với những mô hình não bộ bằng nhựa và những chồng giấy nằm lộn xộn. Tôi được vẫy tay ra hiệu ngồi xuống một cái ghế đối diện với giáo sư và một thành viên trong nhóm của ông.

Khi giáo sư nói, giọng ông vang vang. Thực sự mọi thứ liên quan đến ông ấy đều có vẻ to lớn – ông có cặp mắt to, tròn, mái tóc đen xoắn dày và ông để râu. Tôi nhớ đã nghĩ đến vòng tay trải rộng của ông xuất hiện trước tôi. Ông thể hiện sự nhiệt tình và bằng cách nào

đó giúp tôi cảm thấy thoải mái. Mặc dù vậy tôi vẫn cảm thấy căng thẳng, đồng thời run rẩy vì hào hứng.

Giáo sư yêu cầu tôi thực hiện một vài phép tính nhẩm trong khi phụ tá của ông kiểm tra câu trả lời bằng một cái máy tính bỏ túi. Đầu tôi vẫn đau sau chuyến bay, nhưng may mắn là tôi vẫn có thể làm được phép tính. Sau đó, họ đọc lên một danh sách các số và hỏi tôi các số đó có phải là số nguyên tố không. Tôi đã trả lời chính xác mọi số. Tôi giải thích cho họ tôi nhìn thấy các số trong đầu như thế nào với các màu, hình dạng và họa tiết. Giáo sư có vẻ bị ấn tượng và kích thích.

Đến giờ ăn trưa, phụ tá của giáo sư, một thanh niên trẻ tên là Shai đưa tôi đến một căng tin trong khuôn viên trung tâm. Shai có mái tóc đen nhánh, cặp mắt to, tròn giống cặp mắt của giáo sư. Shai bị mê hoặc bởi cách tôi hình ảnh hóa các con số và bởi những câu trả lời bằng cách tính nhẩm trong đầu. Sau đó, tôi được gọi đến một phòng khác, ở đó tôi gặp một thành viên khác trong nhóm của Giáo sư Ramachandran, Ed. Shai. Ed muốn biết nhiều hơn về những trải nghiệm hình ảnh đặc biệt mà tôi có với những số khác nhau. Khó có thể tìm ra từ ngữ để mô tả chúng, do đó tôi lấy một cái bút và vẽ các hình dạng các con số họ hỏi lên bảng. Các nhà khoa học rất sửng sốt. Họ không nghĩ rằng những trải nghiệm của tôi lại phức tạp đến như vậy và họ cũng không nghĩ rằng tôi có thể minh họa chúng chi tiết được như vậy.

Các nhà khoa học rất ngạc nhiên với khả năng của tôi. Họ xin trưởng đoàn thêm thời gian để nghiên cứu một vài khả năng đặc biệt và một vài trải nghiệm hình ảnh về các con số của tôi. Anh trưởng đoàn gọi điện cho nhà sản xuất ở London và được phép ở lại lâu hơn.

Ngay hôm sau, cùng với máy quay, tôi được yêu cầu miêu tả và vẽ lại những số khác nhau như hôm trước. Tôi bước đến chỗ chiếc bảng trắng và dần dần vẽ những hình vẽ và minh họa đầy lên bảng, giải

thích cách tôi nhìn những số khác nhau và tính toán trong đầu sử dụng những hình ảnh đồng giác. Họ cũng yêu cầu tôi nặn hình dáng của các con số bằng bột nhào.

Sau đó, tôi được yêu cầu xem xét một màn hình máy tính đầy các con số của số pi và các ngón tay được nối với máy đo phản ứng kích thích điện. Các nhà khoa học bí mật thay đổi các số sáu bằng các số chín tại các điểm ngẫu nhiên của chuỗi số và họ quan tâm xem liệu sự thay đổi đó có kích thích lên máy đo không. Khi nhìn vào các con số trên màn hình, tôi bắt đầu cảm thấy không thoải mái và nhăn nhó vì nhìn thấy một số phần trong phong cảnh số của mình vỡ ra như thể chúng bị phá hoại một cách có chủ ý. Máy đo kích thích điện đo được những thăng giáng đáng kể, điều đó nói lên rằng tôi thực sự có phản ứng sinh lý với những con số bị thay đổi. Các nhà khoa học, đặc biệt là Shai, thực sự bị hấp dẫn bởi điều đó.

Thời gian dành cho các nhà khoa học trôi đi rất nhanh, bây giờ lịch trình của tôi lại càng trở nên dày hơn so với trước kia. Shai đề nghị chở tôi đến một vách đá cách trung tâm không xa, từ đó có thể nhìn ra biển và ngắm nhìn những chiếc tàu lượn trên bầu trời. Anh tha thiết muốn dành một chút thời gian với tôi mà không có sự có mặt của đoàn làm phim và các máy quay. Chúng tôi đi cùng nhau dọc theo vách đá. Shai hỏi cảm giác của tôi về những con số khác nhau, anh ghi lại điều nghe được vào một tập giấy bằng một cái bút mang theo. Những câu trả lời của tôi lại càng làm anh thêm kích động. “Bạn có biết, bạn là cơ hội có một không hai trong đời của các nhà khoa học,” anh nói một cách chân thành nhưng tôi không biết trả lời thế nào. Tôi rất quý Shai và hứa sẽ giữ liên lạc với anh và qua thư điện tử, chúng tôi vẫn thực hiện điều đó cho tới giờ.

Trạm dừng chân tiếp theo của chúng tôi là Las Vegas, “Thành phố của những giấc mơ”, thuộc bang Nevada, trung tâm cờ bạc nổi tiếng số một. Trong bộ phim, đạo diễn muốn chứng tỏ một vài khả năng

của tôi bằng cách tiếp cận truyền hình “vui vẻ” và chúng tôi sẽ thực hiện đoạn đó ở đây, lấy một trang trong những cảnh nổi tiếng của bộ phim *Người đàn ông trong mưa*.

Tôi có những cảm giác lẫn lộn với đề nghị này. Điều cuối cùng tôi muốn làm là bình thường hóa những khả năng của mình và làm sao tránh được những lỗi mà tất cả những người tự kỷ mắc phải, giống như nhân vật *Người đàn ông trong mưa*. Đồng thời, tôi cũng hiểu rằng chương trình cũng cần có vài cảnh đem lại thư giãn cho người xem xen giữa những ảnh mang tính khoa học nghiêm túc. Tôi rất thích chơi bài với bạn bè nhưng chưa bao giờ bước chân vào sòng bạc. Sự tò mò cũng đủ thuyết phục tôi chấp nhận lời đề nghị.

Cái nóng ở Nevada thật lạ thường, giống như cái nóng của một cái máy sấy tóc bật ở mức cao nhất, liên tục thổi thẳng vào người. Mặc dù chỉ mặc một chiếc áo thun cotton ngắn nhưng toàn thân tôi nhanh chóng ướt đầm mồ hôi khi đội xe đưa chúng tôi đến khách sạn tiếp theo. Rất may chuyến đi không quá dài và khi đến khách sạn tất cả chúng tôi đều rất biết ơn cái điều hòa ở ngoài sảnh. Chạy xe qua những tòa nhà đồ sộ, lờ lợc thật kinh khủng và được giải thoát khỏi chuyện đó thật tuyệt.

Khi mới đến khách sạn, cảnh tượng tại phòng lễ tân làm chúng tôi nhanh chóng giảm sự hưng phấn. Rất khó để có thể tìm được một sòng bạc cho phép đem máy quay truyền hình vào quay phim, cuối cùng nhà sản xuất cũng tìm được một nơi. Đó là một sòng bạc rất nhỏ so với các anh chị em nổi tiếng của nó và chủ nhân của sòng bạc rất ủng hộ ý tưởng của đoàn làm phim, thậm chí ông còn cho chúng tôi ở miễn phí. Tuy nhiên, ấn tượng đầu tiên của chúng tôi về nó lại không được tốt. Thảm bẩn và quanh sảnh luôn có mùi hôi khó chịu. Tệ hơn nữa, phải mất khá lâu, hơn một tiếng, các nhân viên mới sắp xếp xong phòng cho chúng tôi.

Tuy nhiên, khi nhận chìa khóa, vào phòng, chúng tôi rất ngạc nhiên với sự rộng rãi và thoải mái trong phòng. Khi đêm xuống, tôi được đưa xuống ô tô và phim được quay khi chúng tôi đi dọc trên con đường nổi tiếng của Vegas, ánh sáng rực rỡ của các sông bạc rơi đến từ mọi phía. Hai tay tôi nắm chặt, cơ thể căng cứng lại và cảm thấy khó chịu vì xung quanh có quá nhiều tác nhân kích thích. May là chúng tôi không phải đi xa, dùng chân ăn tối tại một nhà hàng gần đó trước khi quay trở về đi ngủ sớm.

Sáng hôm sau, trước khi đến đón tôi đoàn làm phim đã phải chuẩn bị rất lâu quanh khu vực chơi trò J đen. Nhân viên sông bạc chuẩn bị cho chúng tôi một lượng “tiền chơi” lớn để sử dụng cho cảnh quay. Tôi gặp ông chủ sông bạc và được giới thiệu tới người chia bài, chỉ giải thích ngắn gọn luật chơi cho tôi.

J đen là một trong những trò chơi bài phổ biến nhất; nó được biết đến với cái tên “vingt-et-un” hoặc “hai mươi mốt”. Mục tiêu của trò chơi: người chơi đặt cược tổng số điểm các quân bài trên mỗi tay cho đến khi có số điểm cao hơn tổng điểm các quân bài trong tay người chia bài với điều kiện tổng số điểm của không được vượt quá hai mươi mốt. Quân át có thể có được tính là một hoặc mười một điểm, trong khi các con đầu người (J, Q, K) được tính là mười điểm.

Khi cuộc chơi bắt đầu, những người tham dự cuộc chơi đặt cược một số tiền nào đó. Người chia bài chia cho người chơi và bản thân mình hai quân bài. Một trong hai quân của người chia bài úp mặt. Nếu ai đó có một quân đầu người và một quân át, gọi là “J đen”, thì ngay lập tức người đó thắng ván bài. Nếu không ai có J đen, người chia bài cho phép người chơi lựa chọn: lấy thêm bài (tấn công) hoặc giữ nguyên số điểm hiện tại (‘đứng’ hay ‘giữ’). Nếu một người chơi có số điểm vượt quá hai mươi mốt (nổ) thì người đó thua. Tùy vào quyết định của người chơi, người chia bài lật quân bài úp và quyết

định có lấy thêm bài nữa hay không. Nếu có số điểm thấp hơn mười bảy, người chia bài phải lấy thêm một hoặc nhiều quân bài cho đến khi đạt được giá trị tổng điểm nhỏ nhất là mười bảy. Nếu người chia bài nổ, tất cả người chơi còn lại thắng ván bài.

Khả năng tính bài trong trò J đen rất quan trọng. Đó là khả năng nhớ những quân bài đã được chơi để cố gắng có được lợi thế dù rất nhỏ so với người chia và tăng đặt cược khi có lợi thế (ví dụ, trong trường hợp các quân bài còn lại có nhiều quân đầu người) và giảm cược khi cơ hội không cao. Dạng đơn giản nhất của việc tính bài là gắn mỗi quân bài với các trị số âm hoặc dương; những quân có giá trị thấp như 2 và 3 được gắn giá trị dương còn những quân bài 10 điểm được gắn giá trị âm. Người chơi phải liên tục nhớ trong đầu giá trị điểm mỗi khi một quân bài được rút, phải thường xuyên điều chỉnh tổng điểm tính đến số quân bài xấp xỉ còn lại sẽ được chia.

Việc tính bài không hề đơn giản, người chơi có kỹ năng rất tốt cũng chỉ nhận được khoảng 1% lợi thế từ việc tính bài. Các sòng bạc thường cấm những người họ nghi ngờ tính bài trong sòng bạc của họ. Bàn của chúng tôi sử dụng tám bộ bài, tức là có tổng số 416 quân bài, một con số đủ lớn để có thể giảm thiểu lợi thế do việc tính bài đem lại.

Các sòng bạc thường ồn ào và rất dễ gây mất tập trung do đó một trong những thử thách lớn nhất của tôi là phải cố gắng giữ tập trung. Khi cuộc chơi bắt đầu, tôi ngồi đối diện với người chia bài, tập trung vào các bộ bài, nhìn chăm chú vào mỗi quân bài mỗi khi được mở, đảo và chia. Những chiếc máy quay thu hút người xem và không lâu sau đã có một đám đông vây quanh tôi.

Tôi được chơi trong một khoảng thời gian xác định trước. Sòng bạc dành riêng cho tôi một bàn nên tôi là người chơi duy nhất. Tức là, chỉ có tôi chơi với người chia bài. Để có cảm giác về trò chơi, tôi bắt đầu chơi với những nhận định đơn giản, sử dụng kỹ thuật gọi là “chiến

thuật cơ bản” dựa vào những quân bài xuất hiện ở mỗi tay: Tôi “đứng” nếu nhận được 10 và 8, “tấn công” nếu nhận được 3 và 9 (nếu người chia bài có 4, 5 hoặc 6 tôi sẽ đứng),

Thậm chí khi người chơi sử dụng chiến thuật cơ bản tối ưu nhất thì người chia bài vẫn có lợi thế thống kê. Thời gian trôi đi cọc tiền đồng của tôi mất dần nhanh chóng. Tuy nhiên, cảm giác chơi của tôi được cải thiện rất nhiều so với khi mới bắt đầu; tôi quyết định nhanh hơn và cảm thấy thoải mái hơn. Sau đó, tôi có một quyết định bất ngờ, chơi theo bản năng, tiếp tục dựa vào dòng số trong đầu như những cảnh quay với những đỉnh và chỗ lõm. Khi khung cảnh số trong đầu ở đỉnh, tôi cược nhiều hơn khi nó hạ xuống.

Thay đổi đã xảy ra; tôi bắt đầu thắng nhiều hơn. Tôi cảm thấy thư giãn và bắt đầu thích thú chơi hơn nhiều so với trước lúc trước. Tại thời điểm quyết định tôi có một đôi 7 còn người chia bài có một quân 10. Nếu theo chiến thuật cơ bản, người chơi sẽ được khuyên tấn công. Thay vì làm điều đó tôi quyết định theo bản năng, tách cặp 7 và tăng lượng đặt cược ban đầu lên gấp đôi. Người chia bài rút quân bài thứ ba, đó cũng là một quân 7. Tôi hỏi liệu có thể tiếp tục chia quân 7 đó được không. Người chia bài rất ngạc nhiên, đó là kiểu chơi cực kỳ bất thường nhất là khi người chia bài sở hữu quân 10. Quân bài được chia và bây giờ tôi có ba tay, mỗi tay một quân 7, cược tăng lên gấp ba, đổi lại một quân 10. Khán giả đứng sau tôi tắc lưỡi. Một người đàn ông bình luận khá to: “Anh ta làm cái quái gì thế, chia 7 để đấu với 10?”. Người chia bài tiếp tục chia thêm bài cho mỗi tay 7 – sau lượt thứ nhất tổng là hai mươi mốt. Lượt hai, các quân bài được chia: lại hai mươi mốt. Cuối cùng, lượt thứ ba, lại ba quân 7, một lần nữa tôi thắng với tổng hai mươi mốt điểm. Ba lần liên tiếp hai mươi mốt điểm mỗi lần. Sau một cú đánh hủy diệt tôi lợi ngược dòng giành chiến thắng.

Tôi rất vui khi rời Las Vegas. Ở đó quá nóng, quá đông và quá nhiều

đền nháy. Thời điểm duy nhất tôi cảm thấy thoải mái là lúc chơi bài. Tôi cảm thấy nhớ nhà kinh khủng, ngay khi trở về khách sạn tôi liền gọi cho Neil, bật khóc khi nghe thấy giọng anh. Anh nói tôi đã làm tốt, nên tiếp tục và rằng anh tự hào về tôi. Đến lúc đó, tôi vẫn chưa biết rằng phần đặc biệt và quan trọng nhất của toàn bộ chuyến đi đang đợi mình ở phía trước.

Ngày hôm sau, chúng tôi bay đến Salt Lake, thủ phủ của bang Utah, quê hương của đạo Đa thế. Quãng đường từ khách sạn đến thư viện cộng đồng thành phố không xa. Kiến trúc thư viện thật lạ thường: đó là tòa nhà sáu tầng, tường trong suốt, uốn cong bao phủ trên diện tích khoảng 22.300 mét vuông, chứa hơn nửa triệu cuốn sách. Thư viện có các cửa hàng, văn phòng làm việc ở tầng trệt, phòng đọc ở tầng trên và có một hội trường lớn 300 chỗ ngồi. Luôn yêu sách một cách trung thành cùng những kỷ niệm về những năm tháng dành hàng giờ đồng hồ đọc sách mỗi ngày ở thư viện địa phương làm cho nơi này trở thành một thiên đường với tôi.

Không gian rộng lớn tràn đầy ánh sáng, tôi thấy trào dâng cảm giác náo nức, thanh bình quen thuộc. Những thư viện luôn luôn có quyền năng làm tôi cảm thấy bình an. Không có đám đông, chỉ có một số nhóm nhỏ người đọc, đi từ giá sách này sang giá sách khác hoặc từ ghế này sang đến ghế khác. Không có tiếng động bất ngờ, chỉ có tiếng gõ sách nhẹ nhàng hoặc những trao đổi nhẹ nhàng giữa những người bạn hoặc đồng nghiệp. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy hoặc đến một thư viện nào giống như thư viện này; với tôi nó thực sự như một tòa lâu đài thần tiên trong truyện cổ tích.

Tôi được chỉ đến ngồi trên một chiếc ghế dài trên sàn và đợi. Trong khi chờ đợi, tôi đếm những hàng sách và người khi họ bước nhẹ qua. Cảm giác tôi có thể ngồi đó hàng giờ được. Người phụ trách đoàn làm phim đến đón tôi và chúng tôi đi thang máy lên tầng hai. Ở đó có rất

nhiều sách, hàng nợ nổi hàng kia trải dài hết tầm mắt. Một người đàn ông có tuổi tiến đến bắt tay tôi. Ông giới thiệu bản thân là Fran Peek, là cha và đồng thời là người chăm sóc toàn thời gian đưa con của mình, Kim.

Kim Peek quả là kỳ diệu. Khi ra đời năm 1951, các bác sĩ nói với cha mẹ anh rằng anh sẽ không bao giờ có thể bước đi hoặc học hành gì được và rằng họ nên gửi anh vào một cơ sở chăm sóc từ thiện nào đó. Khi chào đời anh có một cái đầu lớn và một vùng giộp chứa nước trong sọ làm tổn thương bán cầu não trái, vùng não liên quan đến khả năng nói và ngôn ngữ. Một lần quét não năm 1988, các nhà thần kinh học đã phát hiện anh không có lớp màng ngăn cách giữa hai bán cầu não. Tuy nhiên anh lại có thể đọc được từ lúc mười sáu tháng tuổi và hoàn thành chương trình trung học phổ thông lúc mười bốn tuổi.

Kim nhớ được một lượng thông tin khổng lồ của hơn chục chủ đề khác nhau từ lịch sử, ngày tháng đến văn học, thể thao, địa lý và âm nhạc. Anh có thể đọc hai trang sách cùng một lúc, mỗi mắt một trang và có thể nhớ được thông tin đọc được gần như hoàn hảo. Anh đã đọc tất cả hơn 9.000 cuốn sách và có thể nhớ toàn bộ nội dung của chúng. Anh cũng là một thiên tài về tính lịch.

Năm 1984, Kim và cha gặp nhà sản xuất, nhà viết kịch Barry Morrow tại hội nghị của *Hội Người Chậm Phát triển* tại Arlington, bang Texas. Kết quả của cuộc gặp gỡ đó là bộ phim *Người đàn ông trong mưa*. Dustin Hoffman đã dành cả ngày với Kim và rất kinh ngạc về khả năng của anh, đó cũng là nguyên nhân khiến ông thúc giục Fran chia sẻ con trai mình với thế giới. Từ đó, Kim và cha đã đi khắp nước Mỹ gặp gỡ, nói chuyện với hơn một triệu người.

Đó là thời điểm tôi đã đợi từ lâu; lần đầu tiên trong đời tôi gặp và nói chuyện với một bác học khác. Fran đã giới thiệu với Kim về tôi và lý do chúng tôi đến để gặp họ. Lựa chọn thư viện cộng đồng làm địa

điểm cho cuộc gặp giữa chúng tôi là điều dễ hiểu; vì với Kim và tôi thư viện là nơi đặc biệt, đầy yên tĩnh, ánh sáng, không gian và trật tự.

Sau khi gặp Fran tôi được giới thiệu với Kim. Đứng cạnh cha mình, Kim trông có vẻ khá đậm người, trung tuổi với mái tóc hoa râm và đôi mắt tò mò, sắc bén. Anh nhanh chóng nắm tay và đứng rất gần tôi. Fran gợi ý: “Nói cho Kim ngày tháng năm sinh của anh”. Tôi nói: “31 tháng Giêng năm 1979”. “Sinht nhật lần thứ sáu lăm của anh sẽ rơi vào ngày Chủ nhật”, Kim đáp lại. Tôi gật đầu và hỏi ngày sinh của anh. Anh trả lời “11 tháng Mười một năm 1951”. Tôi cười: “Anh cũng sinh vào Chủ nhật!” Khuôn mặt Kim bừng sáng và tôi biết rằng chúng tôi có liên hệ với nhau.

Fran đem lại một sự ngạc nhiên cho tôi: đó là tượng Oscar, phần thưởng chiến thắng của bộ phim *Người đàn ông trong mưa* mà nhà viết kịch Barry Morrow đã hào phóng đưa cho cha con Peek để đem theo trong những chuyến đi thuyết trình của họ. Tôi giữ chiếc tượng bằng cả hai tay; nó nặng hơn so với vẻ bề ngoài. Đoàn làm phim yêu cầu tôi ngồi với Fran và nói chuyện về tuổi thơ của Kim, chúng tôi bước đến một góc thư viện nơi có những chiếc ghế da thoải mái và ngồi đó còn Kim được đưa cho một cuốn sách để đọc. Fran say mê nói về những phản ứng của các bác sĩ khi phát hiện những vấn đề của con trai ông: “Họ nói chúng tôi nên gửi nó vào một cơ sở từ thiện nào đó và quên nó đi”. Một bác sĩ phẫu thuật não thậm chí còn đề nghị làm phẫu thuật thùy não cho Kim để có thể đưa anh vào cơ sở từ thiện dễ hơn.

Tôi muốn biết về cuộc sống hiện tại của Kim và yêu cầu Fran miêu tả một ngày điển hình của anh. “Hàng ngày vào buổi sáng Kim nói chuyện điện thoại với mẹ và sau đó đến đây đọc sách nhiều giờ liền. Buổi tối chúng tôi đi thăm một người hàng xóm cao tuổi. Kim đọc sách cho bà nghe.”

Tôi hỏi về chuyến đi thuyết trình của Kim. “Chúng tôi luôn luôn đi cùng nhau và không bao giờ đề cập đến chuyện tiền nong. Chúng tôi đi thăm những nơi như trường học, đại học và bệnh viện. Kim có thể nói về hầu hết mọi thứ họ muốn biết: ngày tháng, tên, số liệu thống kê, mã số điện thoại và mọi thứ khác. Khán giả hỏi Kim đủ loại câu hỏi và nó luôn luôn đưa ra câu trả lời đầy đủ thông tin, nhiều hơn tôi nghĩ nó biết. Rất hiếm khi có câu hỏi mà nó không trả lời được. Thông điệp của Kim là: “Bạn không cần phải là người tàn tật để khác biệt vì bản thân mỗi người đã khác biệt rồi.”

Sau cuộc phỏng vấn, tôi đi dạo với Kim quanh những giá sách thư viện. Khi chúng tôi đi Kim nắm tay tôi. “Anh cũng là một bác học giống tôi, Daniel” Kim nói một cách hào hứng và nắm chặt tay tôi. Khi bước đi giữa những giá sách tôi để ý thấy thỉnh thoảng Kim dừng lại lấy ra một cuốn sách, lật vài trang như thể đã quen thuộc với nội dung của nó lắm rồi và sau đó để cuốn sách lại. Đôi lúc anh lẩm bẩm một cái tên hoặc một ngày tháng to thành tiếng. Kim thích mọi cuốn sách liên quan đến chủ đề về người thật, việc thật và anh có vẻ không thích thú tiểu thuyết lắm. Đó lại là một điểm chung nữa giữa chúng tôi.

“Anh thích làm gì ở đây nhất, Kim?” tôi hỏi anh. Không nói một lời, anh đưa tôi đến một khu có những hàng sách dày, bìa da màu đỏ. Đó là những cuốn danh bạ điện thoại các thị trấn của thành phố Salt Lake. Kim kéo một cuốn ra khỏi giá và ngồi xuống một chiếc ghế gần đó. Kim mang theo một quyển sổ ghi chú và một cái bút, anh chép một vài cái tên và con số từ cuốn danh bạ vào sổ. Tôi quan sát và hỏi anh có thích các con số không; anh gật đầu một cách từ từ, chìm trong những ghi chép của mình.

Tôi ngồi với Kim và nhớ rằng Fran nói Kim rất thích được hỏi về thời điểm và nhân vật lịch sử. Đó là một trong những chủ đề yêu thích của anh. Tôi hỏi “Victoria trở thành Nữ hoàng Anh năm nào?”. “1837”,

Kim trả lời ngay lập tức. “Churchil bao nhiêu tuổi nếu ông ta sống đến hôm nay?” “130”. “Và ngày sinh nhật ông năm nay rơi vào thứ mấy?” “Vào thứ Ba, ngày cuối cùng của tháng Mười một.”

Với sự hướng dẫn của Fran và đoàn làm phim, chúng tôi xuống tầng trệt của thư viện. Ở đó Kim chỉ cho chúng tôi những hàng sách trên giá và giải thích giá đó gồm có những sách gì. Chúng tôi bước ra khỏi thư viện dưới ánh nắng giữa trưa, sau đó đứng lại, một lần nữa Kim siết chặt tay tôi. Đứng gần tôi, anh nhìn vào mắt tôi và nói: “Một ngày nào đó bạn cũng sẽ trở nên vĩ đại như tôi”. Đó là lời chúc hay nhất mà tôi đã từng nhận được.

Tôi đồng ý đi ăn tối cùng Kim và Fran ở một nhà hàng địa phương. Kim kể lại kỷ niệm gặp gỡ Dustin Hoffman và kể lại Hoffman đã sửng sốt thế nào khi biết khả năng mình và tính cách nồng hậu của Kim. Cả hai cha con đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục chia sẻ những khả năng của Kim và thông điệp của anh về việc tôn trọng sự khác biệt của mỗi người tới càng nhiều người càng tốt.

Chúng tôi chia tay Kim và Fran trong buổi tiệc tại Salt Lake. Mọi thành viên trong đoàn đều thể hiện niềm vui, thích thú khi được gặp cha con Kim. Câu chuyện của họ về tình yêu vô điều kiện, của sự cống hiến và kiên nhẫn trước nghịch cảnh thực sự xúc động. Đối với tôi, đơn giản đó là một kỷ niệm không bao giờ quên. Kim cho tôi thấy mình còn may mắn hơn anh biết nhường nào, trừ những khó khăn riêng của bản thân, tôi vẫn có thể sống độc lập còn anh thì không. Đó cũng là một niềm vui khi tìm được một người cũng yêu sách, các sự kiện và nhân vật như mình.

Khi về đến nhà, trong tôi vẫn còn vương vấn nhiều suy nghĩ. Kim và tôi có nhiều điểm chung, quan trọng nhất trong số đó là cảm giác gần gũi mà, tôi nghĩ, cả hai cùng cảm nhận được. Nhìn từ nhiều khía cạnh, cuộc đời của chúng tôi rất khác nhau nhưng chúng tôi cùng chia

sẽ một sợi dây vô hình đặc biệt. Nó đem chúng tôi đến với nhau và cuộc gặp gỡ gọi cho chúng tôi về giá trị phi thường của tình bạn đó. Tôi thực sự xúc động bởi sự nhiệt tình của Kim và cha anh dành cho tôi, bởi sự chia sẻ một cách cởi mở và chân thành những câu chuyện của họ. Sự đặc biệt của Kim không phải chỉ là bộ não của anh mà còn là trái tim, nhân cách và khả năng tiếp cận cuộc sống của người khác một cách thực sự độc nhất. Gặp gỡ Kim Peek là một trong những khoảnh khắc hạnh phúc nhất của đời tôi.



Reykjavík, New York và gia đình

KHI TRỞ VỀ ANH, các nhà làm phim thiết kế một thử thách cuối cùng cho tôi: học một ngôn ngữ mới trong vòng một tuần trước máy quay. Họ mất vài tháng để tìm kiếm ngôn ngữ cho thử thách và cuối cùng quyết định chọn tiếng Iceland – một ngôn ngữ có nhiều biến tố, hầu như không thay đổi từ thế kỷ thứ mười ba, giống tiếng Anh cổ. Trên thế giới có khoảng 300.000 người nói tiếng này. Dưới đây là một đoạn chữ viết của ngôn ngữ, để biết trông nó thế nào:

Môður hér maður er kallaður var gígja. Hann var sonur Sighvats hins rauða. Hann bjó á Velli á Rangárvöllum. Han var ríkur hôfðingi og málafylgjumaður mikill of svo mikill lögmaður að engir þóttu löglegir dómar dæmdir nema hann væri við. Hann átti dóttur eina er Unnur hét. Hún var væn kona of kurteis of vel að sér og þótti sá bestur kostur á Rangárvöllum.

Có một người đàn ông tên là Mord, họ là Fiddle. Ông là con trai của Sigvat Đỏ, thường trú tại “Vale” thuộc vùng Rangriversales. Ông là một ông chủ đầy quyền uy, hòa nhã với nhân viên của mình và đồng thời cũng là một luật sư vĩ đại đến nỗi không quyết định nào của tòa

được cho là đúng luật nếu không có sự can dự của ông. Una, con gái duy nhất của ông, là một phụ nữ có tài, thanh lịch, da trắng, một sự kết hợp hài hòa nhất của vùng Rangrivales.

Đây là đoạn trích từ *Brennu-Njáls Saga* (Truyện dân gian *Burnt Njál*). Truyện dân gian nổi tiếng nhất của Iceland, có từ thế kỷ thứ mười ba.

Tiếng Iceland được cho là một ngôn ngữ phức tạp và khó học; ví dụ, có không ít hơn mười hai từ khác nhau cho mỗi một số từ một đến bốn, phụ thuộc vào văn cảnh của câu. Danh từ trong tiếng Iceland có ba giống: giống đực, giống cái và giống trung. Tính từ thay đổi phụ thuộc vào giống của danh từ chúng bổ nghĩa: *Gunnar er svangur* (Gunnar khỏe) nhưng *Helga er svöng* (Helga khỏe) ở đây Gunnar là giống đực còn Helga giống cái. Thêm vào đó, người Iceland không mượn từ từ các ngôn ngữ khác như tiếng Anh mà họ sáng tạo ra từ mới cho riêng mình để mô tả những thứ hiện đại: *tólva* cho ‘máy tính’ và *sími* cho ‘điện thoại’ (một từ trong tiếng Iceland cổ có nghĩa là ‘dây chỉ’).

Cuối cùng, vào tháng Chín, các nhà sản xuất chương trình tiết lộ ngôn ngữ chọn cho tôi qua một bưu kiện gửi đến nhà. Trong đó bao gồm một cuốn từ điển bỏ túi, một cuốn sách dành cho trẻ em, hai cuốn sách ngữ pháp và một số tờ báo. Vì lý do tài chính nên nhóm sản xuất chương trình quyết định chỉ ở lại Iceland bốn ngày thay vì một tuần như dự định ban đầu và cũng vì lý do đó nên bưu kiện mới được gửi đến nhà tôi vài ngày trước chuyến đi. Tuy nhiên, có một khó khăn lớn là: cuốn từ điển tôi nhận được quá nhỏ vì thế tôi hầu như không thể dịch được số sách báo nhà sản xuất cung cấp cho. Tôi cũng không hài lòng với vốn vốn có bốn ngày ở Iceland mà không phải là một tuần như dự định vì cực điểm của thử thách ngôn ngữ này sẽ là một buổi phỏng vấn truyền hình trực tiếp ở Reykjavík, được thực hiện hoàn toàn bằng tiếng Iceland. Để hoàn thành thử thách

một cách thành công, tôi cần phải được làm quen với ngôn ngữ nói càng nhiều càng tốt.

Hoàn cảnh là vậy, tôi đành cố gắng hết sức với số tài liệu có trong tay. Tôi học thành ngữ và từ thông dụng từ hai cuốn sách ngữ pháp và thực hành xây dựng câu từ các từ có thể lấy được từ các đoạn văn bản. Một trong những cuốn sách tôi nhận được có đĩa CD đi kèm, do đó tôi cố gắng nghe để cảm nhận được ngữ điệu và cách phát âm nhưng tôi rất khó tập trung vì cách điều chỉnh và lựa chọn của não khi nghe. Khi nói chuyện với người khác, tôi có thể chăm chú lắng nghe, cố gắng hết sức để giữ mức độ tập trung cao trong suốt quá trình hội thoại, nhưng khi nghe đĩa CD khó hơn nhiều, có thể vì không có đòi hỏi nào cần phải cố gắng lớn cả. Những khó khăn này làm tôi cảm thấy bắt đầu chán nản khi ngày bay gần đến.

Iceland là một trong những nước nhỏ nhất trên thế giới với hơn một phần tư triệu dân, thuộc Bắc Đại Tây Dương, ngay phía Nam vòng Bắc Cực (vĩ tuyến 66 độ 30 Bắc). Nằm ở điểm nóng địa lý của dải trung Đại Tây Dương, hòn đảo thuộc vùng hoạt động địa lý mạnh, có nhiều núi lửa, mạch nước phun. Nhiều gia đình người Iceland dùng nguồn nhiệt địa lý sưởi ấm cho mùa đông. Tỷ lệ người biết đọc, biết viết của quốc gia này là 100%, văn thơ rất phổ biến. Số sách, tạp chí và ấn phẩm định kỳ trên đầu người ở Iceland cao nhất trên thế giới.

Khi đến sân bay Keflavík, một chiếc xe buýt đưa chúng tôi đến thành phố lớn nhất của Iceland, đó là thủ đô Reykjavík với số dân chỉ hơn 110.000 người và có tên gọi thân mật là *Stæsta smáborg i heimi* – “thành phố nhỏ lớn nhất thế giới”.

Lúc đó vào khoảng gần cuối mùa hè, tiết trời đẹp: không khí trong lành, lạnh nhưng không buốt. Chiếc xe buýt dài với những cửa kính sáng bóng kéo xuống hai bên thành. Từ trong xe chúng tôi nhìn thấy những dải mây xám bạc lớn vắt trên bầu trời và xa xa bên dưới nổi đuôi nhau nổi lên những phong cảnh sắc xanh lạnh lẽo. Khi đến gần

Reykjavík ánh sáng của ngày đã tan ra và yếu dần, tôi nhắm mắt lại đếm nhắm bằng tiếng Iceland: *einn, tveir, þrír, fjórir...*

Tại khách sạn tôi có cuộc gặp đầu tiên với người hướng dẫn tiếng Iceland, chị Sigriður, mặc dù chị bảo tôi gọi chị là “Sirrý” cho ngắn. Chị là giáo viên hướng dẫn ngôn ngữ cho sinh viên nước ngoài của một trường đại học địa phương, nhưng chị nói rằng chị chưa bao giờ nghe có ai đó thử học tiếng Iceland trong một khoảng thời gian ngắn như vậy và nghi ngờ về khả năng thực hiện được điều đó. Sirrý mang đến rất nhiều tài liệu để chúng tôi cùng nghiên cứu trong một chiếc hộp. Mỗi khi có cơ hội, chúng tôi đều mở sách và tôi đọc to lên để Sirrý có thể kiểm tra phát âm của tôi và giúp đỡ những từ tôi không hiểu.

Đọc nhiều giúp tôi phát triển trực giác ngữ pháp tiếng Iceland. Một trong những thứ tôi để ý thấy rằng rất nhiều từ dường như trở nên dài hơn khi chúng xuất hiện về phía cuối câu. Ví dụ, từ *bók* (sách) thường dài hơn khi được sử dụng ở đầu câu. “*Bókin er skrifuð á íslensku*” (Quyển sách viết bằng tiếng Iceland) và dài hơn nữa khi ở cuối câu: *Ég er nýbúinn að lesa bókina* (Tôi vừa đọc xong quyển sách). Ví dụ một từ khác là từ *borð* (cái bàn): *Borðið er stórt og þungt* (Cái bàn to và nặng) và *Orðabókin var á borðinu* (Cuốn từ điển trên bàn). Vị trí không gian của từ trong câu giúp tôi biết dạng ngữ pháp của từ.

Áp lực thời gian hóa ra lại là phần khó khăn nhất của thử thách. Tôi phải dành rất nhiều khoảng thời gian ngắn đi ô tô đến những địa điểm quay phim khác nhau – một vấn đề nữa thậm chí còn tồi tệ hơn là Sirrý rất dễ bị say xe. Dĩ nhiên, cũng có cái lợi vì được đi thăm nhiều địa điểm khác nhau; Iceland là một nơi tham quan rất tuyệt vời và đó cũng là cơ hội để tôi hấp thụ bầu không khí, cái mà tôi không thể có được ở trong lớp học hay phòng khách sạn.

Chúng tôi dành một ngày ở Gullfoss, có nghĩa là “thác vàng”. Nằm trong một dòng sông băng Hvita sâu 70 mét và dài 2,5 kilômét, đó

là một thác bạc rộng lớn chảy xuống một hẻm núi từ độ cao 32 mét. Đứng cạnh thác, tôi có thể cảm nhận được những hạt nước tung bọt trắng vào bầu không khí ẩm ướt tương tự như hình ảnh số tám mươi chín tôi nhìn thấy trong đầu. Cảm giác này không phải là duy nhất. Đứng bên ngoài vùng bụi nước trong một cái hang phong hóa, xám xịt, tôi có cảm giác như thể trôi vào không gian trống rỗng của số sáu. Thậm chí những ngọn núi nhấp nhô phía xa cũng gọi cho tôi về những chuỗi số. Sau đó tôi cảm thấy ở Iceland cũng thân thuộc như là ở nhà.

Tôi có cơ hội đi thăm những cánh đồng nhiệt ở thung lũng Haukadalur, nơi có những mạch phun nước (geyser) nổi tiếng của Iceland. Từ ‘geyser’ bắt nguồn từ động từ *gjósa* có nghĩa là ‘phun ra’. Đó là một hiện tượng hiếm – chỉ có khoảng 1.000 mạch phun nước như vậy trên toàn thế giới. Hoạt động của các mạch phun nước này gây ra do sự rò rỉ dần dần của nước bề mặt xuống qua các vết nứt và dồn đến những hang động lớn. Nước bị chặn lại và nung nóng bởi đá núi lửa xung quanh ở nhiệt độ khoảng 200°C, làm cho nước hóa hơi và phun lên tràn ra ngoài. Cuối cùng lượng nước còn lại trong mạch phun mất nhiệt và nguội trở lại dưới nhiệt độ sôi và quá trình phun trào kết thúc; nước bề mặt lại rỉ xuống lại bể chứa được nung nóng và chu trình phun trào mới lại bắt đầu.

Được chứng kiến sự phun trào của các mạch phun nước thật tuyệt vời. Đầu tiên nước xanh ngọc được hâm nóng, sau đó những quả bong bóng lớn hình thành và nổ tung, kéo hơi nước lên trên. Sự phun trào mạnh mẽ và bất ngờ, tạo nên một cột nước lớn long lanh, phụt lên không trung với độ cao hơn chục mét. Không khí gần mạch phun nước tràn ra với mùi khí lưu huỳnh, giống mùi trứng thối, may mắn được những cơn gió mang đi.

Đi lại một khoảng thời gian dài trong quá trình làm phim rất mệt mỏi và tôi luôn mong chờ những giờ nghỉ ăn. Trong khi đoàn làm

phim ăn thịt bằm viên và thịt rán, tôi thử các món truyền thống của Iceland như *kjótsúpa* (súp cừu) và *plokkfiskur* (một loại cá bằm). Tôi cố gắng hết sức nói chuyện với Sirrý hoàn toàn bằng tiếng Iceland, ghi chép lưu ý trong một quyển sổ đen, to mà tôi luôn mang theo bên mình.

Đỉnh điểm của thử thách là một chương trình phỏng vấn truyền hình trực tiếp trong một chương trình *Kastljós* (Những sự kiện nổi bật). Tôi căng thẳng nhưng cũng tự tin trước cuộc phỏng vấn, mặc dù không biết chính xác người phỏng vấn sẽ hỏi tôi những gì. Tôi nói chuyện với hai người dẫn chương trình hoàn toàn bằng tiếng Iceland trong khoảng gần mười lăm phút, trước hàng trăm nghìn khán giả. Đó quả thật là một trải nghiệm kỳ lạ, ngồi trước ống kính và nói chuyện bằng một thứ tiếng mà tôi chỉ mới làm quen trong một tuần. Thậm chí kỳ lạ hơn là tôi hiểu hoàn toàn những điều hai người dẫn chương trình nói. Sau một tuần, nghe và nhìn nhiều người Iceland nói chuyện bằng ngôn ngữ của họ, với họ dường như nó rất dễ dàng và rất tự nhiên như thể họ đang thở bằng ngôn ngữ Iceland. Ngược lại, cách nói của tôi chậm và nặng nhọc hơn. Tôi giải thích với người phỏng vấn: “*Ég er með islensku asma*” (Tôi bị hen suyễn Iceland).

Sau cuộc phỏng vấn đó, tôi cũng tham gia một số chương trình phỏng vấn khác của đài địa phương tại Reykjavík và một lần xuất hiện trong một chương trình truyền hình chào buổi sáng chính của Iceland; cuộc phỏng vấn cũng được thực hiện bằng tiếng Iceland. Trong chương trình đó, Sirrý cũng xuất hiện cùng tôi và chị đã rất ca ngợi về việc học ngôn ngữ của tôi trong một tuần. Sirrý cũng tham gia một cuộc phỏng vấn bằng tiếng Anh cho chương trình phim tài liệu, trong đó chị đã nói rằng chị chưa bao giờ có một sinh viên nào như tôi và nói rằng tôi “không phải là người”! Tôi rất biết ơn chị, đặc biệt là sự giúp đỡ và động viên của chị là vô giá với tôi.

Trở về từ Reykjavík vào đoạn cuối của bộ phim, tôi có cơ hội phản ánh lại đã đi bao xa. Nếu chỉ vài năm trước có lẽ tôi không thể sống độc lập được như thế: bay đến và thăm một đất nước rộng lớn như Hoa Kỳ, gặp nhiều tầng lớp trong xã hội, thăm nhiều nơi khác nhau, tự tin chia sẻ những trải nghiệm và suy nghĩ từ tận đáy lòng với thế giới. Và cả chuyến thăm đến Iceland rất đáng kinh ngạc và xúc động. Tôi cảm thấy hạnh phúc khi được nhiều người Iceland trao cho những cái ôm ấm áp và nhiệt thành. Và điều kỳ lạ nhất: cùng là những khả năng đó nhưng lại làm tôi xa cách, cô lập với bạn bè cùng trang lứa ở thời thanh thiếu niên nay lại giúp tôi kết nối với những người khác ở tuổi trưởng thành và làm quen được với nhiều bạn. Đó thực sự là những tháng ngày lạ thường, và nó vẫn chưa kết thúc.

Một buổi sáng mùa xuân tôi nhận được một cú điện thoại với nội dung mời tôi tham gia trong số tiếp theo của chương trình *Đối thoại muộn với David Letterman*. Kênh Khoa học Khám phá sắp xếp mọi thứ. Đó là kênh truyền hình đầu tiên phát sóng bộ phim *Brainman* vài tuần trước đó tại Mỹ. Phản ứng của khán giả với chương trình rất tích cực, bao gồm một phỏng vấn chi tiết của tờ *New York Times*. Mặc dù tôi chưa bao giờ xem chương trình của Letterman nhưng tôi đã nghe về nó và biết rằng đó là một chương trình dài kỳ và được khán giả yêu thích. Kênh Khoa học đồng ý tài trợ tiền cho chuyến đi của tôi đến New York cho ngày ghi hình và họ lên sẵn lịch trình cho tôi. Có một khó khăn: Tôi phải bay ngay chiều hôm đó vì buổi phỏng vấn sẽ được thực hiện ngày hôm sau.

Thật may Neil làm việc ở nhà và giúp tôi sắp xếp hành lý và chở tôi đến sân bay. Ngay lập tức, chúng tôi đặt trước những thứ cần thiết qua mạng, do đó tất cả tôi cần làm là sẵn sàng lên đường. Mọi việc xảy ra đột ngột là điều tốt vì tôi không có thời gian để cảm thấy lo lắng mà thay vào đó tôi phải tập trung hoàn toàn vào những vấn đề hàng

ngày như tắm, mặc quần áo và gói ghém đồ đạc. Khi trên xe ra sân bay, Neil cố gắng giúp tôi bình tĩnh bằng cách khuyên tôi nên vui lên và hãy là chính mình.

Ghế ngồi trên máy bay khá lớn và thoải mái, ngủ hầu hết thời gian của chuyến bay làm tôi khỏe khoắn. Khi hạ cánh tại sân bay JFK, tôi đi theo các hành khách khác ra ngoài, qua nhiều con đường khác nhau cho đến khi chúng tôi đến chỗ những hàng dài người đợi kiểm tra an ninh và thị thực. Khi đến lượt tôi bước đến trạm kiểm soát và trình thị thực, người đàn ông đối diện sau lớp kính hỏi tôi dự định ở lại Mỹ bao lâu và tôi trả lời: “Hai ngày”. Anh ta ngạc nhiên hỏi “Chỉ hai ngày thôi sao?” và tôi gật đầu.

Anh nhìn tôi một lúc, trả lại thị thực cho tôi và vẫy ra hiệu cho tôi đi qua. Sau khi nhận lại hành lý tôi đi ra và nhìn thấy một người đàn ông cầm một cái biển có tên tôi trên đó. Người ta nói với tôi rằng sẽ có một lái xe đợi tôi ở sân bay JFK vì vậy tôi bước về phía anh ta, anh cầm túi cho tôi và chúng tôi ra xe. Chiếc xe dài, đen và bóng lộn. Tôi được đưa đến một khách sạn phía Nam công viên trung tâm của Manhattan. Trước đó không lâu, tôi rất sợ hãi với ý tưởng đến khách sạn một mình và cố gắng tìm đường quanh tất cả những phòng khác nhau và cố gắng để cuối cùng không bị lạc một cách tuyệt vọng. Đến thời điểm đó, tôi đã rất quen với khách sạn và nó không còn là vấn đề nữa. Tôi lấy chìa khóa, đi cầu thang lên phòng và đi ngủ.

Sáng hôm sau, tôi gặp một đại diện của Kênh Khoa học có tên là Beth. Nhiệm vụ của chị này là đảm bảo tôi ăn mặc phù hợp với chương trình (ví dụ về màu sắc, không có gì trắng và sọc) và đảm bảo tạo cho tôi càng bình tĩnh và thoải mái càng tốt trước khi lên hình. Chúng tôi cùng nhau đi qua một loạt các con đường dài, đông đúc đến Rạp Ed Sullivan, một trường quay và ghi âm nằm tại 1697 Broadway và đó là trụ sở của chương trình *Đối thoại muộn* mười hai năm qua.

Sau khi nhận thẻ an ninh, ban sản xuất chương trình chào đón tôi và thông báo kế hoạch làm việc cho buổi ghi hình. Tôi hỏi liệu có thể quan sát trường quay trước để tôi có thể cảm thấy thoải mái trong khi thực sự ghi hình sau đó. Khoảng cách giữa hậu trường và sân khấu chính chỉ cách nhau có một bước chân, nơi tôi sẽ bắt tay David và ngồi xuống. Ghế ngồi rộng rãi và thoải mái, nhưng trong trường quay khá lạnh; người ta nói rằng David yêu cầu để nhiệt độ phòng chỉ là 58°F (khoảng 14°C). Tôi chỉ hy vọng rằng tôi không quá run khi ghi hình.

Còn thời gian để tôi trở về khách sạn ăn trưa trước khi trở lại trường quay và ghi hình lúc 4 giờ 30. Tôi được đưa đến một phòng nhỏ từ đó tôi quan sát phần mở đầu của chương trình qua một chiếc tivi trên tường, trước khi được đưa đến phòng trang điểm. Những chiếc lông mềm của chiếc chổi trang điểm quệt nhẹ nhàng lên làn da và tôi cảm thấy thư giãn một cách đáng ngạc nhiên khi được dẫn xuống sân khấu và được chỉ vị trí đứng trong khi chương trình đến đoạn quảng cáo. Và tôi nghe thấy tiếng David giới thiệu về tôi tới khán giả và tôi nhận được tín hiệu bước lên từ người quản lý. Theo sự chuẩn bị từ buổi sáng, tôi nhớ giữ đầu thẳng khi bước ra và bắt tay David trước khi ngồi xuống. Tôi tự nhủ thỉnh thoảng nhìn vào mắt người đối thoại trong cuộc phỏng vấn. Khán giả ngồi khá xa ánh đèn trên sân khấu do đó không thể nhìn thấy họ mà chỉ có thể nghe thấy họ thôi. Điều đó tốt cho tôi, bởi vì nó đem lại cho tôi cảm giác chỉ có tôi và David nói chuyện với nhau. David bắt đầu một cách nghiêm túc, hỏi tôi về bệnh tự kỷ và chứng động kinh tôi bị hồi nhỏ và thậm chí bổ sung cho tôi về phần kỹ năng xã hội khiến cho khán giả bắt đầu vỗ tay. Từ thời điểm đó tôi không cảm thấy lo lắng một chút nào. Khi tôi bắt đầu mô tả kỷ lục của tôi về số pi, David ngắt lời và nói anh ta rất thích “bánh nướng nhân ngọt” (từ đồng âm với pi trong tiếng Anh) và khán giả bật cười. Anh cũng hỏi tôi xem anh ta sinh vào thứ nào trong tuần và đọc cho tôi ngày sinh của anh: 12 tháng Tư năm 1947. Tôi nói rằng anh sinh vào thứ Bảy và anh sẽ đón mừng sinh nhật lần thứ sáu mươi lăm năm 2012 vào thứ Năm. Khán giả vỗ tay rất to. Khi buổi phỏng vấn đi đến hồi kết, David bắt chặt tay tôi và

khán giả trong trường quay vỗ tay khi tôi bước xuống. Beth chúc mừng tôi và nói rằng tôi rất bình tĩnh và tự chủ khi xuất hiện trên truyền hình. Trải nghiệm này cho thấy hơn bất kỳ điều gì khác rằng tôi thực sự có thể tự lập được trong cuộc sống, có thể tự bản thân làm được nhiều điều với phần lớn mọi người coi là hiển nhiên, ví dụ như đi xa trong một thời gian ngắn, ở một mình trong khách sạn hoặc đi trên một con phố đông đúc mà không cảm thấy bị ảnh hưởng bởi cảnh tượng, tiếng động và mùi vị khác nhau ở xung quanh. Tôi cảm thấy phấn chấn với ý nghĩ rằng tất cả những cố gắng của mình đã không phải là vô vọng mà thậm chí đưa tôi đến điểm vượt ra cả những ước mơ xa vời nhất.

Bộ phim tài liệu *Brainman* lần đầu tiên được trình chiếu ở Anh vào tháng Năm năm 2005 và đã thu hút một lượng khán giả kỷ lục. Kể từ đó, nó được trình chiếu hoặc bán ở trên bốn mươi nước trên thế giới, từ Thụy Sĩ đến Hàn Quốc. Tôi thường xuyên nhận được thư điện tử và thư tay từ nhiều cá nhân những người xem chương trình. Tôi xúc động và cảm thấy khích lệ bởi những bức thư đó, và rất thú vị khi nghĩ rằng câu chuyện của tôi đã giúp ích được cho nhiều người như vậy.

Phản ứng của gia đình tôi với chương trình cũng rất tích cực. Cha nói rằng ông rất tự hào về những thứ mà tôi đã có thể làm được. Một cú ngã gần đây đã làm ông một phần như tàn phế và ông phải sống ở một nơi được trang bị đặc biệt gần gia đình, nơi ông có thể nhận được những hỗ trợ y tế liên tục. Neil và tôi thường lái xe về London thăm ông. Mặc dù đã già, nhưng trí lực của cha tôi vẫn ổn định và thậm chí ông sử dụng những kinh nghiệm của mình để đóng góp những bài báo cho một tờ bản tin của nhóm ủng hộ địa phương.

Tôi không luôn cảm thấy tình cảm mạnh mẽ với cha mẹ hoặc với em trai và em gái khi lớn lên, và khi đó không cảm thấy đó là sự thiếu thốn vì đơn giản nó không thuộc thế giới của tôi. Nhưng bây giờ mọi thứ đã khác: Tôi nhận ra gia đình đã yêu tôi thế nào và họ đã làm cho

tôi nhiều như thế nào, và khi lớn hơn mối quan hệ giữa tôi và gia đình càng được cải thiện. Tôi nghĩ tình yêu giúp tôi tiến gần hơn với tất cả cảm giác của mình, không chỉ dành cho Neil mà cho cả gia đình và bè bạn, và chấp nhận nó. Tôi có quan hệ tốt với mẹ; chúng tôi thường nói chuyện với nhau qua điện thoại và tôi rất thích được nói chuyện với mẹ. Mẹ vẫn tiếp tục có vai trò rất quan trọng và luôn ủng hộ, động viên làm tôi yên tâm như bà vẫn luôn làm.

Hầu hết các em trai và em gái tôi đều là những thanh niên trẻ, như tôi. Hồi nhỏ, tôi đã không hòa nhập nhiều với chúng, nhưng khi là những người trưởng thành chúng tôi gần gũi và hiểu nhiều về nhau hơn. Đứa em gần tuổi tôi nhất, Lee, là một giám sát viên đường sắt và là một người nghiện máy tính. Mẹ phàn nàn với tôi rằng nó dành hết thời gian ngoài giờ làm việc để ngồi trước máy tính.

Em gái tôi Claire đang học năm cuối đại học tại thành phố York, ngành Triết học và Văn học Anh. Giống tôi, nó có sự quan tâm đặc biệt đến từ ngữ và ngôn ngữ và có dự định trở thành một giáo viên sau khi tốt nghiệp.

Steven, em trai thứ hai, tiếp tục cần nhiều hỗ trợ từ gia đình vì nó cũng bị hội chứng Asperger. Nó phải dùng thuốc vì chậm phát triển, một vấn đề chung của nhiều người bị tự kỷ. Giống tôi, nó đi thành đường tròn mỗi khi suy nghĩ sâu sắc về một điều gì; thậm chí trong vườn của gia đình còn có một đường tròn hiện rõ do vết chân của nó do đi lại khi nghĩ. Steven là một người chơi nhạc giỏi và đặc biệt thích những nhạc cụ có dây. Em tự học chơi cả ghi-ta và đàn lute của Hy Lạp. Steven cũng có kiến thức chung rất tốt về ban nhạc yêu thích Red Hot Chilli Peppers. Đôi khi cha mẹ than phiền về cảm nhận trong việc ăn mặc của Steven, vì nó thường mặc quần áo có màu sắc hết sức sặc sỡ (ví dụ, giày màu da cam) và thay đổi kiểu tóc hàng tuần. Tôi không tin rằng cần phải lo lắng về việc đó, vì tôi nghĩ nó vẫn đang tìm hiểu

mình là ai và thử nghiệm những cách khác nhau để trở nên thoải mái hơn với thế giới xung quanh. Từ kinh nghiệm bản thân tôi biết quá trình này cần phải có thời gian. Steven làm tình nguyện cho một cửa hàng từ thiện và quan tâm đặc biệt hiện tại của nó dành cho Triops, một loài giáp xác nhỏ được cho là loài động vật còn tồn tại nguyên sơ lâu đời nhất trên thế giới. Em là một người nhẹ nhàng và quan tâm đến người khác. Tôi tự hào và rất hy vọng vào tương lai của em.

Tiếp nữa là em trai Paul, ít tuổi hơn Steven và hiện tại đang là một người làm vườn. Paul có kiến thức rộng về thực vật: khi nào trồng, trồng chỗ nào trong vườn, mỗi loại cây cần loại đất nào, bao nhiêu ánh nắng, v.v... Bất cứ khi nào cần lời khuyên cho mảnh vườn của mình, tôi luôn hỏi Paul.

Cặp sinh đôi cũng đã trưởng thành: Maria, nhiều tuổi hơn người em sinh đôi mười phút, gần đây đã vượt qua tất cả các môn tốt nghiệp cấp hai với các điểm A. Giống như Claire, Maria thực sự là một con một sách và dành nhiều thời gian cho việc đọc sách. Natasha vừa mới sinh một cậu con trai, Mathew, làm tôi trở thành bác với đứa cháu đầu tiên. Tôi dán một cái ảnh của cháu trên chạn bát trong bếp. Ngắm nhìn bức ảnh giúp gọi cho tôi nhớ đến sự kỳ diệu của cuộc sống và tình yêu.

Cuối cùng là những đứa em nhỏ nhất của tôi, em gái Anna-Marie và Shelley. Cả hai hiện giờ là những thiếu niên vui nhộn và bận rộn. Shelley cũng chia sẻ tình yêu sách với tôi và nó đặc biệt thích những tác phẩm của Jane Austen và chị em Brontë.

Với tôi về thăm gia đình luôn là những giây phút hạnh phúc nhất. Bây giờ, tôi cảm thấy gần gũi với từng thành viên gia đình hơn bao giờ hết. Nhìn lại, tôi vô cùng biết ơn họ vì tất cả tình yêu họ đã và đang dành cho tôi. Sự ủng hộ của họ là yếu tố quan trọng cho mọi thành công tôi đã đạt được trong cuộc sống. Mỗi chuyến thăm, tôi luôn mong chờ những cuộc thảo luận về sách và từ ngữ (và thường, chắc chắn về ban nhạc Red Hot Chili

Peppers) và nghe về những kinh nghiệm, kế hoạch và ước mơ về tương lai của những đứa em. Tôi cảm thấy thực sự hạnh phúc khi được là một phần cuộc sống của họ.

Tôi dành phần lớn thời gian ở nhà. Đó là nơi tôi cảm thấy yên tĩnh, thoải mái và an toàn nhất, bởi ở đó mọi thứ quanh tôi có trật tự. Mỗi sáng, tôi đánh răng trước khi tắm. Tôi chải từng chiếc răng một và sau đó súc miệng bằng nước. Khi tắm, tôi dùng dầu tự nhiên – dùng lá trà và một loại cây nhỏ ở Tây Nam Bắc Mỹ – để giúp giữ da sạch và mềm, vì xà bông làm khô da và làm tôi ngứa. Cho bữa sáng tôi ăn cháo yến mạch; tôi thích cảm giác kết dính của các hạt yến mạch đem lại cho lưỡi. Tôi uống trà ấm với sữa không kem suốt ngày, đó là đồ uống yêu thích của tôi.

Tôi thường xuyên nấu ăn, bởi vì đó là trải nghiệm xúc giác giúp tôi thư giãn. Một công thức nấu ăn giống như một phép toán hay một phương trình; sản phẩm (là cái bánh hoặc món thịt hầm) là kết quả của từng phần của nó. Những thành phần trong một công thức có liên hệ với nhau; nếu bạn giảm một nửa hoặc tăng gấp đôi một thành phần nào đó, bạn phải nhớ giảm một nửa hoặc tăng gấp đôi tất cả các thành phần còn lại. Ví dụ, đây là một công thức cơ bản làm một cái bánh xối cho sáu người:

6 quả trứng

340g bột mỳ chứa men

340g bơ

340g đường kính

Cũng có thể được viết theo cách sau:

6 quả trứng + 340g bột mỳ chứa men + 340g bơ + 340g đường kính
= bánh (cho 6 người)

Để làm một cái bánh cho ba người, thay vì sáu, tôi thay đổi sản phẩm của phép cộng thành: bánh (cho 3/6); cũng bằng $\frac{1}{2}$, do đó tôi giảm một nửa mỗi thành phần của tổng (3 trứng, 170g bột...) để có được sản phẩm mới.

Tôi nấu rất nhiều món sử dụng các công thức đơn giản tôi sưu tầm từ các cuốn sách dạy nấu ăn hoặc từ gia đình hoặc bạn bè. Chúng tôi tự nướng bánh mỳ và tự làm bơ lạc để ăn cùng bánh xăng-uych vào các bữa trưa. Đôi khi tôi làm sữa yến mạch hoặc sữa chua để ăn thêm. Chúng tôi cũng làm nhân bánh thơm ngon, ít chất béo dùng những quả táo từ những cây ăn trái trong vườn. Neil sử dụng một phần của vụ mùa để làm rượu táo. Neil thường giúp tôi làm bếp và cùng nhau nấu chung một món trở thành một cơ hội cho tôi thực hành khả năng hợp tác và liên lạc hiệu quả như một phần của làm việc theo nhóm.

Chúng tôi dành một phần lớn của mảnh vườn để trồng rau. Chúng tôi trồng hành, đậu, khoai tây, cà chua, cải bắp, rau diếp, thảo dược như bạc hà, cây hương thảo và cây xô thơm. Tôi rất thích làm vườn vì ở đó yên tĩnh, không khí trong lành, ánh nắng ấm áp lan tỏa và đặc biệt nhất là có thể nghe tiếng chim hót véo von vào buổi sớm mai, ngắm nhìn côn trùng bò thằn lằn quanh những chiếc lá và cây cối trong vườn. Làm vườn là bài tập thể dục tốt, đem lại cảm giác thư giãn, đòi hỏi kiên nhẫn, thời gian và công sức, mang lại mối liên hệ gắn kết mật thiết hơn với thế giới quanh mình.

Nguồn thực phẩm tự cung tự cấp tạo cho cuộc sống thật dễ chịu với cảm giác thỏa mãn mạnh mẽ. Một bát súp được nấu từ cà chua tươi hái trong vườn ngon hơn bất kỳ thứ gì mua ngoài cửa hàng. Bạn bè

của tôi thực sự thích những tấm thiệp sinh nhật tôi tự làm từ những bìa cạc-tông đơn sơ, một chiếc bút chì và một vài tờ giấy màu. Chúng tôi không tốn nhiều tiền cho đồ tạp phẩm vì tôi lên kế hoạch cho các bữa ăn trước cả tuần và dự định chi tiêu trước khi đi mua sắm. Khoảng một phần ba lượng thực phẩm trồng tại Anh cuối cùng bị bỏ đi, một phần vì nhiều người mua nhiều hơn nhu cầu thực.

Hàng tuần chúng tôi đều đi mua sắm ở một siêu thị trong vùng giống như nhiều người khác. Tuy nhiên, tôi thường chứng lại và trở nên lo lắng vì siêu thị quá rộng, nhiều người và nhiều tác nhân kích thích. Các siêu thị cũng thường quá nóng, với tôi đó là vấn đề vì da tôi trở nên ngứa ngáy và khó chịu khi tôi cảm thấy quá nóng. Lại còn có cả ánh đèn huỳnh quang nhấp nháy làm tôi đau mắt. Để giải quyết khó khăn này, thay vì đi những siêu thị lớn tôi chọn những cửa hàng nhỏ hơn. Những cửa hàng này khiến tôi thoải mái hơn và hàng hóa cũng rẻ hơn. Đây cũng là một cách ủng hộ ngành tiểu thương trong cộng đồng.

Khi đi mua sắm, Neil luôn chở tôi đi vì tôi không biết lái xe. Tôi đã thi thực hành hai lần trước đó, sau nhiều bài học, nhưng cả hai lần đều trượt. Những người tự kỷ thường cần nhiều kinh nghiệm, thực hành và tập trung hơn khi học lái xe. Vì chúng tôi có xu hướng không định hình tốt về không gian, kỹ năng cần thiết khi điều khiển phương tiện giao thông. Một khó khăn nữa là phán đoán hướng chuyển động của người khác trên đường và hiểu rằng không phải tất cả các tài xế đều luôn chấp hành luật lệ giao thông. Thật may mắn, Neil không phàn nàn gì về việc chở tôi đi cả.

Tôi có một vài kế hoạch cho tương lai. Một trong số đó là tiếp tục làm từ thiện, ví dụ như Hội Tự kỷ Quốc gia và Hội Động kinh Quốc gia là những hội quan trọng của tôi. Khi tôi thay mặt hội trình bày bài

nói trước mặt nhiều người tôi luôn ngồi hoặc đứng ở vị trí có thể nhìn thấy Neil, và tôi tưởng tượng rằng tôi chỉ đang nói chuyện với mình anh. Làm như vậy tôi xua tan đi một phần lo lắng.

Tôi cũng dự định tiếp tục làm việc với các nhà khoa học và nhà nghiên cứu để hiểu rõ hơn về não của mình và hiểu chính xác cơ chế hoạt động của nó. Sau kỷ lục số pi của tôi và bộ phim tài liệu *Brainman*, tôi nhận được nhiều yêu cầu nghiên cứu từ các nhà khoa học trên toàn thế giới. Năm 2004, tôi gặp chuyên gia có kinh nghiệm nhất trên thế giới về hội chứng bác học, tiến sĩ Darold Treffert, tại bang Wisconsin, Mỹ. Trong lần gặp gỡ tiến sĩ nói với tôi rằng tôi phù hợp với điều kiện tiêu chuẩn chẩn đoán. Từ đó, tôi thường xuyên đóng góp cho nhiều đề tài nghiên cứu khoa học khác nhau. Dưới đây là hai ví dụ của những nghiên cứu gần đây:

Năm 2004, giáo sư Daniel Bor thuộc Trung tâm Khoa học Não bộ và Nhận thức Hội đồng Nghiên cứu Y tế tại Cambridge thực hiện một phân tích khoảng mở số của tôi – khả năng xử lý thông tin số liên tiếp và nhắc lại chúng theo thứ tự đúng. Trong mỗi phần của bài kiểm tra tôi ngồi trước một màn hình máy tính trên đó các chuỗi số xuất hiện lần lượt, mỗi số xuất hiện sau nửa giây. Sau mỗi chuỗi số tôi được yêu cầu đánh lại các số vào máy tính. Khoảng mở số của tôi là 12, gấp đôi so với người bình thường trải từ 5-7 số. Sau đó bài thử nghiệm được lặp lại với các số có màu sắc chọn ngẫu nhiên để xem chúng có ảnh hưởng đến cảm giác đồng giác của tôi, khả năng của tôi giảm xuống trong khoảng 10-11 số. Giáo sư Bor nói rằng, trước đó ông chưa bao giờ kiểm tra người nào có khoảng mở số lớn hơn 9 và kết quả tôi đạt được cực kỳ hiếm.

Neil Smith, giáo sư ngôn ngữ học đại học College tại London tiến hành một thí nghiệm mùa hè năm 2005 xem cách tôi xử lý một số

cách xây dựng câu như thế nào. Tất cả các câu mà các nhà ngôn ngữ học gọi là “phủ định”, ở đó sự phủ định không được thể hiện bằng các từ ngữ trong câu mà thông qua cách diễn đạt. Ví dụ, khi chỉ cho mọi người câu “John không cao, anh ta là một gã khổng lồ” hầu hết mọi người đều có thể hiểu được câu đó; John cao đến nỗi không thể miêu tả đơn giản về chiều cao của anh được. Tuy nhiên, tôi chỉ hiểu được câu đó khi được giải thích kỹ. Thí nghiệm này cho thấy tôi cảm thấy những câu đó mâu thuẫn và khó phân tích thành công. Đó là vấn đề chung của những người tự kỷ, cách tư duy phân tích câu theo nghĩa đen và quá trình linh hoạt.

Có một cách khác tôi hy vọng rằng những khả năng của tôi có thể giúp những người khác trong tương lai, bằng cách cố vũ sự đánh giá tốt trong cộng đồng với những cách học khác nhau. Trợ giúp học bằng hình ảnh có thể đem lại lợi ích cho nhiều học viên “học bằng đầu thông thường”, cũng như những người tự kỷ. Ví dụ, sử dụng màu khác nhau để đánh dấu các từ là danh từ, động từ hoặc tính từ có thể là cách giới thiệu về ngữ pháp của ngôn ngữ một cách hiệu quả và đơn giản. Tương tự như vậy, trong các khóa học ngôn ngữ trực tuyến tôi viết trên trang web của mình, các từ mới được trình bày với các chữ cái của các từ với kích thước khác nhau, mỗi từ có một hình riêng biệt. Các chữ cái xuất hiện với tần suất thấp như *q*, *w*, *x* và *z* được in với kích thước nhỏ và các chữ cái xuất hiện với tần suất trung bình như *b*, *c*, *f* và *h* có kích thước bình thường còn các chữ cái xuất hiện với tần suất cao (các nguyên âm và phụ âm như *l*, *r*, *s* và *t*) có kích thước lớn. Do đó từ tiếng Đức *zerquetschen* (đập) được viết là *zerquetschen*, từ tiếng Pháp *vieux* (già) là *vieux* và từ tiếng Tây Ban Nha *conozco* (tôi biết) là *cono_zco*.

Mọi khát vọng tôi có cho cuộc sống bản thân đều hết sức giản dị:

tiếp tục làm việc chăm chỉ, duy trì tốt mối quan hệ với Neil, tiếp tục thực hành những kỹ năng giao tiếp, rút kinh nghiệm từ lỗi mắc phải hàng ngày. Tôi cũng hy vọng sẽ gần gũi hơn với gia đình và bạn bè và qua cuốn sách này họ sẽ biết và hiểu tôi nhiều hơn một chút.

Tôi vẫn nhớ rất rõ những trải nghiệm trải qua khi còn là một đứa trẻ nằm trên sàn nhìn lên trần nhà. Tôi đã cố gắng tưởng tượng ra vũ trụ trong đầu để có được hiểu biết cụ thể “mọi thứ” là cái gì. Trong suy nghĩ của mình tôi đi đến tận cùng của tồn tại và nhìn vào nó, băn khoăn liệu mình sẽ tìm thấy gì. Khoảnh khắc đó, tôi cảm thấy thực sự không khỏe và tôi có thể cảm nhận được nhịp trái tim đập mạnh trong lồng ngực, bởi vì đó là lần đầu tiên tôi nhận ra rằng ý nghĩ và logic cũng có giới hạn và nó chỉ có thể mang con người xa được đến như vậy thôi. Phát hiện này làm tôi sợ hãi và phải mất một thời gian dài tôi mới quen được với điều đó.

Nhiều người ngạc nhiên khi biết rằng tôi là một tín đồ của đạo Thiên chúa. Họ tưởng tượng rằng người tự kỷ rất khó hoặc không thể tin vào Chúa hoặc khám phá lĩnh vực tôn giáo. Một điều chắc chắn đúng rằng hội chứng Asperger làm cho tôi khó có sự thông cảm, chia sẻ hay suy nghĩ một cách trừu tượng, nhưng nó không ngăn cản tôi có thể suy nghĩ về những câu hỏi sâu hơn liên quan đến những thứ như cuộc sống, cái chết, tình yêu và các mối quan hệ. Thực tế, nhiều người tự kỷ tìm thấy lợi ích từ niềm tin hoặc tinh thần tôn giáo. Tầm quan trọng của tôn giáo về mặt tinh thần giúp cho những người mắc rối loạn tự kỷ, những người đặc biệt cần sự ổn định và nhất quán. Trong một chương cuốn tự truyện có tên là *Đường đến thiên đàng: tôn giáo và niềm tin*, Temple Grandin, một nhà văn tự kỷ, giáo sư khoa học động vật, miêu tả cái nhìn của bà về Chúa như là một quyền lực định đoạt của vũ trụ. Niềm tin tôn giáo của bà bắt nguồn từ trải nghiệm

có được khi làm việc trong một lò mổ và cảm giác bà nhận thấy phải có cái gì đó linh thiêng về cái chết.

Giống nhiều người tự kỷ khác, hoạt động tôn giáo của tôi chủ yếu về mặt tinh thần hơn là xã hội hoặc tình cảm. Khi còn học cấp hai, tôi không có chút hứng thú nào với những bài giảng về tôn giáo và không tin vào sự tồn tại của Chúa hoặc tôn giáo lại có thể giúp ích cho cuộc sống con người. Bởi vì Chúa không phải là thứ tôi có thể nhìn, nghe hoặc cảm thấy, và bởi vì những luận điểm tôn giáo mà tôi đọc và nghe được với tôi không có sức thuyết phục. Tôi thay đổi quan điểm khi đọc những bài viết của G.K. Chesterton, một tác giả người Anh và là nhà báo, một người viết rất nhiều về niềm tin Thiên chúa giáo trong thời kỳ đầu thế kỷ hai mươi.

Chesterton là một người đặc biệt. Hồi còn đi học, thầy cô giáo miêu tả ông như là một người mơ mộng và “không cùng chuyển bay với những người khác”, ông thành lập một câu lạc bộ thảo luận, đôi khi thảo luận về một ý tưởng nào đó hàng giờ đồng hồ; ông và em trai Cecil có lần tranh luận đến mười tám tiếng mười ba phút. Ông có thể trích dẫn hàng chương truyện của Dickens và các tác giả khác mà không cần dùng sách và có thể nhớ những hình vẽ của tất cả 10.000 cuốn tiểu thuyết ông đã đọc khi là một độc giả của một nhà xuất bản. Những thư ký của ông nói rằng ông có thể đọc cho họ chép một bài viết đồng thời viết một bài khác bằng tay về một vấn đề khác. Tuy nhiên ông lại luôn bị lạc, quá chìm đắm trong suy nghĩ của mình đến nỗi nhiều lần ông phải đánh điện về cho vợ đến đón ông về. Ông cũng rất đam mê với những công việc thường ngày quanh mình, trong một bức thư viết cho vợ ông viết: “Tôi không nghĩ rằng có ai đó có sự yêu thích mãnh liệt với những thứ, là bản thân chúng, như tôi. Cái ẩm ướt giạt mình của nước cũng kích thích và làm tôi say mê. Cái mãnh

liệt của lửa, rắn chắc của thép, nhóp nhúa không thể mô tả được của bùn.” Có thể bản thân Chesterton cũng là một người tự kỷ dạng hoạt động cao; chắc chắn rằng tôi luôn cảm thấy gần gũi với ông khi đọc về những trải nghiệm và ý tưởng của ông.

Hồi còn niên thiếu, đọc những tác phẩm của Chesterton giúp tôi hiểu nhiều về Chúa và Thiên chúa giáo. Và đến năm hai mươi ba tuổi tôi mới quyết định tham gia một khóa học giảng dạy những cơ bản về Thiên chúa giáo ở nhà thờ trong vùng. Hàng tuần tôi đến dự lớp học và làm kiệt sức những thành viên cùng nhóm với nhiều câu hỏi, câu này nối tiếp câu kia. Thật may mắn, Chesterton đã trả lời từng câu hỏi của tôi trong những cuốn sách của ông. Giáng sinh năm 2002 tôi trở thành người theo đạo Thiên chúa.

Tự kỷ đôi lúc làm tôi khó hiểu người khác có thể nghĩ thế nào hoặc cảm thấy ra sao trong một tình huống xác định. Vì lý do đó, những giá trị đạo đức của tôi dựa nhiều hơn vào ý tưởng có tính logic, hợp lý với tôi và rằng tôi đã nghĩ kỹ và cẩn thận hơn là dựa vào khả năng “đi guốc trong bụng người khác”. Tôi biết đối xử tử tế và kính trọng với mỗi người mình gặp vì tôi tin rằng mỗi người là một thực thể riêng biệt.

Tôi không thường đến dự các buổi lễ ở nhà thờ, vì tôi có thể không thoải mái với sự có mặt của nhiều người đứng ngồi quanh mình. Tuy nhiên, một vài dịp trong nhà thờ tôi cảm thấy rất thú vị và xúc động. Kiến trúc thường phức tạp, đẹp và tôi thực sự thích có khoảng không lớn trên đầu mỗi khi nhìn lên trần cao của nhà thờ. Cũng giống thời thơ ấu, tôi rất thích nghe thánh ca. Âm nhạc chắc chắn giúp tôi trải qua cảm giác có thể mô tả như tôn giáo, ví dụ sự hòa hợp và siêu thoát. Bài hát yêu thích của tôi là Ave Maria. Mỗi khi nghe bài hát, tôi cảm thấy hoàn toàn bị lôi cuốn vào dòng nhạc.

Một vài những truyện tôi thích là từ Kinh Thánh, ví dụ như câu chuyện của David và Goliath. Nhiều người trong số họ sử dụng ngôn ngữ hình ảnh và ký hiệu có thể nhìn được và điều đó giúp tôi hiểu câu chuyện dễ dàng. Có rất nhiều đoạn văn hay và đầy cảm xúc trong Kinh Thánh, nhưng có một đoạn tôi đặc biệt thích là đoạn sau trích trong một Corinthians: “Tình yêu là kiên trì, tình yêu là tử tế. Tình yêu là không đố kỵ, ghen tức hay khoe khoang khoeác lác. Tình yêu cũng không phải kiêu căng hoặc thô lỗ. Tình yêu không cứng nhắc trên con đường nó đi. Tình yêu không phải là bực bội hay oán giận. Tình yêu không ủng hộ điều sai và những việc làm sai mà ủng hộ điều đúng và sự thật. Tình yêu ủng hộ tất cả, tin tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng được tất cả. Tình yêu không bao giờ chấm dứt. Vì thế, chúng thủy, hy vọng và tình yêu cùng tồn tại. Nhưng vĩ đại nhất trong số đó là tình yêu.”

Ai trong đời đời lúc cũng có khoảnh khắc hoàn hảo của cuộc đời, khi cảm thấy hoàn toàn yên bình, như khi nhìn phong cảnh xung quanh từ đỉnh tháp Eiffel hoặc ngắm nhìn sao rơi trong bầu trời đêm. Tôi không có nhiều khoảnh khắc như vậy, nhưng Neil nói rằng thế cũng không sao vì khó tạo nên điều đặc biệt. Khoảnh khắc tuyệt vời cuối cùng tôi có được vào một cuối tuần mùa hè trước tại nhà – tôi thường có những khoảnh khắc như vậy tại nhà – sau bữa ăn tôi nấu và cùng ăn với Neil. Chúng tôi ngồi cùng nhau trong phòng khách, cảm nhận đầy đủ tình yêu và hạnh phúc. Bỗng nhiên, trong một khoảnh khắc, tôi như quên tất cả và mọi lo âu, khó khăn dường như tan biến vào hư không. Tôi quay sang Neil hỏi xem anh có cùng cảm giác đó giống tôi không và anh nói rằng có.

Tôi tưởng tượng những khoảnh khắc này là những mảnh vỡ hoặc mảnh vụn rải rác trong cuộc đời. Nếu một người bằng cách nào đó

có thể thu thập được hết và gắn chúng lại với nhau người đó có thể sở hữu một giờ hoàn hảo hoặc thậm chí một ngày hoàn hảo. Và tôi nghĩ rằng trong giờ hoặc ngày đó người đó sẽ tiến lại gần hơn với điều bí ẩn: làm người là thế nào. Nó giống như lướt qua thiên đàng.

Mục lục

<i>Những con số chín màu xanh và những từ màu đỏ.....</i>	<i>5</i>
<i>Thời thơ ấu</i>	<i>18</i>
<i>Những cơn động kinh</i>	<i>33</i>
<i>Đi học</i>	<i>49</i>
<i>Người thừa</i>	<i>75</i>
<i>Thời niên thiếu</i>	<i>91</i>
<i>Vé đến Kaunas.....</i>	<i>112</i>
<i>Tình yêu.....</i>	<i>137</i>
<i>Khả năng ngôn ngữ</i>	<i>156</i>
<i>Một miếng số Pi lớn.....</i>	<i>169</i>
<i>Gặp gỡ Kim Peek.....</i>	<i>182</i>
<i>Reykjavík, New York và gia đình.....</i>	<i>199</i>

SINH VÀO NGÀY XANH

Daniel Tammet

Phạm Ngọc Diệp - Nguyễn Dung dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: THÀNH NAM

Xử lý bìa: BÙI NAM

Sửa bản in: THANH BÌNH

Kỹ thuật vi tính: THANH HÀ

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Phòng 602, số 209 Giảng Võ, p. Cát Linh, q. Đống Đa - Hà Nội

ĐT: (04)37734544 - Fax: (04)35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

DANIEL TAMMET sinh ngày 31/1/1979 tại London (Anh) trong một gia đình có chín người con. Anh là một người tự kỷ và thuở nhỏ thường hay bị những cơn động kinh hành hạ. Vượt lên trên tất cả, anh đã trở thành một nhà văn, nhà ngôn ngữ và nhà giáo dục học. Tammet là người sáng lập trang web 'Optimnen' dạy ngoại ngữ cho hàng ngàn người trên thế giới. Trong một cuộc bình chọn năm 2007 tại Anh, Tammet được chọn là một trong "100 thiên tài đương đại". Tammet viết cuốn tự truyện ***Sinh vào ngày xanh*** kể về cuộc sống của mình từ một đứa trẻ tự kỷ dạng hoạt động cao vươn lên thành một người tự lập, có một cuộc sống bình thường và gặt hái được nhiều thành công. Cuốn sách được phát hành năm 2006 và là sách bán chạy nhất của *Sunday Times* (Anh) và *New York Times* với hơn nửa triệu bản và dịch ra 18 thứ tiếng trên thế giới. Tammet là chủ đề chính của phim tài liệu 'Brainman', bộ phim đoạt giải Royal Television Society năm 2005 được trình chiếu trên 40 nước. Năm 2004, anh lập kỷ lục châu Âu khi nhớ và đọc ra chính xác 22.514 chữ số của dãy số Pi trong hơn năm giờ. Anh có khả năng học được một ngoại ngữ khó trong một tuần. Nhiều nhà thần kinh học hàng đầu thế giới đã và đang nghiên cứu về khả năng ngôn ngữ, toán học và trí nhớ siêu việt của Tammet.

"Tammet khác những thiên tài khác ở chỗ anh có thể miêu tả được những điều phi thường mình làm và thậm chí anh còn nghĩ ra ngôn ngữ mới cho riêng mình. Hiện nay nhiều nhà khoa học đang tìm hiểu liệu những khả năng khác thường của anh có thể là chìa khóa mở bức màn bí mật về tự kỷ."

Guardian, 2/2005

